

ALPHA BOOKS *tuyển chọn*

NHỮNG CÁNH ĐỒNG
KIM CƯƠNG



Acres of Diamonds

Russel H. Conwell

NHỮNG CÁNH ĐỒNG KIM CƯỜNG

Dự án 1.000.000 ebook cho thiết bị di động

Phát hành ebook: <http://www.taisachhay.com>

Tạo ebook: Tô Hải Triều

Ebook thực hiện dành cho những bạn chưa có điều kiện mua sách.

**Nếu bạn có khả năng hãy mua sách gốc để ủng hộ tác giả, người dịch và
Nhà Xuất Bản**

Thành Công Trong Tâm Tay

Bạn đã bao giờ tự hỏi tại sao có những người mà dường như số phận sinh ra là giàu có và hạnh phúc, trong khi những người khác là nghèo khó và thất bại? Nguyên nhân phải chăng là do sự khác nhau về học vấn, sự thông minh, thời cơ, mối quan hệ hay sự may mắn? Câu trả lời hoàn toàn ngạc nhiên là: Không phải bất cứ yếu tố nào ở trên cả. Vậy nguyên nhân sâu xa là gì? Bạn sẽ tìm thấy trong tuyển tập đầy quyền lực mang tên *Những cánh đồng kim cương* này câu trả lời hoàn hảo cho câu hỏi đó. Đó là: Sự giàu có và thành công của bạn do chính bạn nắm giữ và làm chủ, và rằng, nó luôn tồn tại ngay bên bạn, chỉ cần bạn biết cách tìm ra và đạt được nó.

Nằm trong số 200 cuốn sách kinh điển làm thay đổi thế giới kinh doanh, *Những cánh đồng kim cương*, *Con người suy tưởng* và *Đường tới giàu sang* là bộ ba hướng dẫn con người tư duy tích cực, kiến tạo trí não tuyệt vời cho bản thân, học cách nhìn nhận giá trị tốt đẹp, sự giàu có, hạnh phúc ngay trong những điều giản dị xung quanh và cách thức làm giàu chân chính.

Được viết bằng giọng văn nhẹ nhàng, đầy tình cảm, *Những cánh đồng kim cương* được xuất bản lần đầu năm 1915, là câu chuyện về cuộc đời, sự nghiệp và tầm ảnh hưởng của Mục sư Russell Conwell, người đã hơn 6.000 lần thuyết giảng về câu chuyện *Những cánh đồng kim cương* cho người dân Mỹ. Bài thuyết giảng nổi tiếng đó kể về một người đàn ông Ba Tư đã bán trang trại của mình để lấy tiền lên đường tìm kiếm kim cương, để rồi khổ sở, đói khát và chết đi trong nghèo khó. Trong khi đó, mỏ kim cương lớn nhất thế giới đã được phát hiện ra ngay trên chính trang trại của anh ta. *Những cánh đồng kim cương* ngầm chứa một bài học lớn cho tất cả mọi người, đó là: sự giàu có, hạnh phúc không ở đâu xa, nó nằm ngay dưới chân chúng ta, nếu

chúng ta biết tìm kiếm.

Con người suy tưởng, được xuất bản lần đầu năm 1902, là kết tinh những chiêm ngẫm và trải nghiệm của James Allen về sự kiến tạo bản thân của con người từ chính những suy nghĩ của anh ta. Trí não chính là người thợ dệt kỳ tài, tạo nên cả lớp vỏ bên trong – tính cách, lẫn lớp vỏ bên ngoài – hoàn cảnh. Một con người được tạo thành, hay hủy hoại, chính bởi bàn tay anh ta. Với kho tư tưởng của chính mình, anh ta trui rèn ra những vũ khí mà anh ta sử dụng để hủy hoại chính mình nhưng cũng có thể tạo nên những công cụ mà nhờ đó, xây nên cho mình những lâu đài tuyệt tác chứa đựng niềm vui, sức mạnh và sự an lành. Như vậy, viễn cảnh bạn tuyên dương trong trí não mình, lý tưởng bạn phong ngói chí tôn trong trái tim mình chính là những gì bạn xây đắp nên cuộc đời mình; là những gì bạn sẽ trở thành.

Đường tới giàu sang là tập hợp những câu nói nổi tiếng, những câu cách ngôn và lời khuyên răn hữu ích của Benjamin Franklin, được viết năm 1758, khuyên con người nên cần cù và tiết kiệm để làm giàu, từ đó mới giữ được phẩm hạnh; bởi khi túng thiếu thì khó mà luôn làm người lương thiện được. “Sự lười biếng, giống như rỉ sét, bào mòn con người nhanh hơn lao động; chiếc chìa khóa phải thường xuyên được sử dụng mới thành ra sáng bóng được.” “Nếu thời gian là thứ quý giá hơn cả thì phung phí thời gian chính là thói ngông nhất trên đời!”, “Siêng năng thì chẳng bao giờ chết đói; bởi đến nhà của người lao động, cái đói chỉ dòm ngó chứ không dám bước chân vào.”

Có những cuốn sách bất tử với thời gian, trải qua năm tháng, chúng vẫn mang đến cho người đọc những giá trị to lớn. *Những cánh đồng kim cương*, *Con người suy tưởng* và *Đường tới giàu sang* là ba trong những cuốn sách như vậy. Chính vì thế, chúng tôi tập hợp tuyển tập *Những cánh đồng kim cương* này nhằm mang đến cho độc giả một bộ sách cẩm nang hữu ích không chỉ

trong cuộc sống cá nhân, mà còn cả trong đường hướng phát triển sự nghiệp.

Alpha Books trân trọng giới thiệu.

Tháng 11 năm 2011

CÔNG TY SÁCH ALPHA

Russell H. Conwell

Nhà sáng lập Đại Học Temple Philadelphia

NHỮNG CÁNH ĐỒNG KIM CƯỜNG

Minh Hằng *dịch*

Lời Tựa

Tôi luôn tâm huyết và lấy phương châm sống “tự phấn đấu”, “tự cải thiện”, và “có động lực” làm kim chỉ nam cho cuộc đời. Tôi đã nghe câu chuyện *Những Cánh đồng Kim cương* và không ít lần được nghe các diễn giả nói về câu chuyện tương tự của cuộc đời họ. Tôi đã đọc câu chuyện cũng như nhiều cuốn sách khác của Russell H. Conwell, và cũng không xa lạ gì với “đại ý” của câu chuyện. Nhưng tôi thực sự chưa bao giờ đọc những bản in giấy hay bài giảng được biên soạn cẩn thận nào của cuốn sách cho đến gần đây.

Cuốn sách thật sự là một kho tàng; rất cảm động, thấm thía, và vô cùng truyền cảm...! Tôi ước mình tìm được một từ nào có thể truyền tải đến các bạn rằng cuốn sách đã khiến tôi xúc động nhường nào. Nó gieo vào tim tôi mầm xanh hy vọng và khiến tôi tin rằng “Có, tôi có thể” – “Cánh đồng kim cương” của tôi cũng ở trong tầm tay, ngay tại quê hương mình. Ngôn từ ngắn gọn, súc tích của cuốn sách mang đến niềm cảm xúc trào dâng, đẩy lên niềm tin vào mọi điều tốt đẹp và niềm tin vào chính bản thân mình, cũng như đem lại cho bạn đọc sự phấn khích khi dõi theo những dòng viết về người anh hùng thực sự.

Hơn bao giờ hết, chúng ta cần những người biết chớp lấy “những gì mình có”, biết rằng “mình đang ở đâu” và trên tinh thần “tạo ra điều tốt đẹp”, thực hiện tất cả những gì có thể làm cho bản thân và những người xung quanh. Tôi hy vọng cuốn sách này sẽ cảm hóa bạn như nó đã cảm hóa chính con người tôi vậy.

Hãy chia sẻ cuốn sách đầy cảm hứng này với bất kỳ ai mà bạn cảm thấy họ có thể lĩnh hội được thông điệp tuyệt vời và động lực mê hoặc của nó.

WILL DUGAN

Lời Tri Ân

Mặc dù *Những cánh đồng kim cương* của Russell H. Conwell được lan truyền trên toàn nước Mỹ nhưng chính thời gian và sự quan tâm đặc biệt của con người đã khiến kim cương ngày càng trở nên giá trị hơn, bây giờ chúng đã được phân loại thành kim cương đen và trắng, và thứ kim loại quý ấy hầu như nằm trong tay của số đông những người giàu có.

Cùng với những viên đá quý này là câu chuyện hấp dẫn về cuộc sống và công việc của một người “thợ kim hoàn” tài ba. Cuộc đời ông là bằng chứng về khả năng của con người thông qua việc cho mọi người thấy được con người có thể làm những gì trong một ngày và cuộc sống của anh ta sẽ có ý nghĩa như thế nào với thế giới.

Là hàng xóm đồng thời là bạn thân ở Philadelphia trong suốt ba mươi năm, tôi có thể miêu tả một cách rõ ràng rằng Russell H. Conwell rất cao lớn, có tố chất đàn ông tiêu biểu cho thế hệ công dân đầu tiên của tiểu bang Pennsylvania và là “Anh Cả” của bảy triệu dân Mỹ.

Từ khi khởi nghiệp, ông đã cho thấy rằng mình chính là minh chứng đáng tin cậy của “tòa án về chân lý” trong Kinh Tân ước – trong đó có nói rằng: “Nếu các người có đức tin như một người lạc quan, các người sẽ nói đồng dục với quả núi này rằng ‘hãy rời khỏi nơi này và đến chỗ của người. NÓ SẼ DỊCH CHUYỂN VÀ VỚI BẠN, KHÔNG ĐIỀU GÌ LÀ KHÔNG THỂ”.

Dù là sinh viên, giảng viên, luật sư, người thuyết giáo, người tổ chức, nhà tư tưởng và nhà văn hay nhà giáo dục, giảng viên, nhà ngoại giao, và nhà lãnh đạo, ông đều để lại dấu ấn tuyệt vời, đối với cả thành phố cũng như thời đại

mà ông sống. Dù đã đi xa, nhưng những cống hiến vĩ đại của ông vẫn sống mãi với thời gian.

Những ý tưởng, lý tưởng và lòng nhiệt tình của ông đã truyền cảm hứng cho cuộc sống của hàng nghìn người. Một cuốn sách chứa đầy năng lượng của bậc thầy này không có gì viển vông, huyền hoặc mà đơn thuần là điều mà tất cả những người trẻ đều quan tâm.

1915

Dẫn Nhập

Các bạn thân mến, bài giảng này ra đời trong hoàn cảnh sau:

Khi đến thăm một thị trấn hay thành phố nào đó, tôi thường cố gắng đến sớm để quan sát và tìm hiểu mọi điều có thể: bưu điện của khu vực, một anh thợ cắt tóc, gặp chủ khách sạn hay hiệu trưởng trường học, nói chuyện với các mục sư, sau đó đến thăm một số nhà máy hoặc cửa hàng, rồi trò chuyện với người dân, tìm hiểu điều kiện địa phương nơi họ đang sinh sống để biết thêm lịch sử nơi đó, người dân cũng như khu vực đó có những cơ hội gì, đã vấp phải những thất bại gì, và sau đó khi thuyết giảng, tôi nói với họ về những điều có thể áp dụng được vào cộng đồng của họ.

Ý tưởng về *Những cánh đồng kim cương* cũng được thực hiện chính xác như vậy. Thông điệp của ý tưởng này là tại quê hương Philadelphia của chúng ta, mỗi người đều có cơ hội tự khẳng định mình tốt hơn khi ở trong môi trường của anh ta, với kỹ năng và năng lực của bản thân, cùng những người bạn của mình.

RUSSELL H. CONWELL

BÀI GIẢNG

Những cánh đồng kim cương

Đây là bài giảng *Những cánh đồng kim cương* mới nhất và hoàn chỉnh nhất. Nó được thực hiện tại Philadelphia, thành phố quê hương của Tiến sỹ Conwell. Khi Conwell nói rằng “ngay tại đây, ở Philadelphia,” là ông muốn nói đến quê hương của tất cả các độc giả của cuốn sách này, vì ông thay tên của vùng miền cho phù hợp với địa điểm giảng bài, chứ không chỉ đơn thuần nói theo tên vùng miền đã được ghi sẵn trong bài giảng.

“Khi xuôi dọc theo hai con sông Tigris và Euphrates nhiều năm về trước cùng những vị khách người Anh, tôi thấy mình như bị cuốn theo những câu chuyện của hướng dẫn viên đã có tuổi người Ả Rập mà chúng tôi thuê ở thành Baghdad, và tôi nghĩ rằng ông có nét gì đó tương đồng lắm, xét về đặc tính trí tuệ, với những người thợ cắt tóc quê hương tôi. Ông biết rằng nhiệm vụ của mình không chỉ là hướng dẫn du khách tham quan hai con sông này mà còn phải làm cho mọi người vui vẻ bằng những câu chuyện ly kỳ và hấp dẫn, cổ điển và hiện đại, lạ và quen. Rất nhiều câu chuyện trong số đó tôi không còn nhớ, một vài chuyện thì cảm thấy thích thú, nhưng có một câu chuyện mà tôi không bao giờ quên.

Người hướng dẫn kéo dây buộc con lạc đà đang chở tôi dọc theo bờ hai con sông cổ, và kể hết câu chuyện này đến câu chuyện khác cho đến khi tôi cảm thấy chán ngán và không còn hào hứng lắng nghe nữa. Tôi không hề cáu bẳn với việc ông mất bình tĩnh khi tôi tỏ ra không muốn lắng nghe. Nhưng tôi nhớ ông đã bỏ chiếc mũ kiểu Thổ Nhĩ Kỳ xuống và làm một động tác nhún nhảy quay nó theo một vòng tròn để thu hút sự chú ý của tôi. Tôi có thể liếc

thấy hành động đó qua khước mắt của mình, nhưng quyết không nhìn thẳng vào đôi mắt ông vì sợ rằng sẽ phải nghe tiếp những câu chuyện khác nữa. Nhưng dù không phải là người dễ dàng bị cuốn hút, cuối cùng tôi cũng phải quay ra đáp lại cái nhìn trực diện ấy, và ngay lập tức người hướng dẫn ấy không chân chừ kể tiếp.

“Bây giờ, tôi sẽ kể cho anh nghe một câu chuyện mà tôi chỉ dành cho những người bạn đặc biệt của mình”, ông ta nói. Khi cụm từ “những người bạn đặc biệt” được nhấn mạnh, tôi đã lắng nghe và thực sự cảm thấy vui. Tôi thực sự cảm thấy biết ơn sâu sắc, và 1.674 nam thanh niên được học tập trên giảng đường đại học khi lắng nghe bài giảng này cũng sẽ vui sướng như tôi khi đó. Người hướng dẫn kể rằng cách dòng sông Indus không xa, có một người Ba Tư cổ tên là Ali Hafed. Ali Hafed sở hữu một trang trại trồng phong lan rộng lớn, những cánh đồng cây ăn quả và những khu vườn trù phú; anh ta có tiền, là người giàu có và viên mãn. Viên mãn bởi anh ta giàu có, và giàu có bởi anh ta cảm thấy đã mãn nguyện. Một ngày nọ, một tu sĩ Phật giáo, một trong những người đàn ông thông thái nhất phương Đông đến thăm trang trại của người Ba Tư ấy. Ông ngồi bên đống lửa và kể cho Ali Hafed về quá trình hình thành thế giới. Ông kể rằng thế giới này chỉ là một đám mây bụi dày đặc, Đấng Toàn Năng đã ấn ngón tay vào đó, và nhẹ nhàng di chuyển ngón tay ra xung quanh, rồi tăng tốc cho đến khi đám mây bụi bị xoáy thành một quả cầu lửa rắn chắc và lăn trong vũ trụ khiến cho những đám mây bụi khác cũng bị đốt cháy và ngưng tụ hơi ẩm, cho đến khi những trận mưa lũ dội xuống bề mặt nóng chảy của quả cầu lửa và làm lạnh lớp vỏ. Tiếp đó là sự nóng chảy trong lòng phun trào ra bên ngoài lớp vỏ trái đất hình thành nên các ngọn đồi, quả núi, những thung lũng, đồng bằng và thảo nguyên cho thế giới tuyệt vời của nhân loại. Nếu chất dung nham ấy trào ra và nhanh chóng nguội đi thì tạo thành đá granite, quá trình nguội chậm hơn sẽ hình thành đồng, chậm hơn một chút nữa thì tạo thành bạc, chậm nữa thành vàng, và sau

vàng, kim cương được tạo ra.

Vị tu sĩ già cho hay, “Viên kim cương là giọt ngưng tụ của ánh sáng mặt trời”. Ngày nay điều đó đã được chứng minh bằng khoa học, rằng một viên kim cương là sự tích hợp các tinh thể carbon từ mặt trời. Ông nói với Ali Hafed rằng nếu anh ta có một viên kim cương bằng ngón tay cái, anh ta có thể mua được cả vùng quê của mình, và nếu Ali sở hữu một mỏ kim cương, anh ta có thể đặt những đứa con yêu quý lên ngai vàng nhờ sự giàu có vĩ đại mà anh ta có được.

Ali Hafed chăm chú lắng nghe toàn bộ câu chuyện về kim cương, về giá trị của nó rồi lên giường đi ngủ với vẻ suy ngẫm bất thần. Anh ta dường như không thiếu điều gì, nhưng lại là người đáng thương vì sự bất mãn của mình, bất mãn vì sợ rằng mình vẫn đang nghèo khó. Anh ta nói, “Tôi muốn có cả mỏ kim cương” và rồi nằm thao thức cả đêm. Sớm tinh mơ, anh ta đã tìm đến vị tu sĩ. Tôi biết rằng vị tu sĩ ấy sẽ rất bực mình khi bị đánh thức vào buổi sáng sớm. Sau khi lay ông ta thức giấc, Ali Hafed vội vàng hỏi:

“Ngài sẽ nói cho tôi biết nơi tôi có thể tìm thấy kim cương chứ?”. “Kim cương ư! Anh muốn làm gì với nó?!” “Tôi muốn trở thành người vô cùng giàu có”. “Ồ, vậy thì hãy đi tìm chúng. Đó là tất cả những gì anh phải làm bây giờ; hãy đi tìm chúng, cuối cùng anh sẽ có chúng thôi”. “Nhưng tôi không biết đi tìm ở đâu cả.” “À, anh hãy tìm những dòng sông chảy qua cát trắng, giữa những dãy núi cao, ở những bãi cát trắng ấy, chắc chắn anh sẽ tìm thấy kim cương.” “Tôi không tin là có dòng sông nào như vậy cả.” “Ồ, có chứ. Có rất nhiều dòng sông như thế. Tất cả những gì anh phải làm bây giờ là đi tìm chúng, khi ấy anh sẽ có kim cương.” “Tôi sẽ đi”, Ali Hafed không chần chừ đáp lại.

Thế rồi Ali bán nông trại, gom góp tiền bạc, rời bỏ ngôi nhà để bắt đầu hành

trình tìm kiếm kim cương. Đúng như dự đoán của tôi, anh ta bắt đầu tìm kiếm ở những Dãy Núi Mặt Trăng, sau đó loanh quanh ở Palestine, rồi lang thang qua châu Âu, và khi những đồng tiền cuối cùng đã tiêu hết, Ali trở nên rách rưới và nghèo đói. Khi anh ta đang đứng trên bờ Vịnh Barcelona tại Tây Ban Nha, thì một đợt triều cường cuốn vào giữa hai cột của tượng thần Hercules, và con người nghèo khổ ấy – đã đau đớn, khổ sở, thân xác héo mòn không còn đủ sức để kháng cự, để đứng vững trước con nước đang ập tới. Anh ta bị sóng đánh chìm dưới lớp bọt trắng xóa. Ali Hafed mãi mãi không còn tồn tại trên cõi đời này nữa.

Khi đang kể cho tôi nghe câu chuyện hết sức đau buồn này, người hướng dẫn dừng con lạc đà mà tôi đang cưỡi, rồi chỉnh lại những hành lý sắp bị rơi xuống trên lưng một con lạc đà khác, còn tôi thì có cơ hội nghĩ về câu chuyện ấy. Tôi tự hỏi, “Tại sao ông lại dành câu chuyện đó cho ‘những người bạn đặc biệt’? Có vẻ nó không có mở đầu, không có nội dung, và không có kết thúc, chẳng có ý nghĩa gì cả. Đó là câu chuyện đầu tiên mà tôi từng được nghe kể trong đời và là chuyện đầu tiên tôi sẽ đọc mà trong đó người anh hùng bị chết ngay tại chương đầu tiên. Tôi được biết đến không hơn ngoài một chương duy nhất ấy của câu chuyện, và nhân vật chính đã ra đi.

Khi trở lại và cầm lấy dây kéo con lạc đà, người hướng dẫn nhanh chóng vào tiếp chương hai của câu chuyện như thể chưa hề có sự gián đoạn nào. Một ngày nọ, người đàn ông đã mua lại trang trại của Ali Hafed dắt con lạc đà vào vườn uống nước, và khi nó nhúng mũi xuống dòng nước suối vườn với cạn, người tiếp quản nông trại của Ali Hafed để ý thấy ánh sáng lấp lánh từ lớp cát trắng dưới lòng suối. Ông ta nhặt lên viên đá màu đen có con mắt hội tụ ánh sáng phản chiếu tất cả các màu sắc của cầu vồng, rồi mang nó vào nhà đặt trên tróc lò sưởi và quên nó đi từ ấy.

Vài ngày sau, vị tu sĩ già đến thăm nông trại của Ali quá cố, khi mở cánh cửa phòng khách, nhìn thấy ánh sáng lấp lánh từ trần lò sưởi, vị tu sĩ lao tới và hét lên: “Đây là kim cương! Có phải Ali Hafed đã trở lại?”, “Ồ không, Ali Hafed không trở lại và đó không phải là kim cương đâu. Nó chỉ là một viên đá chúng tôi tìm thấy ngay tại chính khu vườn này mà thôi.” “Nhưng”, vị tu sĩ nói, “nghe tôi nói này. Tôi nhận ra đây là kim cương ngay khi nhìn thấy nó. Tôi biết chắc chắn nó là một viên kim cương.”

Sau đó, họ cùng đổ xô ra khu vườn cũ ấy, vội vàng khuấy lớp cát trắng lên và dùng ngón tay sàng lọc. Hãy nhìn xem! Có rất nhiều viên đá đẹp và giá trị hơn viên đầu tiên ấy. “VẬY ĐẤY,” người hướng dẫn nói với tôi, và, những người bạn, “đó là sự thật lịch sử”, mỏ kim cương Golconda đã được tìm thấy, là mỏ kim cương tuyệt vời nhất trong lịch sử nhân loại, nó đã làm rạng danh vùng Kimberly. Những trang sức vương miện, như Kohinoor và Orloff của Anh và Nga, danh tiếng nhất trên trái đất này đều có xuất xứ từ mỏ kim cương ấy.

Khi hướng dẫn viên người Ả Rập kể cho tôi nghe chương thứ hai, ông ta lại bỏ chiếc mũ kiểu Thổ Nhĩ Kỳ xuống và làm một động tác nhún nhảy xoay nó theo một vòng tròn để thu hút sự chú ý của tôi tới ngụ ý của câu chuyện. Những người như ông đều đề cập đến vấn đề đạo đức trong các câu chuyện của mình, cho dù có thể không phải lúc nào họ sống cũng chuẩn mực. Khi đang đưa chiếc mũ của mình, ông ta nói với tôi, “Nếu như Ali Hafed giữ lại ngôi nhà ấy và tự mình đào hầm chứa lương thực, hoặc ẩn mình trong những cánh đồng lúa mì ngay trong khu vườn cũ thay vì khổ cực, đói khát và chết ở nơi xa, thì anh ta sẽ có ‘cánh đồng kim cương’. Cứ mỗi một mẫu đất của nông trang ấy, vâng sau mỗi một xeng cát thổi, sẽ lộ ra lớp đá quý mà người ta dùng để trang trí lên vương miện của các quốc vương.”

Khi người hướng dẫn thêm tinh thần cho câu chuyện của mình, tôi đã hiểu vì sao ông chỉ dành nó cho “những người bạn đặc biệt của mình” nhưng tôi không nói ra. Nó đúng như cách những người Ả Rập cổ vẫn thường loay hoay quanh một vấn đề gì đó để gián tiếp nói đến những gì ông ta không dám nói ra trực tiếp, rằng “theo ý kiến của ông thì một chàng trai trẻ tuổi có lẽ nên ở nhà của mình tại Mỹ thay vì du lịch đến sông Tigris”. Tôi không nói ra điều mình nhận thấy nhưng đã nhận xét rằng câu chuyện của ông làm tôi nhớ tới một câu chuyện khác, rồi tôi nhanh chóng kể lại và tôi nghĩ rằng tôi cũng sẽ kể cho các bạn nghe.

Tôi kể cho ông nghe về một người đàn ông sống tại California vào thời điểm năm 1847 và sở hữu một trang trại. Anh ta nghe nói người ta đã phát hiện ra vàng ở miền nam California, và với niềm đam mê thứ kim loại quý ấy, anh ta bán trang trại của mình cho Đại tá Sutter, rồi lập tức rời đi, không bao giờ trở lại nữa. Đại tá Sutter cho xây dựng một nhà máy dọc theo dòng suối chạy qua trang trại đó, và một ngày cô con gái nhỏ của ông ta mang một nắm cát ướm từ ngoài đường đến chuồng ngựa đùa nghịch trong kẽ tay trước ánh lửa lò sưởi. Khi mặt cát rơi xuống, một người khách nhìn thấy lớp cát sáng lấp lánh giống như vàng đã được phát hiện ở California. Người chủ trang trại ấy muốn vàng, và ông ta bảo vệ trang trại ấy cho mục đích khai thác. Quả nhiên, bắt đầu từ đó cứ mỗi mẫu đất trong trang trại lại đem về ba mươi tám triệu đô-la. Cách đây khoảng tám năm, tôi có thuyết giảng tại một thành phố gần trang trại đó, và người ta đã kể với tôi rằng cứ 15 phút, một phần ba chủ trang trại ở đây dù đang trong giấc ngủ hay đang đi dạo, đều thu được 120 đô-la từ vàng mà không phải chịu thuế. Tôi chắc rằng bạn và tôi đều sẽ muốn hưởng khoản thu nhập ấy – nếu chúng ta không phải trả khoản thuế thu nhập cá nhân.

Còn có một câu chuyện thực sự xảy ra ngay tại quê hương Pennsylvania của chúng tôi. Nếu còn điều gì khiến tôi hứng thú hơn việc đứng trên bục giảng,

thì đó là việc tôi có thể kéo được một vị khán giả đặc biệt trong số những khán người Đức ở Pennsylvania lên trước tôi, rồi đốt lên ngọn lửa nơi họ, và cuối cùng là tôi tận hưởng buổi tối tuyệt vời đó. Có một người đàn ông sống tại Pennsylvania, không giống như những người mà các bạn từng gặp, ông ta là chủ một trang trại, và ông ta đã bán nó, cũng giống như tôi sẽ làm nếu sở hữu một trang trại tại Pennsylvania. Nhưng trước khi trang trại đó bị bán đi, ông ta quyết định xin làm công việc khai thác dầu khí cho người anh họ đang tiến hành các hoạt động kinh doanh tại Canada, nơi dầu được khai thác đầu tiên trên lục địa này. Những người nơi đây đã tìm thấy dầu trong những dòng suối chảy từ rất sớm. Vì vậy, người nông dân Pennsylvania đã viết thư cho anh họ để hỏi về công việc. Các bạn thấy đấy, người nông dân này không hề điên rồ. Không, hoàn toàn không phải. Anh ta đã không rời trang trại cho đến khi có việc gì khác để làm. Kể cả người khờ dại nhất cũng đều có những ý tưởng riêng, và tôi không biết còn ai ngu ngốc hơn khi rời bỏ công việc hiện tại trước khi tìm được một công việc khác. Nhưng khi lá thư đến tay người anh họ, anh này phúc đáp: “Anh không thể nhận em được vì em không biết chút gì về ngành dầu khí.”

Tốt thôi, người nông dân ấy tự nhủ, “Ta sẽ biết”, với một quyết tâm đáng ca ngợi (đó là tính cách của sinh viên của trường Đại học Temple), anh ta tự đặt ra cho mình mục tiêu tìm hiểu ngành dầu mỏ. Anh ta bắt đầu tìm hiểu từ ngày thứ hai trong Quá trình Sáng Tạo của Chúa, khi thế giới này đang chìm sâu dưới thảm thực vật dày và màu mỡ, mà từ đó sẽ trở thành lớp đệm sơ khai của than đá. Anh ta nghiên cứu cho đến khi nhận ra rằng những nguồn dầu khí này được cung cấp từ những lớp đệm màu mỡ của than đá và hiểu được nó có giá trị như thế nào. Người nông dân ấy tìm hiểu cho đến khi biết nó trông ra sao, có mùi vị gì, và quy trình tinh chế thế nào. Rồi anh ta viết thư trả lời người anh họ, “Em hiểu ngành kinh doanh dầu mỏ.” Người anh đáp lại: “Được rồi, vậy thì hãy đến đây.”

Anh ta đã bán trang trại, theo như ghi chép của quận, với giá 833 đô-la (chẵn không thêm một xu nào). Trước khi người tiếp quản mới đến để lắp đặt hệ thống nước cho việc chăn nuôi gia súc, người nông dân ấy hầu như chưa rời khỏi trang trại. Anh ta biết rằng chủ nhân cũ của trang trại đã đặt một tấm gỗ dày ngang qua con sông nhỏ đằng sau nhà kho, cách mặt nước chỉ vài cm. Mục đích của việc đặt cạnh sắc của thanh gỗ qua con suối là nối với bờ bên kia để tạo ra một lớp váng bọt mà đám gia súc sẽ không bao giờ chạm mũi vào. Nhưng tấm gỗ liệng sang hết một bên nên đám gia súc uống nước ở phía dưới, vì thế vị chủ nhân cũ đã rời đến Canada, tự mình lao động trong suốt 23 năm tìm kiếm, khai thác dòng chảy của dầu. Mười năm sau, nhà địa lý học người Pennsylvania tuyên bố với chúng tôi, khi ấy trang trại đó đáng giá một trăm triệu đô-la còn bây giờ đã đáng giá một tỷ đô-la. Người đàn ông sở hữu trang trại đó – giờ là thành phố Titusville và những thung lũng Pleasantville, đã tìm hiểu rõ vấn đề từ ngày thứ hai trong Quá trình Sáng Tạo của Chúa cho đến tận bây giờ. Anh ta tìm hiểu nó cho đến khi biết hết về nó, nhưng cuối cùng vẫn bán toàn bộ trang trại với cái giá 833 đô-la, và một lần nữa tôi lại phải nói ra hai từ “vô nghĩa”.

Nhưng tôi cần có thêm một minh chứng khác và tôi đã tìm thấy nó ở Massachusetts – quê hương tôi. Chàng trai trẻ ở Massachusetts này mang đến một khía cạnh khác trong cách nghĩ của tôi. Anh ta thi đỗ Đại học Yale, theo học chuyên ngành khai thác mỏ và trở thành sinh viên xuất sắc, có năng lực như một kỹ sư thực thụ, vì thế nhà trường đã thuê anh ta trợ giảng cho sinh viên khóa sau. Trong suốt năm cuối giảng dạy, anh ta kiếm được 15 đô-la một tuần. Sau khi anh ta tốt nghiệp, khi nhà trường quyết định tăng mức lương từ 15 lên 45 đô-la một tuần, và tiến cử vị trí giảng viên, thì anh ta lại quyết định trở về nhà.

Nếu như họ tăng mức lương từ 15 lên 15,6 đô-la thì có lẽ anh ta sẽ ở lại và tự

hào về công việc của mình, nhưng khi họ tăng một bước nhảy vọt lên 45 đô-la, anh ta nói với mẹ: “Mẹ à, con sẽ không làm việc chỉ để kiếm có 45 đô-la một tuần. Con không nghĩ rằng một chàng trai với bộ não “khai mỏ” làm việc chỉ để kiếm 45 đô-la một tuần! Chúng ta hãy đến California và góp cổ phần vào việc khai thác mỏ vàng, mỏ bạc, và trở nên giàu có vô hạn.”

Bà mẹ đáp lại: “Charlie à, chỉ cần cảm thấy hạnh phúc và điều đó đồng nghĩa với giàu có con à.”

“Vâng thưa mẹ,” Charlie trả lời “nhưng hãy giàu có và rồi hạnh phúc.”

Họ đều đúng khi nói về điều đó. Bởi anh ta là con trai duy nhất và bà mẹ lại là góa phụ nên họ đã bán trang trại ở Massachusetts, chuyển đến Wisconsin thay vì California. Tại đó, chàng trai được nhận vào làm tại Công ty Khai Thác Đồng Cao Cấp cũng với mức lương 15 đô-la một tuần, nhưng với điều kiện ghi rõ trong hợp đồng là anh ta phải có quyền lợi từ bất kỳ khu mỏ nào mà anh ta tìm ra cho công ty. Tôi không tin là anh ta sẽ khám phá được mỏ đồng nào và cũng không cố đồng nào tin như thế. Tôi có vài người bạn, cũng có cổ phần trong công ty này tại thời điểm chàng trai ấy vào làm, nhưng họ không có mặt ở đây cùng tôi. Chàng trai trẻ đã xin thôi việc ở đó, và từ đó tôi cũng không nghe tin tức gì nữa. Tôi không biết điều gì đã khiến anh ta quyết định như thế, và tôi không biết liệu anh ta có tìm thấy cái mỏ nào không, nhưng tôi không tin rằng anh ta có thể.

Nhưng tôi biết kết cục khác của câu chuyện đó. Trước khi chủ nhân mới thu hoạch khoai tây, ông ấy không phát hiện ra điều gì đặc biệt tại nơi ở của mình. Khi người đàn ông mua lại trang trại, khoai tây đã được trồng rồi, và vì thế khi người nông dân có tuổi này thu hoạch và cõng sọt khoai tây trên lưng, nó bị mắc kẹt giữa hàng rào đá. Bạn biết đấy, ở Massachusetts, các nông trại hầu như đều được bao quanh bởi tường đá. Bạn chỉ có thể xây một cái cổng

rất khiêm tốn để có chỗ cho những tảng đá. Khi sọt khoai tây bị mắc kẹt, ông ta để nó xuống đất, hơi nghiêng về một phía và cố kéo nó sang một bên, đúng lúc ấy người nông dân nhìn thấy góc trên và ngoài của tường đá, gần ngay cổng, một khối bạc bản địa 50 cm². Chàng “giáo sư” của các hầm mỏ, khai thác và khoáng sản, người hiểu rất rõ về lĩnh vực này, người đã không chấp nhận làm việc chỉ để lấy 45 đô-la một tuần, đã không biết rằng mình đang ngồi trên đồng bạc khi thương lượng việc bán ngôi nhà ở Massachusetts. Tại nông trang đó, chàng trai được sinh ra, lớn lên, hàng ngày đi qua đi lại và cọ xát tay áo vào cái tảng đá ấy đến nỗi điều đó khiến anh khó chịu, dường như đã nói: “Có một trăm nghìn đô-la ở ngay tại đây chờ được lấy đi.” Nhưng anh ta đã không lấy chúng đi. Nông trang đó ở Newburyport, Massachusetts, và giờ thì không còn bạc ở đó nữa, họ đã khai thác hết rồi.

Các bạn của tôi ạ, đó là một lỗi rất dễ gặp phải, ngay cả khi chúng ta vẫn cứ mĩa mai anh ta. Tôi thường tự hỏi không biết điều gì khiến anh ta như vậy. Thực sự là tôi không biết rõ chuyện sau đó, nhưng tôi sẽ nói cho các bạn những điều mà tôi “dự đoán”, giống như cách người Yankee vẫn thường làm. Tôi đoán là tối nay, anh ta ngồi bên lò sưởi, cùng những người bạn quây quần xung quanh, rồi kể cho họ nghe gì đó đại loại như: “Mọi người có biết người đàn ông tên Conwell sống tại Philadelphia không?”, “Ồ có chứ.” “Thế còn người đàn ông tên Jones sống tại Philadenphia thì sao?” “Có, tôi cũng đã nghe rồi.”

Rồi anh ta bắt đầu cười lớn, nghiêng mình và nói với bạn bè: “Chà, chính xác thì họ cũng chỉ làm những việc mà tôi đã làm thôi” – và điều ấy làm hỏng toàn bộ trò đùa bởi bạn và tôi cũng đang đi theo vết xe đổ của anh ta, trong khi chúng ta ngồi đây để cười nhạo anh ta thì ở đâu đó anh ta có quyền ngồi chế giễu lại chúng ta mà thôi. Tôi biết mình đã mắc phải sai lầm đó, nhưng, tất nhiên, điều ấy không tạo ra điều gì khác biệt, bởi vì chúng ta rõ ràng

không mong đợi có một người giống mình đứng lên thuyết giáo và rồi làm theo những điều họ nói.

Tối nay, khi tôi tới đây và nhìn những thính giả của mình, tôi lại thấy như thể mình đang nhìn thấy những gì đã xảy ra trong suốt năm mươi năm qua trong đó tôi liên tục chứng kiến nhiều người mắc sai lầm. Tôi vẫn luôn mong có thể gặp được những người trẻ tuổi hơn, và rằng tối nay, Học viện sẽ trở nên đông đúc bởi những học sinh xuất sắc từ các trường phổ thông và trung học của chúng ta, và rồi họ sẽ trò chuyện cùng tôi. Mặc dù tôi thích khán giả của mình là những người như họ, bởi họ là những người nhạy cảm nhất, vì họ không phải lớn lên trong xã hội với nhiều định kiến, họ không bị ràng buộc bởi những hủ tục không thể phá bỏ, cũng không vấp phải bất kỳ thất bại nào như chúng ta; và tôi có thể trò chuyện với họ nhiều hơn, tốt hơn so với khi trò chuyện với người đã trưởng thành, nhưng cùng với những tài liệu sẵn có, tôi vẫn sẽ cố gắng hết mình với các thính giả. Tôi muốn nói với các bạn rằng các bạn đang sở hữu “những cánh đồng kim cương” ngay tại Philadelphia này – nơi các bạn đang sống. Nhưng các bạn sẽ nói, “Ồ, vậy thì rõ ràng ngài chẳng biết gì về thành phố của mình nếu ngài nghĩ ở đó có *Những cánh đồng kim cương*.”

Tôi thực sự cảm thấy thú vị với mẫu tin trên báo nói về một chàng trai trẻ tìm thấy kim cương ở phía bắc Carolina. Nó là loại kim cương trong suốt nhất từng được tìm thấy, và cũng đã có một số viên kim cương từng được tìm thấy ở gần đó. Tôi đến gặp một vị giáo sư hàng đầu trong lĩnh vực khoáng vật học và hỏi ông ta về nguồn gốc của những viên kim cương ấy. Ông mang ra bản đồ về sự hình thành địa chất của lục địa chúng ta ra rồi mô tả sự hình thành của những viên kim cương đó. Ông cho biết các khoáng vật chảy qua các tầng carbon và hình thành nên các viên kim cương, sau đó xuôi xuống phía tây qua Ohio và Mississippi, cũng có nhiều khả năng chảy về phía đông, qua

Virginia và lên bờ Đại Tây Dương. Thực tế thì đúng là có kim cương ở đó, vì chúng đã được khai thác và bán đi; hơn nữa trong suốt thời kỳ trầm tích băng hà, chúng được các dòng chảy mang từ một số vùng phía Bắc xuống và lắng đọng ở đó. Bây giờ, ai có thể nói một cách dễ dàng rằng những người từng đi đào kim cương tại Philadenphia đã tìm được vết tích của chúng ở đó?

Những điều tôi đang nói đây chỉ đơn giản là để thể hiện rõ quan điểm của mình, rằng nếu bạn không có những mỏ kim cương theo nghĩa đen thì bạn cũng có tất cả những gì có thể mang lại lợi ích cho chính bạn. Vì giờ đây Nữ hoàng Anh rất khuyến khích bằng cách tặng vật phẩm cho những phụ nữ Mỹ khi họ xuất hiện trong các bữa tiệc chiêu đãi tại Anh mà không hề đeo trên mình thứ đồ trang sức nào, nên dù thế nào thì điều này cũng tác động đến thói quen sử dụng kim cương của con người. Nếu bạn muốn là một người giản dị, tất cả những gì bạn cần quan tâm là sử dụng một chút làm đồ trang sức, phần còn lại đem bán lấy tiền.

Còn bây giờ, tôi xin nhắc lại lần nữa rằng cơ hội để trở nên giàu có, để đạt được giàu sang phú quý là ở đây, ngay tại Philadelphia này, và ngay trong tay những người đàn ông cũng như phụ nữ đang lắng nghe tôi tối nay, và đó chính là những gì tôi muốn nhắn gửi đến các bạn. Tôi lên bục giảng, thậm chí ngay cả trong những trường hợp này, không phải để đọc thuộc lòng một điều gì đó cho mọi người. Tôi tới đây để nói với mọi người rằng tôi tin những gì trong tâm nhìn của Chúa là sự thật, và nếu thời gian đã mang đến cho tôi khả năng cảm nhận tốt, thì tôi chắc rằng mình đã đúng; rằng những người đàn ông và phụ nữ đang ngồi đây, những người có lẽ đã bán khoản mãi mới quyết định mua một tấm vé vào nghe bài giảng này, sẽ có trong tầm tay "Những cánh đồng kim cương", cơ hội để đạt được sự giàu có vẹn toàn.

Không một nơi nào trên trái đất dễ thích ứng hơn thành phố Philadelphia

ngày nay, và chưa bao giờ trong lịch sử thế giới mà một người đàn ông nghèo, không chút vốn liếng trong tay lại có cơ hội làm giàu nhanh chóng và lương thiện như thế tại thành phố chúng ta bây giờ. Điều ấy là sự thật, và tôi muốn các bạn chấp nhận rằng thực tế đúng là như vậy; bởi nếu các bạn nghĩ tôi đến đây đơn thuần chỉ là để kể những câu chuyện tầm phào, thì tốt hơn hết tôi không nên ở đây. Tôi không lãng phí thời gian cho những câu chuyện như vậy, mà tôi đơn thuần chỉ nói những điều tôi tin tưởng, trừ khi một số người trong các bạn đã giàu rồi thì những gì tôi đang nói tối nay quả thực là vô bổ.

Tôi nói rằng bạn phải giàu có, và đó là nhiệm vụ bắt buộc. Có rất nhiều đồng hữu sùng đạo đã nói với tôi, “Thưa mục sư Thiên Chúa giáo, ngài có dành thời gian đi khắp đất nước khuyên những người trẻ tuổi làm giàu, kiếm tiền không?” “Có, tất nhiên là tôi có”. Họ nói tiếp, ”Nó không đến mức khủng khiếp chứ! Tại sao ngài không giảng giải về chân lý thay vì giảng về chuyện kiếm tiền của con người?” ”Bởi vì kiếm tiền một cách lương thiện chính là chân lý.” Đó chính là lý do. Bất kỳ người nào có thể tự làm giàu có lẽ đều là người lương thiện nhất mà bạn có thể tìm thấy.

“Ồ,” một số chàng trai trẻ ở đây tối nay đã nói, “Tôi luôn được nghe kể rằng nếu một người có tiền, anh ta sẽ rất bất lương, đê tiện, keo kiệt và đáng khinh.” Các bạn của tôi, đó là lý do tại sao các bạn không có gì cả, bởi vì các bạn có thành kiến đối với những người giàu có. Nền tảng của thất bại là tất cả cùng thất bại. Hãy cho phép tôi giải thích điều này một cách rõ ràng và ngắn gọn, vì tôi không có nhiều thời gian để thảo luận về chủ đề này ở đây, rằng chín mươi tám trên một trăm người Mỹ giàu có là lương thiện. Đó chính là lý do họ giàu có. Chính là lý do tại sao họ có trách nhiệm với đồng tiền. Và tại sao họ điều hành được những doanh nghiệp lớn và tìm được rất nhiều đối tác, cộng sự. Đó là bởi họ là những người lương thiện.

Một chàng trai trẻ khác nói, “Đôi khi tôi cũng được nghe kể về những người kiếm hàng triệu đô-la một cách bất lương.” Đúng có chuyện đó, và tôi cũng được nghe như vậy. Số đó rất hiếm, nhưng vì các tờ báo nói về họ quá nhiều nên đã vô tình khiến anh hình thành định kiến rằng những người giàu đều kiếm tiền một cách bất lương.

Bạn của tôi, anh hãy lái xe và đưa tôi đi – nếu anh có ô tô – ra vùng ngoại ô Philadelphia, và giới thiệu tôi với chủ sở hữu những ngôi nhà xung quanh thành phố lớn này, những ngôi nhà xinh đẹp cùng những khu vườn bát ngát hoa thơm, những ngôi nhà tráng lệ ấy quá sinh động với phong cách nghệ thuật của riêng mình. Còn tôi sẽ đưa anh đến gặp những con người có chí khí, nghị lực và sẵn sàng chấp nhận mạo hiểm tại thành phố của tôi, anh biết là tôi sẽ làm vậy mà. Một người chỉ thực sự là đàn ông khi anh ta sở hữu căn nhà riêng của mình, và khi đó anh ta trở nên danh giá hơn, lương thiện hơn, trong sạch hơn, thật thà hơn, tiết kiệm hơn và cẩn thận hơn.

Đối với người đàn ông, việc kiếm được tiền, thậm chí là rất nhiều tiền, không có gì là bất hợp lý. Chúng tôi thuyết giáo chống lại sự tham lam trên bục giảng Kinh thánh, các bạn cũng biết điều ấy rồi đấy, và đôi khi nói về điều đó rất lâu, rồi nhắc đến cụm từ ”của bất nhân” nhiều đến mức những tín đồ Thiên Chúa giáo cho rằng khi đứng trên bục giảng, chúng tôi tin rằng bất kỳ ai muốn kiếm tiền đều xấu xa và độc ác hết – cho đến khi cái giỏ lượm tiền của chúng tôi đã đi vòng quanh, và rồi chúng tôi nguyện rửa mọi người vì họ không bỏ tiền vào đó. Chao ôi, sự mâu thuẫn của giáo lý là như vậy đấy!

Tiền là sức mạnh, và bạn phải có tham vọng nhất định đối với nó. Bạn phải kiếm tiền, vì khi có tiền bạn có thể làm được nhiều việc hơn là khi không có. Tiền giúp in ra những cuốn Kinh thánh, xây nhà thờ, đưa những người truyền giáo đến đây, trả công cho người thuyết giáo; nếu bạn không trả tiền, bạn sẽ

không có được những thứ đó. Tôi luôn hài lòng với việc nhà thờ sẽ tăng mức lương cho tôi, bởi vì là nơi trả lương rất cao, nên đối với họ, việc tăng thêm lương nữa cũng không có vấn đề gì. Chắc chắn rằng các bạn sẽ không bao giờ gặp trường hợp nào khác thế. Người có mức lương cao nhất có thể làm điều tốt đẹp nhất với sức mạnh mà đồng tiền trang bị cho anh ta. Tất nhiên với điều kiện anh ta đủ sáng suốt để sử dụng đồng tiền đúng mục đích.

Tiếp theo, tôi nói mọi người nhất định phải kiếm được tiền. Nếu các bạn có thể đạt được sự giàu sang một cách lương thiện ở Philadelphia, thì rõ ràng bạn là một tín đồ Thiên Chúa giáo và nhiệm vụ mà Chúa ban cho bạn chính là như vậy. Thật sai lầm khủng khiếp khi những người sùng đạo cho rằng nghèo khó mới có nghĩa là ngoan đạo.

Một số người hỏi: “Ngài không cảm thông với những người nghèo khổ hay sao?” Tất nhiên là tôi có chứ, nếu không thì tại sao tôi lại thuyết giảng cho họ trong suốt những năm qua. Tôi sẽ không thể hiện ra những gì tôi thông cảm với họ, và số người nghèo đáng để được thông cảm là con số rất nhỏ nhoi. Không nghi ngờ gì cả, cảm thông với một người mà Chúa đã trừng phạt vì tội lỗi của anh ta, giúp anh ta khi Chúa vẫn tiếp tục hình phạt đó là một sai lầm. Trong khi chúng ta nên thông cảm với những con chiên nghèo khổ của Chúa – những người không thể tự giúp chính mình – thì chúng ta cũng nên nhớ rằng không có một người nào ở Mỹ nghèo khổ vì chính những khiếm khuyết của bản thân hay thậm chí của những người khác. Dù thế nào thì nghèo vẫn là một sai lầm. Vì thế, chúng ta hãy tạm dừng đề tài tranh luận này ở đây.

Một người đàn ông trông có vẻ nho nhã đứng dậy hỏi, “Ngài không nghĩ rằng trên thế giới này còn có những điều tốt đẹp hơn tiền bạc hay sao?” Tất nhiên là có chứ, nhưng bây giờ tôi chỉ đang đề cập đến tiền thôi. Tất nhiên có những điều khác còn tuyệt vời hơn tiền bạc. Ồ, tôi thật sự tin rằng trên thế

giới này luôn còn những điều cao cả hơn, ngọt ngào hơn và thanh khiết hơn đồng tiền. Và tôi cũng hoàn toàn tin rằng có những thứ giá trị hơn và cao quý hơn vàng. Tình yêu là điều cao quý nhất trên Trái đất, nhưng sẽ là may mắn hơn rất nhiều nếu những kẻ yêu nhau đã sẵn có nhiều tiền. Tiền là sức mạnh, là quyền lực; nó vừa mang lại những điều tốt đẹp đồng thời cũng mang đến những tổn hại. Trong tay những người tốt bụng, tiền thể hiện được giá trị hoàn hảo của mình và được sử dụng một cách hoàn hảo.

Tôi ghét phải để vấn đề này lại. Trong một buổi cầu nguyện tại thành phố của chúng tôi, một người đàn ông đã đứng dậy và cảm ơn Chúa vì anh ta là “một người nghèo của Chúa”. Tôi phân vân không biết vợ anh ta nghĩ gì về điều ấy? Mình cô ta phải kiếm toàn bộ số tiền nuôi gia đình, và một phần để anh chồng mua thuốc hút ngoài hành lang. Tôi không muốn thấy thêm một người nghèo nào của Chúa như thế nữa, và tôi tin rằng Chúa không muốn vậy. Tuy nhiên, vẫn còn rất nhiều người tin rằng để trở nên ngoan đạo, họ phải nghèo khó và rách rưới khủng khiếp. Điều đó không đúng. Dù cảm thông với những người nghèo, nhưng hãy để chúng tôi không phải giảng về những giáo lý như thế.

Tuy nhiên, thời gian giúp phá bỏ dần những lời khuyên răn các tín đồ Thiên Chúa giáo (hay như người Do Thái vẫn gọi là các con chiên ngoan đạo) phấn đấu để trở nên giàu có. Định kiến ấy quá phổ biến và thực ra cũng đã quá lâu rồi để tôi đề cập đến câu chuyện về một thanh niên trẻ chuyên ngành tôn giáo học tại Đại học Temple, người luôn nghĩ rằng anh ta là con chiên ngoan đạo duy nhất trong khoa đó. Anh ta đến văn phòng của tôi vào một buổi tối, ngồi cạnh bàn tôi và nói với tôi rằng, “Thưa ngài Hiệu trưởng, tôi nghĩ nhiệm vụ của tôi là tới đây và giúp đỡ ngài.” Tôi hỏi, “Chuyện gì đang xảy ra vậy?” Anh ta nói, “Tôi nghe thấy ngài nói tại Học viện, tại lễ tốt nghiệp của trường Peirce, rằng ngài nghĩ việc khát khao đạt được sự giàu có thực sự là một hoài

bảo đáng có đối với một người trẻ tuổi, và rằng ngài nghĩ điều ấy khiến anh ta biết kiềm chế, ôn hòa, nghiêm túc về việc gây dựng danh tiếng tốt cũng như khiến anh ta trở nên siêng năng hơn. Ngài nói về việc hoài bão kiếm được nhiều tiền sẽ khiến người ta trở thành một người tốt. Thừa ngài, tôi tới để nói với ngài rằng trong Kinh thánh có ghi: “Tiền là nguồn gốc của mọi tội lỗi.”

Tôi đã nói với anh ta rằng chưa bao giờ tôi nhìn thấy điều đó trong Kinh thánh, rồi đề nghị anh ta đi lấy cuốn Kinh thánh và chỉ cho tôi chỗ ấy. Lập tức anh ta đi lấy và trở lại văn phòng với cuốn Kinh thánh mở sẵn trên tay, cùng với tất cả niềm tự hào mù quáng về cái giáo lý hạn hẹp, hay về một con người đã tìm thấy giáo lý Cơ Đốc của riêng mình dựa trên sự hiểu biết hoàn toàn sai lệch về Kinh thánh. Anh ta vứt cuốn Kinh thánh xuống bàn và hồn nhiên thét vào tai tôi: “Nó đấy, thưa ngài Hiệu trưởng; ngài có thể tự mình đọc nó.” Tôi nói với anh ta: “Ồ, chàng trai trẻ, khi nhiều tuổi hơn một chút, anh sẽ học được rằng anh không thể để cho một người thuộc trường phái khác đọc Kinh thánh cho anh nghe được. Anh thuộc về trường phái khác tôi. Anh học thần học, nhưng lại tập trung giải thích Kinh thánh. Còn bây giờ, anh có thể cầm cuốn Kinh thánh lên và tự đọc, đưa ra một cách hiểu thích hợp cho nó được không?” Anh ta cầm cuốn kinh thánh và đồng dục đọc, “Ham muốn tiền bạc là nguồn gốc của mọi tội lỗi.”

Anh ta cho rằng điều đó đúng, anh ta trích dẫn đúng hệt như những gì được viết trong cuốn sách cũ ấy. Tôi đã trải qua khoảng thời gian năm mươi năm – khoảng thời gian mà cuốn sách đã “đấu tranh” không ngừng nghỉ, và tôi đã sống để chứng kiến ngọn cờ của nó bay phấp phới; chưa bao giờ trong lịch sử thế giới, những trí tuệ vĩ đại của nhân loại lại đồng loạt tin rằng Kinh thánh là đúng – hoàn toàn đúng – như chính lúc này đây.

“Ham muốn tiền bạc là nguồn gốc của mọi tội lỗi.” Không nghi ngờ gì, bất

kỳ người nào cố gắng kiếm được nhiều tiền một cách nhanh chóng hoặc bất lương, đều sẽ rơi vào cạm bẫy. Ham muốn tiền bạc. Nó có nghĩa là gì? Nó là sự thần tượng tiền bạc, tôn thờ một cách đơn giản và thuần khiết ở tất cả những nơi mà kinh thánh cũng như chuẩn mực chung của con người cho là đáng bị lên án. Những người thờ phụng đồng tiền nên nghĩ đến việc sử dụng nó vào mục đích gì; người đơn thuần chỉ tôn sùng đồng tiền, không chịu đầu tư vào bất cứ việc gì giúp thế giới trở nên tốt hơn, người cứ ôm khư khư đồng tiền cho đến chết luôn có trong mình nguồn gốc của mọi tội lỗi.

Tôi nghĩ rằng nên dừng chủ đề này ở đây và trả lời câu hỏi mà hầu hết các bạn đang phân vân: “Có cơ hội làm giàu nào ở Philadelphia không?” Ồ, bây giờ thật dễ dàng để nhận ra được cơ hội đó nằm ở đâu, và ngay khi các bạn nhận ra nó nằm ở đâu, thì nó là của bạn. Một vài quý ông đứng dậy hỏi tiếp: “Ngài Conwell, có phải ngài đã sống ở Philadelphia 31 năm và không biết rằng thời gian đã trôi qua để ngài có thể làm được điều gì đó trong thành phố này không?”, “Không, tôi không nghĩ như vậy. Tôi đã thử làm rồi.” Tôi hỏi, “Anh đang làm công việc gì?” “Tôi mở một cửa hàng ở đây 20 năm rồi, và chưa bao giờ kiếm được một nghìn đô-la trong suốt 20 năm qua.”

“Ồ, vậy thì anh có thể đánh giá mặt tích cực mà mình có được trong thành phố này bằng những gì nó đã mang đến cho anh, bởi vì một người có thể dễ dàng đánh giá giá trị của anh ta thông qua những gì mà anh ta nhận được. Nếu như anh không thể kiếm được quá một nghìn đô-la trong hai mươi năm qua ở Philadelphia thì tốt hơn là thành phố nên đá anh đi khỏi cách đây 19 năm 9 tháng rồi. Anh không có quyền giữ một gian hàng tại Philadelphia trong suốt 20 năm và không kiếm được ít nhất là năm trăm nghìn đô-la cho dù nó là một cửa hàng tạp hóa nhỏ trong góc thành phố.” Anh nói rằng, “Bây giờ ngài không thể kiếm năm nghìn đô-la từ một cửa hàng.” thì ôi bạn của tôi, chỉ cần anh nhìn xung quanh thôi và tìm hiểu xem mọi người cần gì, các anh

nên cung cấp những gì và rồi vạch ra kế hoạch cho những điều đó, đặt chỉ tiêu lợi nhuận nếu như các anh bán chúng, chắc chắn rằng anh sẽ sớm kiếm được số tiền ấy thôi. Sự giàu có ở ngay trong âm thanh giọng nói của các bạn.

Một số người lên tiếng, “Ngài không biết gì về công việc kinh doanh cả. Mục sư thì chẳng bao giờ biết về việc kinh doanh.” À, vậy thì tôi sẽ phải chứng minh rằng mình là một chuyên gia. Tôi không thích làm vậy, nhưng tôi phải làm vì những diễn giả của tôi sẽ không được chấp nhận nếu tôi không phải là một chuyên gia. Cha tôi cũng có một cửa hàng ở quê nhà, và nếu có một nơi nào nó dưới những vì sao kia, nơi người ta có được tất cả mọi kinh nghiệm về các giao dịch buôn bán thì đó là ở tại cửa hàng miền quê của cha tôi. Tôi không tự hào vì những kinh nghiệm của mình, nhưng khi cha tôi không có ở cửa hàng, ông luôn để nó lại cho tôi trong coi, dù may mắn cho ông là điều đó không thường xuyên lắm. Nhưng các bạn của tôi, đã có một chuyện thường xuyên xảy ra: một người đàn ông bước vào cửa hàng và hỏi tôi, “Cháu có dao xếp không?” “Không ạ, ở đây không bán”. Sau đó, tôi bắt đầu huýt sáo. Tôi chẳng có gì phải bận tâm tới điều gì từ người đàn ông đó. Lúc sau lại một người nông dân nữa đi vào và hỏi, “Ở đây có bán dao xếp không?” “Không, ở đây không bán.” Rồi tôi quay đi và tiếp tục huýt sáo một giai điệu khác. Lại một người thứ ba bước vào cửa hàng rồi hỏi, “Cháu có bán dao xếp không?” “Không. Tại sao mọi người nơi đây cứ hỏi về dao xếp thế nhỉ? Có phải chú nghĩ rằng nhà cháu mở cửa hàng chỉ để cung cấp cho toàn bộ dân cư nơi đây những con dao xếp không?” Có phải các bạn cũng điều hành cửa hàng của mình theo cách như vậy ở Philadelphia này không? Vấn đề là khi ấy tôi đã không biết rằng cơ sở của sự tin kính và nguyên tắc nền tảng của sự thành công trong kinh doanh đều giống nhau. Người nào nói rằng “Tôi không thể mang theo tôn giáo vào công việc kinh doanh” thì là một gã khờ trong kinh doanh, hoặc đang trên bờ vực phá sản, hoặc là một kẻ trộm, một trong

ba, chắc chắn vậy. Anh ta sẽ thất bại trong một vài năm thôi. Tất nhiên, anh ta sẽ như vậy nếu không đưa tôn giáo vào kinh doanh. Nếu tôi quản lý cửa hàng của cha tôi theo kế hoạch Cơ Đốc giáo, kế hoạch của một kẻ sùng đạo, tôi đã có con dao xếp cho người đàn ông thứ ba khi ông ấy yêu cầu. Có thể tôi đã thực sự làm cho ông ta một việc tốt, và tự nhận một phần thưởng cho bản thân, đó chắc hẳn là nhiệm vụ để tôi thực hiện.

Một số người sùng đạo Cơ Đốc giáo cho rằng nếu bạn thu lợi nhuận từ những gì bán ra thì bạn là một người tội lỗi. Hay nói cách khác, bạn sẽ là tội phạm nếu bạn bán một sản phẩm không tương xứng với mức giá. Bạn không có quyền làm vậy. Bạn không thể tin tưởng đặt tiền của mình vào một người mà anh ta cũng không thể quan tâm đến chính tiền nong của mình. Trong gia đình, bạn không thể tin tưởng một người đàn ông mà anh ta không trung thực ngay cả với vợ của mình. Các bạn không thể tin tưởng vào một người đàn ông nào trên thế giới này nếu anh ta không xuất phát từ chính trái tim, nhân cách và bằng chính cuộc đời mình. Lẽ ra nhiệm vụ của tôi là phải cung cấp con dao xếp cho người khách hàng thứ ba, hoặc người thứ hai, và bán nó cho họ để kiếm lời. Tôi thậm chí còn không được phép bán hàng mà không thu lợi nhuận từ chúng nhiều hơn là bán chúng với giá cao hơn giá trị thực của chúng. Nhưng tôi nên bán cho khách hàng những gì họ sẽ nhận được tương đương với những gì tôi thu được.

Sống và để người khác sống là nguyên tắc của phúc âm và nguyên tắc của cuộc sống hàng ngày.Ồ, chàng trai trẻ, hãy nghe tôi, hãy sống như bạn đang sống. Đừng chờ cho đến khi bằng tuổi của tôi rồi mới bắt đầu để tận hưởng cuộc sống này. Nếu trước đây tôi có hàng triệu đô-la, hay chỉ 50% thế thôi, mà tôi đã cố gắng kiếm trong những năm qua, thì có thể sẽ không có những điều tuyệt vời đến với tôi, chẳng hạn như tối hôm nay.

Ồ, đúng vậy, tối nay tôi được trả gấp trăm lần như thế vì tôi đã cố gắng để được như vậy trong suốt những năm qua. Tôi không nên nói vậy, nghe có vẻ ích kỷ, nhưng bây giờ tôi đã đủ tuổi để được thông cảm cho việc đó. Tôi nên giúp đỡ những chàng trai thế hệ sau mình, điều mà tôi đang cố gắng thực hiện, và mọi người cũng nên làm điều đó để có được niềm vui. Người nào về nhà với tâm trạng rằng ngày hôm đó anh ta đã đánh cắp 1 đô-la, rằng anh ta đã lấy đi của người khác những điều lương thiện thuộc bản chất vốn có, sẽ không thể có được những phút giây nghỉ ngơi “ngọt ngào”. Anh ta sẽ mệt mỏi và luôn cảm thấy lương tâm cắn rứt khi đi làm vào buổi sáng hôm sau. Anh ta không phải là một người thành công, mặc dù có thể đã kiếm ra hàng triệu đô-la. Nhưng trong cuộc sống có rất nhiều người sẵn sàng dành cuộc đời để chia sẻ với các thế hệ sau – những người muốn tạo ra lợi nhuận và đòi hỏi quyền lợi cho bản thân, chia sẻ với người khác lợi nhuận và quyền lợi ấy. Lịch sử hàng nghìn triệu phú cho thấy điều đó là đúng.

Người đàn ông nói rằng không thể thu được gì từ cửa hàng ở Philadelphia chắc hẳn đã điều hành nó không đúng nguyên tắc. Giả sử sáng ngày mai tôi bước vào cửa hàng của anh ta và hỏi, “Anh có biết anh hàng xóm tên A, sống ở số nhà 1240 gần đây không?” “Ồ, tôi đã gặp anh ta. Anh ta đã đến đây mua hàng rồi.” “Anh ta từ đâu đến thế?” “Tôi không biết.” “Gia đình anh ta có bao nhiêu người?” “Tôi không biết.” “Anh ta theo đảng nào?” “Tôi cũng không biết nữa.” “Anh ta thường đến nhà thờ nào?” “Tôi không biết, và cũng không quan tâm. Ngài hỏi những câu đó để làm gì?”

Nếu các bạn có cửa hàng tại Philadelphia, thì liệu các bạn có trả lời tôi như vậy không? Nếu có thì các bạn đang quản lý của hàng giống như tôi đã làm với cửa hàng của cha tôi tại Worthington, Massachusetts. Các bạn không biết người hàng xóm của mình từ đâu đến và cũng không quan tâm. Nếu bạn thực sự quan tâm thì giờ bạn đã giàu rồi. Nếu bạn có đủ tâm huyết để quan tâm

đến những vấn đề ấy của người hàng xóm, để tìm hiểu anh ta cần gì, thì chắc hẳn bạn sẽ giàu có. Nhưng bạn chỉ đi khắp thế giới này và nói, “Chẳng có cơ hội làm giàu nào cả.” Đó chính là sai lầm cơ bản ngay trong suy nghĩ của bản thân bạn.

Nhưng một thanh niên trẻ khác đứng lên và nói, “Tôi không thể tạo dựng được công việc buôn bán.” (Khi nói về thương mại, là tôi áp dụng nó với mọi công việc) “Tại sao anh không thể khởi đầu công việc kinh doanh?” “Bởi tôi không có vốn.” Ồ, những cá thể yếu đuối và hào nhoáng không thể nhìn xa trông rộng được! Điều đó làm một người cảm thấy thương hại khi nhìn người hào nhoáng xung quanh đang đứng đây và phát biểu. “Nếu tôi có một số vốn lớn, tôi sẽ giàu có biết chừng nào.” “Anh bạn trẻ à, có phải anh nghĩ rằng nếu có vốn, anh sẽ giàu có không?” “Tất nhiên rồi”. Ồ, tôi thì sẽ nói rằng “Tất nhiên là không.” Nếu mẹ của anh có nhiều tiền, và bà ta tạo dựng công việc cho anh, anh sẽ “giúp mẹ mình phát triển công việc kinh doanh của bà chứ?”.

Khi những cô chiêu cậu ấm có được nhiều tiền hơn những gì họ kiếm được từ trải nghiệm thực tế, họ sẽ gặp “tai họa”. Việc thừa kế tài sản hay tiền bạc không có tác dụng tích cực. Việc cung cấp tiền bạc cho con mình cũng không mang lại lợi ích. Nếu bạn cho chúng cơ hội học hành, là một con chiên Cơ Đốc giáo, rèn luyện lòng nhân đạo, cho chúng giao lưu bạn bè, để lại cho chúng những tước hiệu thì những điều đó sẽ tốt hơn rất nhiều so với việc cho chúng tiền bạc. Sẽ là tệ hại cho chúng, và cả đất nước nếu để cho chúng có được những đồng tiền ấy. Ồ, chàng trai trẻ, nếu như anh đã được thừa kế tiền bạc thì đừng coi nó như một sự trợ giúp. Nó sẽ mang đến tai họa cho anh trong những năm tháng sau của cuộc đời, và làm mất dần đi của anh những điều tốt đẹp nhất trong cuộc sống. Không có tầng lớp nào đáng thương hại hơn những cô chiêu cậu ấm thiếu kinh nghiệm. Tôi lấy làm tiếc cho cậu con trai của những người đàn ông giàu có. Cậu bé có thể không bao giờ được biết

đến những điều tốt đẹp nhất của cuộc sống. Một trong những điều tốt đẹp nhất trong cuộc sống của chúng ta là khi một chàng trai trẻ tự kiếm sống bằng chính sức lực của mình, đính hôn với một người phụ nữ trẻ đẹp, rồi hình thành mong muốn có một căn nhà của riêng mình. Tình yêu đó sẽ tạo nên nguồn cảm hứng hướng tới những điều tốt đẹp hơn, và anh chàng bắt đầu tiết kiệm tiền bạc. Anh bắt đầu từ bỏ những thói quen xấu và gửi tiền vào ngân hàng. Khi có được vài trăm đô-la, anh ta ra vùng ngoại ô để tìm mua một căn nhà. Rồi anh đến ngân hàng, để rút một nửa số tiền tiết kiệm. Sau đó anh ta kết hôn, lần đầu tiên đưa hôn thê của mình đến ngưỡng cửa căn nhà, anh ta dùng những từ ngữ như thể hùng biện mà giọng của tôi đây không thể bắt chước được: “Tự anh đã mua căn nhà này. Tất cả là của anh đấy, và anh muốn chia sẻ nó với em.” Đó là khoảnh khắc thăng hoa nhất mà một trái tim con người từng được trải qua, điều mà con trai của người cha giàu có có thể không bao giờ được biết đến. Có thể anh ta sẽ dẫn vị hôn thê của mình vào một căn biệt thự sang trọng hơn, tham quan khắp mọi gian phòng và nói với vợ của mình, “Mẹ đã cho anh ngôi nhà này, đã mua cho anh cái này, mua cho anh cái kia,” cho đến khi cô vợ nghĩ lẽ ra mình phải kết hôn với mẹ chồng mới đúng. Thật đáng tiếc cho cậu quý tử ấy.

Các số liệu thống kê ở Massachusetts cho thấy cứ 17 bé trai trong gia đình giàu có thì có 1 người “giết chết” sự giàu có. Tôi thương hại cho hầu hết những đứa con của những người giàu có, trừ trường hợp chúng có hiểu biết tốt về vị tiền bối Vanderbilt, điều mà đôi khi cũng xảy ra. Vị tiền bối này đã đến gặp cha mình và hỏi, “Có phải cha đã kiếm tiền bằng chính sức mình không?” “Đúng vậy, con trai. Cha bắt đầu làm việc trên phà với 25 xu một ngày.” “Vậy thì,” cậu con trai nói, “Con sẽ không thừa hưởng số tiền của cha đâu” và cậu ta cũng đã cố gắng xin việc làm trên phà vào tối thứ Bảy đó.

Cậu ấy không thể xin được việc đó nhưng lại tìm được công việc với mức

lương ba đô-la một tuần. Tất nhiên, khi cậu bé con nhà giàu làm như vậy, cậu ta sẽ học được kỹ luật của một cậu bé nghèo – điều mà giá trị hơn nhiều so với những kiến thức từ trường đại học. Khi ấy, cậu con trai nhà giàu có thể giữ gìn số tiền hàng triệu đô-la của cha mình. Tuy nhiên, như một quy luật, những người đàn ông giàu có sẽ không cho phép con trai mình làm những điều mà rõ ràng sẽ khiến chúng trở nên tốt đẹp và vĩ đại hơn. Theo quy định, người cha cũng như mẹ cậu bé sẽ không cho phép con trai mình làm việc! Tại sao ư? Vì bà ta cho rằng sẽ thật ô nhục nếu cậu con trai đáng thương, yếu đuối với ngón tay bé nhỏ phải kiếm sống vất vả. Tôi không thấy tội nghiệp cho những trường hợp ấy chút nào.

Tôi còn nhớ một trường hợp ở Niagara Falls. Tôi nghĩ đó là trường hợp gần đây thôi. Một quý ông có mặt tại một buổi tiệc lớn, và tôi đã nói chuyện với những người bạn của ông ta. Tại buổi tiệc ở Philadelphia, một chàng trai trẻ tốt bụng ngồi cạnh tôi và nói, “Ngài Conwell, ngài đã nghỉ ốm suốt hai, ba năm nay. Khi nào ngài muốn ra ngoài, hãy dùng chiếc limousine của tôi, nó sẽ đưa ngài về ngôi nhà của mình ở phố Broad.” Tôi đã cảm ơn anh ta nhiều lắm, và có thể tôi không nên đề cập đến chuyện đó theo cách này, nhưng tôi đã làm theo lời đề nghị. Tôi đã ngồi lên chiếc limousine cùng với người lái xe, và khi chúng tôi lên xe đi được một đoạn, tôi hỏi tài xế, “Chiếc limousin này giá bao nhiêu vậy?” “Sáu nghìn tám trăm đô-la và phải trả thêm tiền thuế nữa.” “Ồi”, tôi kêu lên “Chủ nhân của chiếc xe đã bao giờ tự cầm lái chưa?”

Tài xế bỗng bật cười đến mức không kiểm soát được vô lăng. Anh ta quá ngạc nhiên về câu hỏi đến mức để chiếc xe leo lên cả vỉa hè, gần va vào cột đèn ở góc phố rồi lùi trở lại xuống lòng đường. Khi trở lại lòng đường, anh ta lại cười khiến chiếc ô tô dường như rung lên. Rồi anh ta nói: “Anh ta lái chiếc xe này ư!Ồ, anh ta chắc hẳn may mắn nếu biết cách ra khỏi xe thế nào khi chúng ta tới nơi!”

Tôi phải kể cho các bạn nghe về cậu con trai của người đàn ông ở Niagara Falls. Kết thúc bài giảng, tôi đến khách sạn, và vừa tới bên bàn lễ tân nơi cậu con trai của nhà triệu phú đến từ New York đang đứng. Cậu bé là một mẫu vật không thể diễn tả nổi của tiềm năng nhân chủng học. Cậu bé có cái mũ chụp đội lệch trên đầu, với những tua vàng trên đỉnh, và cái đầu cây batoong dưới cánh tay. Thật khó để miêu tả. Cậu ta đeo cặp kính không thể nhìn xuyên qua, đi đôi ủng da được may hết sức tinh khéo nhưng khiến cậu ta không thể bước đi được, và mặc một chiếc quần khiến cậu ta không thể ngồi xuống – trông cậu ta hết như một con châu chấu. Cái người giống con châu chấu ấy bước đến quầy lễ tân cùng thời điểm với tôi, chỉnh cái kính trên mặt, và nói với nhân viên lễ tân bằng giọng điệu thông thái. Các bạn thấy đấy, cậu ta nghĩ đó là “Tiếng Ấn”, nói ngượng ngạo. “Thơ ngày, ngày có thể vui lòng cho tôi vờ tở giới với ít phong bì được không!” Nhân viên khách sạn nhanh chóng đoán được yêu cầu của khách, và lôi giấy và phong bì từ trong ngăn kéo, phi nó qua quầy về phía chàng trai trẻ, rồi quay lại tiếp tục đọc sách. Các bạn nên chứng kiến biểu hiện của cậu ta khi những phong bì thư được ném đến. Mặt cậu ta sừng lên như con gà tây ăn tạp Thổ Nhĩ Kỳ, chỉnh lại cặp kính của mình và hét lên: “Ngày quay lại đây ngay. Bây giờ thì ngày làm ơn gọi người giúp tôi nhặt những tờ giới và phong bì lên bàn ngày được chứ.” Ôi một con khỉ nước Mỹ đáng khinh, tội nghiệp và khốn khổ! Cậu ta không thể lấy tờ giấy và phong bì ở khoảng cách 6m. Tôi cho rằng cậu ta không bao giờ chạm tay vào việc đó. Tôi không thấy thương cảm cho những trò hề theo bản năng tự nhiên của con người. Nếu như anh không có vốn, chàng trai à, tôi thấy vui vì điều đó. Những gì anh cần là giác quan và cảm nhận chứ không phải là những đồng tiền.

Điều quan trọng nhất tôi có thể làm bây giờ là minh chứng những điều mình nói bằng trường hợp thực tế rất nổi tiếng. A. T. Stewart, một cậu bé nghèo sống ở New York, khởi nghiệp với chỉ 1 đô-la 50 xu. Cậu ta mất 87,5 xu của

số tiền ấy trong lần đầu kinh doanh. Hãy xem cậu ta may mắn cỡ nào sau lần đầu tiên thất bại nhé. Cậu ta nói: “Tôi sẽ không bao giờ ‘đánh bạc’ trong kinh doanh nữa,” và cậu ta không bao giờ mạo hiểm nữa. Bạn có biết cậu ta làm mất 87,5 xu như thế nào không? Có thể mọi người đều đã biết câu chuyện đó – vì cậu ta đã đi mua kim, chỉ và cúc cài áo để bán cho những người không có nhu cầu, những đồ ấy không bán được, trở thành một khoản lỗ chết. Cậu ta tuyên bố, “Tôi sẽ không mất thêm đồng nào vào việc đó nữa.” Và rồi cậu ta lần đầu tiên đi xung quanh khu phố của mình để tìm hiểu xem mọi người cần gì. Khi biết được nhu cầu của họ, cậu ta đầu tư 62,5 xu để cung cấp mặt hàng đó. Hãy tìm hiểu ở bất kỳ lĩnh vực nào bạn muốn – trong kinh doanh, trong sự nghiệp, và trong cả việc trông nom nhà cửa, mọi điều trong cuộc sống. Đó là bí mật của thành công. Đầu tiên bạn phải biết được nhu cầu. Bạn phải biết được mọi người cần thứ gì, rồi đầu tư vào nơi bạn được mong chờ nhất. A. T. Stewart thực hiện nguyên tắc ấy cho tới khi anh ta xứng đáng với số tiền lên tới bốn mươi triệu đô, sở hữu một gian hàng nhỏ ở New York mà tại đó ngài Wanamaker đã làm việc hết mình.

Tài sản của cậu ta được tạo nên từ chính những thua lỗ, điều đã dạy Stewart một bài học quý giá rằng chỉ được đầu tư sức lực và tiền bạc vào những gì mọi người thực sự cần. Khi nào thì các bạn – những nhà kinh doanh, học được điều đó? Khi nào những nhà sản xuất sẽ biết được rằng cần phải nắm bắt nhu cầu thay đổi của con người nếu các bạn muốn thành công trong cuộc sống? Hãy áp dụng điều đó cho chính các bạn, những tín đồ Cơ Đốc giáo, như cách các nhà sản xuất, thương nhân muốn đáp ứng nhu cầu của mọi người. Đó là kim chỉ nam vĩ đại như chính con người và sâu sắc như sách Kinh thánh.

Minh chứng tuyệt vời nhất mà tôi từng được nghe về vấn đề này là câu chuyện của John Jacob Astor . Chắc bạn đã biết rằng ông ta là người kiếm

tiền cho gia đình Astor khi ở New York chứ. John nợ phí đi tàu trên hành trình qua biển. Nhưng cậu bé nghèo khổ không một đồng xu dính túi ấy đã tạo nên cả một cơ đồ cho dòng họ Astor bằng một nguyên tắc duy nhất. Tôi biết rằng sẽ có một số thanh niên ở đây tối nay nói, “Chà, họ có thể xây dựng được cơ đồ đó tại New York chứ không thể làm điều đó tại Philadelphia.” Các bạn của tôi, các bạn đã đọc cuốn sách tuyệt vời của Riis rồi chứ (ký ức về ông ấy vẫn còn sâu đậm trong chúng ta bởi ông mới ra đi gần đây thôi), trong đó có đưa ra những ghi chép thống kê về 107 triệu phú của New York năm 1889. Nếu các bạn đọc số liệu đó thì sẽ thấy rằng chỉ có 7 trong số 107 triệu phú tạo dựng cơ nghiệp tại New York. Trong số đó, mười triệu đô-la tổng giá trị thuộc về lĩnh vực đầu tư bất động sản, 67 trong số 107 người kiếm tiền ở những thị trấn nhỏ với số dân dưới 3.500 người. Người đàn ông giàu nhất đất nước này hiện tại không bao giờ chuyển khỏi thị trấn với số dân 3.500 người. Không có sự khác biệt nào về việc bạn ở đâu cũng như bạn là ai. Nhưng nếu các bạn không thể làm giàu tại Philadelphia thì chắc chắn cũng không thể làm giàu tại New York.

Bây giờ thì John Jacob Astor sẽ chứng minh cho các bạn thấy rằng mọi điều đều có thể thực hiện ở mọi nơi. Một lần, ông ta thế chấp gian hàng bán mũ của mình để vay tiền ngân hàng, nhưng rồi ông ta không thể bán những chiếc mũ ấy để kiếm đủ lời chi trả tiền lãi suất. Sau khi bị tịch thu tài sản, tước quyền sở hữu gian hàng, John bắt đầu hợp tác làm ăn với những người cùng cảnh ngộ, với cùng số vốn và gian hàng như trước. Nhưng anh ta chẳng góp đồng nào với họ cả. Họ phải bán cả hàng hóa để kiếm lời. Một ngày nọ, cũng như mọi ngày, anh ta để mọi người trông nom cửa hàng như họ vốn vẫn làm trước đó rồi ra ngoài công viên, ngồi trên một chiếc ghế dài dưới bóng râm. Vậy John Jacob Astor làm gì ở đó, và hợp tác gì với những người cũng thất bại như mình? Trong tâm trí tôi, anh ta là phần quan trọng và dễ chịu nhất trong sự hợp tác. Khi John ngồi trên chiếc ghế, anh ta quan sát những phụ nữ

đi qua. Vì ngồi trên ghế nên nếu một phụ nữ đi qua với bờ vai nghiêng nghiêng và cái đầu giữ thẳng, nhìn thẳng về phía trước như thế không quan tâm ngay khi cả thế giới đổ dồn ánh mắt về phía mình, anh ta quan sát được cái mũ của cô gái, hiểu được hình dáng tổng thể khi nó khuất xa rồi, màu sắc của những họa tiết trang trí, những gợn sóng mềm mại của lớp lông thú. Thịnh thoảng, tôi có thử miêu tả chiếc mũ ấy nhưng không phải thường xuyên. Tôi không cố gắng để mô tả một chiếc mũ thời thượng. Sự kết hợp của những loại lụa gợn sóng sau đầu, hoặc bên cổ, giống như một con gà trống chỉ còn một phần lông đuôi. Nhưng đối với John, ngày hôm đó đã bật mí cho anh một vài nghệ thuật trong kinh doanh hàng phụ trang nữ, anh lập tức quay về cửa hàng và nói với mọi người: “Bây giờ hãy đặt vào tủ trưng bày loại mũ mà tôi vừa miêu tả, bởi vì tôi đã nhìn thấy một phụ nữ thích loại mũ như thế. Đừng thêm thắt gì nữa cho đến khi tôi quay lại nhé.”

Rồi anh ta lại ra công viên và tiếp tục quan sát, lại một người phụ nữ khác đi qua với chiếc mũ có hình dáng, hình thức, màu sắc và chất da khác hoàn toàn. “Bây giờ”, John nói, “hãy đặt cái mũ như thế vào tủ trưng bày.” Anh ta không bày vào tủ hàng mẫu của mình những chiếc mũ nữ và mũ bê rê khiến mọi người dừng dừng để rồi ngồi một chỗ và than phiền vì khách hàng chỉ tới Wanamaker's để mua sắm. Anh ta không có những chiếc mũ nữ và mũ bê rê trong tủ kính nhưng dựa vào những gì mà những người phụ nữ ưa chuộng trước đó thì nó đã được tạo ra. Trào lưu trang phục lập tức quay trở lại, và hình thành nên nền tảng cho một cửa hàng lớn nhất ở New York trong dòng sản phẩm ấy. Cơ đồ được tạo ra bởi John Jacob Astor sau khi họ đã thất bại trong kinh doanh, bằng cách không lãng phí thêm một đồng tiền nào nữa mà thay vào đó, tìm hiểu kỹ lưỡng những người phụ nữ muốn gì ở những chiếc mũ đội đầu trước khi họ phí phạm thêm chất liệu để làm nó. Tôi muốn nói với bạn rằng nếu một người có thể dự đoán được công việc kinh doanh thì anh ta có thể nhìn trước được mọi ánh hào quang của ánh sáng thiên đường!

Giả sử buổi tối nay tôi đến và hỏi các bạn liệu có cơ hội làm giàu nào ở một thành phố có ngành sản xuất lớn nhất này không. “Ồ có chứ,” một số người trả lời, “Ở đây vẫn có cơ hội nếu như ngài xây dựng được lòng tin và có khoảng hai đến ba triệu đô-la tiền vốn.” Anh bạn trẻ, lịch sử của sự đổ vỡ tín thác tấn công “kinh doanh lớn” đang cho thấy giờ đây cơ hội của người đàn ông kinh doanh nhỏ hơn là gì. Chưa bao giờ có chuyện anh có thể làm giàu nhanh chóng khi không có vốn như bây giờ.

Nhưng anh sẽ phản biện rằng, “Chỉ lòng tốt không thôi thì ta chẳng thể làm nên điều gì. Ngài không thể bắt đầu với cái túi rỗng tuếch.” Chàng trai trẻ à, hãy để tôi minh chứng một chút. Tôi phải làm điều này bởi đó là nhiệm vụ mà tôi phải làm đối với những chàng trai, cô gái trẻ, bởi vì tất cả chúng ta đều đang dẫn thân vào kinh doanh rất sớm với kế hoạch giống nhau. Các bạn, hãy luôn nhớ rằng, nếu bạn biết được nhu cầu của mọi người là gì, bạn sẽ biết chớp lấy thời cơ mà không số tiền vốn nào có thể mang lại.

Có một người đàn ông nghèo thất nghiệp sống ở Hingham, Massachusetts. Suốt ngày anh ta chỉ dạo quanh nhà, cho đến một ngày cô vợ đề nghị anh ta hãy ra ngoài và tìm công việc nào đó, và vì đang sống ở Massachusetts, anh ta nghe lời vợ. Anh ta ra ngoài và ngồi trên bờ vịnh, cắt ghép những tấm ván ngâm thành cái bè gỗ. Buổi tối hôm đó lũ trẻ nhà anh ta cãi nhau về chiếc bè, vì thế anh ta làm thêm cái nữa cho yên ổn. Khi anh ta đang ghép bè thì người hàng xóm đến và nói: “Sao anh không làm đồ chơi và bán nhỉ? Việc đó có thể đem lại tiền bạc cho anh đấy.” “Ồ”, anh ta nói, “tôi sẽ chẳng biết làm gì đâu.” “Tại sao anh không hỏi lũ trẻ nhà mình xem phải làm những gì?” “Như vậy để làm gì chứ?” Anh thợ mộc hỏi. “Con tôi khác với những đứa trẻ khác.” (Tôi thường thấy mọi người nói thế khi tôi còn dạy học.) Nhưng rồi anh ta cũng làm theo lời gợi ý đó. Sáng hôm sau khi Mary bước xuống cầu thang, anh ta hỏi cô bé, “Con muốn những đồ chơi gì nào?” Cô bé bắt đầu nói

với cha rằng cô muốn một chiếc giường ngủ cho búp bê, bồn rửa, xe đẩy búp bê, một cái ô nhỏ, và một danh sách những thứ mà người cha phải mất cả đời mới làm hết được. Sau khi tham khảo chính lũ trẻ nhà mình, anh ta đã dùng củi, vì không có tiền mua gỗ, và chế tạo những món đồ chơi Hingham không sơn và thô ráp được nhiều người trên toàn thế giới biết đến trong suốt những năm qua. Người đàn ông đó làm ra những món đồ chơi cho con mình và nhờ bán những phiên bản đồ chơi ấy tại một cửa hàng giày dép gần nhà. Anh ta bắt đầu có một chút ít vốn liếng, sau đó thì nhiều hơn. Lawson trong tác phẩm Tài chính điên cuồng đã nói rằng người đàn ông đó là người giàu nhất Massachusetts, và tôi tin đó là sự thật. Giờ đây, anh ta đã có tài sản trị giá một trăm nghìn đô-la, và suốt ba mươi tư năm kiếm tiền dựa trên một nguyên tắc đã chứng minh một điều rằng những gì con anh ta thích chơi ở nhà thì những đứa trẻ khác cũng sẽ thích mà thôi; đánh giá trái tim con người bằng chính con người anh ta, bằng người vợ và lũ trẻ của chính mình. Đó là con đường lộng lẫy dẫn tới thành công trong lĩnh vực sản xuất. “Ồ”, nhưng các bạn sẽ nói, “chẳng phải anh ta không có chút vốn liếng nào sao?” Đúng, anh ta chỉ có một con dao bỏ túi thôi, nhưng tôi không biết anh ta có phải trả tiền để mua nó hay không.

Tôi kể câu chuyện đó cho một khán giả ở New Britain, Connecticut – người phụ nữ đang lái xe về nhà, cố cởi chiếc áo ngoài ra, và cái nút ở cổ bị mắc vào khuyết. Cô ta ném nó đi và nói, “Em sẽ kiếm cái gì đó tốt hơn cái nút này để đính lên cổ áo.” Chồng cô đáp lại, “Sau những gì Conwell nói tối nay, em đã thấy rằng cần thiết có một thứ để cài cổ áo dễ dàng hơn. Đó là nhu cầu của mọi người và là vận may lớn. Nào, bây giờ thì nghĩ ra nút cài cổ áo và trở nên giàu có thôi.” Anh ta trêu vợ rồi lấy cả tôi ra là trò đùa nữa, đó là điều khiến tôi đau buồn nhất, giống như một đám mây đen che ngang bầu trời, đôi khi là thế – mặc dù tôi đã làm việc rất chăm chỉ trong suốt hơn nửa thế kỷ qua, nhưng những gì tôi đóng góp mới thật nhỏ bé làm sao. Bất kể những lời khen

mỹ miều và tôn kính của các bạn ngồi đây, tôi không tin rằng có một trong số mười người các bạn sẽ đi kiếm một triệu đô-la chỉ vì các bạn đã ngồi đây tối nay; nhưng đó không phải lỗi của tôi mà là của các bạn. Thật lòng đấy. Buổi nói chuyện của tôi có ý nghĩa gì nếu như mọi người không bao giờ làm những điều mà tôi khuyên? Khi bị anh chồng nhạo báng, vị khán giả của tôi đã tự nhủ rằng mình nhất định sẽ tạo ra một cái khuy áo tốt hơn, và khi người phụ nữ quyết định rằng “cô ta sẽ”, nhưng không nói một lời nào về nó, thì chắc chắn rằng cô ấy sẽ làm. Đó là người phụ nữ ở New England đã phát minh ra loại khuy bấm mà bây giờ bạn có thể thấy ở bất kỳ đâu. Nó là một cái khuy với mũ cong bao trùm phần ngoài. Bất kỳ ai mặc đồ chất liệu vải không thấm nước đều biết khuy đó nó chỉ đơn giản khớp vào với nhau, và khi mở khuy bạn chỉ cần giật ra. Đó là chiếc khuy áo mà tôi nói tới, và cái mà cô ấy đã phát minh ra. Sau đó, cô ấy còn phát minh ra một số loại khuy áo khác, đầu tư thêm tiền và hợp tác với những nhà máy lớn để sản xuất. Bây giờ thì mỗi mùa hè, người phụ nữ ấy lại lên đênh du lịch biển trên chiếc du thuyền của chính mình – vâng, và có chồng cùng đi nữa! Nếu người chồng chết đi, cô ta có đủ số tiền còn lại để “mua được” một tước vị như công tước, bá tước ngoại quốc giàu có, hay chức danh gì đó tương tự, theo như công bố gần đây nhất.

Nào, vậy thì bài học mà tôi đưa ra trong trường hợp này là gì? Là thế này nhé: mặc dù không biết cô ấy, nhưng tôi cũng đã nói với cô ấy những gì tôi đang nói với các bạn, “Sự giàu có đang ở rất gần bạn. Bạn đang thấy nó rồi đấy”; chắc chắn cô ấy đã phải nhìn thấy bởi nó ở ngay dưới cằm cô ấy!

Tôi đã đọc một bài báo nói rằng phụ nữ không bao giờ có thể phát minh ra thứ gì cả. Các bạn, hãy suy nghĩ. Cả những quý cô cũng suy nghĩ đi! Các bạn cho rằng các bạn không thể tạo nên vận may bởi các bạn, có lẽ, đang phải làm trong tiệm giặt là, hoặc chạy máy khâu, hoặc dệt vải, tuy nhiên bạn có

thế là một triệu phú nếu như làm theo hướng dẫn không thể nhầm lẫn này. Khi bạn nói người phụ nữ không phát minh ra được thứ gì, vậy tôi muốn hỏi ai đã phát minh máy dệt Jacquard làm nên bộ đồ mà mọi người đang mặc kia? Đó là bà Jacquard. Con lặn máy in, báo in, đều được phát minh bởi bà vợ của những ông chồng nông dân. Ai phát minh ra máy tua hột bông ở miền Nam đã giúp làm giàu nhanh chóng cho đất nước chúng ta. Chính bà General Greene đã phát minh ra máy tua hột bông và chia sẻ ý tưởng đó với ông Whitney, và ông ta, một người đàn ông, đã chiếm hữu sáng chế đó. Ai là người phát minh ra máy khâu? Nếu sáng mai tôi đến trường học và hỏi con các bạn, chúng sẽ trả lời là, “Elias Howe”.

Anh ta ở cùng với tôi trong cuộc nội chiến, và thường ở cùng lều với tôi, anh ta kể với tôi rằng đã làm việc mười bốn năm để tạo ra máy khâu. Nhưng một hôm cô vợ của anh ta kêu ca nếu như họ không phát minh ra thứ gì đó sớm hơn thì họ sẽ chết đói, và chỉ trong hai tiếng đồng hồ, cô ấy đã phát minh ra máy khâu. Tất nhiên anh ta đã lấy tên mình cho bằng sáng chế. Đàn ông luôn làm vậy. Ai đã sáng chế ra máy cắt và máy gặt? Theo như thông tin riêng của ông McCormick trong cuốn sách mới được công bố gần đây thì đó là một người phụ nữ ở phía Tây Virginia. Sau khi cha của McCormick và ông đều thất bại trong việc chế tạo ra máy gặt và từ bỏ nó thì bà ta đã dùng những bánh răng rồi đóng chúng lại với nhau trên cạnh một tấm bảng, với một trục của từng cặp nối lỏng, rồi buộc chúng lại để khi bà ta kéo dây theo hướng này thì sẽ đóng chúng lại, còn khi kéo theo hướng khác nó lại được mở ra, và thế là bà ta đã có nguyên lý hoạt động của một chiếc máy cắt. Nếu bạn nhìn vào nó, bạn chẳng thấy gì cả ngoài những bánh răng. Nếu người phụ nữ có thể phát minh ra máy cắt, máy dệt Jacquard, máy tua hột bông, bộ chuyển mạch xe điện – vì người phụ nữ đó đã sáng tạo và làm cho những xe đẩy chiếc có thể hoạt động; nếu một người phụ nữ có thể phát minh, như Carnegie đã nói, ra máy cán thép tạo tiền đề cho hàng triệu doanh nghiệp thép của nước Mỹ thì

“chúng ta – những người đàn ông” có thể phát minh ra bất kỳ thứ gì trong vũ trụ này. Tôi nói điều đó để cổ vũ phái mạnh chúng ta.

Ai là những người phát minh vĩ đại nhất thế giới? Một lần nữa bài học này lại được đưa ra xem xét. Người phát minh vĩ đại nhất đang ngồi cạnh các bạn, hoặc cũng có thể là chính bản thân các bạn đó. “Ồ”, nhưng các bạn có thể nói rằng, “Tôi chưa bao giờ phát minh ra thứ gì trong cuộc đời cả.” Những nhà phát minh vĩ đại cũng chưa từng làm điều đó cho đến khi họ khám phá ra một bí mật quan trọng. Các bạn có nghĩ rằng đó là một người với cái đầu giống như cái gĩa đong gạo hay một người đàn ông giống như luồng sáng của sấm sét dội xuống? Cả hai đều không phải. Người đàn ông vĩ đại thực sự là một người thuần khiết, thẳng thắn, đơn giản và có những cảm nhận đời thường. Bạn đừng thần tượng ông ta là nhà phát minh vĩ đại nếu chưa nhìn thấy sản phẩm sáng tạo nào thực tế mà họ đã tạo ra. Hàng xóm của ông ta không nghĩ rằng ông ta lại vĩ đại thế. Bạn không bao giờ coi những người bạn sau nhà của mình là những người vĩ đại. Bạn nói rằng không có sự vĩ đại nào trong số những người hàng xóm xung quanh. Tất cả đều ở một nơi nào đó khác. Sự tuyệt vời của họ vô cùng giản đơn, khiêm nhường, nghiêm túc, thực tế mà những người hàng xóm và bạn bè không bao giờ nhận ra được.

Sự vĩ đại thực sự thường không dễ nhận ra. Điều đó là chắc chắn. Rõ ràng các bạn không biết gì về những người đàn ông, phụ nữ vĩ đại nhất. Tôi đã đi thực tế để viết về cuộc đời Tổng thống General Garfield , và một người hàng xóm của ông ta, biết tôi đang vội vì ở đó có một đám người ồn ào đứng chặn cửa trước, nên đã đưa tôi ra cửa sau và gào lên, “Jim! Jim”. Rất nhanh chóng, “Jim” ra mở cửa và để cho tôi vào trong, và tôi đã viết cuốn tiểu sử về một trong những người đàn ông xuất chúng nhất nước Mỹ, tuy nhiên vẫn là “Jim” xưa cũ của anh bạn hàng xóm mà thôi.

Nếu các bạn biết một người đàn tiếng ở Philadelphia thì sáng mai nên tìm gặp ông ấy, bạn sẽ hỏi, “Ông khỏe không, Sam?” hoặc “Chào, Jim.” Tất nhiên sẽ là vậy. Đó là những gì các bạn sẽ làm.

Một đồng đội của tôi trong cuộc Nội chiến từng bị tuyên án tử hình, tôi đã tới Nhà Trắng ở Washington – được gửi tới đó lần đầu tiên trong đời để gặp Tổng thống. Tôi vào phòng chờ và ngồi trên một chiếc ghế băng dài cùng rất nhiều người khác, viên thư ký đi hỏi từng người một để nói với Tổng thống những điều họ muốn. Sau khi thư ký hỏi hết lượt, anh ta đi vào, rồi trở lại cánh cửa và ra hiệu cho tôi. Tôi đi lên phòng chờ và viên thư ký nói, “Cánh cửa phòng Tổng thống ở ngay đằng kia. Chỉ cần gõ cửa nhẹ rồi vào luôn.” Trong suốt cuộc đời, tôi chưa bao giờ mất bình tĩnh, các bạn ạ, chưa bao giờ. Nhưng chính anh chàng thư ký đã khiến điều ấy tồi tệ hơn với tôi, bởi vì anh ta chỉ cho tôi cách đi vào đó rồi bước ra ngoài theo một cánh cửa khác phía bên trái và đóng sầm lại. Tôi đã ở đó, một mình ngoài hành lang trước cửa phòng Tổng thống Mỹ. Tôi từng tham gia nhiều trận chiến, nơi lựu đạn nổ xé tai và những viên đạn đã găm vào người tôi, nhưng giờ thì tôi chỉ muốn chạy trốn khỏi đây. Tôi chưa bao giờ quá sợ hãi như lúc bước vào phòng tại Antietam hôm ấy; nhưng cuối cùng tôi cũng dồn hết can đảm—tôi không biết mình đã làm điều gì – bám vào cánh cửa. Người đàn ông bên trong phòng không giúp tôi gì cả, nhưng nói vọng ra khuyến khích, “Hãy vào và ngồi xuống!”

Vì thế, tôi đi vào và ngồi ở mép ghế, tôi ước gì mình đang ở châu Âu, và người đàn ông ngồi ở bàn kia sẽ không ngược lên nhìn. Ông ta là một trong những người vĩ đại nhất thế giới, và trở nên vĩ đại vì một nguyên tắc duy nhất. Với tất cả những thanh niên trẻ tuổi ở Philadelphia đang đứng trước tôi bây giờ, tôi chỉ nói một điều này thôi, và họ sẽ nhớ điều đó. Tôi đã dành cả cuộc đời để nghiên cứu những ảnh hưởng tích cực của nguyên tắc đó đối với

nền văn minh cũng như thành phố của chúng ta. Nguyên tắc của Abraham Lincoln đối với những điều vĩ đại đã gần như được tập hợp lại hết. Nguyên tắc của ông là: Bất kể làm điều gì, ông cũng đều dành toàn bộ tâm trí cho tới khi hoàn thành. Điều đó khiến ông trở thành con người vĩ đại ở bất kỳ điểm nào, nơi đâu. Lúc đó, ông đang bận rộn với đám giấy tờ trên bàn và không ngược lên nhìn tôi, còn tôi ngồi đó run rẩy. Cuối cùng, khi ông buộc đóng giấy tờ lại và đẩy chúng sang một bên rồi nhìn lướt qua tôi với một nụ cười trên khuôn mặt có vẻ mệt mỏi. Ông nói: “Tôi là người bận rộn và chỉ có vài phút rảnh thôi. Giờ thì hãy nói một cách ngắn gọn những điều anh muốn.” Tôi bắt đầu nói với ông, đề cập tới vấn đề của đồng đội mình, và ông đáp: “Tôi đã nghe tất cả và anh không cần nói thêm điều gì nữa. Staton đã nói với tôi về chuyện đó cách đây vài ngày. Anh có thể trở về khách sạn và yên tâm rằng Tổng thống không bao giờ ra quyết định xử bắn một cậu bé chưa đến hai mươi tuổi, và sẽ không bao giờ. Anh có thể nói điều đó với cả mẹ cậu ta nữa.” Rồi ông hỏi tôi, “Chiến trường thế nào rồi?” Tôi trả lời, “Đôi khi chúng tôi thấy nản chí.” Ông tiếp lời: “Điều đó không có gì sai trái cả. Chúng ta sắp chiến thắng rồi. Chúng ta sắp tới gần với ánh sáng. Không người đàn ông nào nên mong muốn trở thành Tổng thống của nước Mỹ, và tôi rất vui mừng khi tôi sắp kết thúc nhiệm kỳ; con trai tôi và tôi sẽ đến Springfield, Illinois. Tôi đã mua một trang trại tại đó và tôi không bận tâm nếu chỉ kiếm được 25 xu một ngày. Con trai tôi có một bầy la, và chúng tôi dự định sẽ trồng hành ở đó.”

Sau đó, Tổng thống lại hỏi tôi, “Anh lớn lên ở trang trại à?” Tôi trả lời, “Đúng vậy, tại Berkshire Hills ở Massachusetts.” Ông đưa chân qua góc chiếc ghế lớn và nói, “Tôi đã luôn được nghe, từ khi còn nhỏ, rằng ở đó, trên những ngọn đồi, các anh phải mài nhọn mũi của những con cừu để chúng có thể ăn cỏ trong khe giữa những phiến đá nhô ra.” Ông quá thân thuộc, quá đời thường, giống như những người nông dân đến mức tôi cảm giác như từng

được sống chung nhà với ông. Tổng thống với lấy một cuộn giấy, nhìn tôi rồi nói, “Chúc buổi sáng tốt lành nhé.” Tôi hiểu ý ông, đứng dậy và ra ngoài. Sau khi bước ra, tôi không thể hình dung được rằng mình vừa được gặp Tổng thống của nước Mỹ. Nhưng vài ngày sau, khi tôi vẫn ở trong thành phố, tôi đã thấy đám đông đi qua Phòng Đông với chiếc quan tài của Abraham Lincoln. Khi nhìn vào khuôn mặt của Tổng thống bị ám sát, tôi cảm thấy rằng người đàn ông mà tôi được gặp trong thời gian ngắn ngủi mới đây thôi – người quá giản dị, thuần khiết, là một trong những con người vĩ đại nhất mà Chúa tạo ra để dẫn dắt một quốc gia đến với tự do tối thượng. Tuy nhiên, ông vẫn chỉ là “Abe giản dị” trong tiềm thức của những người láng giềng. Khi họ tổ chức đám tang lần hai, tôi cũng được mời đến, và chứng kiến vẫn chiếc quan tài ấy đặt vào ngôi mộ tại Springfield. Đứng xung quanh là những người hàng xóm của Lincoln, những người mà với họ, ông vẫn chỉ là “Abe giản dị”. Tất nhiên đó là tất cả những gì họ sẽ nói.

Bạn đã bao giờ thấy một người cứ đi lại nghênh ngang để quan sát một người thợ máy làm việc chưa? Bạn có nghĩ rằng anh ta tuyệt vời? Anh ta chẳng là gì ngoài một quả bóng căng phồng, được buộc chặt bởi đôi bàn chân lớn của ông. Không hề có gì là vĩ đại ở đó cả.

Vậy ai là người đàn ông và phụ nữ vĩ đại? Sự tập trung của tôi được gọi về vào một ngày mà một điều rất nhỏ bé đã tạo nên cơ nghiệp cho một người đàn ông nghèo khổ. Thật là một việc phi thường, và nhờ trải nghiệm đó mà anh ta – không phải một nhà phát minh hay thiên tài – đã sáng chế ra chốt kim loại, ngày nay được gọi là chốt an toàn, và ngoài điều đó ra, chốt an toàn đã làm nên cơ nghiệp cho một trong những gia đình quý tộc nhất quốc gia này.

Một người đàn ông nghèo tại Massachusetts làm việc trong xưởng đinh đã bị

thương lúc ba mươi tám tuổi, vì thế dù vẫn có thể kiếm tiền, nhưng anh ta chỉ có thể kiếm được rất ít thôi. Anh ta được nhận vào làm tại một văn phòng với công việc là tẩy các dấu chì trên hóa đơn, việc cầm tẩy cao su khiến tay anh mỗi nhừ. Vì thế, anh nghĩ ra cách gắn miếng cao su ấy vào một đầu que và khiến cho nó giống như một chiếc bào. Cô con gái của anh ta đến bên và hỏi, “Tại sao cha chưa có bằng sáng chế cho cái này cha nhỉ?” Sau này người cha đó nói, “Con gái tôi nói khi tôi lấy cái que và gắn cái tẩy lên đó, đó là suy nghĩ đầu tiên của con bé về điều đó.” Anh ta đến Boston, và trình xin công nhận bản quyền sáng chế, giờ thì tất cả các bạn ở đây đều có bút chì gắn tẩy trong túi, thứ đã mang lại lợi nhuận khổng lồ cho nhà triệu phú kia. Không vốn liếng, không đầu tư một xu nào. Tất cả là thu nhập, mọi thứ đều dẫn tới lợi nhuận hàng triệu đô-la.

Nhưng hãy để tôi nhanh chóng đến với một tư tưởng vĩ đại khác. “Hãy chỉ cho tôi biết người đàn ông và phụ nữ tuyệt vời tại Philadelphia này đi.” Một quý ông ngồi phía xa đứng dậy bày tỏ, “Ở Philadelphia, chúng tôi không có ai vĩ đại cả. Họ không sống ở đây. Họ sống ở Rome, St. Petersburg, London hay Manayunk hoặc đâu đó chứ không phải trong thành phố này.” Giờ thì tôi đang đạt tới đỉnh cao tư duy của mình. Tôi đang chạm tới trung tâm của tất cả vấn đề và trọng tâm của cuộc tranh luận: Tại sao Philadelphia không phải là một thành phố vĩ đại hơn với sự giàu có hơn? Tại sao New York lại phát triển vượt trội hơn Philadelphia? Mọi người trả lời rằng, “Bởi vì nó có cảng biển.” Vậy thì tại sao nhiều thành phố khác của nước Mỹ đều vượt xa Philadelphia? Chỉ có một câu trả lời duy nhất, đó là bởi người dân chúng ta bị quan với chính thành phố của mình. Nếu có một cộng đồng nào đó trên trái đất này bị buộc phải tiến về phía trước, thì đó chính là những người dân thành phố Philadelphia. Nếu chúng ta đã có một đại lộ, hãy khiêm tốn; nếu chúng ta sắp có những trường học tốt hơn, hãy khiêm tốn; nếu bạn muốn hệ thống pháp luật thông thái, cũng hãy khiêm tốn; hãy luôn khiêm tốn về những vấn đề tiền

đề xuất. Đó là sai lầm lớn duy nhất mà tôi có thể chỉ ra từ những người dân tốt bụng tại Philadelphia tráng lệ này. Tôi muốn nói rằng đã đến lúc chúng ta xem xét toàn bộ thành phố này và ngợi ca những điều tốt đẹp về nó, và lên kế hoạch cho những việc đó trước khi cả thế giới cũng như những người dân tại Chicago, New York, St. Louis và San Fransico làm. Nếu như chúng ta có thể tạo nên tinh thần đó cho tất cả mọi người, thì chúng ta có thể làm những việc đó tại Philadelphia và sẽ làm tốt thôi!

Hãy đứng lên nào, hàng triệu người dân Philadelphia, hãy tin vào Chúa và con người, và hãy tin vào những cơ hội tuyệt vời ngay tại đây chứ không phải ở New York hay Boston xa xôi, mà tại đây – cơ hội cho kinh doanh, cho mọi thứ xứng đáng với cuộc sống. Không có cơ hội nào tốt hơn đâu. Hãy ca ngợi và lạc quan về chính thành phố của mình.

Nhưng tối nay ở đây, có hai người đàn ông khác có ý kiến, và đó là tất cả những gì tôi sẽ tiếp tục nói, bởi giờ cũng đã quá muộn rồi. Một người đứng dậy và nói, “Philadelphia sẽ có một người đàn ông giỏi giang, nhưng trước đây chưa từng có.” “Ồ, vậy sao? Khi nào thì anh sẽ trở nên vĩ đại vậy? “Khi mà tôi được chọn vào cơ quan chính trị nào đó”. Chàng trai trẻ, anh chưa học được bài học vỡ lòng của môn chính trị rằng đôi khi người xuất chúng làm việc cho chính phủ, nhưng những gì đất nước này cần là những người có thể làm những gì chúng ta muốn. Quốc gia này – nơi con người làm chủ – do chính con người thống trị, miễn là vì con người, những viên chức chính phủ chỉ là đầy tớ của dân mà thôi, và Kinh thánh nói rằng đầy tớ thì không thể vĩ đại hơn chủ nhân được. Kinh thánh còn nói, “Người được chỉ định không thể xuất sắc hơn Người chỉ định anh ta.” Con người cai trị, hay đúng hơn là nên cai trị, nếu họ làm như vậy, chúng ta không cần người xuất chúng hơn trong văn phòng chính phủ nữa. Nếu có một người xuất chúng ở nước Mỹ điều hành các cơ quan chính quyền thì chắc chắn chúng ta sẽ biến thành một đế

chế trong mười năm tới.

Tôi biết một người phụ nữ trẻ xuất sắc, và giờ đây thời điểm đi bỏ phiếu của cô ấy đã tới, cô ấy đã nói, “Một ngày nào đó tôi sẽ là Tổng thống của Hoa Kỳ.” Tôi tin vào sự bầu cử của phụ nữ, không còn nghi ngờ trừ những gì đang xảy đến, dù sao đi nữa thì tôi cũng đang trở nên hết sức bất thường. Tôi muốn có địa vị cho mình; nhưng nếu hoài bão về điều ấy ảnh hưởng đến những khát khao đi bỏ phiếu của phụ nữ, thì tôi muốn nói ngay tại đây với các bạn những gì tôi nói với chàng trai trẻ tuổi, rằng nếu như anh chỉ nhận được một đặc quyền duy nhất đó là có được một phiếu bầu thì anh chẳng nhận được thứ gì có giá trị cả. Trừ khi anh có thể kiểm soát được nhiều hơn một phiếu bầu, còn nếu không anh sẽ bị lãng quên, và ảnh hưởng của anh sẽ bị tiêu tan như không hề có. Đất nước này không được điều hành bởi những phiếu bầu. Các bạn có nghĩ vậy không? Nó được cai trị bằng tầm ảnh hưởng, bởi những hoài bão và bởi tài năng – thứ “kiểm soát” lá phiếu bầu. Những phụ nữ trẻ nghĩ rằng cô ta bỏ phiếu vì mục đích “kiểm soát” chính phủ đang mắc phải một sai lầm khủng khiếp.

Chàng trai trẻ thứ hai đứng dậy và nói, “Sắp có một người vĩ đại trong thành phố này và tại Philadelphia.” “Thật vậy không? Khi nào?” “Khi cuộc chiến tranh vĩ đại xảy ra, khi chúng ta gặp khó khăn trong việc chờ đợi một cách thận trọng ở Mexico; khi chúng ta tham chiến với nước Anh vì những chiến tích phù phiếm, hoặc với Nhật Bản, Trung Quốc hay New Jersey hoặc một đất nước xa xôi nào đó. Khi đó tôi sẽ giương những nòng pháo điều hành; sẽ quét những lưỡi lê sáng lóa; tôi sẽ xông vào trận chiến để xé tan lá cờ của quân địch rồi mang nó đi trong chiến thắng. Tôi sẽ trở về với những ngôi sao trên vai, và sẽ có chức danh sỹ quan như một món quà của quốc gia, và trở nên vĩ đại.” Không, không phải vậy. Anh nghĩ mình sẽ trở nên vĩ đại bằng chức danh đó ư, hãy nhớ rằng nếu anh không xuất chúng trước khi có được

chức vụ ấy, thì kể cả khi anh có được nó rồi, anh cũng không thể được coi là vĩ đại. Điều ấy sẽ chỉ là vẻ bề ngoài khô hời mà thôi.

Chúng ta đã tổ chức Lễ kỷ niệm Hòa bình Peace Jubilee ngay sau khi kết thúc cuộc chiến tranh Tây Ban Nha. Nhưng những người sống ở khu vực phía Tây không tin điều đó, vì họ nói rằng, “Philadelphia không biết gì về trận chiến với Tây Ban Nha cho đến tận năm mươi năm sau.” Một số người trong số các bạn có thể đã chứng kiến cuộc diễu hành trên phố Broad. Khi đó tôi đang đi xa, nhưng gia đình đã viết thư và kể cho tôi rằng thủ lĩnh “hoa tiêu” với ngài đại úy Hobson dừng ngay trước cửa và mọi người hô vang, “Hoan hô Hobson!” và nếu có mặt ở đó thì tôi cũng làm vậy, bởi ông xứng đáng nhận được nhiều hơn những gì từng nhận được. Nhưng giả sử tôi tới trường học và hỏi: “Ai là người đánh chìm tàu Merrimac tại Santiago?” và nếu những cậu bé trả lời tôi rằng, “Hobson,” thì chắc chắn chúng sẽ cho tôi câu trả lời sai 7/8 phần. Có bảy anh hùng khác trên con tàu ấy, và họ, bằng niềm tự hào đối với vị thế của mình, tiếp tục chiến đấu với ngọn lửa Tây Ban Nha, trong khi Hobson, một sĩ quan, có lẽ là chỉ đứng “phía sau đám khói” chỉ huy mà thôi. Bạn hỏi hết những người giỏi nhất trong căn phòng này xem, và có lẽ, không ai có thể kể được tên bảy người đàn ông kia.

Chúng ta không nên dạy lịch sử như vậy. Chúng ta nên dạy rằng, nếu một người hoàn thành nhiệm vụ của mình trong hoàn cảnh đó thì sẽ chỉ được trao danh hiệu danh giá của dân tộc Mỹ như thế một vị vua trên ngai vàng mà thôi. Nhưng chúng ta đã không dạy lịch sử theo cách như vậy. Chúng ta đang dạy rằng các vị tướng là người trực tiếp chỉ huy mọi cuộc chiến đấu. Tôi nhớ rằng, sau chiến tranh, tôi đã đến gặp Tướng Robert E. Lee, một người đàn ông Thiên Chúa giáo vĩ đại mà tất cả người dân ở cả hai miền Nam Bắc đều rất tự hào. Vị tướng kể cho tôi về người đầy tớ trung thành của ông, Rastus, là một anh lính binh nhì da màu. Một hôm, ông gọi cậu lính vào để nói

chuyện vui. Ông nói: “Rastus, tôi nghe nói tất cả các sỹ quan trong đại đội của cậu đều đã bị bắn chết, tại sao cậu lại sống sót?” Rastus chớp chớp mắt rồi nói, “Bởi khi nào trận chiến vẫn còn tiếp diễn thì tôi vẫn còn ở lại với các ngài.”

Tôi nhớ còn có một câu chuyện khác. Tôi sẽ không kể nữa nhưng nếu bạn tới thư viện để tìm đọc bài giảng này, bạn sẽ thấy câu chuyện đó đã được in trong bài giảng suốt hai mươi lăm năm qua. Tôi nhắm mắt lại – để đôi mắt nghỉ ngơi – và ô! Tôi nhìn thấy những khuôn mặt thời trẻ của mình. Đúng là đôi khi mọi người vẫn nói với tôi rằng, “Tóc ngài đâu có bạc đi; ngài đang làm việc ngày đêm không ngừng nghỉ; ngài không thể già được”. Nhưng khi nhắm mắt lại, giống như tất cả những người đàn ông khác cùng thế hệ với mình, tôi luôn thấy khuôn mặt của người thân và những người đã mất từ lâu và tôi biết, bất luận người ta có nói gì, thì rõ ràng là tôi cũng đã sang tuổi xế chiều.

Tôi nhắm mắt tưởng tượng đến thành phố quê hương Massachusetts, và tôi nhìn thấy khu nuôi gia súc trên đỉnh núi; tôi có thể nhìn thấy những chuồng ngựa ở đó. Tôi có thể nhìn thấy nhà thờ Giáo Đoàn; thấy tòa thị chính và những ngôi nhà tranh của người dân vùng núi; nhìn thấy đoàn người tập nập, vận những trang phục rực rỡ tôi còn thấy những lá cờ bay phấp phới và những chiếc khăn tay đang vẫy chào và lắng nghe ban nhạc biểu diễn. Tôi có thể nhìn thấy từng đoàn lính đang điều hành trên khu chăn nuôi gia súc ấy. Tôi chỉ là một cậu bé, nhưng lại là đội sỹ quan của binh đoàn ấy và đang căng phòng niềm tự hào và chỉ một chiếc kim khâu chạm vào cũng sẽ khiến tôi vỡ thành trăm mảnh. Khi đó tôi đã nghĩ rằng đó là sự kiện lớn nhất mà một người từng có được trên trái đất này.

Ban nhạc biểu diễn và tất cả mọi người quay ra để đón chào chúng tôi. Chúng

tôi điều hành tuyệt vời đến mức Common cảm thấy quá tự hào về tôi – người dẫn đầu đội quân, và chúng tôi quay lại tòa thị chính. Rồi họ bố trí chỗ ngồi cho lính của tôi tại khu trung tâm của giáo đường và tôi ngồi ở ghế trước. Một đoàn rất đông khoảng một trăm đến hai trăm người bước vào khiến căn phòng trở nên chật cứng, vì thế mà họ phải đứng xung quanh. Các quan chức của thành phố bước vào và ngồi thành hình bán nguyệt. Ngài thị trưởng ngồi ở giữa bục diễn thuyết. Trước đây, ông chưa từng nắm giữ chức quyền nào; nhưng ông là người tốt, bạn của ông ấy nói với tôi rằng tôi có thể nói vậy mà không khiến họ thấy chạnh lòng. Ông ấy là người tốt, nhưng ông lại có suy nghĩ rằng “chức tước” sẽ làm cho con người trở nên vĩ đại. Ngài thị trưởng bước lên bục và ngồi vào vị trí, chỉnh lại cặp kính đầy uy quyền và nhìn xung quanh, chợt ánh mắt đó dừng lại như dò xét về phía tôi đang ngồi ở hàng ghế trước. Ông bước ra thêm bục và mời tôi lên ngồi cùng với giới quan chức thành phố. Không một vị quan chức nào từng chú ý tới tôi trước khi tôi nhập ngũ, ngoài việc khuyên giáo viên trừng phạt tôi, còn bây giờ thì tôi lại được mời ngồi cùng vị trí với họ. Khi tôi bước lên bục, họ đưa tôi chiếc ghế ngồi khá xa từ hàng ghế trước.

Khi tôi ngồi xuống chỗ của mình, người chủ trì của những vị chức sắc đó đứng dậy và tiến thẳng về phía chiếc bàn, chúng tôi nghĩ rằng ông ta sẽ giới thiệu vị mục sư của Giáo Đoàn, nhà hùng biện duy nhất của thành phố, ông ta sẽ diễn thuyết trước binh đoàn lính. Nhưng, bạn của tôi, lẽ ra các bạn phải được thấy nỗi ngạc nhiên của tất cả khán giả ở đó khi họ biết rằng ông bạn già của họ sắp sửa đứng lên phát biểu. Ông ta chưa lần nào phát biểu trong đời, nhưng lại mắc phải cùng sai lầm mà hàng trăm người khác đã mắc phải. Thật lạ khi người ta không biết rằng mình phải bập bẹ tập nói từng chút từng chút một từ khi mới lên ba trước khi trở thành một nhà hùng biện trong tương lai, nhưng cơ hồ ông ta lại nghĩ rằng tất cả những gì cần làm là có được một chức vụ và rồi tất yếu sẽ trở thành một nhà diễn thuyết thành công.

Rồi ông tiến về phía trước, bắt đầu bài phát biểu mà ông đã đi đi lại lại trong bãi cỏ để học thuộc lòng và khiến lũ gia súc hốt hoảng. Ông ta mang theo tờ ghi chú nhỏ đặt trên bàn để chắc chắn rằng mình sẽ không quên ý. Ngài thị trưởng chỉnh lại kính và liếc qua tờ giấy một lần rồi quay trở lại bục, rồi tiến lại như thế này – cộp, cộp, cộp. Ông ta chắc hẳn đã phải nghiên cứu rất kỹ chủ đề ấy, chắc chắn là phải như vậy khi bạn muốn nhớ được nó, bởi vì ông ta diễn thuyết như đọc thuộc lòng vậy. Trùng gót trái, nghiêng vai, hơi chéch bàn chân phải sang một bên ở góc 45 độ. Khi ông ta đứng trong tư thế đọc thuộc lòng đó, các bạn ạ, đó là cách mà ông ta chuẩn bị cho bài diễn thuyết của mình. Một số bạn có thể phản ứng: “Ngài không nói quá đấy chứ?” Không hề. Nhưng tôi ở đây để truyền đạt chứ không phải để kể chuyện, và đây là bài phát biểu của ông ta:

“Các bạn – những công dân”, ngay sau khi cất lời, ngón tay của ông ta bắt đầu như thế này, khuỷu tay bắt đầu đung đưa, và toàn bộ cơ thể như run lên. Cổ họng nghẹn lại và nuốt từng lời rồi quay lại bàn tìm kiếm mảnh giấy ghi chú. Sau đó, ông ta lấy lại bình tĩnh bằng cách xiết chặt bàn tay và tiếp tục, “Thưa toàn thể mọi người, chúng ta là những công dân, chúng ta là – chúng ta là – chúng ta là – là – là rất vui mừng – rất vui mừng. Chúng ta rất vui mừng chào đón những người lính của chúng ta đã chiến đấu anh dũng trở về với quê hương thân yêu. Đặc biệt là chúng ta – đặc biệt là chúng ta – đặc biệt là chúng ta hôm nay rất hân hạnh được gặp người anh hùng này” (chỉ là tôi) – “người anh hùng trẻ tuổi trong tưởng tượng” (bạn của tôi, hãy nhớ rằng ông ta đã nói như vậy; nếu ông ta không nói “trong trí tưởng tượng” thì tôi đã không ích kỷ đến mức đề cập đến nó đâu) – “người hùng trẻ tuổi trong trí tưởng tượng mà chúng ta thấy đang đứng đầu – chúng ta đã thấy đứng đầu – đứng đầu. Chúng ta đã nhìn thấy anh dẫn dắt đội quân trong những trận chiến máu lửa. Chúng ta thấy thanh kiếm lấp lánh của anh tỏa sáng – chúng ta thấy thanh kiếm lấp lánh của anh tỏa sáng – tỏa sáng. Lấp lánh trong ánh nắng mặt

trời, khi anh hô to khẩu lệnh, “Tiến lên!”

Ồ, các bạn thân mến! Những gì người đàn ông ấy biết về chiến tranh mới ít ỏi đến nhường nào. Nếu ông ta biết về chiến tranh thì ông ta nên biết rằng bất cứ điều gì mà các chiến hữu của tôi tối nay sẽ nói cho bạn là sự thật, rằng đó là bước tiếp theo dẫn tới hành vi vi phạm quy chế của một sĩ quan bộ binh từng rơi vào tình thế hiểm nghèo và dẫn đầu đội quân của mình. “Tôi, cùng với thanh kiếm sáng lấp lánh dưới ánh mặt trời hô to với đội quân của mình. “Tiến lên”! Tôi chưa bao giờ làm như thế. Các bạn có nghĩ rằng tôi đứng trước đội quân của mình để bị kẻ thù bắn vào phía trước còn quân của chính mình bắn ở phía sau không? Sẽ không có chỗ như vậy cho một sĩ quan. Vị trí của một sĩ quan trên chiến trường là ở phía sau hàng ngũ. Khi là một chiến sỹ, tôi thường xuyên đứng ở phía hàng sau, khi chúng tôi được lệnh xếp hàng để ra chiến trường, một tiếng hét âm vang cả cánh rừng cất lên: “Đằng sau quay”. Sau đó, các sỹ quan sẽ đứng sau hàng lính của mình, cấp bậc sỹ quan càng cao thì anh ta càng đứng xa về phía sau. Không phải bởi anh ta không đủ dũng cảm, mà bởi vì quy định chiến tranh là như vậy.” Ngồi trong ngôi nhà là đại đội của tôi – những người đã đưa cậu bé vượt qua sông Carolia mà không làm ướt một ngón chân. Một số đã ra ngoài để kiếm thức ăn. Một số thì đã nằm dưới lớp vỏ thông dày kín ở vùng núi Tennessee, nhưng trong bài diễn thuyết của người đàn ông đó, họ không được coi trọng. Ông ta có đề cập đến họ, nhưng chỉ tình cờ thoáng qua mà thôi. Người hùng của thời đại là cậu bé này. Liệu quốc gia có nợ cậu ta điều gì không? Không, lúc đó không và bây giờ cũng không gì cả. Tại sao cậu ta là anh hùng? Đơn giản bởi người đàn ông đó mắc phải cùng sai lầm của mọi người – cậu bé đó vĩ đại bởi là một sĩ quan còn những người còn lại chỉ là các binh sỹ mà thôi.

Tôi đã học được bài học mà tôi sẽ không bao giờ quên cho đến khi tiếng chuông thời gian không còn đánh thức được tôi nữa. Sự vĩ đại bao gồm

không chỉ việc nắm giữ địa vị hay chức vụ trong tương lai, mà thực sự phải bao gồm những hành động tuyệt vời với ít toan tính và thành tựu đạt được cho nhiều mục đích trong những mốc nhất định của cuộc đời. Để trở nên vĩ đại, người đó phải vĩ đại ngay tại đây, ngay bây giờ, tại Philadelphia. Khi anh ta có thể xây dựng cho thành phố này những con đường và vỉa hè đẹp đẽ hơn, những trường học và giảng đường hiện đại hơn, hạnh phúc và văn minh hơn, nhiều hơn những gì Chúa ban cho các bạn, anh ta sẽ trở nên vĩ đại ở mọi nơi. Hỡi tất cả các bạn ở đây, nếu các bạn không bao giờ nghe tôi thuyết giảng thêm lần nữa, hãy nhớ rằng, nếu muốn trở nên vĩ đại, bạn phải bắt đầu thực hiện mong muốn đó ở nơi bạn sinh ra và với chính con người thực sự của mình, tại chính Philadelphia, ngay bây giờ. Anh ta – người có thể mang lại cho thành phố này mọi điều tốt lành, có thể trở thành một công dân tốt của nơi này, có thể giúp xây dựng những gia đình hạnh phúc hơn, có thể gặp điều may mắn cho dù anh ta bán hàng, thu ngân hay trông nom nhà cửa, bất kể anh ta làm gì cho cuộc đời, nếu muốn trở nên vĩ đại, trước tiên anh ta phải vĩ đại ngay tại chính quê hương mình – Philadelphia.

Câu Chuyện Về Thanh Kiếm

Trong thời gian những trang sách này được viết ra, Tiến sỹ Conwell vẫn đang sống và làm việc tích cực. Vì thế, cuốn sách này là bức tranh hiện thực về tính cách của ông hơn bất kỳ anh ta cuốn sách nào trong quá khứ.

Tôi sẽ viết về một người kiệt xuất, một người đàn ông thú vị, một con người của sức mạnh, năng lực, ý chí và lòng kiên trì; có những kế hoạch lớn lao và hiểu rõ chúng; một người đàn ông không chỉ làm việc vì chính mình, mà quan trọng hơn còn mang lại nhiều điều tốt đẹp cho những người xung quanh. Tôi sẽ viết về ông – Russell H. Conwell.

Là con trai của một nông dân, cậu bé là “thủ lĩnh” của đám trẻ tại vùng núi quê nhà. Lớn lên, là một giảng viên, ông là tấm gương của sự tận tâm; là một phóng viên, ông nhanh chóng trở nên nổi tiếng; là một người lính trong cuộc nội chiến, ông được thăng quân hàm và giữ vị trí quan trọng; là một luật sư, ông đã có được rất nhiều khách hàng; là một tác giả, ông đã viết những cuốn sách với doanh số khổng lồ. Ông từ bỏ nghề luật để trở thành mục sư và rồi trở thành người đứng đầu của một nhà thờ lớn – nơi mà ông đã khởi đầu xây dựng từ con số không. Ông nhanh chóng trở thành diễn giả được yêu thích trên toàn thế giới và trò chuyện với hàng ngàn người mỗi năm. Có thể nói, ông là người khám phá ra “Những cánh đồng kim cương”, câu chuyện mà nhờ đó, hàng nghìn người đạt được thành công mà không gặp phải bất kỳ thất bại nào. Ông là người đứng đầu hai bệnh viện lớn, một trong số đó do ông sáng lập nên, là nơi chăm sóc sức khỏe cho hàng nghìn người, cả giàu lẫn nghèo, không phân biệt chủng tộc hay tôn giáo. Ông là người sáng lập đồng thời là người đứng đầu một trường đại học lớn với hàng chục nghìn sinh viên. Ông sống tại Philadelphia, nhưng được biết đến ở mọi nơi trên đất nước Hoa

Kỳ, và có bạn bè ở tất cả những nơi đó. Ông đã dành cả cuộc đời để giúp đỡ và truyền cảm hứng cho những người xung quanh.

Hoàn toàn ngẫu nhiên, chỉ mới ngày hôm qua tôi còn không có ý nghĩ nào về Conwell, dù trước đây, ông luôn ở trong suy nghĩ của tôi, tôi cầm cuốn sách nhỏ về những miêu tả của William Dean Howell, và lật tới những trang của chương về Lexington, Lexington xưa cũ của cuộc Cách mạng. Howell viết cuốn sách năm 1882 sau khi viết về chính quê hương của mình, và về cuộc đấu tranh trường kỳ tại đó, và về những vấn đề hiện tại; ông đã đề cập đến bề dày thời gian của thành phố và những tiến bộ nổi bật được gây dựng lên bởi cộng đồng Baptists, những người mà gần đây, ông đã giải thích, đã tái tổ chức lại từ những mảnh vỡ và làm cho cộng đồng của mình mạnh mẽ và sống động hơn, dưới sự điều hành của nhà thuyết giáo, một cựu đại tá của quân đội Hoa Kỳ. Và cũng chỉ mới vài ngày trước khi tôi tình cờ tìm thấy bản mô tả này, Tiến sỹ Conwell – cựu đại tá quân đội và là nhà truyền giáo đó, đã kể cho tôi nghe những trải nghiệm của chính ông tại thị trấn Cách mạng nhỏ bé xưa cũ này.

Howell tiếp tục nói rằng, như điều ông đã được nghe kể lại, thành công của ngài đại tá chủ yếu là do ông đã khiến nhà thờ trở nên hấp dẫn đối với những người trẻ tuổi. Howell không nói thêm gì về ngài đại tá nữa; có thể bởi ông đã không đến nghe ngài đại tá thuyết giáo; và người ta có thể sẽ phân vân liệu ông ấy có từng hỗ trợ bài giảng nổi tiếng về Lexington của Russell Conwell gần đây hay không!

“Hấp dẫn với những người trẻ tuổi”. Vâng, ngày nay người ta có thể nhận ra điều đó, cũng giống như nó đã được nhận ra ở Lexington. Và cũng phải nói thêm rằng, tại thời điểm đó, ông còn thu hút được sự quan tâm của cả những người lớn tuổi. Thực tế, điều này là nhờ quyền lực của ông. Ông đã khiến nhà

thờ trở thành nơi thú vị, mang đến những bài thuyết giáo và bài giảng thú vị. Thực tế thì bản thân ông cũng đã rất thú vị. Và chính nhờ sự thú vị ấy, ông đã thu hút được sự quan tâm của mọi người. Đến lượt ông, khi đã có được sự quan tâm từ mọi người, ông lại khơi gợi cho họ niềm cảm hứng.

Tiểu sử không đơn thuần là trích dẫn những sự kiện ngày tháng. Ngày tháng, sau tất cả, chỉ là những lịch trình trên đường đời. Và điều quan trọng nhất trong cuộc đời của Conwell là ông đã sống đến tuổi tám mươi hai, làm việc 16 tiếng mỗi ngày để mang đến những điều tốt đẹp cho những người xung quanh. Ông sinh ngày 15 tháng 2 năm 1843 trong một gia đình nghèo khó, với một căn nhà nhỏ lụp xụp tại phía đông Berkshires, Massachusetts.

“Tôi đã được sinh ra tại chính căn phòng này,” ông nói với tôi khi chúng tôi ngồi trước cái lò sưởi cũ kỹ trong căn phòng chính của ngôi nhà; bởi vì sau này ông đã mua lại trang trại ở miền núi của cha mình, và khôi phục ngôi nhà cũ nhỏ bé của mình. “Tôi được sinh ra trong căn phòng này. Đó là phòng ngủ và bếp. Nó rất tuềnh toàng phải không.” Giọng ông như nghẹn lại.

Cuộc “phỏng vấn” này diễn ra tại trang trại Conwell mùa hè năm 1915.

Rồi ông nói về những nỗ lực của bản thân trong quá khứ; sau đó chúng tôi ra ngoài cổng, khi màn đêm buông xuống, chúng tôi ngắm nhìn qua thung lũng, những dòng suối và ngọn đồi trong tuổi thơ của ông. Ông kể về bà mình, một người phụ nữ có tên Marylander đã tới đây trong một chuyến tham quan; đó là câu chuyện về tình yêu mãnh liệt của hai con người, về cuộc hôn nhân vội vã, sự ngăn cản của cha mẹ, về cuộc tấn công trong cuộc đời Marylander, về sự nóng vội hấp tấp, những lời nói không bao giờ có thể tha thứ, về sự chia ly và những nỗi buồn dài bất tận. “Tại sao bà hay khóc thế?”, ông nhớ rằng mình đã hỏi bà như thế khi còn là một cậu bé. Và ông được biết rằng đó là do người chồng thời trẻ của bà.

Khi trở lại ngôi nhà bé nhỏ, ông chỉ cho tôi căn phòng nơi lần đầu tiên ông gặp John Brown . “Một buổi sáng sớm, tôi đi xuống nhà và nhìn thấy một người đàn ông to lớn đầu tóc rậm rạp nằm trên chiếc giường đó – và tôi đã rất sợ hãi” ông nói.

Nhưng John Brown đã không làm cho ông sợ hãi lâu! Bởi vì John đã ở lại ngôi nhà của họ trong một thời gian dài sau đó, rất thân thiện với Russell và anh trai của ông đến mức không còn chỗ cho nỗi sợ hãi chen vào nữa. Điều này hé lộ ẩn số về tính cách của một người theo chủ nghĩa bãi nô lạnh lùng và cứng nhắc. Thực tế thì, bằng sự kiên nhẫn của mình, John đã huấn luyện con ngựa già của Conwell tự trở về nhà cùng cỗ xe sau khi đưa cậu bé đến trường, quãng đường có thể là một dặm hoặc xa hơn, đến khi tan trường thì tự phi nước kiệu đến đón lũ trẻ mà không cần người điều khiển! Conwell nhớ cách John Brown kiên nhẫn đi bộ bên cạnh con ngựa khi huấn luyện nó, và kiểm soát việc đi và quay trở lại của con ngựa, cho đến khi nó hoàn toàn có thể tự mình xuất phát và trở lại.

Gia đình Conwell nằm trên trạm của đường tàu điện ngầm, và Russell Conwell nhớ, khi còn nhỏ, ông đã nhìn thấy một nô lệ chạy trốn và bố cậu đã giúp chạy thoát và che giấu.

“Đó là những ngày tháng hào hùng,” ông mơ màng nói. “Và một lần bố tôi cho tôi đi cùng ông. Đó là chuyến đi vào buổi tối tuyệt vời – những người nô lệ run rẩy, bóng tối của những con đường, sự thận trọng, im lặng cùng nỗi sợ hãi của tất cả mọi người.” Ông nhớ rằng, con đường hầm này là từ Philadelphia tới New Haven, rồi tới Springfield – nơi cha Conwell thực hiện trách nhiệm của mình – và rồi tiến thẳng tới thác Bellows và Canada.

Tiến sỹ Conwell cũng kể về cuộc gặp gỡ với Frederick Douglass, nhà thuyết giáo da màu, tại căn nhà tranh nhỏ trên ngọn đồi. Một hôm, Douglass nói

rằng: “Tôi chưa bao giờ gặp cha mình” – ông ấy là một người da trắng – “và tôi cũng không nhớ chút gì về mẹ trừ lần bà cố ngăn người đốc công đánh tôi, và roi quất vào mặt bà, máu chảy xuống người tôi.”

Conwell tiếp tục câu chuyện, “Khi John Brown bị bắt, bố tôi đã cố gắng bán nơi này để có chút tiền giúp ông ấy thuê luật sư bào chữa. Nhưng ông không thể bán được, và vào ngày tòa xét xử, chúng tôi quỳ xuống cầu nguyện trang nghiêm ở đây, 11 đến 12 giờ, chỉ để cầu nguyện, âm thầm cầu nguyện cho linh hồn John Brown. Và khi nguyện cầu, chúng tôi biết rằng có những người khác cũng đang cầu nguyện, chuông nhà thờ điểm suốt một tiếng, và một tiếng nổ khùng khiếp phát ra âm vang khắp ngọn đồi.

Conwell tin rằng cuộc đời của ông thật sự bắt đầu khi cuộc Chiến tranh Thế giới thứ Hai nổ ra – một sự kiện vẫn còn hiện hữu sâu sắc và mạnh mẽ trước mắt, nó đã biến ông thành một người mạnh mẽ và dũng dõ, đầy nhiệt huyết. Dù rằng Conwell hoàn toàn vẫn như trước. Hàng xóm xung quanh vẫn truyền tai nhau về lòng dũng cảm của Conwell khi ông còn là một cậu bé, kể cho nhau về lần bơi dọc bờ biển táo bạo, kỹ năng của vận động viên bơi lội, những lần cứu người, sức mạnh và sự bền bỉ, và về lòng dũng cảm lao vào bóng đêm một buổi tối mùa đông để cứu gia súc cho người hàng xóm. Những người lính của ông trở về nhà với những câu chuyện về sự hy sinh lớn lao mà ông dành cho họ, về việc ông đã chia sẻ khẩu phần ăn và chăn đắp của mình và những hành động dũng cảm đã cứu giúp cuộc sống của họ; cách ông len lỏi vào đầm lầy nguy hiểm để giải cứu một người lính bị sa lầy. Thực tế thì Conwell của hiện tại vẫn luôn là Conwell. Có lẽ ông được thừa hưởng truyền thống của gia đình, trong ông luôn sẵn có sự nhân từ, lòng dũng cảm, quyết tâm mạnh mẽ – những điều được thừa hưởng từ người cha; sự lãng mạn từ người bà; tính thơ mộng của người mẹ, người phụ nữ New England thực tế và chăm chỉ.

Và bản thân Conwell là một người với nhiều mơ ước: đó chính là một điểm quan trọng của con người ông! Đó là vì ông là người luôn mơ ước với những dự định và kế hoạch cho những điều to lớn mà đối với những người khác, dường như là điều không tưởng; và rồi sau đó thực tiễn, sức mạnh, kỹ năng, sự kiên nhẫn, nhiệt tình, nhanh nhạy hơn người đã biến những giấc mơ đó của ông thành hiện thực. Ông đã mơ những giấc mơ và nhìn thấy những viễn cảnh, nhưng viễn cảnh ấy không bao giờ hão huyền và những giấc mơ của ông đã trở thành thực tế.

Những ngọn đồi khúc khuỷu thể hiện cho sự trường tồn vĩnh cửu, những người nô lệ bỏ trốn, John Brown – trường học của tuổi trẻ! Và ngôi trường theo nghĩa đen là một căn phòng nhỏ bé nơi Conwell được dạy dỗ bởi một giáo viên, người đã phát hiện ra tài năng đặc biệt của cậu bé và mang đến cho cậu mọi sự quan tâm và giúp đỡ cần thiết. Rồi người giảng đạo thông thái của vùng ấy cũng nhận ra tài năng thiên bẩm và động viên cha mẹ cậu đầu tư nhiều hơn cho việc học của con mình, và cuối cùng là Russell được gửi đến học tại Học viện Wilbraham. Ông rất thích kể về những tháng ngày ở đó, về những khó khăn mà ông đã biến chúng thành đơn giản; và về những niềm vui khi nhận được bánh nướng và bánh ngọt từ gia đình mỗi cuối tuần!

Ông kể về việc đã dong duổi trên đường đi hết nhà này đến nhà khác để bán sách ra sao, rồi cách ông háo hức “nuốt” nội dung của từng cuốn sách mà ông mang đi bán. “Chúng chính là nền tảng cho việc học của tôi,” ông nói rất nghiêm túc. “Và chúng mang đến cho tôi ý tưởng rộng lớn về thế giới.”

Ông bắt đầu theo học tại Yale năm 1860, nhưng cuộc chiến tranh bùng nổ đã tác động đến các trường đại học, và ông đăng ký nhập ngũ năm 1861. Nhưng khi đó Conwell mới 18 tuổi nên cha ông phản đối và ông buộc phải trở lại Yale. Năm sau đó, ông xin nhập ngũ lại, và những người đàn ông hàng xóm

của ông tại khu phố Berkshire cũng nhập ngũ, họ khăng khăng tiến cử ông là đội trưởng; và Thống đốc Andrew chấp thuận việc phong cấp cho một cậu bé 19 tuổi – người rất xứng đáng là một đội trưởng; các đồng đội của ông tự nguyện góp số tiền ít ỏi của mình để mua một thanh kiếm sáng lấp lánh và uy nghi được mạ vàng với dòng chữ khắc đầy nhiệt huyết, “Tình bạn thực sự là điều vĩnh cửu.”

Thanh kiếm đó gắn liền với những trải nghiệm vinh quang nhất, trọng đại nhất trong cuộc đời Russell Conwell .

Nó được treo ở đầu giường ngủ của ông tại nhà riêng ở Philadelphia. Là con người của hòa bình, mục sư của hòa bình, biểu tượng của chiến tranh ấy vô cùng quan trọng với ông suốt hơn một thế kỷ qua.

Ông kể với tôi khi cùng đứng trước thanh kiếm. Và khi ông kể chuyện, với giọng nhỏ nhẹ kìm nén, nhưng lại khiến tôi thấy mọi việc sống động như mới xảy ra ngày hôm qua, “Thanh kiếm đó thật sự vô cùng có ý nghĩa với tôi,” ông thì thầm; và bắt đầu câu chuyện:

“Một cậu bé sống ở Berkshires, con trai của người hàng xóm, tên là John Ring; tôi gọi là cậu bé, bởi tất cả chúng tôi gọi và coi cậu ta chỉ là “cậu bé”, vì cậu ta nhỏ hơn bạn bè cùng trang lứa và chậm phát triển đến mức không thể nhập ngũ được.”

“Nhưng vì một vài lý do nào đó, cậu bé đã chọn tôi, không chỉ môn nhập ngũ mà cậu bé còn muốn được vào binh đoàn pháo binh do tôi chỉ huy; và tôi thì chỉ có thể để cậu bé đi theo làm phụ tá mà thôi. Tôi không muốn có phụ tá, nhưng đó là cách duy nhất có thể cho Johnies Ring bé nhỏ tội nghiệp đi cùng.”

“Johnie là một người rất sùng đạo, cậu ta đọc Kinh thánh mỗi tối trước khi đi ngủ. Những ngày đó, tôi vẫn còn là một kẻ vô thần, hoặc ít nhất là tôi đã nghĩ như vậy, vì thế tôi thường cười Ring, sau đó cậu ta mang cuốn Kinh thánh ra ngoài lều ngồi đọc trong lúc tôi cười! Nhưng cậu bé không bao giờ ngừng đọc, và lòng trung thành đối với tôi cũng không hề thay đổi.”

“Bao kiếm quá lỏng lẻo so với quy định”— một nụ cười thoáng qua trên đôi môi Conwell – “và tôi không thể đeo nó, chỉ có thể mang một cái đơn giản khi thực hiện nhiệm vụ và treo thanh gươm này trong lều. John Ring thường nâng niu nó một cách trù mẫn, và đánh bóng cho đến khi nó sáng loáng lên — Thật quá ngớ ngẩn khi làm như vậy nhiều năm liền,” ông thêm vào, một cách buồn bã. “Đối với Ring, thanh kiếm đó không chỉ hiện diện cho người thủ lĩnh của cậu mà còn thể hiện cho vinh quang và sự nghiêm trang của cuộc chiến.”

“Một hôm, quân đội của Liên minh Miền Nam đột nhiên xâm nhập căn cứ của chúng tôi gần New Berne và càn quét các lều trại, tiến thẳng xe vào toàn bộ lực lượng của chúng tôi phía trước; và tất cả, bao gồm đại đội của tôi, đã vội vã rút lui qua sông, rồi châm lửa đốt cây cầu dài bằng gỗ mà chúng tôi vừa đi qua. Nó nhanh chóng bùng cháy dữ dội, tạo thành một rào cản mà quân đội Liên minh Miền Nam không thể vượt qua được.

“Nhưng, không một ai biết và chú ý đến, John Ring đã lao qua đám cháy trở lại lều của tôi. Tôi nghĩ Ring có thể trở lại bởi cậu chỉ như một đứa trẻ con; nhưng cậu bé đã vượt qua đám quân Liên minh để vào trong ngôi lều để lấy thanh kiếm sáng chói, có bao bằng vàng đang được treo ở cọc lều.”

“John Ring nắm trong tay thanh kiếm mà từ lâu đã luôn là thứ vô cùng quý giá với cậu. Cậu bé chạy lắt léo từ chỗ này đến chỗ khác, và cuối cùng cũng tới được chỗ cây cầu cũng là lúc nó đang bắt đầu cháy lan ra dữ dội. Cậu bắt

đầu băng qua. Những ngọn lửa mỗi lúc một bùng phát dữ dội, khói mù mịt, lúc thì cậu cúi xuống bò trườn, lúc thì phân vân do dự, cậu nghiêng mình ra khỏi thành cầu vài giây với nỗ lực hít được chút không khí để thở. Hai bên bờ mọi người dõi theo cậu bé; quan sát giây phút đầy cam go thử thách, thậm chí khi lửa cháy vẫn đang lan sang từ hai phía của con sông. Và một sĩ quan quân Liên minh – một trong những sĩ quan của Tướng Pickett – chạy ra cạnh bờ sông và vẫy chiếc khăn tay.”

“Nói cậu bé kia trở lại đây!” Anh ta gào lên. “Hãy bảo cậu bé trở lại đây và chúng tôi sẽ để cậu tự do!”

“Anh ta gọi với ra ngay khi Ring gần đi tới chỗ tồi tệ nhất của cây cầu—những tấm ván cầu trên, dưới và các phía đều cháy ngùn ngụt. Tiếng lửa cháy dữ dội ngay gần Ring khiến cậu không thể nghe tiếng gọi ở cả hai phía con sông, cậu liều mạng lao vào rồi biến mất trong đám khói lửa ấy.”

“Chỉ có sự tĩnh lặng chết người ngoài tiếng kêu rảng rặc của đám cháy. Không có tiếng người nào la hét. Tất cả chờ đợi trong sự mong mỏi tuyệt vọng. Bỗng có tiếng thét lớn từ bờ phía bắc và phía nam, khi thấy Johnie bò ra khỏi đám cháy – cuối cùng cậu bé đã vượt qua nơi kinh hoàng ấy – quần áo hoàn toàn bốc cháy, đứng không vững rồi ngã xuống chỗ nước nông; chỉ một lát sau cậu được kéo lên, nhưng đã ngất đi, và nhanh chóng được đưa tới bệnh viện.”

“Cậu bé nằm bất tỉnh một ngày, vẫn mê man, và rồi tỉnh dậy với nụ cười hé mở khi nhận thấy thanh kiếm mà cậu đã mạo hiểm tính mạng được đặt bên cạnh mình. Cậu cầm nó trong tay. Ôm nó vào lòng. Nói vài lời cuối cùng với tôi. Và đó là tất cả.”

Giọng Conwell nghẹn ngào khi nói gần hết câu, bởi đó là tất cả những gì rất,

rất sâu sắc với ông, đôi mắt ông trở nên lảng đờng, đôi môi mạnh mẽ và mím chặt hơn. Rồi ông bỗng im lặng, ngẫm nghĩ về những điều đã xảy ra trước đây, và dù đang nhìn xuống dòng xe cộ tấp nập trên phố Broad, nhưng ông không hề chú ý đến chúng, và nếu có một thứ âm thanh nào đó có ý nghĩa với ông thì đó chính là tiếng súng nổ âm trời của quá khứ xa xôi. Khi Conwell nói lại, giọng ông căng tràn cảm xúc.

“Khi tôi đứng bên thân thể của John Ring và nhận ra rằng cậu bé đã chết vì tình yêu dành cho tôi, một lời nguyện thề hình thành trong cuộc đời tôi lúc ấy. Tôi thề rằng từ giây phút đó, tôi sẽ không chỉ sống cho riêng mình, mà còn sống cho cả John Ring nữa. Từ đó, tôi làm việc 16 tiếng một ngày bao gồm 8 tiếng cho John Ring và 8 tiếng cho bản thân.”

Giọng nói của ông như run rẩy, vì một người đã nỗ lực chạy gần đến đích, đã chiến đấu hết mình và cận kề cái chết.

“Mỗi buổi sáng, khi tỉnh dậy, tôi nhìn vào thanh kiếm này, hoặc nếu đi xa thì tôi nghĩ về nó, và hy vọng một ngày nào đó lại có thể làm việc 16 tiếng một ngày.” Bất kỳ người nào đến gặp và tìm hiểu về Conwell đều sẽ nhận ra rằng không có người nào từng làm việc chăm chỉ và liên tục hơn thế,

“Vì John Ring và sự cống hiến cuộc đời của cậu ấy cho tôi đã khiến tôi trở thành con Chiên của Chúa,” ông tiếp tục câu chuyện. “Điều đó không diễn ra ngay thời điểm đó mà nó bắt đầu trước khi cuộc chiến tranh kết thúc, và nó đến từ Johnie Ring nhỏ bé trung thành.” Nghĩa trang thoáng chút đìu hiu ở Berkshires, năm mộ nhỏ bé trên một ngọn đồi heo hút gió, cách ngôi nhà cũ của Conwell vài dặm. Trong khu mộ biệt lập toàn bụi rậm, cây dây leo và cỏ mọc sum xuê, một vài bóng cây yên ả; những ngọn đồi với cây phủ kín trải dài mang vẻ đẹp hoang sơ và cô quạnh. Trong khu nghĩa địa hiu hắt đó, tôi nhận thấy bia đá sơ sài ghi dấu nơi an nghỉ của John Ring.

Sự Khởi Đầu Ở Lexington Xưa Cũ

Không phải vì là một mục sư mà Russell Conwell có sức mạnh trên toàn thế giới. Ông bắt đầu truyền đạo bởi ông là một tín đồ Thiên chúa giáo hết sức thành khẩn và toàn tâm toàn ý, bởi ông cảm thấy rằng là một mục sư, ông có thể đem lại cho thế giới nhiều điều tốt đẹp hơn bất kỳ công việc nào khác. Nhưng trở thành mục sư là một việc xảy ra hết sức bất ngờ, có thể nói như vậy. Điều quan trọng nhất không phải ông là mục sư, mà ông chính là bản thân mình!

Gần đây, tôi có nghe chủ tịch của một tập đoàn lớn đến từ New York nói rằng: “Tôi tin rằng Russell Conwell làm được nhiều điều tốt đẹp cho thế giới hơn bất kỳ người đàn ông nào khác.” Ông nói với thái độ nghiêm túc và không hề cường điệu hóa.

Tuy nhiên, không phải Conwell không gặp bất kỳ khó khăn nào. Cho đến trước năm 40 tuổi, ông dường như là một người “thất bại”, mặc dù vẫn có thành công nhưng chúng không thường xuyên và dài lâu, và ông cũng không định hướng được cho mình một con đường cụ thể. Ông không ngừng tiến về Miền Tây để gây dựng cuộc sống rồi lại không ngừng trở lại Miền Đông. Sau khi chiến tranh kết thúc, ông trở thành luật sư, một giảng viên, một biên tập viên, và đi khắp thế giới để viết bài và rồi viết sách. Ông không ngừng kiếm tiền, cũng không ngừng để mất nó bởi hỏa hoạn, đầu tư, hay dùng tiền để giúp đỡ bạn bè. Rất có thể, những năm bạo loạn do ảnh hưởng bất ổn từ chiến tranh gây ra đã ảnh hưởng lớn tới cuộc sống của ông sau những năm tại đại học Yale. Nhưng dù sao thì những năm tháng xáo động, đầy thăng trầm, và biến động đó vô cùng quan trọng với ông, nhờ vô số những trải nghiệm khi đó mà có được một Conwell sau này. Khi dong duổi các nước, ông đã gặp

những vĩ nhân của nhân loại. Và khi trở lại quê hương, ông là tâm điểm của rất nhiều bạn bè và người ngưỡng mộ trung thành.

Có một điểm đáng lưu ý, khi là một luật sư, ông không bao giờ nhận bào chữa, bất kể là dân sự hoặc hình sự, cho những vụ án mà ông cho là sai. Điều cơ bản là ông không thể và sẽ không biện hộ cho những gì ông cho là sai trái. Nhưng khi thân chủ đúng thì ông không bao giờ ngần ngại!

Rồi ông cười, tiếng cười diễm đạm, đặc trưng và đầy lan tỏa, khi kể về lần ông bị lừa dối để bào vệ một người đàn ông bị buộc tội lấy cắp chiếc đồng hồ - một người dường như quá ngây thơ đến mức ông đã nhận vụ án bào chữa trong cơn phẫn nộ đùng đùng và để cho những đồng nghiệp trẻ minh oan cho người đàn ông đó một cách đầy tự hào. Ngày hôm sau, người bị “buộc tội oan” ấy tới văn phòng của ông với gương mặt thẹn thùng và đưa ra chiếc đồng hồ mà ông bị cho là ăn cắp. “Tôi muốn ông gửi nó cho người mà đã bị tôi lấy cắp,” anh ta nói. Và anh ta nói với một niềm tự hào pha chút xấu hổ về việc có một người trợ tế tốt bụng đã, bằng tất cả sự chân thành, đưa ra những bằng chứng giúp chứng minh ông vô tội. “Và Ngài Conwell – tôi muốn cảm ơn ngài vì đã bào chữa cho tôi – tôi hy vọng ngài sẽ thứ lỗi cho việc tôi đã lừa dối ngài – và – tôi hứa sẽ không bao giờ làm bất kỳ điều gì tồi tệ nữa.” Conwell đã rất vui khi biết rằng sau này, người đàn ông trẻ đó đã sống với niềm tự hào; và, dù Conwell không nói hoặc nghĩ về điều đó, thì một người biết rằng chính ảnh hưởng của Conwell đã khích lệ sự trung thực nơi người khác – bởi ông vẫn luôn là người khơi gợi cảm hứng nơi người khác.

Conwell thậm chí còn dành hàng tiếng đồng hồ để tư vấn cho những người nghèo khó đến mức không đủ tiền để trả một chút chi phí nào; và khi đó, với tư cách một luật sư, ông còn là người giám hộ cho hơn 60 đứa trẻ! Người đàn ông đó là một điều kỳ diệu, và luôn là người mang lại những điều xúc động

như thế này.

Một điều rất đáng tò mò về ông – thật có quá nhiều điều đáng xúc động trong cuộc đời của ông! Ông đã luôn bình tĩnh cất tiếng hát: “Gần hơn, Chúa của tôi, tới Người,” dành cho những hành khách trên con tàu đang có nguy cơ bị đắm; đã cứu mạng người khác khi còn là cậu bé; không bao giờ làm thất vọng bất kỳ thánh giả nào trong số hàng ngàn người mà ông đã trò chuyện! Bản thân ông cũng đôi chút tự hào về điểm cuối cùng này, đó là ông luôn quên những điều ấy, ông hoàn toàn quên mất sự việc một buổi tối nọ, trên đường tới buổi thuyết giảng, ông đã chặn một con ngựa đang bỏ chạy để cứu mạng hai người phụ nữ, và sau đó thì phải nhập viện thay vì đi thuyết giáo! Không nhớ những sự kiện đó là đặc trưng tính cách của ông!

Khí chất xúc cảm của Conwell là yếu tố khiến ông luôn hừng ứng nhiệt tình với tinh thần yêu nước, những điều vĩ đại và nổi bật. Việc quen biết John Brown cũng như những ký ức sâu sắc về Lincoln, dù chỉ gặp ngài vắn vện 3 lần, đã có tác động rất lớn đến Conwell.

Lần đầu tiên ông gặp Lincoln là vào đêm Tổng thống tương lai thực hiện bài diễn văn, mà sau này trở nên rất nổi tiếng, ở Cooper Union, New York. Và tình cờ, chàng trai trẻ Conwell đã có mặt tại New York ngày hôm đó. Và khi ở đó, biết được rằng Abraham Lincoln từ Miền Tây sẽ tới để diễn thuyết, Conwell đã tới nghe .

Ông nói về việc Lincoln đã ăn mặc vụng về đến mức nào, thậm chí quần ống cao ống thấp ra sao cũng như cách ông lúng túng, ông nói năng thật tẻ và bối rối lúc ban đầu làm sao. Chủ trì cuộc họp đưa cho Lincoln một ly nước, và Conwell cho rằng chắc hẳn phải có một khao khát, ước vọng cá nhân mãnh liệt đã giúp giữ Lincoln đứng vững. Nhưng ông thật sự thích nói về cách mà Lincoln đã biến đổi khi phát biểu; cách ông xấu hổ về sự lúng túng của mình,

hít một hơi thật sâu, đặt bài phát biểu đã được soạn sẵn sang một bên, nói một cách tự nhiên và mạnh mẽ, với sự thuyết phục tuyệt vời, như chỉ ông sinh ra để trở thành một nhà hùng biện. Và với Conwell, đó thật sự là một trải nghiệm để đời.

Lần thứ hai ông gặp Lincoln là khi ông tới Washington để bào chữa cho một người chàng trai bị kết án tử hình vì tội ngủ trong ca trực. Khi đó ông là đại úy (và cơ hội thăng chức lên hàm đại tá đang ở phía trước), một chàng trai trẻ, sợ hãi khi phải trình diện trước người đàn ông mà anh ta đã tôn thờ. Giọng nói anh ta run run, thậm chí ngay cả bây giờ, khi kể về cách Lincoln trườ mển nhìn mình từ bàn làm việc thế nào, rồi cách nói chuyện vui vẻ ra sao khi hỏi về công việc của anh, sự chăm chú với những câu chuyện của chàng trai ra sao, dù ngay từ đầu ông đã biết được những điều đó.

“Sẽ ổn thôi,” Lincoln nói khi Conwell kết thúc. Nhưng Conwell vẫn sợ hãi. Ông sợ rằng trong vô vàn những vấn đề mà tổng thống cần quan tâm, vấn đề cuộc sống của một cậu bé miền núi, một anh lính nhập ngũ có thể bị lãng quên, cho tới khi quá muộn. “Đó chỉ là vấn đề thời gian” ông ngập ngừng. Và giọng của Conwell gần như khựng lại, người đàn ông của cảm xúc là đây, khi ông kể về cách mà Lincoln nói, với vẻ nghiêm nghị cứng rắn: “Hãy đi và đánh điện báo cho mẹ của người lính đó là Abraham Lincoln sẽ không bao giờ ký quyết định xử bắn một cậu bé dưới hai mươi tuổi, sẽ không bao giờ.” Đó là lần đầu tiên và cũng là duy nhất ông nói chuyện với Lincoln, và nó để lại ấn tượng không thể xóa nhòa.

Lần thứ ba ông gặp Lincoln khi ông đã là một sỹ quan, ông đứng cạnh thi thể của Tổng thống hàng giờ đồng hồ tại Washington. Trong hàng giờ đồng hồ đứng nghiêm trang và suy nghĩ trong khi những đám đông qua lại với khuôn mặt buồn bã, ấn tượng về sự nghiệp và giá trị của người đàn ông đang nằm

đây choáng ngợp tâm hồn đại tá Conwell, và ấn tượng đó không bao giờ phai mờ.

John Brown, Abraham Lincoln, thị trấn Lexington cách mạng xưa cũ - cuộc sống của Conwell thật sự gắn liền với những con người và địa danh nổi tiếng đó - thực tế ông đã đưa ra rất nhiều quyết định quan trọng cho những giai đoạn của cuộc đời mình tại chính Lexington! Tôi cho rằng, dù Conwell hoàn toàn không nhận thức được, nhưng thực tế là những quyết định và hành động của ông bị tác động rất lớn bởi thị trấn Lexington cổ. Nếu là một nơi nào khác, một nơi hoàn toàn bình thường thì có lẽ ông đã không có được những bước tiến quan trọng. Nhưng đó lại là Lexington, một Lexington cổ quả cảm, một thành phố mang nhiều cảm hứng. Nó đã gây cảm hứng cho ông, người mà bản thân ông đã là nguồn cảm hứng huy hoàng, luôn mở lòng cho nguồn cảm hứng cao quý. Lexington đã khơi nguồn cảm hứng cho ông.

“Khi tôi 37 tuổi và là một luật sư ở Boston,” ông nói với tôi khi hồi tưởng về quá khứ, “Tôi đã được tư vấn bởi một phụ nữ – người hỏi xin tôi lời khuyên trong việc phá bỏ một nhà thờ nhỏ tại Lexington, nơi Giáo đoàn đã không thể hỗ trợ cho nó nữa. Tôi tới và quan sát nơi đó, rồi nói với người phụ nữ về việc bán những tài sản trong đó thế nào. Việc nhà thờ đó nên được phá hủy, đối với tôi, cũng thật đáng tiếc. Tuy nhiên, tôi khuyên các thành viên của nhà thờ nên có một cuộc họp, và tôi đã tham dự. Tôi đã đặt ra cho họ một tình huống – chỉ có vài người đàn ông và phụ nữ – một chút im lặng thoáng qua. Rồi một ông già đứng lên, với giọng nói run rẩy, nói vấn đề đó rất rõ ràng; hiển nhiên rằng chúng ta chẳng biết làm gì ngoài việc bán nó đi, rằng ông đồng ý với mọi người về sự khẩn thiết; nhưng vì nhà thờ là nhà thờ của ông từ thời còn ấu thơ, vì thế mà ông run rẩy, xin họ nên xin được tha thứ vì đã tham gia vào việc gỡ bỏ nó; và ông khập khễnh rời căn phòng trong sự yên tĩnh trầm lắng.

“Những người đàn ông và phụ nữ còn lại nhìn nhau, vẫn im lặng, ghen ngào, nhưng không biết phải nói gì. Và tôi nói với họ: ‘Tại sao không bắt đầu lại từ đầu, và cuối cùng là để nhà thờ tiếp tục hoạt động.’”

Đó chính là điển hình của chủ nghĩa Conwell! Thứ nhất, sự thôi thúc phải giúp đỡ những người cần giúp đỡ, và thứ đến là nguồn cảm hứng và người tiên phong dẫn đầu.

“Nhưng nhà thờ đã xuống cấp trầm trọng,” một người đàn ông nói, giọng buồn bã; và tôi biết anh ta đúng, vì tôi đã khảo sát nó rồi, và tôi rồi nói:

‘Sáng ngày mai chúng ta sẽ gặp nhau tại đó và sẽ lập kế hoạch sửa chữa, xây dựng vào Chủ nhật tới.’

“Điều đó khiến họ rất hài lòng, phấn chấn, và tự tin đến mức tôi không còn nghi ngờ gì nữa rằng mỗi người trong số họ, cùng thật nhiều bạn bè, sẽ tới nhà thờ vào sáng ngày hôm sau. Tôi đã đến đó với búa, rìu và xà beng, sẵn sàng làm việc – nhưng không có ai đến cả.”

Có một sự phê phán thâm não trong ông khi kể câu chuyện một cách hài hước ấy; và một người cũng biết rằng, tại thị trấn Lexington nhỏ bé, nơi những người Mỹ đã phải dũng cảm đối mặt với những điều không thể, Russell Conwell cũng phải nỗ lực đối mặt với những điều đó. Một người đàn ông làm nghề luật sư bình thường sẽ lập tức từ bỏ hoàn toàn ngay vấn đề đó khi mà những người lẽ ra phải quan tâm nhất lại không hưởng ứng, nhưng một trong những nét tính cách mạnh mẽ nhất của Conwell chính là khả năng xóa đi sự hoài nghi và yếu đuối, khả năng đó của ông làm lay động cả những người đã bỏ cuộc.

“Tôi quan sát khắp tòa nhà đó,” ông tiếp tục, một cách bất thường, “và tôi

nhận thấy rằng việc sửa chữa thực sự có vẻ không khả thi. Không gì có thể làm ngoài việc xây một nhà thờ mới! Rồi tôi lấy chiếc rìu đã mang theo và bắt đầu đập vỡ từng phần xuống. Trong ít phút, một người đàn ông, không phải thành viên của nhà thờ, tới bên, quan sát tôi một lúc rồi hỏi, ‘Ông sẽ làm gì với nó?’

“Tôi lập tức trả lời, ‘Phá nó đi và xây một nhà thờ mới!’

“Ông ta nhìn tôi, nói. ‘Nhưng mọi người sẽ không chấp nhận điều đó,’

“‘Có, họ sẽ chấp nhận’ tôi vừa làm vừa nói với giọng vui vẻ. Sau đó, ông ta nhìn tôi lâu hơn và tiếp tục:

“Ồ, tôi có thể ủng hộ 100 đô-la cho việc xây dựng nhà thờ mới. Hãy tới chuồng nuôi ngựa của tôi và nhận tiền tối nay nhé.”

“‘Được chứ; Chắc chắn tôi sẽ tới,’ tôi đáp lại.

“Một lúc sau, một người đàn ông khác tới, dừng lại và quan sát, ông ta tỏ ra có chút chế nhạo với ý tưởng xây nhà thờ mới, và khi tôi kể cho ông ta nghe về người đàn ông quyên góp 100 đô-la, thì ông ấy nói, ‘Nhưng anh đã nhận được tiền đâu!’”

“‘Đúng vậy,’ tôi nói; ‘nhưng tôi sẽ đến lấy tối nay.’”

“‘Anh sẽ không bao giờ có nó,’ anh ta nói. ‘Anh ta không phải là hạng người ấy. Anh ta thậm chí không phải là người của nhà thờ.’”

“Nhưng tôi chỉ lặng lẽ làm công việc của mình mà không đáp lại lời nào, sau chút yên lặng, anh ta rời đi; nhưng ngoài lại để nói tiếp, “Nếu anh ta đưa cho anh 100 đô-la thì hãy tới gặp tôi và tôi sẽ đưa cho anh 100 đô-la nữa.”

Conwell mỉm cười phảng phất nét vui vẻ mà không thể hiện rõ rằng ông đang kể về niềm vui chiến thắng cá nhân, rồi tiếp tục:

“Cả hai người đàn ông đó đều góp tiền, và tất nhiên những thành viên của nhà thờ, những người ban đầu không hoàn toàn hiểu rằng tôi hoàn toàn nghiêm túc, tham gia và giúp đỡ, cả bằng làm việc lẫn cung cấp tài chính cho việc xây dựng nhà thờ, vì việc duy trì giáo đoàn là điều hết sức quan trọng, hơn nữa họ không còn mục sư riêng nên tôi thường rời Boston đến đó để giảng cho họ nghe, tại một căn phòng chúng tôi thuê.”

“Và vào năm 1879 tại Lexington, tôi quyết định sẽ trở thành một mục sư. Tôi đã có một văn phòng luật tốt nhưng lại quyết định từ bỏ nó. Trong nhiều năm trước đó, tôi ít nhiều đã nghe thấy tiếng gọi trở thành một mục sư, nhưng thời gian đó mới hoàn toàn thích hợp để bắt đầu.”

“Hàng tuần, tôi thuyết giáo ở đó” – bây giờ, hãy nghĩ đến William Dean Howells và đại tá–người thuyết giáo, thật kỳ lạ làm sao! – “Sau một thời gian sau, nhà thờ được hoàn thiện, trong nhà thờ ấy, tại Lexington, tôi được thụ phong làm mục sư.”

Đó là một điều kỳ diệu, không tính đến những điều vĩ đại khác mà Conwell đã gạt hái được – một điều phi thường, một thành tựu của một huyền thoại tích cực! Nhà thờ nhỏ bé hiện diện cho sự quả cảm của nước Mỹ và thể chủ động cũng như đức hy sinh và chủ nghĩa lãng mạn đã làm nên một Lexington cổ kính tuyệt vời.

Việc từ bỏ cơ hội lớn và triển vọng của nghề luật và bắt đầu nghề truyền giáo với mức lương sáu trăm đô-la một năm dường như khiến tất cả người thân của vợ Conwell đều nghĩ đó là việc vô cùng ngu xuẩn, và họ không ngần ngại bày tỏ thái độ của mình. Điều đó cũng hoàn toàn tự nhiên thôi, họ không rõ

về tầm nhìn của Conwell. Tuy nhiên, tự bản thân ông đủ hiểu biết để nhận thức và thừa nhận những quan điểm đúng đắn trong sự phản đối của họ; vì thế, ông nói với giáo đoàn rằng, mặc dù ông khá sẵn sàng làm việc với sáu trăm đô-la một năm, nhưng ông mong muốn họ tăng gấp đôi số lương ngay sau khi ông làm tăng gấp đôi số thành viên nhà thờ. Điều này có vẻ giống như một trò đùa với họ, nhưng họ trả lời với thái độ nghiêm túc rằng sẽ sẵn sàng trả ông gấp đôi khi có gấp đôi số lượng người, do vậy mà chưa đến một năm lương của ông theo đó đã tăng lên gấp đôi.

Tôi hỏi ông việc từ bỏ nghề luật đầy lợi nhuận để làm việc cho một đoàn mục sư nghèo có quá khó với ông không, và những lời đáp của ông đã để lại cho tôi một ấn tượng thú vị về khả năng nhìn nhận hài hước đối với bản chất con người của ông. Ông, với cái nháy mắt vui vẻ, đã nói rằng:

“Ồ có chứ, đó là sự phân ly đầy đau đớn; nhưng có một kiểu lãng mạn của việc tự hy sinh, anh biết đấy. Tôi khá là tin rằng những người tử vì đạo ngày xưa khá thích thú với bản thân vì họ đã là những người tử vì đạo đấy!”

Conwell không ở lại Lexington lâu. Một nhà thờ nhỏ khó khăn tại Philadelphia nghe nói về những gì ông đang làm, vì thế một trợ tế già đã tới gặp và nghe ông thuyết giảng, và một lời mời được đưa ra; vì nhà thờ ở Lexington dường như đã vũng vàng trên đôi chân của chính mình, và nhu cầu của những người dân Philadelphia đã thu hút sâu sắc trí tưởng tượng của Conwell. Chính vì thế, có một sự thay đổi ra, năm 1882 với mức lương tám trăm đô-la một năm, ông đến với giáo đoàn nhỏ tại Philadelphia. Giờ đây, nó không còn là một giáo đoàn nhỏ khó khăn như nhiều năm về trước nữa! Nó bắt đầu trả ông hàng nghìn đô-la mỗi năm từ cách đây rất lâu, thay vì vài trăm đô-la lúc ban đầu.

Một người mơ mộng như Conwell lại luôn hết sức gắn liền với thực tế, và

nhieu khả năng rằng không chỉ sự cần thiết của Philadelphia hấp dẫn ông, mà thực tế là thành phố Philadelphia có ý nghĩa vô cùng lớn đối với ông, vì khi tới miền Bắc, ông bị thương trong trận đánh của cuộc Nội Chiến, và ở Philadelphia, ông đã được chăm sóc cho tới khi hoàn toàn hồi phục. Vì thế Philadelphia đã trở nên rất gần gũi với ông.

Và đây là một ví dụ điển hình về cách những giấc mơ tuyệt vời có thể song hành cùng kết quả mỹ mãn. Giáo đoàn khó khăn khi xưa hiện đang sở hữu một nhà thờ mới to lớn với chỗ ngồi nhiều hơn bất kỳ một nhà thờ Tin lành nào ở Mỹ – và Tiến sỹ Conwell là người giúp lấp đầy những chỗ ngồi đó.

Câu Chuyện Về 57 Xu

Bất kể lúc nào trong cuộc đời của Conwell, người ta đều thấy rằng ông luôn thành công với tầm ảnh hưởng cá nhân tuyệt vời đối với cả người già lẫn trẻ. Mỗi bước tiến, mỗi chiến thắng đạt được không đơn thuần chỉ bởi lòng nhiệt tình của riêng ông, mà bởi vì ông còn mang đến lòng nhiệt tình cho người khác. Khi tôi biết những nhà thờ ngày nay đã được xây dựng như thế nào, thì đó là một câu chuyện thú vị của thực tế kỳ lạ hơn bất kỳ một khả năng tưởng tượng nào. Tuy vậy câu chuyện rất đơn giản và ngọt ngào, có chút buồn và khiêm tốn.

Khi tiến sỹ Conwell lần đầu đảm nhiệm phụ trách giáo đoàn nhỏ – điều đã đưa ông đến với Philadenphia, đó thực sự là một nhà thờ nhỏ, cả về số lượng người lẫn kích thước của nó, nhưng dưới sự lãnh đạo của ông, nó nhanh chóng trở nên nổi tiếng với những buổi lễ nhà thờ và lớp dạy giáo lý Chủ nhật đông đến mức không đủ chỗ cho tất cả mọi người, và lượng người vẫn không ngừng tăng lên.

Một buổi chiều, một cô gái nhỏ trước đó đã rất háo hức đến lớp dạy giáo lý, chạy ra khỏi lớp học, khóc lóc thảm thiết vì họ nói với cô rằng đã hết chỗ rồi. Vậy nhưng, một người đàn ông cao lớn với mái tóc đen đã nhìn thấy cô bé, thấy cô đang khóc, nên đã dừng lại và hỏi thăm cô bé. Cô gái nhỏ thốn thức đáp lại rằng vì người ta không cho cô vào dự lớp học giáo lý ngày Chủ nhật.

“Tôi cõng cô bé trên vai,” Tiến sỹ Conwell nói, khi kể về chuyện đó; sau khi đã được nghe điều đó từ những người khác thì tôi muốn chính ông kể lại cho tôi, bởi dường như câu chuyện quá kỳ lạ. “Tôi cõng cô bé trên vai” – và mọi người nhìn thấy cảnh tượng đẹp đó, cô bé có thể đi qua được đám đông, lau

khô những giọt nước mắt và tự hào ngời trên vai của người đàn ông tốt bụng cao lớn có làn da nâu! “Tôi nói với cô bé rằng tôi sẽ đưa cô vào bên trong, và tôi đã làm điều đó, rồi nói rằng một ngày nào đó, chúng ta sẽ có một không gian rộng lớn hơn để đủ cho tất cả mọi người tới đây. Khi trở về nhà, cô bé đã nói với bố mẹ của mình – sau này tôi mới biết – rằng mình sẽ tiết kiệm tiền để giúp xây nhà thờ lớn hơn cho lớp học giáo lý mà Tiến sỹ Conwell mong muốn! Cha mẹ cô bé cười đùa với cô bé về ý tưởng ấy và vui vẻ để cô làm một số việc nhỏ để có tiền, và cô bé bắt đầu bỏ những đồng xu ấy vào hộp tiết kiệm.

“Cô bé là một tạo vật nhỏ bé đáng yêu – nhưng chỉ vài tuần sau đó, cô bé ốm nặng và ra đi; tại đám tang của cô con gái nhỏ, ông bố đã nói với tôi, giọng buồn bã, về chuyện cô con gái bé bỏng của ông đã tiết kiệm tiền để gom quỹ xây nhà thờ thế nào. Và tại đó, ông đã đưa tôi số tiền cô bé để dành được – chỉ 57 xu.”

Tiến sỹ Conwell không kể cho tôi về việc ông đã lặng lẽ rời đi thế nào; sau mọi chuyện, ông là một người đàn ông rất ít thể hiện cảm xúc. Chỉ có sự dịu dàng sâu lắng ẩn chứa trong giọng nói của ông cho người ta thấy được điều đó.

“Tại cuộc họp của các thành viên trông coi nhà thờ, tôi đã nói về món quà 57 xu – món quà đầu tiên cho việc đề xuất gây quỹ xây dựng nhà thờ mới. Đến lúc đó, vấn đề xây nhà thờ hầu như chưa từng được nói đến, vì đó đơn giản chỉ là một khả năng trong tương lai mà thôi.”

“Các thành viên của nhà thờ dường như rất ấn tượng và họ thật sự ấn tượng về điều đó hơn là tôi hy vọng, vài ngày sau, một người trong số họ tới gặp tôi và nói anh ta cho rằng sẽ thật là một ý tưởng tuyệt vời nếu chúng tôi mua một mảnh đất ở phố Broad – mảnh đất mà hiện giờ nhà thờ đang tọa lạc.” Một

trong những nét tính cách tiêu biểu của Tiến sỹ Conwell mà ông không thể hiện, và chỉ những ai biết ông mới hiểu được điều đó, đó là chính sự khích lệ mà ông dành cho các thành

viên của nhà thờ đã phần nào khiến một trong số họ thay đổi hoàn toàn và nhanh chóng. “Tôi nói với người chủ của mảnh đất đó về ý tưởng của chúng tôi, về sự hình thành của quỹ, về câu chuyện cô bé. Người đàn ông đó không phải thành viên của nhà thờ của chúng tôi, mà thực ra cũng không phải là người thích đi nhà thờ, nhưng anh ta lắng nghe chăm chú câu chuyện về 57 xu và nói rằng anh sẽ ủng hộ và đồng ý bán mảnh đất đó với giá 10 nghìn đô-la, khi nghe được một điều nằm ngoài mong đợi này, tôi đã vô cùng xúc động, tôi trả tiền lần đầu với 57 xu và toàn bộ số còn lại sẽ vay thế chấp với lãi suất 5%!

“Với tôi, dường như việc chấp nhận tình huống bất ngờ này là điều hoàn toàn đúng đắn, rồi tôi bàn bạc vấn đề với những thành viên khác của nhà thờ, và mọi người nhanh chóng nói chuyện về việc có được nhà thờ mới như thế nào. Nhưng không phải bằng cách ấy, sau tất cả, có thể cách đó là tốt, song sẽ phải có cách nào đó khả thi hơn.

“Ngay sau khi kết thúc câu chuyện với người chủ mảnh đất có nhã ý tốt bụng một cách bất ngờ, một cuộc trao đổi đã được sắp xếp cho tôi vào buổi tối tại nhà thờ Mount Holly, vợ tôi cũng đến. Chúng tôi trở về muộn, trời lạnh lẽo, ẩm đạm và u ám, nhưng khi về đến nhà chúng tôi nhận thấy rằng đèn được chiếu sáng từ trên xuống dưới khắp ngôi nhà, và rõ ràng là có rất nhiều người. Tôi nói với vợ rằng có vẻ họ đã có khoảng thời gian thú vị hơn chúng ta đấy, rồi chúng tôi bước vào nhà, tò mò muốn xem điều gì đang xảy ra. Hóa ra là sự vắng mặt của chúng tôi là sự sắp đặt trước, các thành viên của nhà thờ tập đã họp tại nhà tôi để gặp chúng tôi khi chúng tôi trở về. Tôi vô cùng

ngạc nhiên, vì người đại diện nói với tôi rằng toàn bộ 10 nghìn đô-la đã được quyên góp và chúng tôi sẽ trả được hết tiền cho mảnh đất xây nhà thờ mà tôi muốn. Mọi việc đã diễn ra quá nhanh và bất ngờ kể từ thời điểm 57 đồng xu của cô gái bé bỏng thân yêu được quyên góp.”

Câu chuyện này nghe giống như cổ tích! Nhưng trong suốt cuộc đời, người đàn ông này vẫn biến những câu chuyện cổ tích thành hiện thực. Ông động viên trẻ nhỏ, khích lệ thành viên nhà thờ, vận động chủ mảnh đất và truyền cảm hứng cho tất cả mọi người.

Việc xây dựng nhà thờ lớn – Nhà thờ Thánh đường Temple Baptist (Thánh đường rửa tội), giống như tên gọi của nó – là một trách nhiệm to lớn đối với giáo đoàn; mặc dù được phát động nhanh chóng từ khi Tiến sỹ Conwell đảm đương việc đó, nhưng nó vẫn giống như thể một điều gì đó viễn vông, trừ trong con mắt của những người nhiệt tình, có khả năng hoàn thiện, chi trả và hỗ trợ công việc. Nhưng thực sự thì đó không phải là nhiệm vụ dễ dàng.

Lễ động thổ được tiến hành năm 1889, năm 1891 nhà thờ mở cửa, những năm sau đó, nhà thờ tiếp tục quyên góp tiền để xóa nợ. Nhưng số nợ đã trả xong cách đây lâu rồi, số tiền quyên góp 10 nghìn đô-la cho nhà thờ không phải là một khoản to tát, nhưng cũng không có nghĩa là giáo đoàn rất giàu có.

Nhà thờ được xây bằng đá, bên trong là một khán phòng hoành tráng. Điểm thu hút là không khí trong lành và ánh sáng rõ ràng; không có gì mờ nhạt, ngoài ánh sáng tôn giáo của những giáo sĩ cổ xưa (thời trung cổ). Phía sau bục giảng là tầng ghế dành cho dàn hợp xướng lớn. Đó là một không gian rộng lớn. Kiến trúc đặc biệt nhằm phục vụ việc nghe và nhìn, và nghiêm túc mà nói, nhà thờ chỉ đẹp khi nó được bao kín bởi vòng vây những người đàn ông và phụ nữ.

Mọi người cảm nhận ông là người coi trọng vai trò của biểu tượng, Tiến sỹ Conwell cho gắn trái tim bằng gỗ ô liu ở trước bục giảng, vì gỗ từ cây ô liu là có nguồn gốc từ vườn Ghết-sê-ma-nê . Và dùng gạch màu hồ phách trong các bức tường bên trong nhà thờ, dưới lớp men trắng là tên của hàng nghìn người; họ gồm cả già, trẻ, đã giúp xây dựng nhà thờ, thậm chí họ chỉ quyên góp một đô-la cũng được ghi danh. Tiến sỹ Conwell muốn cho mọi người thấy rằng nó không chỉ là ngôi nhà của Chúa, mà trong nhận thức của cá nhân ông, đó là ngôi nhà của những người cùng chung sức xây dựng.

Nhà thờ có sức chứa lên tới 4.200 chỗ ngồi, mặc dù mới có 3.135 ghế được lắp, vì ông không muốn khiến cho không gian trở nên chật chội vô ích. Còn có cả phòng lớn cho các buổi giáo lý Chủ Nhật, và những phòng rộng cho Hiệp hội thanh niên, hiệp hội thanh niên nữ, một phòng bếp, phòng điều hành, phòng họp cho nhân viên nhà thờ, các hội đồng và các ủy ban. Đó là một nhà thờ đầy đủ, rộng rãi và thiết thực, mọi người đến đó đều cảm thấy như đang ở nhà.

Tiến sỹ Conwell nói với vẻ đăm chiêu “Anh sẽ lại thấy rằng lợi thế của mục đích hướng tới những điều to lớn. Nhà thờ đó trị giá 109.000 đô-la và hoàn toàn không nợ nần. Nếu chúng ta xây nhà thờ nhỏ, có lẽ bây giờ chúng ta lại đang chịu một khoản vay lớn đấy.”

Sức Mạnh Của Nhà Hùng Biện & Người Thuyết Pháp

Ngay khi còn trẻ , Conwell đã được biết đến với tư cách là một nhà hùng biện. Khi cuộc nội chiến bùng nổ, ông bắt đầu thực hiện những bài nói chuyện về tinh thần yêu nước khích lệ tinh thần nhập ngũ cho mọi người. Sau khi ra mặt trận, ông được cử về quê hương một thời gian, theo quy định về kỳ nghỉ phép, để tuyên truyền vận động thêm nhiều tân binh hơn, vì những bài phát biểu của ông rất thuyết phục, tràn đầy khí thế, tinh thần yêu nước nồng nàn và giản dị, khiến tất cả những ai được nghe đều đến xin nhập ngũ. Khi là một nhà thuyết giáo, ông sử dụng tài hùng biện thuyết phục, mạnh mẽ, đơn giản và dung dị, vận động các chàng trai gia nhập Cơ đốc giáo.

Là một nhà hùng biện bẩm sinh, nhưng ông đã phát triển thêm tiềm năng thiên bẩm đó bằng sự say mê tìm tòi, suy nghĩ và thực hành. Ông là một trong những người hiếm hoi luôn biết nắm giữ các cơ hội. Khi ông nói, tất cả đều phải lắng nghe.

30 năm trước, Conwell đã xuất bản cuốn sách nhỏ cho sinh viên về nghiên cứu và thực hành bộ môn hùng biện. “Phát âm rõ ràng, mạch lạc sẽ mang lại sự thu hút” là một trong những khẳng định bất di bất dịch của ông, nó được thể hiện trong chính những bài hùng biện của ông, vì ngay cả trong một tòa nhà rộng lớn, dù ngồi ở đâu, khán giả vẫn có thể nghe được từng lời ông nói. Ông luôn tránh không sử dụng “thuật diễn thuyết trước công chúng”. Giọng nói của ông êm ái, truyền cảm và không bao giờ đứt quãng, thậm chí ngay cả bây giờ khi ông đã ngoài bảy mươi, bởi vì, ông giải thích, ông luôn nói bằng giọng tự nhiên. Không bao giờ có bất kỳ sự thay đổi nào dù có bất cứ chuyện

gì xảy ra.

Ông viết rằng: “Một người diễn thuyết phải quan tâm sâu sắc tới hạnh phúc và quyền lợi của khán giả,” và một lần nữa chúng ta lại thấy được ở đây một khía cạnh của chủ nghĩa Conwell. “Sự nhiệt tình mời chào sự nhiệt tình,” là một quan điểm khác của ông; ai cũng hiểu đó là mục đích chủ tâm, không phải ngẫu nhiên khi ông dùng mọi nỗ lực để khơi gợi lên sự nhiệt tình nơi khán giả mỗi khi ông giảng bài.

“Rất dễ để khiến mọi người cười, nhưng điều đó rất nguy hiểm, bởi đó là một thử nghiệm quan trọng đối với khả năng kiểm soát khán giả của nhà hùng biện để có thể đưa họ về với “quả đất vững chắc của tư duy sáng suốt.” Tôi biết mỗi khi bài giảng của ông kết thúc, những tiếng cười rộn ràng vang lên trong cả giáo đoàn, nhưng chỉ phút chốc sau đó, ông đã có thể kiểm soát được từng người một và khiến họ lắng nghe chăm chú từng lời ông nói.

Ông không bao giờ ngần ngại dùng đến sự hài hước, bởi điều đó luôn rất đơn giản, rõ ràng và hiệu quả. Thậm chí, ông có thể sử dụng một phép chơi chữ hết sức đơn giản, nó không làm giảm đi khí thế của những điều ông đang nói, mà còn làm gia tăng ấn tượng sâu sắc. Khi ông nói về một điều gì đó thú vị với niềm tự tin và say mê giăng ngập, bằng khiêu hài hước ấm áp, điềm đạm và dễ lan truyền, khán giả của ông chìm vào trạng thái bị say mê. Họ không bao giờ nghĩ rằng ông đang kể một điều gì đó về bản thân; chẳng hạn như những kỹ năng của một người đàn ông, mà rằng ông đang kể cho họ một câu chuyện nào đó hài hước để họ và ông cùng thưởng thức mà thôi.

Ông viết: “Phải hoàn toàn trung thực và tuyệt đối rõ ràng”; và với cảm nhận hết sức thú vị, ông nói: “Hãy sử dụng những hình ảnh minh họa có thể thể hiện rõ ràng”—không có một nhà hùng biện nào thực thi phương châm này tốt hơn Conwell. Không có gì đáng ngạc nhiên hơn, cũng không gì thú vị hơn

cách thức mà ông sử dụng những minh họa ẩn tượng và bất ngờ về chính cuộc đời dài và lảo đảo thay của chính mình, và bất luận những hình ảnh đó là gì thì nó cũng đều ảnh hưởng trực tiếp và tức thì đến sự tiến thời của những bài diễn văn của ông. Ông có thể kể về những điều mà ông nghe được từ một đứa trẻ trên cùng chuyến tàu ngày hôm trước đó; ông sẽ nói về một điều gì đó mà ông đã chứng kiến hoặc về một người nào đó mà ông đã gặp tháng trước, hoặc năm trước, thậm chí 10 năm trước – ở Ohio, California, London, Paris, hay New York, hoặc cũng có khi là ở Bombay; từng khoảnh khắc, từng minh chứng đều là một sự nhấn mạnh hơn nữa về những điều mà ông muốn nhấn mạnh và thuyết phục khán giả.

Số lượng lớn những nơi ông đã đến, những con người ông đã gặp, vô số điều mà con mắt quan sát của ông đã thấy, mang đến cho ông những dòng chảy minh họa bất tận, và rồi trí nhớ cùng kỹ năng của ông đã khiến chúng được sử dụng một cách đáng ngưỡng mộ. Rất hiếm khi ông sử dụng những điều mà ông đọc được để làm minh họa, tất cả đều là của riêng ông. Henry M. Stanley, người hiểu rất rõ về ông, nhận định rằng ông là “một người Yankee có con mắt thứ ba”, “người có thể nhìn thoáng qua và hiểu hết tất cả”.

Ông không bao giờ thêm “gia vị” cho những kỷ niệm của mình về địa điểm hoặc con người được nhắc tới trong những dẫn chứng. Khi đưa ra minh chứng bằng một câu chuyện về sự khám phá vàng California tại Sutter, ông gần như nhấn mạnh trong ngoặc kép: “Tôi thực hiện bài giảng này cách đây vài năm; tại một thành phố đang trỗi dậy ngay thời điểm đó.” Khi ông dẫn chứng bằng một câu chuyện về việc phát minh ra máy khâu, ông nói thêm: “Tôi cho rằng nếu một trong số các bạn được hỏi ai là người phát minh ra máy khâu, các bạn sẽ nói rằng đó là Elias Howe. Nhưng đó là một sai lầm. Tôi đã ở cùng Elias Howe trong cuộc Nội Chiến, và anh ta thường kể cho tôi rằng anh ta đã cố gắng trong suốt 14 năm để nghĩ cách phát minh ra máy

khâu và rồi vợ anh ta đã phát minh ra nó trong hai tiếng đồng hồ, khi cảm thấy rằng thực sự cần phải may một thứ gì đó.” Khi lắng nghe ông nói, bạn bắt đầu cảm thấy dường như mình đang tiếp xúc với mọi người và mọi vật, theo một cách thức hết sức thân thiết.

Bất luận dù đứng trên bục thuyết giáo hoặc trên giảng đường, các buổi thuyết giảng của ông luôn giống như một cuộc hội thoại riêng tư với khán giả, có một sự giản dị tuyệt đối hoàn toàn ở con người cũng như lời lẽ của ông; một sự giản dị, nghiêm túc và sự trung thực trọn vẹn. Và khi ông viết trong cuốn sách về hùng biện của mình, “Một người đàn ông không được phép sử dụng ngôn ngữ bừa bãi,” ông muốn nói đến một sự tôn trọng đối với từ “khéo léo” mà tất cả các nhà phát ngôn hay ký giả thành công nào đều phải cảm nhận.

“Phải thật sự hết sức thiết tha,” ông viết; và khi viết những dòng này, ông không chỉ đặt ra nguyên tắc căn bản cho việc thuyết giảng, mà còn cho cuộc sống của chính mình.

Một mục sư trẻ, với cảm xúc lắng sâu, đã kể với tôi rằng Tiến sỹ Conwell từng nói với anh ta: “Hãy luôn ghi nhớ rằng, khi anh thuyết giảng, nghĩa là anh đang nỗ lực để cứu rỗi ít nhất một tâm hồn.” Và Tiến sỹ Conwell cũng từng nói với một trong những người bạn thân của ông, trong một cuộc trò chuyện:

“Tôi cảm thấy rằng, bất cứ khi nào thuyết giảng, luôn có một người nào đó trong giáo đoàn, rất có thể, sẽ không nghe tôi thuyết giảng lần thứ hai nữa, vì thế tôi phải tận dụng tối đa khả năng của mình trong cơ hội cuối cùng này.” Từ đây, mọi người có thể thấy được tại sao mỗi bài thuyết giảng của ông lại ấn tượng đến vậy, và tại sao năng lượng của ông không bao giờ vơi cạn. Ông luôn cảm thấy rằng ông sinh ra trong thế giới này để làm mọi điều tốt đẹp mà bản thân có thể.

Khi bước lên bục giảng kinh, ông luôn có được sự chú ý của mọi người, và ông luôn kiểm soát được sự chú ý đó cho tới tận khi kết thúc buổi giảng. Nhưng sự chú ý đó không phải đạt được bằng bất cứ nỗ lực gây ấn tượng nào, ngoại trừ một điều duy nhất gây ấn tượng, đó là sự đơn giản tuyệt đối của ông. “Tôi muốn thuyết giảng đơn giản để mọi người có thể cảm nhận được rằng đó không phải là thuyết giáo mà chỉ như đang lắng nghe một người bạn.” Tôi nhớ rất rõ những lời ông nói vào một buổi sáng Chủ nhật, khi ông bắt đầu bài giảng của mình; ông đã thuyết giảng hết sức đơn giản với những lời lẽ dung dị, chân thành, và thân thiện. Và chúng mới thật hiệu quả làm sao!

Ông tin rằng mọi điều nên được trình bày theo một cách thức mà tất cả mọi người đều có thể hiểu được, và ông đã áp dụng niềm tin này không chỉ cho những bài thuyết giáo, mà còn cho việc đọc Kinh thánh, trong đó ông không chỉ làm rõ những mô tả cho bản thân hiểu, mà còn diễn giải rõ ràng đến sống động cho người nghe; và thường đưa đến một kết quả đầy mê hoặc.

Ví dụ như, ông đang đọc đến chương thứ 10 của cuốn I *Samuel*, và bắt đầu, “Người sẽ gặp một đoàn tiên tri từ nơi cao xuống”. Đoạn này nên được dịch là: ‘Những thánh ca’,” ông đặt cuốn sách xuống, thay đổi như thường lệ, và đưa mắt nhìn khắp mọi người rồi tiếp tục, “Người sẽ gặp một xướng ca đoàn từ nơi cao xuống”

Rồi ông lại tự mình ngắt đoạn, ông nói: “Tức là, các bạn biết đấy, từ nhà thờ cũ nhỏ bé nằm trên ngọn đồi.” Ngay lúc này đây, những lời nói đó mới mộc mạc, rõ ràng, thực tế và thú vị – phần lớn đều rất thú vị – làm sao! Một người đàn ông thuyết giảng khác có thể vẫn nói “một đoàn tiên tri từ nơi cao xuống”, cái mà thực tế dường như không có thực, nhưng ở đây, đột nhiên, Conwell lại làm lóe sáng hình ảnh về một xướng ca đoàn tới từ một nhà thờ cổ nhỏ bé trên ngọn đồi! Thực sự là kỳ diệu khi làm được điều đó.

Rồi ông tiếp tục đọc: “Người sẽ gặp một xướng ca đoàn từ một nhà thờ cổ trên đồi xuống, có đàn sắt, trống cơm, ống sáo, và đàn cầm đi trước; họ sẽ hát.”

Âm nhạc là một trong những công cụ trợ giảng hữu hiệu nhất của Conwell. Ông cất tiếng hát; như thế ông thích hát, và thường tự mình dẫn dắt xướng ca đoàn – thực tế đúng là như vậy, thường là tại các buổi cầu nguyện – những cuộc họp, và tại các buổi lễ nhà thờ.

Tôi nhớ vào một buổi lễ nhà thờ, người chỉ huy xướng ca đoàn đứng trước một dàn hợp xướng lớn để chỉ đạo, nhưng Conwell lại đứng ở phía sau của bục giảng, nhìn chăm chú vào cuốn thánh ca, lắng lẽ đu đưa theo tiếng nhạc và vô thức đánh nhịp khi du dương, và thế là vô tình ông trở thành người chỉ huy dàn nhạc thực sự, vì cả giáo đoàn đang nhìn ông và họ đánh nhịp theo ông! Ông chưa bao giờ nghĩ đến việc đó; ông chỉ đơn thuần nghĩ về âm nhạc; và vẻ hạnh phúc dễ lan truyền trên khuôn mặt của ông đã khiến tất mọi người trong khán phòng đều cảm thấy hạnh phúc. Ông thật sự sở hữu tài năng thần bí trong việc làm người khác hòa vào với niềm vui của chính mình.

Không chỉ có xướng ca đoàn, mà còn có những nhạc cụ kèm theo hiện đại như đàn xante, trống nhỏ và chũm chọe, tất cả đều có trong hệ thống dàn nhạc của Tiến sỹ Conwell tại buổi lễ nhà thờ; vì có thể ở đó cần có một chiếc đàn piano, thậm chí là một chiếc kèn Trombone, và một chiếc đàn organ lớn hỗ trợ tiếng hát của mọi người, và đôi khi cần những chuông hòa âm nữa. Khiếu thẩm mỹ âm nhạc của ông dường như hướng tới âm hưởng lớn lao—hoặc có thể chỉ bởi ông biết mọi người thích nghe những âm hưởng hùng tráng và bị đánh thức bởi những giai điệu ấy.

Và chính xướng ca đoàn cũng thích điều đó! Họ xếp thành một hình vòng cung phía sau bục giảng, và hát bằng cả trái tim. Khi cả giáo đoàn và xướng

ca đoàn đã dừng lại, nhưng một số người vẫn hát và tiếp tục hát khi chậm bước đi ra phía cửa. Họ hạnh phúc – và Conwell cũng vậy – tất cả giáo đoàn đều hạnh phúc. Ông khiến mọi người hạnh phúc khi tới nhà thờ; ông khiến nhà thờ trở nên hấp dẫn như, theo lời Howell, ông đã làm tại Lexington trước đây.

Và đó là một điều gì đó còn hơn cả niềm hạnh phúc; một cảm giác nhẹ nhõm, thư thái, một niềm vui chung mà khó có thể nhầm lẫn được. Không có gì là cứng nhắc hay ép buộc ở đây. Tất cả đều là sự tôn kính. Không có gì phải nghi ngờ rằng ông đã quen với việc “lấp đầy” mọi chỗ ngồi trong tòa nhà lớn này.

Những hành động của ông thường rất giản dị. Lúc nào cũng vậy, khi muốn nhấn mạnh điều gì, ông dùng một bàn tay nắm chặt vào năm đấm của bàn tay kia. Khi ông đã rời đi, bạn có thể sẽ không nhớ được rằng ông đã thể hiện bất kỳ hành động nào, nhưng giọng nói cùng cái nhìn trong đôi mắt đẹp của ông sẽ mãi luôn bên bạn. Mặc dù ông đã ở tuổi ngoài thập tuần, nhưng ông vẫn có nhìn mọi người xung quanh với con mắt của một người trẻ tuổi.

Giống như mọi con người vĩ đại khác, ông không chỉ làm những điều lớn lao, mà còn luôn sát sao với cả những điều nhỏ bé. Khi trợ tá của ông công bố lễ tang của một thành viên cũ, ngập ngừng về địa chỉ và tên đường phố, nên đã nói rằng chúng có thể được tìm thấy trong cuốn danh bạ, Tiến sỹ Conwell đã nhẹ nhàng ngắt lời: “Đó là số nhà [...], trên đường Dauphin” – dù ông nói hết sức nhỏ nhẹ nhưng tất cả mọi người trong nhà thờ đều có thể nghe được rõ ràng từng âm tiết trong giọng nói trầm lắng ấy.

Kho tàng những giai thoại về các cá nhân, hay cả những hồi tưởng về họ, là bất biến và đầy tính minh họa trong những buổi thuyết giáo, cũng giống như trong những bài giảng của ông, và tất cả những hồi tưởng trải dài theo năm

tháng đó thực sự rất đáng ngạc nhiên trong những bức hình sống động và thân thương về những con người nổi tiếng mà ông biết.

Một buổi tối Chủ nhật, ông nói về lần đầu tiên ông gặp Garfield, sau này là ứng viên cho vị trí Tổng thống Mỹ. “Tôi đã đề nghị thị trường McKinley, người tôi đã gặp ở Washington, sống tại phía bắc Ohio, giống như ngài Garfield, đi với tôi tới nhà Garfield và giới thiệu tôi. Khi chúng tôi tới nhà Garfield, một người hàng xóm đã giúp chúng tôi đi tìm ông. ‘Jim!Jim’, anh ta gọi. Bạn thấy đấy, Garfield đơn thuần chỉ là Jim đối với người hàng xóm cũ. Thật khó để nhận ra một người hùng từ hàng rào sau nhà của bạn!” Ông dừng lại một hồi để cơn sóng tán thưởng từ mọi người rút dần đi, rồi tiếp tục:

“Cả ba chúng tôi nói chuyện với nhau” – thật là một cuộc chuyện trò hiếm có – McKinley, Garfield và Conwell “chúng tôi nói chuyện với nhau, sau một hồi chúng tôi chuyển sang chủ đề những bài thánh ca, và cả hai người đã cho tôi biết họ thích bài thánh ca The Old-Time Religion đến nhường nào. Garfield đặc biệt yêu thích bài hát đó, vì thế ông ấy nói với chúng tôi, bởi vì một người đàn ông già tốt bụng đã nuôi lớn ông trưởng thành - người mà ông luôn biết ơn, thường hát bài thánh ca ấy bên những thanh chắn hàng rào đồng cỏ phía ngoài cửa sổ phòng cậu mỗi buổi sáng, và Jim biết, mỗi khi nghe thấy giai điệu đó, có nghĩa là đã đến lúc cậu phải thức dậy. Ông nói rằng dù đã được nghe những buổi hòa nhạc hay nhất và những bản nhạc kịch trong sáng nhất trên thế giới này, nhưng chưa bao giờ ông thấy yêu thích bài hát nào như The Old-Time Religion. Tôi đã quên mất lý do vì sao McKinley đặc biệt thích nó, nhưng cũng giống như Garfield, ông thật sự thích nó vô cùng.”

Những điều ông nói tiếp theo là ví dụ điển hình về sự kiên quyết trong việc không bỏ lỡ một cơ hội nào nhằm tạo ấn tượng trong tâm trí người nghe, đồng thời đây cũng là bằng chứng đáng kinh ngạc về sức mạnh gây biến đổi

và tầm ảnh hưởng của Tiến sỹ Conwell. Và khi nói, ông thể hiện một thái độ mới trên khuôn mặt như muốn thể hiện rằng ý tưởng đó chỉ vừa mới xuất hiện trong ông. “Tôi nghĩ điều đó nằm trong cuốn thánh ca của chúng ta!” Rồi ông nhanh chóng thông báo tiết mục biểu diễn, và tiếng đàn organ cất lên, mọi người trong nhà thờ lớn, đàn ông, phụ nữ, trẻ nhỏ cùng hòa vào giai điệu nhịp nhàng của mỗi vần thơ, như thể họ không bao giờ cảm thấy mệt mỏi, với bài ca “The Old-Time Religion.” Đó là giai điệu đơn giản – vừa vắn chỉ hơn một dòng với tiết tấu âm nhạc gần như đều đều.

Vậy là tốt cho mẹ và tốt cho tôi!

Vậy là tốt cho mẹ và tốt cho tôi!

Bài hát cứ thế tiếp tục, với sự lặp đi lặp lại không bao giờ buồn chán, và mỗi lần tới điệp khúc, càng thêm nhịp nhàng và uyển chuyển:

Tín ngưỡng cổ xưa,

Tín ngưỡng cổ xưa,

Tín ngưỡng cổ xưa,

Vậy là đủ tốt cho tôi rồi!

Điều đó tốt cho lũ trẻ Do Thái cổ, tốt cho Thánh Paul và Silas, nó sẽ giúp cho bạn khi bạn từ già cõi đời, nó sẽ chỉ đường tới thiên đàng – những lời hát này và những lời khác nữa được cất lên, với giọng khóc than nhẹ nhàng, đều đều kỳ lạ, với chiều sâu tha thiết. Và người đàn ông đã tạo ra khả năng kiểm soát kỳ diệu bằng cách kể những kỷ niệm về cuộc gặp gỡ với hai cố danh nhân của nhân loại, đã đứng trước mặt tất cả mọi người, dẫn dắt họ, ca hát với họ, đôi mắt rạng ánh sáng tâm hồn. Sức lôi cuốn và khả năng kỳ diệu của ông đã

đưa họ trở về với tinh thần của những buổi thuyết giảng ngoài trời trước đây – những ngày tháng tiên phong và gian khổ, khi mà tôn giáo được coi là điều vô cùng quan trọng đối với tất cả mọi người, thậm chí ngay cả những người không biết gì về nó cũng cảm nhận được, dù chỉ là một chút mơ hồ. Tất cả trái tim của những người lắng nghe ông hôm nay đều thổn thức và xúc động, âm điệu xưa cũ của bài hát ấy sẽ vang mãi trong tâm trí của những người đã lắng nghe và ca vang bài ca ấy cho đến tận khi họ từ giã cõi đời.

Quà Tặng Cho Sự Gợi Cảm Hứng Nơi Mọi Người

Thái độ nghiêm túc bất biến của Conwell, khát khao không muốn bỏ lỡ bất kỳ cơ hội giúp đỡ mọi người nào, thường được thể hiện trong giọng nói của ông về một niềm khát khao, một nỗi trăn trở, đặc biệt mỗi khi ông thuyết giảng. Nhưng khi ông cầu nguyện, khi ông hướng đến Chúa, những xử sự ông đã thay đổi một cách hoàn toàn vô thức và tài tình. Một trách nhiệm nặng nề được gỡ bỏ khỏi đôi vai của ông và được thu nạp bởi một sức mạnh cao hơn. Trong thái độ của ông, dù vốn đã rất cao quý và tôn nghiêm, có một điều gì đó càng tôn nghiêm hơn. Trong giọng nói, vẫn cứng cỏi như trước đây, có một biểu hiện sâu sắc hơn của sự kiên quyết. Ông thường dang rộng cánh tay mỗi khi cầu nguyện, một cử chỉ cao quý mà thông thường ông không bao giờ biểu lộ, và khi ông hướng mắt lên trên với nét trang nghiêm của con chiên đang nói chuyện với bề trên, có một nét tự hào vì là một người bạn và một người tâm giao được bộc lộ. Người ta không nhất thiết phải là tín đồ của Thiên Chúa giáo cũng có thể cảm nhận hết được vẻ đẹp và sự cao thượng trong những lời cầu nguyện của Tiến sỹ Conwell.

Lúc nào cũng vậy, ông dường như luôn làm những điều ngoài mong đợi, ông là một con người vĩ đại, có khả năng kiểm soát đến mức dường như mọi việc ông làm đều hoàn toàn tự nhiên. Sự chân thành của ông quá rõ ràng, và mọi việc ông làm vô cùng đơn giản và tự nhiên, như thể vốn nó phải là như thế.

Tôi còn nhớ, trong một buổi lễ nhà thờ, khi bài thánh ca đang vang lên, ông đột nhiên đứng dậy, đến quỳ bên cạnh chiếc ghế, hướng lên bục giảng kính, quay lưng lại với giáo đoàn, giữ tư thế đó trong vài giây. Không một ai lấy

làm lạ lắm. Dường như chỉ có mình tôi chú ý đến điều đó. Cả khán phòng đều quen với sự chân thành đó của ông rồi. Điều này có nghĩa là lúc đó ông có điều cần thỉnh cầu Chúa, sau đó một lúc, ông lại quay lại với mọi người.

Sự thành khẩn trong niềm tin vào việc cầu nguyện đã khiến ông trở thành tín đồ trung thành khi trả lời trong buổi cầu kinh, và, thực tế là cả trước những thuyết phản đối Chúa trời. Rõ ràng, yếu tố thần bí mà ông thừa hưởng từ người mẹ cũng ảnh hưởng nhiều đến điều này. Ông thường thể hiện điều đó bằng một cách thức hết sức đơn giản, đó là thông qua một trong những câu châm ngôn ưa thích mà ông thường xuyên nhắc đến để cổ vũ những người đang gặp khó khăn: “Hãy tin vào Chúa và làm những việc tiếp theo”.

Thời điểm nhà thờ hoạt động tại Philadelphia, ông thật sự cần đến khoản tiền một nghìn đô-la để ngăn một vụ kiện liên quan đến khoản nợ khi xây dựng nhà thờ. Thực tế, nó còn tồi tệ hơn một khoản nợ; đó là tờ giấy ghi nợ cho cá nhân ông đã quá hạn – ông luôn sẵn sàng nhận trả món nợ đó cho nhà thờ – việc không trả được nợ là một điều hổ thẹn cũng như gây nản lòng đối với nhà thờ.

Ông đã cố gắng huy động mọi nguồn vay có thể, nhưng đều vô ích. Trong trường hợp này, ông không thể công khai kêu gọi các thành viên trong nhà thờ vì đó là thời điểm ông mới bắt đầu nghề mục sư, lòng nhiệt thành cho tổ chức, tâm huyết và quyết tâm để đạt được nó, giống như một phần thiết yếu của bộ máy nhà thờ, đã vượt xa hơn sự nhận định của một số bạn bè thân thiết của ông, kể cả một số phó tế đã tới Massachusetts vì ông. Họ đã kêu gọi sự trì hoãn cho tới khi những khoản chi phí khác được hoàn trả, nhưng ông đã làm ngược lại với những lời khuyên đó.

Ông đã cố gắng vay mượn từ bạn bè, và đã cố gắng cầu nguyện. Nhưng không nhận được bất kỳ sự viện trợ nào, cho dù là từ đấng siêu nhiên hay con

người.

Và rồi, đúng vào ngày chủ nợ bắt đầu làm thủ tục tố tụng ông, thì một tấm séc trị giá chính xác một nghìn đô-la được gửi tới ông qua đường bưu điện, từ một người đàn ông ở miền Tây – một người hoàn toàn xa lạ. Hóa ra em gái của người đàn ông đó, là một sinh viên trường Temple, đã viết thư cho anh trai kể về công việc của Conwell. Cô ta không hề biết về món tiền đang được cần gấp thế nào, càng không biết gì về giấy ghi nợ hoặc nhu cầu về một nghìn đô-la; cô ta đơn thuần chỉ nói với anh trai những gì mà Tiến sỹ Conwell đang thực hiện, và bằng niềm cảm thông, anh trai cô lập tức gửi tới ông tấm séc.

Tại thời điểm trước đó, số tiền mười nghìn đô-la thật sự là điều vô cùng cấp bách. Kỳ hạn đã đến. Khoản nợ này là do việc xây dựng một số hạng mục của trường đại học Temple. Rồi ngày cuối cùng cũng đến, Conwell và số ít người khác biết rõ tình hình này ở trong tâm trạng cực kỳ ám đạm. Số tiền quá lớn để yêu cầu những người trong nhà thờ quyên góp, vì họ không giàu có và đã đóng góp hết sức tiền bạc và của cải ít ỏi của mình cho nhà thờ và trường đại học rồi. Không có người đàn ông giàu có nào để nhờ cậy; còn những người nổi tiếng về việc làm từ thiện hào phóng lại không hề hứng thú với bất kỳ công việc nào của Russell Conwell. Thật là không tốt đẹp và không có lý do gì khi giải thích điều đó là do tên tuổi của những cá nhân đó không được ghi kèm, hay vì đó chỉ là một việc làm khiêm tốn của những người khiêm tốn; mà phải nói rằng cả họ và doanh nghiệp của họ đều không quan tâm tới việc viện trợ, trừ một trong số người giàu có nhất, mà tên tuổi được ghi danh cao quý nhất trên toàn thế giới mới thực hiện theo sự thôi thúc cá nhân mạnh mẽ, đóng góp 3.500 đô-la.

Vì vậy, khi thực sự cần có mười nghìn đô-la, thì dường như khả năng đó là không thể, cho dù từ giáo đoàn hay từ phía cá nhân.

Mặc dù là người lạc quan tuyệt vời, nhưng Russell Conwell cũng rất yếu đuối. Khi ông tin tưởng vào khả năng thành công; thành công ắt sẽ đến! – bản thân thành công dường như đã trở thành một phần “tôn giáo” trong ông – thành công cho bản thân ông và cho tất cả những người cố gắng đạt được nó trên toàn thế giới! Nhưng đôi khi ông buồn bã và lo lắng về một vài trường hợp đặc biệt nào đó. Ông luôn tin vào việc nguyện cầu – niềm tin có thể di chuyển núi sông; nhưng ông luôn tin rằng tốt hơn hết là không nên chờ đợi đến khi tảng đá được dời đi, mà hãy lập tức bắt tay tìm cách dịch chuyển chúng. Nhưng sau một thời gian, tảng đá vẫn đứng đó lù lù đầy thách thức, thậm chí sau mọi nỗ lực can đảm nhất cũng như đức tin sâu sắc nhất. Thời điểm đó đã tới – khoản nợ mười nghìn đô-la là tảng đá bất biến mà ông đã cố gắng di chuyển một cách vô ích. Ông vẫn có thể cầu nguyện, và ông đã làm, nhưng đó đã trở thành một trong những lần ông chỉ có thể nghĩ rằng có điều gì đó đã không đi đúng hướng.

Một vị trưởng khoa của trường đại học, người đã đồng hành với ông trong nhiều năm, kể với tôi rằng ông đang rơi vào trạng thái chán nản, trái ngược hoàn toàn với dũng khí bền bỉ vốn có, ông rời văn phòng để về nhà.

“Ông rời đi với những điều tồi tệ, đen tối trước mắt. Khi đó là Giáng sinh, nhưng điều đó càng làm tăng thêm sự sầu não trong ông – Giáng sinh không phải là thời điểm thích hợp cho những điều không vui vẻ! Nhưng chỉ trong phút chốc ông quay trở lại, hớn hởi, vui mừng khôn xiết, vui tươi với niềm hạnh phúc, cuộn một mảnh giấy nhỏ trong tay – tấm séc trị giá mười nghìn đô-la ! Ông vừa mới lấy nó ra khỏi phong bì nhận được từ người đưa thư, lúc vừa về tới nhà.”

“Nó đến rất tự nhiên và kỳ lạ! Vì tấm séc có được là nhờ một người phụ nữ vô cùng hâm mộ những công việc của ông, và người đã gửi tấm séc chỉ biết

chung chung rằng nó cần thiết, chứ không có bất kỳ ý nghĩ nào rằng nó lại cấp bách đến vậy. Đó là thời điểm tám hay chín năm về trước, mặc dù người quyên tặng ấy biết rằng Tiến sỹ Conwell và tất cả chúng tôi đều cảm thấy vô cùng biết ơn về món quà đó như thế nào, nhưng mãi cho tới gần đây bà ấy mới được biết món quà đó đã đến kịp thời và đúng lúc ra sao. Và nó đã làm cho Tiến sỹ Conwell thay đổi ra sao! Ông là một người rất am hiểu châm ngôn, và tất cả những người cộng tác chúng tôi đều biết rằng một trong những châm ngôn ưa thích của ông là “Một lúc nào đó, mọi việc đều sẽ đạt được kết quả tốt!” Tất nhiên chúng tôi hiếm có cơ hội để nói với ông rằng ông không nên chùn bước. Thực tế là ông hiếm khi ở trong tình trạng như vậy!”

Một nhà thờ lớn mới được xây dựng, khi xây tới tầng thứ hai, ở độ cao đó những thành viên của nhà thờ đều bị lơ đễnh do mãi chú ý về phía mảnh đất gần kề chưa có chủ, ở đó những cánh cửa đã được xây để mở ra một khoảng không thoáng đãng!

Khi được hỏi về những cánh cửa này và mục đích của chúng, Tiến sỹ Conwell đáp lại như thường lệ, nói rằng chúng có thể giống những thang thoát hiểm tuyệt vời. Ông thậm chí đã đưa ra một gợi ý về kế hoạch lớn đang hình thành trong tâm trí trong một thoáng chốc, đó là kế hoạch về những tòa nhà của trường đại học một ngày không xa sẽ tọa lạc trên mảnh đất gần kề với nhà thờ này!

Tại thời điểm đó trường Đại học, nay được gọi là Trường Temple, còn phải là một trường cao đẳng, mặc dù nó có thể được gọi là một trường cao đẳng. Conwell đã lập ra ngôi trường này, với một số lớp học và giáo viên, trong một không gian bất tương xứng của hai ngôi nhà nhỏ. Thế nhưng trí óc của Tiến sỹ Conwell đã sớm vẽ nên những tòa nhà mới cao lớn với nơi ăn nghỉ

cho hàng nghìn người! Theo thời gian, giấc mơ của ông thành hiện thực, sự hình dung về ngôi trường cũng trở thành sự thật, và giờ đây những cánh cửa tầng hai đó đã thực sự được mở ra từ Nhà thờ Temple tới Trường Đại học Temple.

Bạn thấy đấy, ông đã luôn nghĩ về những điều lớn lao! Ông mơ những giấc mơ lớn và giành được những thành công vĩ đại. Cả cuộc đời ông nói, thuyết giảng về thành công và niềm tin rất thực tế rằng làm những việc lớn lao cũng đơn giản như làm những việc nhỏ, và, trên thực tế là còn có đôi chút dễ dàng hơn! Vì thế, ông không thể hiểu tại sao người ta lại nên hài lòng với những điều nhỏ bé trong cuộc sống như vậy. Ông rất thích nói câu: “Nếu phòng ở của bạn lớn, mọi người sẽ đến và lấp đầy chúng”. Cùng một nỗ lực mà giành được một thành công nhỏ, thì cũng sẽ giành được những thành công lớn. “Hãy nghĩ về những điều lớn lao và thực hiện chúng!”

Câu nói yêu thích nhất mà con người của những châm ngôn này thường dùng là: “Hãy để sự kiên nhẫn làm nên điều hoàn hảo”. Ông rất thích nói câu ấy, còn bạn bè thì luôn cười về tình yêu ông dành cho câu châm ngôn của mình, ông biết và ông cũng cười. Ông nói, “Tôi đang làm họ mệt mỏi vì phải nghe tôi nói điều ấy hàng ngày”.

Nhưng ông vẫn nói câu ấy mỗi ngày bởi nó thực sự có rất nhiều ý nghĩa. Đối với ông, nó như một lời cảnh báo cố hữu chống lại sự tức giận, nôn nóng hay những lỗi lầm của sự hấp tấp mà tính khí mạnh mẽ của ông dễ mắc phải, mặc dù ta chưa từng thấy ông cáu giận, nóng vội hay hấp tấp. Ông thật sự có khả năng tự kiểm soát tốt. Những người quen biết ông từ lâu chia sẻ với tôi rằng họ chưa bao giờ nghe thấy ông chỉ trích bất cứ ai, và rằng lòng tốt cùng sự nhẫn nại của ông thật tuyệt vời.

Ông là một người đàn ông nhạy cảm với vẻ ngoài điềm tĩnh. Ông đã phải

chịu đựng, một cách nhạy bén, khi bị công kích một cách phi lý; và vết thương đó theo ông suốt thời gian dài, thậm chí năm tháng qua đi cũng không thể xóa bỏ được nó hoàn toàn.

“Khi bị tổn thương, hoặc khi nói chuyện với những người kỳ quặc âm ỉ, tôi cố gắng để sự kiên nhẫn hoàn thành nhiệm vụ của mình, với những người đó, nếu bạn kiên nhẫn với họ, sau này có lẽ sẽ hữu ích”.

Rồi ông tiếp tục về những năm đầu ở Philadelphia, với giọng buồn bã, ông nói rằng ông đã bị tổn thương khi phải đối mặt với những phản đối, và rằng nó thậm chí lại xuất phát từ chính những mục sư cùng giáo đoàn của mình, ông bị hiểu lầm và đánh giá thấp. Nhưng ông nói, thêm ngay cả kẻ thù khốc liệt nhất của ông cũng bị chinh phục bởi sự kiên nhẫn.

Tôi có thể hiểu mọi điều ông muốn nói, vì một trong những mục sư dòng Baptist ở Philadelphia đã nói với tôi với đôi chút xấu hổ, rằng lúc đầu khi Tiến sỹ Conwell đến cuộc họp thường xuyên của các mục sư, tất cả đều lánh xa, không một ai tiến đến để bắt tay hay chào đón ông.

“Tất cả xuất phát từ sự đổ kỵ của chúng tôi đối với những thành công của ông ấy”, vị mục sư nói. “Ông ấy chỉ là một người lạ khi đến thành phố này, nhưng lại ngay lập tức chiếm được lòng yêu mến của người dân. Không thể chấp nhận điều đó, chúng tôi chộp ngay lấy những việc ông làm và cho rằng ông toàn làm những việc vô nghĩa. Hầu hết chúng tôi đều ghen tỵ với chiến thắng trước đám đông của ông đến nỗi không thể nhìn thấy điều gì tốt đẹp nơi ông. Điều đó làm tổn thương Tiến sỹ Conwell rất nhiều và ông đã không đến tham dự hội nghị của chúng tôi trong mười năm. Nhưng tất cả đã thay đổi từ khá lâu. Giờ thì không một mục sư nào không chào đón ông, và tôi không tin rằng bất kỳ khi nào ông trở lại mà lại không bị yêu cầu thuyết giảng một gì đó với chúng tôi. Chúng tôi đều đã bỏ qua lòng đổ kỵ của quá khứ và bây giờ tất cả

đều yêu mến ông.”

Không chỉ các mục sư trong giáo đoàn của ông ngưỡng mộ ông bởi những thành tựu mà Tiến sỹ Conwell mang đến cho thành phố cách đây không lâu, mà cả vị mục sư của ngôi nhà thờ quý tộc và quyền uy nhất Philadelphia cũng thể hiện sự tôn kính lớn lao đối với những mục tiêu, năng lực của ông, công việc và giá trị nhân cách của Tiến sỹ Conwell. “Ông là nguồn cảm hứng cho tất cả những người anh em của mình trong đoàn mục sư của Chúa Jesus”, vị mục sư dòng Tân giáo viết. “Ông là bạn của mọi điều tốt lành, là kẻ thù của quỷ dữ, là sức mạnh cho sự yếu đuối, là người an ủi cho sự sầu não, và là người con của Chúa. Những dòng này xuất phát từ trái tim của người yêu mến, vinh danh, tôn kính tính cách và hành động của ông”.

Tiến sỹ Conwell đã thực hiện một số điều tốt đẹp và bất thường ngay tại chính nhà thờ của mình, đưa ra những tập tục bất thường và đẹp đẽ. Có thể thấy những chỉ trích vội vàng và hẹp hòi đã buộc tội ông như thế nào, từ lâu rồi, với thuyết duy tâm – những lời buộc tội đã đi vào dĩ vãng trừ việc chính Tiến sỹ Conwell vẫn cảm thấy nhức nhối. “Họ từng buộc tội tôi đã biến nhà thờ thành một cái rạp xiếc – như thế tôi có thể biến nhà thờ thành một cái rạp xiếc vậy!” Âm điệu trong giọng nói của ông vẫn thể hiện một sự kinh ngạc đầy đau đớn.

Nhưng ông lại là một con người độc đáo và nổi tiếng, do đó luôn có những hiểu nhầm và đối kỵ. Ví dụ, những buổi lễ trong dịp lễ Phục sinh, nhiều năm trước, được truyền bá rộng rãi và được mong chờ bởi mỗi bài giảng luôn được phụ họa bằng những biểu tượng cao quý; trên bục giảng, ông thường giữ trên tay những quả trứng chim két màu xanh, hoặc chú bồ câu trắng, những cánh hoa loa kèn, hoặc bất cứ thứ gì ông chọn làm biểu tượng cho những bài giảng cụ thể, và biểu tượng đó mang đến cho ông nội dung chính

của bài giảng, được nhấn mạnh như thế chính nó là biểu tượng thực tế theo quan điểm của giáo đoàn. Trong nghi thức rửa tội, Thánh giá được chiếu sáng bằng ánh điện, tỏa sáng trên mặt hồ nước rửa tội, một dòng nước nhẹ nhàng chảy xuống các bậc thềm của hồ nước, hoa hồng nổi trên mặt hồ và những người vừa được rửa tội sẽ được tặng quà khi họ rời khỏi mặt nước – tất cả những điều này dường như quá độc đáo tại thời điểm đó. Tuy nhiên, những người của ông đã nhận ra vẻ đẹp và chất thơ của những hoạt động đó, và hình bông hoa hồng rửa tội của Tiến sỹ Conwell được in trong các trang của hàng nghìn cuốn Kinh thánh ở Philadelphia.

Tính cá thể luôn luôn tồn tại trong tâm trí ông, sự tươi trẻ trường tồn, sự tinh táo, bừng sáng, ấm áp, cảm thông, quý mến ông dành cho giáo đoàn; khi ông trở lại sau thời gian vắng mặt, họ đã vui mừng như thể ông là một nhà thuyết giảng lỗi lạc mới chỉ đến với họ. Ông luôn luôn là điều mới mẻ với mọi người. Ông không sở hữu sự quyến rũ vượt trội, thay vào đó, đối với họ ông luôn luôn là câu chuyện mới mẻ, tuyệt vời trong cả những năm sau này.

Họ không chỉ đến vì những bài thuyết giảng của ông, mặc dù điều đó là một phần tất yếu, mà bởi có một sự hăng say và phấn khích khi họ làm điều đó. Vào một tối nọ khi tôi nghe ông giảng đạo trong chính nhà thờ của mình, trở lại sau một thời gian vắng bóng, mọi gương mặt đều bừng sáng niềm hạnh phúc chào đón ông. Tất cả chăm chú lắng nghe từng từ ông nói như chưa bao giờ được nghe; và khi bài giảng kết thúc, một bó hoa lớn được trao cho ông, một số người lúng túng nói vài lời vì ông đã trở lại ngôi nhà chung. Tất cả biểu hiện như thể ông vừa trở lại lại sau một thời gian dài vắng mặt – thực tế, ông chỉ đi năm ngày rưỡi mà thôi!

Triệu Người Nghe

Đầu tiên, Conwell không phải là một mục sư – ông trở thành mục sư vì ông là tín đồ trung thành của Thiên Chúa giáo, là một Abou Ben Adhem tiên phong, một người hết mực yêu thương đồng loại, và điều đó ngày càng trở nên hiển nhiên hơn khi sự cống hiến của ông được mọi người nhìn nhận. Con người đó gần như nghĩ rằng chức vụ mục sư của một nhà thờ lớn thậm chí cũng chỉ là một nhiệm vụ nhỏ bên cạnh tầm quan trọng của các công việc khác của mình trong giáo dục, giảng dạy, bệnh viện, những công việc chung chung khác như trợ giúp những người cần giúp đỡ.

Đối với riêng tôi, phải nói rằng ông giống như một trong những nhà tiên tri cổ đại, người có rất nhiều điều cần chăm lo ngoài vấn đề tôn giáo. Sự uy quyền, sự bền bỉ, sức mạnh tinh thần và thể chất, sự trang nghiêm của con người, tất cả giống như những khái niệm chung cho những tiên tri vĩ đại của Kinh Cựu ước. Những điều này được đưa ra chỉ bởi nó thường xuyên được lặp lại, vì vậy có thể thấy một sự kỳ lạ trong việc so sánh này, và cuối cùng, sự so sánh này lại không thành công bởi một thực tế quan trọng, đó là dường như không ai trong số các nhà tiên tri cổ đại có được khiếu hài hước như Conwell!

Có thể nói ông là một trong những người cuối cùng của trường phái triết học Mỹ cổ, thế hệ cuối cùng của những con người mạnh mẽ, suy nghĩ lớn lao, đầy hoài bão, trong quá khứ đã cố gắng hết mình để thiết lập một cộng đồng Mỹ theo lẽ phải – những người như Emerson, Alcott, Gough, Wendell Phillips, Garrison, Bayard Taylor, Beecher. Những người mà Conwell biết và ngưỡng mộ từ trước và tất cả họ đều đã qua đời từ rất lâu.

Bản thân Conwell cũng lấy làm buồn cười khi nhớ lại rằng thời niên thiếu ông đã rất muốn được nói trước công chúng, và từ rất sớm ông đã bắt đầu bộc lộ năng lực bẩm sinh của mình. Ông mỉm cười khi nhớ lại những buổi hội chợ quốc gia, những buổi khai giảng, những lễ kỷ niệm và cả những buổi họp từ thiện nơi mà ông đã cống hiến năng lực tuổi trẻ để có được kinh nghiệm. Ông hân hoan nhớ lại số tiền đầu tiên ông từng nhận được cho lần phát biểu của mình là 75 xu, nhưng lại không phải từ bài diễn thuyết mà từ việc cho thuê ngựa! Nhưng khi nhớ lại trải nghiệm này có cái gì đó hơn là sự thích thú, bởi ông biết rằng những trải nghiệm đó là sự tôi luyện vô giá. Và hơn nửa thế kỷ sau, ông vẫn trù mẫn nhớ đến John B. Gough, người mà trên đỉnh cao của quyền lực và thành công, đã nhận thấy lòng quyết tâm, kiên định và năng lực trong một thanh niên vùng đồi núi trẻ tuổi đầy nhiệt huyết và chính ông đã giới thiệu Conwell tới khán giả của một trong những tiểu bang Massachusetts. Đó là lòng tốt và vinh dự tuyệt vời mà một người đầy danh tiếng đã dành cho một chàng trai trẻ chỉ mới vừa bắt đầu sự nghiệp diễn thuyết.

Các bài giảng của Conwell, xét trên mọi khía cạnh, là tác phẩm quan trọng nhất của cuộc đời ông, nhờ nó, ông đã đến gần hơn với hàng triệu người – đúng vậy, hàng triệu người!

Có lần tôi hỏi ông rằng ông có biết mình đã thuyết giảng bao nhiêu lần không và ông đã cố gắng ước tính xem ông đã thuyết giảng bao nhiêu lần, trung bình có bao nhiêu người đến nghe bài giảng của ông, nhưng ông dừng lại khi nhận thấy rằng con số đã đến hàng triệu người. Thật là một thực tế đáng kinh ngạc. Hàng triệu người nghe!

Tôi đặt câu hỏi tương tự với thư ký riêng của ông, và thấy rằng không ai ghi chép lại bất kỳ số liệu nào, nhưng một ước tính cẩn thận đã đưa ra kết quả

chắc chắn rằng hơn tám triệu người nghe các bài giảng của ông; thêm vào đó có hơn năm triệu người mà ông đã thuyết giảng, tổng cộng có hơn mười ba triệu người đã lắng nghe giọng nói của Russel Conwell! Và tổng số đáng ngạc nhiên này, nếu có, cũng chỉ là ước lượng. Các tính toán đã được thực hiện một cách thận trọng và dựa trên sự thật như hiện tại ông diễn thuyết trước trung bình hơn 4.500 người tại các buổi lễ ngày Chủ Nhật (con số trung bình sẽ còn cao hơn nếu vào kỳ nghỉ tại các nhà thờ nhỏ; khi ở nhà riêng, hoặc tại nhà thờ Temple, ông diễn thuyết ba buổi mỗi Chủ nhật) và ông giảng dạy toàn bộ khóa học mỗi năm, bao gồm sáu buổi tối mỗi tuần trong suốt mỗi kỳ nghỉ. Quả thực quyền lực đang được tạo ra một cách thật tuyệt vời bởi một con người đã cuốn hút hơn mười ba triệu người dõi theo tiếng nói của mình! Có lẽ chưa từng có ai có được số lượng người nghe nhiều đến thế. Và con số này vẫn tiếp tục tăng bởi ông là người chưa bao giờ biết đến ý nghĩa của nghỉ ngơi.

Tôi gần như chắc chắn rằng Tiến sỹ Conwell chưa bao giờ nói với ai rằng điều gì tuyệt vời nhất trong công việc giảng dạy của mình. Ông vẫn hân hoan tiếp bước và dành khoản thù lao cho những thị trấn nhỏ bé nơi những người danh tiếng chẳng bao giờ viếng thăm. Ông biết rằng những miền đất nhỏ bé xa xôi hẻo lánh, những vùng ngập lụt đang rất cần đến những niềm vui và sự khích lệ. Và ông, một người ngoài bảy mươi tuổi khỏe mạnh, vẫn tiếp tục đến những thị trấn nhỏ bé ở những tiểu bang xa xôi, không quản ngại khó khăn vất vả trong quá trình di chuyển, những khách sạn nhỏ nghèo nàn hiếm khi có khách, bữa thiêu và không hy vọng có đồ ăn thường xuyên, sự vất vả và bất tiện, những hội trường không thông gió, quá nóng hoặc quá lạnh. Ông không nghĩ đến việc đòi hỏi nghỉ ngơi, hoặc nếu có thì ý nghĩ về thanh gươm của John Ring sẽ lập tức lấy lại tinh thần nơi ông.

Bằng cách nào ông thực hiện được điều đó, và bằng cách nào ông duy trì

được nó, đó chính là điều đáng ngạc nhiên nhất. Trước mắt tôi là một danh sách các cuộc gặp cho các tuần mùa hè năm 1915, và tôi sẽ phải ghi chép lại chúng, bởi nó đặc biệt cho thấy, rõ ràng hơn bất kỳ một tuyên bố chung chung nào, những điều ông làm tuyệt vời ra sao. Bản danh sách này là lịch trình trong kỳ nghỉ của ông. Các kỳ nghỉ! Giảng dạy tất cả các buổi tối trừ Chủ nhật, và thật hiển nhiên, nơi ông có mặt vào Chủ nhật chính là các thị trấn nhỏ!

Ngày 24, tháng 6 Ackley, Ia.

Ngày 25 Waterloo, Ia.

Ngày 26 Decorah, Ia.

Ngày 27 *Waukon, Ia.

Ngày 11, tháng 7 *Brookings, S. D.

Ngày 12 Pipestone, Minn.

Ngày 13 Hawarden, Ia.

Ngày 14 Canton, S. D.

Ngày 28 Red Wing, Minn.

Ngày 29 River Falls, Wis.

Ngày 30 Northfield, Minn.

Ngày 1, tháng 7 Faribault, Minn.

Ngày 2 Spring Valley, Minn.

Ngày 3 Blue Earth, Minn.

Ngày 4 *Fairmount, Minn.

Ngày 5 Lake Crystal, Minn.

Ngày 6 Redwood Falls,

Ngày 7 Willmer, Minn.

Ngày 8 Dawson, Minn.

Ngày 9 Redfield, S. D.

Ngày 10 Huron, S. D.

Ngày 29, tháng 7 Stockton, Kan.

Ngày 30 Phillipsburg, Kan.

Ngày 31 Mankato, Kan.

Trên đường đến địa điểm giảng tiếp theo

Ngày 3, tháng 8 Westfield, Pa.

Ngày 4 Galston, Pa.

Ngày 5 Port Alleghany, Pa.

Ngày 15 Cherokee, Ia.

Ngày 16 Pocahontas, Ia.

Ngày 17 Glidden, Ia.

Ngày 18 *Boone, Ia.

Ngày 19 Dexter, Ia.

Ngày 20 Indianola, Ia.

Ngày 21 Corydon, Ia.

Ngày 22 Essex, Ia.

Ngày 23 Sidney, Ia.

Ngày 24 Falls City, Nebr.

Ngày 25 *Hiawatha, Kan.

Ngày 26 Frankfort, Kan.

Ngày 27 Greenleaf, Kan.

Ngày 28 Osborne, Kan.

Ngày 14, tháng 8 Honesdale, Pa.

Ngày 15 *Honesdale, Pa.

Ngày 16 Carbondale, Pa.

Ngày 17 Montrose, Pa.

Ngày 18 Tunkhannock, Pa.

Ngày 19 Nanticoke, Pa.

Ngày 6	Wellsville, N. Y.	Ngày 20	Stroudsburg, Pa.
Ngày 7	Bath, N. Y.	Ngày 21	Newton, N. J.
Ngày 8	*Bath, N. Y.	Ngày 22	*Newton, N. J.
Ngày 9	Penn Yan, N. Y.	Ngày 23	Hackettstown, N. J.
Ngày 10	Athens, N. Y.	Ngày 24	New Hope, Pa.
Ngày 11	Owego, N. Y.	Ngày 25	Doylestown, Pa.
Ngày 12	Patchogue, LI.,N.Y.	Ngày 26	Phoenixville, Pa.
Ngày 13	Port Jervis, N. Y.	Ngày 27	Kennett, Pa.
* Thuyết giáo ngày chủ nhật.		Ngày 28	Oxford, Pa.
		Ngày 29	*Oxford, Pa.

Và tất cả những khó khăn này, những chuyến đi này, những bài giảng này – những thứ có thể kiểm chứng sự bền bỉ của những người trẻ nhất, khỏe mạnh nhất – thì người đàn ông ngoài bảy mươi tuổi này lại thực hiện mà chẳng màng tới một chút lợi nhuận cá nhân. Tất cả số tiền ông kiếm được từ đó đều dành cho những người đang cần sự giúp đỡ.

Khiêm tốn là một trong những tính cách đặc biệt của Tiến sỹ Conwell. Ông thực sự tin rằng viết về cuộc đời mình, điều chính yếu nhất, là kể về những gì người ta đã làm cho ông. Ông biết và thừa nhận rằng mình đã làm việc đến mệt nhoài, nhưng từ trong sâu thẳm, ông luôn cho rằng thành công trong các kế hoạch của ông thuộc về những người đã đứng sau trợ giúp. Khi được gọi nhớ lại sự tận tâm của những người lính cũ của mình, ông chỉ nhớ đến sự hết lòng tận tụy của họ đối với ông, mà gần như quên mất rằng họ yêu mến ông bởi ông luôn sẵn sàng hy sinh vì họ.

Ông không thích được tán dương. Nếu ai đó yêu mến ông, thì không cần thể

hiện điều đó bằng lời mà thay vào đó là giúp ông thực hiện những việc làm hữu ích. Nhà thờ mà ông xây dựng thành công là nhờ sự tận tâm, nhiệt tình của mọi người. Trường đại học thành công là nhờ những việc làm tốt đẹp của giáo viên và học sinh. Bệnh viện hoạt động thuận lợi là nhờ những việc làm cao quý của y bác sĩ. Đối với ông, như chính ông đã nhấn mạnh, việc nhận ra những kế hoạch của mình thành công giống như những giấc mơ. Ông thường chỉ nghĩ đến những thiếu sót của bản thân, nên luôn ngạc nhiên với những thành công của chính mình. “Chúa và mọi người đã quá kiên nhẫn với tôi”. Ông dường như thất vọng khi xem xét kết quả thực tế so với những gì ông mong đợi. Niềm hy vọng của ông luôn bay xa hơn những kết quả đạt được. Đó là lý tưởng “Cười ngựa lên những vì sao” .

Đức tính khiêm nhường luôn song hành cùng lòng tốt của ông. Tôi đã thấy ông để một người giới thiệu mình với giáo đoàn trong chính ngôi nhà thờ của mình, khi ông tới đó để thuyết giảng, chỉ bởi Conwell biết một cựu sinh viên của trường đại học luôn mong muốn được nói điều gì đó trước tất cả mọi người trong nhà thờ Temple, và dường như đây là cơ hội duy nhất.

Tôi nhận thấy rằng, khi ông rảo bước trên phố, khuôn mặt của cậu bé bán báo bừng sáng khi ông mua một tờ của cậu, anh chàng làm nghề khuân vác hào hứng với tất cả niềm hạnh phúc, còn người bán vé và người gác ghi xe lửa thì háo hức muốn được trợ giúp ông. Ở mọi nơi, ông đều chiếm được tình cảm yêu mến của mọi người. Ông yêu thương nhân loại và nhân loại đáp trả tình cảm dành cho ông.

Ông luôn giành được cảm tình của bạn bè xung quanh, Bayard Taylor là một trong số đó. Ông và Bayard Taylor yêu mến nhau trong sự thấu hiểu và những trải nghiệm như những lữ khách vòng quanh thế giới, đến thăm sông Nile, Orient và châu Âu vào thời điểm mà rất ít người Mỹ đến những khu vực

đó.

Khi Taylor qua đời, ông được mời làm chủ trì cho buổi lễ tưởng niệm tại Boston. Ông đã muốn làm một điều gì đó thay vì chỉ là những bài điệu văn thông thường, ông tới gặp Longfellow và đề nghị ông này sáng tác đọc một bài thơ tại buổi lễ. Longfellow chưa nghĩ ra điều gì, và ông cũng quá yếu để có thể tham dự buổi lễ. Thế nhưng, Russell Conwell luôn có khả năng lan truyền cảm hứng khi ông muốn thực hiện điều gì đó, và Longfellow đã đồng ý đến. Ông đã viết và đọc những câu từ đẹp để mở đầu như sau:

Người ra đi để lại những ấn phẩm vĩ đại,

Là thái bình của Chúa trong con mắt của ngài.

Rất nhiều nhà văn đã tham dự buổi lễ, có cả Ralph Waldo Emerson , và Tiến sỹ Conwell đã mời Oliver Wendell Holmes đọc những dòng này. Tất cả đã lắng nghe trong sự yên lặng thành kính đến khi kết thúc tốt đẹp.

Mặc dù giúp đỡ hàng triệu người, nhưng Tiến sỹ Conwell chưa bao giờ có được danh tiếng và sự nổi bật như nhiều người mới chỉ đạt được những thành tựu nhỏ nhặt khác. Điều này là sự thật. Rất nhiều những người có giáo dục và văn hóa hoàn toàn phớt lờ ông và công việc của ông. Những người này cho rằng họ phải làm việc với những vấn đề tầm cỡ thế giới và với những ai “tạo ra và chuyển rời” vũ trụ. Thật khó để lý giải được việc này ngoại trừ một điều rằng chưa từng có người đàn ông nào tự giới thiệu, tự quảng bá giỏi hơn Russell Conwell. Khi đọc chúng, người ta có thể thấy những lời của ông thu hút được những thứ có “nhân cách” như những điều ông nói ra, và rằng ngôn từ của ông cũng chính là nhân cách của ông. Những người này, họ đã nghe về Russell Conwell, hoặc cá nhân họ biết về ông, họ nhận ra vẻ đẹp và sự cuốn hút của ông; thế nhưng rất nhiều người trong số đó, những người kiểm soát

các hoạt động quảng cáo qua sách báo, lẽ ra phải có tấm lòng cảm thông nồng ấm, lại biết đến ông, và nếu có biết, họ cũng chỉ nghĩ về ông như một người tốt bụng bình dân mà thôi. Trong niềm tự hào của chính mình, họ quên mất rằng tất cả những người vĩ đại đều làm điều hết sức bình thường, và chính sự đơn giản, thẳng thắn ấy đã tạo nên sự vĩ đại thực sự nơi họ.

Nhưng Tiến sỹ Conwell luôn giành được ngưỡng mộ cũng như sự tôn kính của hàng triệu người. Còn những người đó chỉ là một tầng lớp những người có văn hóa không hiểu được những gì mà ông đã làm.

Có thể điều này là do những hành động của ông đối với thành phố, với người dân toàn thành phố, dù chủ định hay vô thức, gần gũi như thể với gia đình và các khu vực dân cư, và những hành động đó được coi như tiêu chuẩn của các giá trị đạo đức, phẩm chất – một thành phố gần như không chấp nhận người lạ trở thành cư dân thành phố – hay còn gọi là “aphiladelphiated”, và Philadelphia, bất chấp tất cả những gì Conwell đã làm, vẫn bị áp chế dưới một sự thật rằng ông đến từ phía bắc Market Street – một sự thật hiển nhiên mà bất kỳ người nào hiểu rõ Philadelphia đều biết – và rằng ông không hề nỗ lực để kết giao bạn bè tại Rittehouse Square. Những kiểu đánh giá như thế dường như thật phi lý vào thế kỷ XXI này, nhưng ở Philadelphia nó vẫn còn có uy lực lớn. Hàng chục nghìn người dân Philadelphia yêu quý ông, và ông được tôn vinh bởi chính những con người vĩ đại nơi đây, nhưng vẫn có một bộ phận những kẻ văn hóa lờm không hề biết hay kính trọng ông. Và cũng cần phải hiểu rằng ngoài nhà thờ Temple yêu thương của mình, ông luôn thích đến những những nhà thờ hay hội trường nhỏ để trò chuyện cùng những người bị lãng quên với hy vọng khuyến khích và khơi gợi cảm hứng cho họ, mang lại ánh sáng hy vọng nơi họ thay vì thuyết giảng cho những người giàu có, vương giả.

Một số người thân cận của ông kể cho tôi nghe rằng niềm hy vọng tha thiết nhất của ông là bất kỳ ai đến với ông cũng sẽ nhận được những hạnh phúc nào đó. Ông không ồn ào thông báo mục tiêu ấy, cũng chẳng giây phút nào tin tưởng rằng niềm hy vọng đó có thể được người khác thấu hiểu đầy đủ, nhưng điều đó thực sự quan trọng và xuất phát hoàn toàn chân thành từ trái tim ông. Không một người đàn ông nào làm mọi việc từ sự thúc đẩy của niềm hy vọng như thế, và rồi hướng toàn bộ tâm trí đến những người nghèo khổ, những người làm việc vất vả và những kẻ thất bại, chỉ để giành được sự tôn kính từ những nhà thần học và luật học Do Thái; và giờ thì chúng ta có nhiều nhà thần học Do thái khi họ được xếp cùng với những tín đồ giáo phái Phariseu . Đây không phải là lần đầu tiên trong lịch sử thế giới các nhà thần học Do Thái thất bại trong việc không trao sự đánh giá cao của họ cho một người mà những việc làm của họ không hướng đến những người thuộc giới thượng lưu giàu có.

Conwell hiếm khi tham dự bất cứ vấn đề nào liên quan đến chính trị ngoại trừ là một công dân tốt. Ông nhấn mạnh rằng ông không bao giờ tham gia một tổ chức chính trị nào trừ việc một lần ông hoạt động trong hội đồng nhà trường, và ông cũng không bao giờ đồng nhất mình với những thứ được gọi là “phong trào” nhằm gây sự chú ý của dư luận, nhưng mục đích thường và chỉ là ru ngủ cộng đồng. Điều này bổ sung thêm lý do giải thích tại sao tên tuổi và danh tiếng của ông không được lan truyền rộng rãi.

Ông biết và thừa nhận rằng mình đã làm việc cật lực và cứ như vậy suốt cả cuộc đời. “Mọi việc vẫn cứ tiếp tục bởi tôi vẫn đang làm việc”, ông bất ngờ giải bày vào một ngày nọ, nhưng đó là tất cả, và dường như lời giải bày ấy là dành cho chính ông.

Ông tin rằng cuộc đời mình bản thân nó chẳng có gì thú vị, là cuộc đời bình

dị chẳng chút thú vị hay nhiều sự kiện đáng để kể đến. Ông thật sự ngạc nhiên khi biết có người mong muốn được viết về ông. Ông hoàn toàn không hề nghĩ đến việc những điều ông làm thật sự tuyệt vời ra làm sao. Toàn bộ những gì thú vị trong cuộc đời là từ những việc ông đã hoàn thành và cả những điều bất ngờ xảy đến với những việc ông đã hoàn tất.

Chưa từng có một nhà tổ chức nào như ông. Thực ra đối với ông, việc tổ chức và lãnh đạo giống như là hơi thở của cuộc đời. Khi còn trẻ, ông tổ chức những buổi tranh luận xã hội và trước chiến tranh, ông tổ chức một đại đội quân lính địa phương. Khi tham gia nghĩa vụ quân sự trong cuộc nội chiến, ông thành lập một ngôi trường miễn phí được cho là đầu tiên dành cho trẻ em da màu ở miền Nam. Và một ngày khi Minneapolis được tình cờ nhắc đến, ông cũng chợt nhớ ra rằng khi còn là luật sư của thành phố này ông đã thành lập một tổ chức được coi là chi hội Y.M.C.A đầu tiên ở đó. Ông cũng đã từng phát hành một tờ báo. Và thật tự nhiên như vậy, tài năng tổ chức bẩm sinh đã đưa ông đến những điều ngày càng vĩ đại hơn, như ngôi nhà thờ với rất nhiều những tổ chức tự hình thành dưới ảnh hưởng của ông, và trường Đại học – tự bản thân tổ chức của nhà trường đã đạt được những thành tựu đáng mơ ước.

Một Conwell đa chiều là một trong những điều thú vị về ông. Khi bạn đã có được cảm giác rằng ông là một người khác thường của ngày hôm nay, giảng giải về những điều có thể của ngày hôm nay cho những người của hôm nay, bạn có thể sẽ tình cờ khám phá ra một sự thật rằng ông đã thu hút được sự chú ý của tờ *London Times* qua bài giảng về lịch sử nước Ý ngay tại trường đại học Cambridge, Anh; hay vào buổi tối ông được phép thuyết giảng tại Tòa án Tối cao Hoa Kỳ, ngay tại Washington, ông đã giảng về “Các tiên tri Israel cổ đại”. Cuộc đời con người này là sự tiếp nối bất tận những bất ngờ tuyệt vời.

Một điểm kỳ lạ ở ông là tình yêu dành cho ngọn lửa. Ông có thể dễ dàng trở thành tín đồ của tín ngưỡng thờ lửa thay vì một Ki tô giáo chính cống! Ông luôn yêu thích ngọn lửa, và ông nói rằng không có gì trừng phạt ông nhiều khi còn nhỏ hơn là những tòa nhà bị đốt. Và sau khi thực hiện việc bảo vệ quyền sở hữu cho ngôi nhà nơi ông sinh ra và một vùng rộng lớn xung quanh, khi ở độ tuổi trung niên, ông đã có những khoảng thời gian thú vị nhất của cuộc đời khi phải tháo dỡ những tòa nhà đã cũ kỹ cần phải phá bỏ, và xếp thành đống những cây xanh bị đốn và rác thải bừa bộn, rồi đống những đống gỗ và đốt cháy bùng lên. Bạn thấy đấy, một trong những bí mật về sức mạnh của ông - rằng ông không bao giờ đánh mất giới hạn cho niềm cảm thông nồng cháy.

Những năm sau này, ông vẫn luôn thể hiện sức mạnh và sự cảm thông theo một cách thật cao quý. Suốt nhiều năm, ông phải chịu đựng căn bệnh thấp khớp và viêm dây thần kinh, nhưng chưa bao giờ ông cho phép chúng cản trở công việc cũng như những kế hoạch của mình. Ông nói rất ít về những đau đớn của bản thân, và khi phải chậm rãi bước xuống cầu thang uốn cong và vấp chéo, ông không muốn bị ai chú ý. “Tôi ổn cả”, ông sẽ nói thế nếu ai đó đề nghị giúp đỡ, và đó là thời điểm ông thiếu kiên nhẫn nhất. Ông không muốn ai nhận ra mình đang đau đớn. Sức mạnh luôn là thứ quý giá đối với ông đến mức ông không từ bỏ nó khi còn sống. “Tôi ổn cả!” Và ông buộc bản thân phải tin rằng ông đang ổn dù những cơn đau ngày càng tồi tệ hơn. Và ông vẫn thế, dù đang phải chịu đau đớn, ông vẫn điềm tĩnh nói chuyện, hoặc viết những dòng cảm xúc, hay giải quyết bất kỳ điều gì cần đến ông. Hình ảnh đó giống như một cậu bé chiến binh Spartan đang che giấu vết thương đang giày vò của mình. Và ông không bao giờ để nỗi đau đớn đó ảnh hưởng đến việc xuất hiện trên bục giảng. Một lần, ông đến tham dự một cuộc họp cùng chiếc nạng, rồi sau đó bằng ý chí và cảm hứng từ những điều mình sẽ làm, ông đã đứng trước toàn bộ khán giả và giáo đoàn của mình, một con

người tràn đầy sức mạnh, nhiệt huyết và sự sống.

Sự Ra Đời Và Lớn Mạnh Của Trường Đại Học

Câu chuyện về sự ra đời và phát triển của trường đại học Temple là một câu chuyện phi thường. Nó không chỉ đặc biệt mà còn đầy cảm hứng; không chỉ đầy cảm hứng mà còn rất lãng mạn.

Ngôi trường ra đời không khởi phát từ bất kỳ nguyên nhân nào khác ngoài nhu cầu của một chàng trai trẻ và thực tế là anh đã chia sẻ mong ước đó với một người mà trong suốt cuộc đời luôn thôi thúc ước mong giúp đỡ những ai có nguyện vọng và tuân theo sự thôi thúc đó.

Tại ngôi nhà ở Berkshires, tôi đã hỏi Tiến sỹ Conwell về sự khởi đầu của ngôi trường, ông trả lời rằng nó ra đời bởi nó được cần đến và phát triển lâu dài như ngày nay là nhờ sự cống hiến hết mình của các giáo viên. Khi tôi hỏi chi tiết hơn, ông im lặng trong giây lát, nhìn xa xăm vào những giọt sương đọng trên những cành cây, những quả đồi, rồi nói tiếp:

“Mọi thứ rất đơn giản, rất tự nhiên. Một buổi tối, sau buổi lễ, một chàng trai trẻ trong giáo đoàn đến gặp tôi và tôi nhận thấy anh ta đang trần trở, bối rối với một vấn đề nào đó. Tôi bảo anh ta ngồi xuống bên cạnh mình và biết chắc rằng trong đôi phút nữa thôi, anh ta sẽ kể cho tôi nghe về vấn đề khiến anh ta lo lắng.”

“Tiến sỹ Conwell à”, anh ta đột ngột cất giọng, “Tôi kiếm được một chút tiền, nhưng tôi còn phải kiếm nhiều hơn nữa. Tôi không chỉ phải nuôi sống bản thân mà còn phải chăm sóc cả mẹ già nữa. Chẳng còn lại gì cả. Niềm khát khao của tôi là trở thành một mục sư. Đó là hoài bão của cả đời tôi. Liệu

tôi có thể làm gì nữa đây?”

“Bất kỳ người nào”, tôi nói với anh ta, “với quyết tâm và hoài bão lớn lao đều có thể học tập vào các buổi tối để đạt được hoài bão của mình”.

“Tôi cũng từng nghĩ như vậy”, anh ta nói, “Nhưng tôi vẫn không thể nhìn nhận mọi việc một cách cụ thể. Tôi muốn học, và sẵn sàng dành bất kỳ giây phút rảnh rỗi nào cho việc đó, nhưng tôi không biết làm thế nào để thực hiện điều đó.”

“Tôi suy nghĩ một chút khi quan sát anh ta. Khao khát và hoài bão của chàng trai trẻ đủ mạnh để thực hiện điều đó – đủ kiên quyết cả về thể chất lẫn tinh thần, cho cả công việc chân tay lẫn trí óc – và anh ta cần một điều gì đó chứ không chỉ đơn thuần là sự đồng cảm chung”.

“Hãy tới gặp tôi vào một buổi tối nào đó trong tuần và tôi sẽ dạy anh”, tôi nói, “và ít nhất anh cũng sẽ bắt đầu bằng cách đó”; rồi tôi hẹn anh ta ngày gặp cụ thể”.

“Khuôn mặt anh ta bừng sáng và háo hức nói rằng nhất định sẽ đến, rồi ra về; nhưng chỉ phút chốc, anh ta đã vội vã quay lại và hỏi, “liệu tôi có thể mang theo một người bạn đến cùng không?”

“Tôi nói anh ta có thể mang theo bao nhiêu người mà anh muốn, vì càng nhiều người càng tốt. Rồi buổi học tối hôm đó đến, anh ta đã đến cùng sáu người bạn. Buổi tối đầu tiên, tôi dạy họ nền tảng cơ bản của của văn hóa Latin.”

Ông dừng lại như thế câu chuyện đã kết thúc. Ông chăm chú nhìn ngọn đèn đang lịm dần, và tôi biết tâm tưởng ông đang ngổn ngang ký ức về những ngày bắt đầu của học viện mà ông vô cùng yêu mến, và thành công của

những người có ý nghĩa vô cùng lớn đối với ông. Một lát sau, ông kể tiếp:

“Bắt đầu là vậy, và cũng không có nhiều hơn để kể cho anh. Vào buổi tối thứ ba, số lượng học viên đã tăng lên 40, những người khác đã tham gia giúp đỡ tôi, một căn phòng được thuê, sau đó là một ngôi nhà nhỏ và dần dần là ngôi nhà thứ hai. Từ một vài học viên và giáo viên, chúng tôi đã trở thành một trường cao đẳng. Một thời gian sau đó, tòa nhà của chúng tôi được xây dựng trên phố Broad gần nhà thờ Temple. Một thời gian sau nữa chúng tôi trở thành một trường đại học. Từ mục đích ban đầu của chúng tôi – (lưu ý rằng nó nhanh chóng trở thành mục đích của chúng tôi thay vì mục đích của riêng tôi) là mang lại sự giáo dục cho những người không thể tiếp cận việc học chính quy. Tất cả là như vậy đó”.

Đó là đặc điểm tiêu biểu của Russell Conwell – kể vắn tắt về những gì ông đã làm, thường nói qua sự khởi đầu của một việc gì đó, và rồi là về kết quả. Khi bạn đã hiểu rõ ông, bạn sẽ biết rằng những gì ông muốn bạn hiểu là: sự khởi đầu của bất cứ điều gì đều quan trọng, nếu việc đó được bắt đầu nghiêm túc và có những bước đi đúng hướng thì kết quả lớn hay nhỏ sẽ không còn là điều quá quan trọng nữa.

Nhưng câu chuyện của ông dĩ nhiên là còn xa mới đến được “tất cả những gì về nó”, bởi ông đã lược bớt sự việc đặc biệt rằng, bắt đầu với bảy học sinh đến thư viện của ông vào một buổi tối năm 1884, nhưng đến lễ Phát bằng năm 1915, Đại học Temple đã có đến 88.821 sinh viên! Gần một trăm ngàn sinh viên, trong suốt cuộc đời của một người sáng lập. Thực ra, không nên phóng đại công việc này, mà điều quan trọng là hầu hết sinh viên của trường đều nhận được nền giáo dục cho chính mình chứ vấn đề không phải là những gì trường đại học Temple nhận được. Và điều đó được thể hiện qua sự hỗ trợ của Tiến sỹ Conwell trước nhu cầu cấp thiết của chàng trai trẻ không có tiền

đó!

“Còn một điều nữa tôi muốn nói”, Tiến sỹ Conwell nói không chủ ý. “Tôi muốn nói là, không từ ngữ nào có thể diễn tả đầy đủ hơn công việc cao thượng của những người trợ giúp tình nguyện, các giáo sư từ các trường đại học của bang Pennsylvania và các giáo viên từ các trường công lập và các tổ chức địa phương khác tự nguyện góp công sức và thời gian cho đến khi ngôi trường có thể tự đứng vững. Tôi thật sự cảm phục những cống hiến lớn lao đó. Thực tế cũng cần nhớ rằng những ngày đầu, nhu cầu còn lớn hơn bây giờ, vì lúc đó không có lớp học ban đêm hoặc trường đào tạo nghề thủ công. Kể từ khi thành phố Philadelphia bắt đầu quan tâm đến lĩnh vực này, ngay lập tức các cơ sở của trường đại học Temple trong lĩnh vực này được đầu tư để phát triển hơn. Và dường như nhu cầu đối với nó không hề giảm sút.” Ông trầm ngâm nói thêm.

Không, không hề có sự giảm sút về nhu cầu. Danh sách sinh viên hàng năm tự nó đã phản ánh điều đó.

Đầu năm 1887, chỉ ba năm sau khi đi vào hoạt động, lúc đó còn được gọi là trường cao đẳng Temple, trường đã phát hành cuốn catalog đầu tiên, với những từ ngữ khuấy động về mục tiêu thành lập của trường:

“Mang đến những chỉ dẫn thích hợp nhất để nâng cao nền tảng giáo dục cho những ai đang phải lao động trong khi vẫn muốn tham gia nghiên cứu và học tập.”

“Nuôi dưỡng mong muốn học tập cao hơn và với những ngành học hữu ích nhất.”

“Đánh thức hoài bão quyết tâm phải trở nên hữu ích như bạn bè cùng trang

lừa của những nam nữ thanh niên lao động chân tay.”

Trường cao đẳng – lúc này được gọi là trường đại học, đã mở rộng phạm vi hoạt động, nhưng vẫn đeo đuổi mục đích ban đầu là đáp ứng nhu cầu của những người không thể tới trường nếu không có sự giúp đỡ này, thông qua tất các phương pháp mà nó có thể thực hiện.

Những điều này được đưa ra vào năm 1888, thời gian đó, số lượng sinh viên đã lên đến 600 người và tạo nên một cơn lũ người đến đăng ký. “Điều đó chứng minh rằng” Tiến sỹ Conwell bộc lộ, “những người lao động kiếm sống vẫn có thời gian để học tập”. Và ông, mặc dù không tự mình bổ sung điều này, nhưng đã tạo cơ hội cho những người đó.

Ông cảm thấy vô cùng tự hào về số lượng các bài giảng, những câu chuyện được thực hiện vào thời gian gần như thích hợp nhất cho sinh viên. Cứ khoảng 10 sinh viên yêu cầu học vào một giờ nào trong khoảng từ 9h sáng đến 10h tối, sẽ có một lớp học được sắp xếp cho họ. Điều này đòi hỏi một số lượng lớn giáo sư và giáo viên, nhưng đó chỉ là vấn đề nhỏ so với những thành tựu đạt được khi đáp ứng nhu cầu của những người lao động.

Hiệu trưởng Conwell – tất nhiên ông là hiệu trưởng của ngôi trường – tự hào về sự thật là tiêu chuẩn để tốt nghiệp phụ thuộc hoàn toàn vào kiến thức nhận được, chứ không phụ thuộc vào việc nghe bài giảng hay tham dự bao nhiêu học kỳ hay năm học. Nếu một sinh viên có thể học chương trình bốn năm trong hai năm thì họ được khuyến khích để làm điều đó, còn nếu như họ không thể học trong 4 năm thì sẽ không nhận được bằng tốt nghiệp.

Rõ ràng là, ở Đại học Temple không có chỗ cho sinh viên nhàn rỗi, lười biếng. Đó là nơi dành cho những người lao động, và không phải là nơi dành cho những ai muốn khoe khoang rằng mình đang học đại học. Các sinh viên

ở đây phần lớn là nhân viên đường sắt, nhân viên ngân hàng, thủ thư, giáo viên, người thuyết giáo, thợ cơ khí, người bán hàng, dược sỹ, công chức của các cơ quan của thành phố và chính phủ, góa phụ, y tá, quản gia, nhân viên cứu hỏa, kỹ sư, người lái xe, nhân viên bán vé và cả những chủ hiệu.

Khi ngôi trường đã đủ lớn mạnh, có được vị thế và chỗ đứng nhất định, phạm vi đào tạo đủ rộng lớn để trở thành trường đại học, bang Pennsylvania đã chính thức cấp quyết định này vào năm 1907, và bây giờ các kế hoạch giáo dục của trường bao gồm ba hệ thống trường riêng biệt.

Thứ nhất: Hệ thống giáo dục phổ thông dành cho những học sinh phải bỏ học sau khi kết thúc trung học.

Thứ hai: Khóa đào tạo cao đẳng, với các ngành học vốn đã được giảng dạy trong các trường cao đẳng có tiếng lâu đời, dành cho những học sinh phải bỏ học sau khi kết thúc cấp phổ thông.

Thứ ba: Khóa đào tạo khoa học hoặc chuyên sâu cho những người đã học các trường cao đẳng nhưng phải đi làm ngay sau khi tốt nghiệp, và bây giờ mong muốn học thêm một số khóa học như pháp luật, y tế hay kỹ thuật.

Số lượng học viên năm ngoái là 3.654, đáng chú ý là số lượng sinh viên ngành luật là 141 người, thần học là 182, tổng số sinh viên y học, dược và nha khoa là 357, xây dựng dân dụng là 37, ngành sư phạm với các khóa học thông thường về các chủ đề như khoa học và nghệ thuật gia đình, giáo dục mầm non, giáo dục thể chất có số lượng là 174 học viên; và thú vị hơn nữa là có 269 học sinh ghi danh vào các khóa học đào tạo nghề như nấu ăn, may mặc, trang phục phụ nữ, hàng thủ công, làm vườn và kể chuyện. Có đến 511 học viên học nghề nâng cao và 243 học viên theo các lớp nghề cơ bản. Có 79 người học âm nhạc, 68 người học để được đào tạo thành y tá. Ngoài ra, còn

có 606 sinh viên cao đẳng của các ngành khoa học và nghệ thuật tự do và khoa giáo dục thương mại có đến 987 học viên – vì nhà trường đào tạo cả thực hành và chuyên môn.

Trường Đại học Temple không hoàn toàn là một tổ chức từ thiện. Học phí rất thấp, và các giờ học được sắp xếp sao cho thích hợp nhất với sinh viên, nhưng ở đây, người học cần phải có sự tự giác hoàn toàn. Quả thực, như một trong các giáo sư ở đây đã chỉ ra, ở đây người ta cần sự tự giác và độc lập hơn bất kỳ trường đại học danh tiếng nào – nơi nhận được hàng triệu, hàng triệu tiền quà tặng cá nhân và tiền quyên góp.

Trong những năm đầu, trường Temple rất cần đến các nguồn tài chính, đôi khi cũng có những người giàu giúp đỡ. Và không chỉ có một người làm điều đó, vì thế đến bây giờ, trường cảm thấy thật sự rất tự hào về điều đó. Khẩu hiệu của Temple là “Học viện dành cho những chàng trai cô gái nhiệt huyết với tinh thần lao động cả bằng thể chất lẫn tinh thần”.

Ban quản lý nhà trường có thể tự hào mà nói rằng dù số lượng sinh viên đến từ các vùng xa xôi khá lớn, “nhưng không một ai trong số họ gặp thất bại trong việc tìm kiếm những cơ hội hỗ trợ cho chính mình.”

Vào những ngày đầu, khi nhà trường cần đến nguồn tài chính để xây dựng các tòa nhà, trường đã nhận được sự giúp đỡ tận tâm của rất nhiều người, những người biết rằng đó là nơi mà tiền bạc và thời gian của họ không bao giờ bị lãng phí, nơi mà sự lười nhác được coi là hành vi phạm tội. Lúc đó, trường đã nhận được rất nhiều sự đóng góp, như công nhân của một nhà máy đã trích ra mỗi người 50 xu và quyên góp được số tiền 400

đô-la, cùng với 2.000 đô-la của hai nghìn cảnh sát. Trong khoảng hai hay ba năm trở lại đây, hàng năm, bang Pennsylvania tài trợ nhiều cho trường, viện

trợ của bang là sự ghi nhận của công chúng đối với trường đại học, coi đó là một tổ chức mang lại giá trị cộng đồng cao. Những khoản tiền viện trợ đó được đầu tư vào trí tuệ và trái tim của những con người đầy hoài bão.

Đối với Tiến sỹ Conwell, việc tạo cơ hội học tập cho mọi người được ưu tiên hàng đầu, ngay cả những người giúp việc cho ông cũng phải đi học. Niềm tin sâu sắc của ông vào giáo dục, vào sự giáo dục cao nhất có thể đạt được, hết sức sâu sắc và niềm tin đó không chỉ thuộc về khía cạnh trừu tượng và giá trị của giáo dục, mà còn là vấn đề giúp làm tăng khả năng thu nhập thực tế và do đó mang lại nhiều lợi ích hơn cho bản thân người lao động và cho cả cộng đồng.

Nhiều đàn ông và phụ nữ, trong khi tiếp tục công việc tại một xí nghiệp hay nhà máy nào đó, vẫn tiếp tục tham dự các khóa học kỹ thuật của trường Temple, do đó đã tự nâng cao vị trí công việc của mình tại nơi làm việc. Trường Temple biết rất nhiều trường hợp như vậy, cũng như biết được những ai đã có được những tiến bộ nổi bật. Và nó cũng biết rõ những giảng viên nào trong khi giảng dạy vẫn tiếp tục nâng cao bồi dưỡng chuyên môn qua các khóa đào tạo chuyên sâu của Temple. Ngoài ra, có rất nhiều trường hợp sinh viên của trường Temple tự phát triển bản thân nghe như chuyện “Nghìn lẻ một đêm”! – sự phát triển từ một người thủ thư trở thành biên tập viên, từ anh chàng đưa công văn thành giám đốc ngân hàng, từ người giúp việc trở thành hiệu trưởng trường học hay từ lao công đường phố trở thành thị trưởng. Đại học Temple giúp họ tự giúp chính mình.

Hiệu trưởng Conwell đã kể với tôi về một trường hợp đặc biệt mà ông thấy thú vị vì nó có vẻ thể hiện ở một cách đặc biệt những năng lực của trường Temple; và nó cũng đặc biệt thu hút tôi bởi nó chỉ ra được phương pháp và trình độ của Tiến sỹ Conwell.

Một hôm, có một phụ nữ trẻ đến gặp ông và nói rằng mỗi tuần cô ấy kiếm được 3 đô-la và cô ấy rất muốn kiếm thêm nhiều hơn nữa. Cô ấy đã hỏi rằng: “Ngài có thể nói cho tôi biết làm thế nào để thực hiện được điều đó không?”

Ông rất thích hoài bão và sự thẳng thắn ở cô, nhưng vẫn có một điều gì đó mà ông cảm không an tâm, và ông nhận ra rằng chiếc mũ của cô ấy dường như quá đắt so với số tiền ba đô-la mà cô ấy kiếm được mỗi tuần.

Mặc dù chiếc mũ quá đắt so với ba đô-la một tuần, nhưng tiến sỹ Conwell không phải là người vội vàng đánh giá khắc nghiệt. Và đặc biệt, ông luôn là người cuối cùng quay lưng lại khi có ai đó cần đến sự giúp đỡ. Ông không bao giờ, cũng như không thúc giục ai, cảm thấy hài lòng với những thứ xoàng xĩnh tầm thường, ông là đại diện cho sự tiến bộ, không hài lòng với quan điểm thiển cận rằng đó là những điều mà chúng ta phải đón nhận từ một đất nước vốn bị ràng buộc trong nhiều thế kỷ bởi các tầng lớp quý tộc thượng lưu, và rằng chúng ta cần hài lòng với vị trí mà Chúa ban cho. Theo quan điểm của ông thì chính Kinh thánh đã mang đến những tiến bộ và thành công đáng mơ ước.

Và, như người phụ nữ đứng trước mặt ông đây, câu chuyện được phát triển thông qua việc trao đổi và trò chuyện thẳng thắn về chính trường hợp của cô, và ông được biết chính cô đã làm chiếc mũ đắt tiền đó cho mình. Mọi nghi ngờ và do dự tan biến, ngay lập tức ông nhận ra cách mà cô ấy có thể khiến bản thân mình trở nên đẹp hơn. Ông biết người phụ nữ này có thể làm được chiếc mũ như vậy cho mình thì cũng có thể làm mũ cho những người khác, và vì thế, nói với cô “Hãy kinh doanh phục trang phụ nữ”.

“Ồ, nếu như tôi có thể làm vậy”, cô ấy kêu lên. “Nhưng tôi biết mình không đủ kiến thức để làm điều đó”.

“Hãy tham gia khóa học về trang phục phụ nữ ở trường Đại học Temple”, ông ấy đáp.

Cô ấy thậm chí chưa bao giờ nghe nói đến một khóa học như vậy, và khi ông tiếp tục giải thích rằng cô ấy có thể vừa học vừa làm công việc hiện tại cho đến khi hoàn thành khóa học, cô ấy đã hết sức vui mừng – thật là điều ngoài sức tưởng tượng, nó mở ra tầm nhìn mới và cuộc sống rộng lớn hơn cho cô.

“Cô ấy không phải là người phụ nữ bình thường” –Tiến sỹ Conwell tổng kết, cô ấy làm việc không mệt mỏi với tất cả nhiệt huyết. Sau khi tốt nghiệp, cô ấy đến một thành phố lớn để tìm kiếm cơ hội tốt hơn. Ở đó, cô ấy mở một cửa hàng kinh doanh trang phục phụ nữ, đặt tên cửa hàng theo tên mình và sau đó làm ăn rất phát đạt. Chuyện đó cách đây đã vài năm. Gần đây, tôi nhận được thư của cô ấy, cô ấy nói rằng năm ngoái lợi nhuận kinh doanh của cửa hàng là 3.600 đô-la.

Tôi nhớ một người đàn ông có địa vị đã nhận xét về Conwell như sau: “Không biết dùng lời nào để diễn tả những gì ông ấy đã đạt được”. Có lẽ chỉ có cụm từ “quyến rũ và cảm dỗ” là thích hợp nhất để diễn tả điều đó. Tất nhiên, ông ấy đã thành công, và thành công ngoài sức tưởng tượng, nhưng không chỉ có vậy, ông ấy còn làm được nhiều hơn bằng cách truyền cảm hứng cho những người khác và giúp họ thành công.

Con người của những mơ ước và tầm nhìn xa trông rộng – và những điều thực tế đã đến! Cách đây không lâu, một điều đã hết sức thu hút tôi, khi nói chuyện về trường đại học, Tiến sỹ Conwell bất ngờ nói rằng ông muốn thấy các tổ chức tương tự như thế được thành lập tại tất cả các bang của nước Mỹ. “Tất cả sẽ được tiến hành với chi phí rất thấp và với những giờ học phù hợp cho người lao động”, ông ấy nói thêm, sau khi tạm dừng và đột ngột ông nói, “Tôi muốn thấy tất cả người dân Hoa Kỳ, những con người làm việc vất vả

để kiếm sống, được hưởng một nền giáo dục cao hơn”.

Thật tuyệt vời khi tưởng tượng về một hệ thống trường học tương tự được thành lập rộng khắp cả nước. Nhưng tôi không hỏi rằng liệu ông đã lập kế hoạch chi tiết cho điều này hay chưa. Tôi biết rằng đó chẳng qua chỉ là một trong số giấc mơ của ông – nhưng tôi cũng biết rằng các giấc mơ của ông đều có một cách thức nào đó để trở thành hiện thực. Thật ngạc nhiên khi một người đàn ông ngoài 70 tuổi vẫn mơ ước có thể chinh phục thêm nhiều nhiều lĩnh vực. Tôi tự hỏi thế giới đã hoàn thiện như thế nào nếu Methuselah là Conwell hay có lẽ kỳ quan nào sẽ được thực hiện nếu Conwell là một Methuselah.

Cả cuộc đời, ông là một lữ khách vĩ đại. Ông nhìn nhận mọi vật một cách tỉ mỉ và có thể miêu tả sinh động. Tuy nhiên, trong những bức thư của mình, ngay cả khi ông đang ở những khu vực mà ông yêu thích nhất, ông vẫn luôn đau đáu nhắc đến việc trở lại quê nhà. Điều đó không có nghĩa là ông không cảm thấy yêu thích hay quan tâm đến những nơi ông đang viếng thăm, mà bởi sự tha thiết với quê hương đã khiến ông luôn quan tâm đến mọi việc nơi quê nhà. Không có ví dụ nào rõ ràng hơn những gì tôi nhận thấy trong một bức thư ông viết từ Jerusalem. “Tôi đang ở Jerusalem! Ở khu vườn Gethsemane và lăng mộ của Chúa” – đọc đến đây, tất cả mọi người đều hy vọng rằng bất kỳ ai, đặc biệt là một mục sư, chắc chắn sẽ viết tiếp về những ảnh hưởng của liên đoàn đến tư tưởng của mình, nhưng Conwell thì khác, ông viết “Và ở đây tại, khu vườn Gethsemane và lăng mộ của Chúa, tôi đặc biệt cầu nguyện cho trường Đại học Temple”. Đó chính là chủ nghĩa Conwell.

Ông xây dựng một bệnh viện – một kế hoạch vô cùng lớn lao thậm chí có thể chiếm hết cả cuộc đời, nhưng dường như cũng nó chỉ là một trong số hàng loạt những việc đáng chú ý trong sự nghiệp của ông. Và ý tưởng cũng như

việc xây dựng bệnh viện đến với ông hết sức tự nhiên, từ tính chất công việc của một mục sư cùng sự hiểu biết của bản thân và nhu cầu của thành phố, nơi có quá nhiều người bất hạnh và khốn khổ bởi sự bất lực của các bệnh viện trong việc chăm sóc hết tất cả mọi đối tượng. Có quá nhiều bệnh tật và khổ đau cần được xóa bỏ, có quá nhiều sự chết chóc cần được ngăn chặn – và vì thế, ông quyết định xây dựng một bệnh viện mới.

Và, cũng giống như mọi thứ khác, ban đầu mọi thứ chỉ rất nhỏ. Không cần quá chú tâm đến cách đạt được những thành công phi thường của nhà tổ chức này. Hầu hết đàn ông sẽ chờ đợi cho đến khi có được một sự khởi đầu lớn rồi mới tiến hành mọi việc, nhưng nếu như thế, rất có thể sẽ không có bất kỳ sự khởi đầu nào được thực hiện. Nhưng cách làm của Conwell là luôn hướng về tương lai lớn lao phía trước, và luôn sẵn sàng bắt đầu ngay lập tức, bất kể sự khởi đầu nhỏ bé hay tầm thường như thế nào.

Từ sự bắt đầu hết sức khiêm tốn – năm 1891, với hai căn phòng đi thuê, một y tá và một bệnh nhân – nó đã phát triển thành bệnh viện Samaritan to lớn. Chỉ trong một năm, bệnh viện đã phát triển thành một căn nhà hoàn chỉnh với các phòng riêng biệt dành cho bệnh nhân và cả phòng phẫu thuật. Giờ đây, nó đã có vài tòa nhà, một tòa nhà lớn đang được lên kế hoạch xây dựng. Bệnh viện có khoảng 170 giường và các trang thiết bị y tế hiện đại, với số lượng đông đảo bác sĩ và các phòng phẫu thuật lớn.

Bệnh viện mở cửa cho tất cả những ai đang bị giày vò bởi bệnh tật, bất kể chủng tộc, tôn giáo; những người nghèo luôn được chào đón, họ sẽ được miễn phí chữa trị nếu như không có tiền thanh toán, tuy nhiên bệnh nhân có thể trả theo cách thức của riêng họ.

Có một đặc điểm mà bệnh viện rất được bệnh nhân và người nhà yêu mến, theo yêu cầu cá nhân của Tiến sỹ Conwell, đó là không chỉ có các giờ thăm

viếng thông thường trong tuần mà người nhà còn có thể vào thăm bệnh nhân mỗi tuần một tối và chiều Chủ nhật. “Nếu không”, như ông nói, “nhiều người sẽ không thể đến được bởi họ không thể bỏ dở công việc của mình.”

Cách đây tám năm, một bệnh viện khác đã được thay thế vai trò này, đó là bệnh viện Garretson – không được sáng lập bởi Tiến sỹ Conwell, nhưng có phạm vi ảnh hưởng lớn cũng như thể hiện được sự hữu ích của mình.

Cả hai bệnh viện đều thuộc về trường Temple. Kể từ khi thành lập đến giữa năm 1915, bệnh viện Samaritan đã tiếp nhận và chữa trị cho 29.301 bệnh nhân. Bên cạnh đó bệnh viện Garretson, trong “cuộc đời” ngắn hơn, cũng đã chữa trị được cho 5.923 bệnh nhân. Trong đó bao gồm cả các trường hợp cấp phát thuốc và điều trị tại nhà cho bệnh nhân. Cả hai bệnh viện, dưới sự lãnh đạo của Chủ tịch Conwell, đã giải quyết được 400.000 trường hợp đau ốm, bệnh tật.

Làm thế nào Tiến sỹ Conwell có thể đáp ứng được các nhu cầu đa dạng chỉ trong thời gian giới hạn của mình như một điều kỳ diệu như vậy. Ông không chỉ là người đứng đầu một nhà thờ, trường đại học mà còn là người đứng đầu của hai bệnh viện, là người đứng đầu mọi thứ mà ông gây dựng nên. Và không chỉ đứng đầu một cách thông thường, ông còn hết sức tích cực và nhiệt tình!

Hiệu Quả Tuyệt Vời

Conwell có được một vài người hỗ trợ xuất chúng. Đó là những người hiểu ý tưởng và lý tưởng của ông, tận tâm và nỗ lực hết mình nhằm giảm bớt núi công việc của ông và tất nhiên, họ đã giúp ông rất nhiều. Tuy vậy, Conwell tựa hồ như cây cao bóng cả (tôi thực sự không tìm được từ nào thích hợp hơn) bởi tất cả những ai làm việc với ông đều tìm đến ông để xin lời khuyên và sự hướng dẫn, từ các giáo sư, sinh viên, bác sĩ, y tá, thành viên nhà thờ, các giảng viên trong trường Đạo, các thành viên trong hội đồng trường. Dù bận đến đâu, ông cũng luôn dành thời gian cho những người thực sự mong muốn gặp mình.

Conwell có thể gợi ý cách giải quyết những vấn đề rắc rối nhất, trả lời vô số câu hỏi cá nhân và giúp các tổ chức lớn hoạt động hiệu quả nhất bằng cách quản lý thời gian một cách khoa học và theo dõi sát sao. Ngoài một thư ký riêng, ông còn có một số thư ký đảm nhận những công việc đặc biệt khác. Lượng thư từ của ông rất lớn nên nhiều khi ngồi trên tàu hỏa, ông cũng phải đọc cho thư ký viết. Thậm chí chỉ trong mấy ngày ngắn ngủi, ông cũng phải “chạy” về Berkshires vì có công việc đang chờ. Công việc “đi theo” ông. Đọc đến đây, chắc ai cũng sửng sốt vì như vậy mà ông vẫn còn đủ thời gian để giảng bài và đi lại khắp đất nước theo đề nghị kiên quyết của nhiều người. Chỉ người nào có sức khỏe phi thường, có sức chịu đựng bền bỉ và thực sự là “siêu nhân” mới có thể làm được những điều đó. Hãy để tôi nhắc bạn nhớ thêm rằng ông làm nhiều nghề như vậy nhưng Chủ nhật nào ông cũng chuẩn bị hai bài thuyết giảng và hai buổi trò chuyện.

Dưới đây là lịch trình của ông cho một ngày chủ nhật bình thường ở nhà. Ông thức dậy lúc 7 giờ, sau đó đọc và nghiên cứu tới 8 rưỡi mới dùng bữa sáng.

Sau đó ông lại tiếp tục nghiên cứu cho đến 9 giờ 45, rồi chủ trì một cuộc họp mà trong đó ông còn thường chơi đàn organ và hướng dẫn mọi người hát. 10 rưỡi là thời gian buổi lễ nhà thờ bắt đầu, ông giảng đạo và bắt tay hàng trăm người trong sân. Ông ăn trưa lúc 1 giờ và dành 15 phút nghỉ ngơi, tiếp đó ông lại đọc sách và đến 3 giờ ông tham gia thuyết pháp trước một số lượng lớn người mới. Tất nhiên, ông cũng tham gia giảng tại trường giảng Đạo. Trở về nhà, ông lại đọc và nghiên cứu rồi mới dùng bữa tối. 7 rưỡi tối, ông lại giảng đạo ở nhà thờ và bắt tay hàng trăm người khác, đồng thời gặp gỡ trò chuyện với những người muốn trao đổi cùng ông về những vấn đề ông nghiên cứu. Ông thường về nhà vào lúc 10 rưỡi. Một tối nọ, tôi bảo ông rằng một ngày chủ nhật như vậy quả là vất vả, và với nụ cười vui vẻ, ông đáp lại nhẹ nhàng “chỉ 3 bài giảng và bắt tay 900 người thôi mà”.

Buổi tối hôm đó, sau khi nhà thờ đóng cửa, ông nói với mọi người trong nhà thờ, “Tôi sẽ ở lại đây một tiếng nữa. Sau khi hoàn thành công việc, chúng ta sẽ luôn có thời gian thoải mái cùng nhau. Nếu các bạn quen biết tôi, hãy đến và bắt tay nào. Nếu là người lạ...”, ông nhẹ nhàng ngừng một thoáng “hãy đến và làm quen để mãi mãi là bạn”. Tôi vẫn nhớ ông nói câu đó đơn giản và dễ dàng thế nào với giọng nói sâu thẳm và rành mạch và tôi cũng nhớ rõ câu nói đó quan trọng, ấn tượng và bất ngờ nhường nào, “hãy đến và làm quen để mãi mãi là bạn”. Cách nói của ông bình thản khiến những người lạ nghĩ đúng như những gì ông mong họ nghĩ: ông không còn bất kể việc gì khác để làm ngoài trò chuyện với họ. Thậm chí phần lớn những người trong nhà thờ của ông lúc đó cũng không hề có khái niệm rõ ràng rằng ông bận rộn ra sao và thời gian của ông quý báu nhường nào.

Vào một buổi tối tháng Sáu năm ngoái, tôi thấy ông trở về lúc 6 giờ sau một chuyến đi xa 200 dặm, ông ăn tối, nghỉ ngơi vài phút rồi lại đến buổi gặp gỡ cùng những người đến cầu nguyện và dẫn dắt buổi nói chuyện một cách sôi

nổi, chơi đàn organ, bắt nhịp nhóm hát, cầu nguyện và trò chuyện. Sau đó, ông đi tới hai bữa tối quan trọng liên tiếp, có liên quan đến việc kết thúc niên khóa đại học và ông đều phát biểu ở cả hai nơi. Lúc ông đến buổi tiệc tối thứ hai, đột nhiên ông nhận được tin một thành viên trong hội đồng trường bị bệnh, ông lập tức hối hả chạy về nhà của bệnh nhân, và lại từ đó đến bệnh viện nơi anh ta đang nằm. Ông ngồi cạnh giường bệnh, trao đổi với các bác sỹ cho đến 1 giờ sáng. Sáng hôm sau, ông vẫn thức dậy lúc 7 giờ và đi làm như thường lệ.

“Đây là một việc tôi làm” – là phương châm làm việc hiệu quả của ông. Nếu xét trên nghĩa đen, ta có thể thấy ông không chỉ làm một việc mà cả nghìn việc; nhưng Conwell lại giải thích phương châm này theo nghĩa khác: Khi ông đang làm bất kể điều gì, ông không thể nghĩ đến vấn đề nào khác cho đến khi hoàn thành việc dang dở đó.

Tiến sỹ Conwell có một tình yêu sâu sắc đối với đất nước, đặc biệt là quê hương của mình. Ông yêu những ngọn gió thổi trên đồi, yêu phong cảnh phóng thẳng tầm mắt từ trên cao xuống và cả những góc yên tĩnh quen thuộc trong rừng. Ông yêu những con suối róc rách, những bông hoa dại khi e lệ nơi góc rừng lúc tô điểm cho đồng cỏ núi non. Ông yêu cái cảm giác được chạm mình vào đất, yêu những phiến đá trụi trơ.

Có nhiều khi ông còn sáng tác thơ, viết đôi dòng nhạc xưa và tôi đã cảm thấy rất cuốn hút khi có lần được cảm nhận những dòng miêu tả bức tranh thiên đường Berkshire ấy.

Những thung lũng trải dài sự sống muôn loài.

Là nơi cây cối luôn xanh tươi và những đóa hoa đua nhau khoe sắc.

Đó là thiên đường trong mắt một người đàn ông vùng núi đồi New England. Không phải là những vỉa đường dát vàng hay những cung điện màu ngà mà là thung lũng, cây cỏ hoa lá và khung trời rộng mở.

Có một vài thú vui mà Conwell còn yêu thích hơn cả việc đi lại đây đó, chẳng hạn như hái dâu, và ông còn thành thạo đến độ không bao giờ bị trầy xước tay hay mặt. Dù đi một mình hay cùng bạn bè, ông luôn thấy lúc hái dâu là lúc có thể lập kế hoạch cho những mong mỏi hoặc suy nghĩ về bài giảng. Việc câu cá đối với ông còn tuyệt vời hơn, bởi khi câu cá ông cảm thấy yên tĩnh để nghỉ ngơi đồng thời có cơ hội để suy nghĩ và lập kế hoạch.

Khi còn nhỏ, Conwell từng ước ao có thể xây đập ngăn nước ngang suối có cá hồi chảy qua gần nhà ông. Không bao giờ từ bỏ ước mơ và cuối cùng ông đã đạt được nó, dù sau tận nửa thế kỷ. Giờ đây, ông sở hữu một hồ cá rộng gần một nghìn mét vuông ngay trước nhà với vô số cá chó đen. Ông thích đi thuyền trên hồ thư thái, suy nghĩ hoặc câu cá hoặc cả hai. Ông đã chỉ cho tôi cách bắt được một con cá dù trời nắng đến chói mắt.

Ông cũng là người bắt cá hồi giỏi bởi con suối có cá hồi chảy ngang qua nhà ông, dòng suối này chảy xiết từ vùng hoang vu nào đó tới. Cách nhà ông vài dặm là câu lạc bộ của những người câu cá rất giàu có. Họ muốn ông bán đoạn suối có cá hồi này cho họ với mức giá khá hào phóng nhưng ông từ chối. Ông nói, “Tôi nhớ những ký ức đẹp để hồi tôi ngụp lặn bắt cá nơi dòng suối đó. Tôi cũng không nghĩ sẽ ngăn cản những người hiện đại có được thú vui đó. Vì thế, họ vẫn có thể đến và câu cá ở đây”.

Một hôm, khi tản bộ bên dòng suối đó, bỗng nhiên Conwell nói, “Anh có biết mỗi con suối đều có những giai điệu riêng của nó không? Tôi cảm nhận được giai điệu đó ở mỗi con suối”.

Dường như, Conwell yêu quê hương, thậm chí ông còn yêu nét gồ ghề ấy hơn bởi đó là nét đẹp của tự nhiên. Chính ông cũng khắc khổ, dạn dày và bền bỉ như vậy. Sức mạnh của núi đồi tựa hồ như máu thịt, như sức mạnh của ông.

Nhìn gương mặt, dáng hình ông, ta thấy ngay nét gồ ghề của đôi núi, thấy sự giản đơn, thật thà tạc nên tính cách và ngoại hình của ông. Ta cũng sẽ luôn cảm nhận được sức mạnh của một người đàn ông dù giọng ông thường luôn nhỏ nhẹ. Ta sẽ còn cảm nhận được sức mạnh của ông hơn nữa khi ông đứng trên bục giảng kinh hay trò chuyện, ông tỏa sáng chói lọi như một ngọn lửa lớn.

Ông là một người đàn ông cao lớn, với bờ vai rộng và khỏe mạnh, tóc màu hạt dẻ sậm mà khi mới nhìn ta có thể tưởng nó là màu đen. Những bức ảnh cho thấy ông có vẻ đẹp rất nam tính, nhưng bởi sự lo lắng, công việc cũng như việc đi lại bằng máy bay trong nhiều năm, cùng những mệt mỏi về thể xác đã khiến khuôn mặt ông đậm nét buồn, nhưng mỗi khi ông nói chuyện, những điều đó ngay lập tức tan biến. Khuôn mặt ông như bừng sáng bởi đôi mắt tuyệt vời.

Ông là người đơn độc. Người vợ đầu của ông đã mất cách đây nhiều năm trước khi thành công đến với ông, bà đã luôn bên cạnh giúp đỡ ông trong quãng thời gian khó khăn. Ông tái hôn, và người vợ mới cũng hết lòng giúp đỡ ông trong nhiều năm. Vào thời kỳ đặc biệt căng thẳng, khi một sự biến thủ 65.000 đô-la đã đe dọa nghiêm trọng đến sự phát triển của trường cao đẳng đang tự mình bước đi lên những bước đầu tiên, cả nhà thờ Temple và trường cao đẳng đều lâm vào tình cảnh nợ nần trầm trọng, ông đã gom góp tất cả những đồng đô-la ông có bằng cách bán hoặc thế chấp tài sản riêng của mình. Trong những ngày này, vợ ông luôn bên cạnh ông dù bà biết rằng nếu có điều gì xảy ra với sự hy sinh tài chính của ông, họ có thể sẽ rơi vào tình trạng

không một xu dính túi. Sau vài năm kết hôn, bà qua đời. Các con ông đã lập gia đình và ra ở riêng, ông trở thành người đàn ông cô đơn. Không phải là ông không hạnh phúc, mà do yêu cầu của công việc nên ông ít có thời gian cho nỗi buồn hoặc hồi tưởng lại quá khứ.

Khi ông nhận ra mình đang già đi, những người bạn cũng dần qua đời, chỉ còn lại ông – một ông già và những người bạn, người hỗ trợ trẻ hơn rất nhiều. Nhưng nhận thức này càng thôi thúc ông làm việc hăng say hơn, bởi ông biết rằng khi đêm tối đến, sẽ không có người nào ở bên cạnh ông nữa.

Mặc dù là con chiên ngoan đạo, ông không miễn cưỡng mang tư tưởng tôn giáo vào những buổi trò chuyện, vào những chủ đề hay áp vào những người không quan tâm đến đạo. Với ông, hành động và những điều tốt đẹp với niềm tin mới là quan trọng.

Những bài thuyết giảng của ông hầu hết được giảng giải theo cách nói ẩn dụ, mặc dù ông ít khi thừa nhận như vậy. Ông thường xuyên sử dụng các câu chuyện bởi mọi người thường ấn tượng với các hình ảnh minh họa hơn là thông qua việc tranh luận.

Ông rất giản dị, gần gũi, bất kể là ở nhà hay trên bục thuyết giảng. Nếu ông thấy bất kỳ ai muốn phát biểu, ông sẽ đi xuống để người đó đứng lên bục phát biểu, nói vài điều rồi trở về chỗ.

Những ngày đầu trở thành mục sư, khi nghe nói đến những gia đình nghèo khó cần đồ ăn, ngay lập tức ông lặng lẽ thu thập một giỏ thực phẩm và một mình đi đến trợ giúp những người đó. Ông ngày càng được nhiều người biết đến vì những việc tốt ông đã trực tiếp làm. Ông biết rằng sự nhiệt tình đến từ một biểu hiện thật tâm. Ông luôn sẵn sàng giúp đỡ những trường hợp thật sự cần thiết. Ông tránh phải điều tra dài dòng hoặc trì hoãn khi ông biết có việc

gì đó thật sự cần thiết. Cách giúp đỡ lặng lẽ của ông thật đáng ngạc nhiên. Ông không nghĩ đến việc tiết kiệm tiền cho gia đình hay cho bản thân, thay vào đó, ông coi nó là phương tiện để giúp đỡ mọi người. Tôi chưa từng nghe thấy bạn bè chỉ trích gì ông ngoại trừ một điều ông quá hào phóng.

Tôi bị ấn tượng mạnh sau khi biết ông, rằng ông sở hữu rất nhiều phẩm chất giúp làm nên thành công cho những nhà lãnh đạo trước đây của thành phố New York, và khi tôi đề cập điều này với ông, ngay lập tức ông trả lời rằng ông đã gặp “Big Tim” người lãnh đạo trong thời gian dài của Sullivan ngay tại nhà ông, lúc đó, Big Tim đến Philadelphia để hỗ trợ một số người hầu cận đang gặp rắc rối, và nhanh chóng tìm kiếm sự giúp đỡ của Tiến sỹ Conwell. Đó là tính cách của Conwell, tính cách nổi bật nhất của nhà lãnh đạo Tammany.

“Big Tim Sullivan là người tốt bụng”, ngài Conwell đã nhận thức rõ con người không có đạo đức chính trị này cũng như những việc chống đối mà anh ta đã làm, nhưng ẩn sau con người anh ta là một trái tim nhân hậu. Ngoại trừ việc Sullivan là người ngang ngược, không có nguyên tắc đạo đức trong khi Conwell thì ngược lại hoàn toàn, còn lại họ có những điểm tương đồng, cả Conwell và Sullivan đều có trí nhớ rất tốt về tên và khuôn mặt những người đã từng gặp.

Cố nhiên, Russell Conwell chắc chắn là một công dân tốt. Dù ông hiếm khi nói quá nhiều về chủ nghĩa Mỹ hay tư cách người công dân tốt, nhưng ông đặt quốc kỳ Mỹ, như biểu hiện của bốn phận công dân tốt, trước nơi ông ở, một quốc kỳ Mỹ nổi bật trong nhà thờ, một quốc kỳ Mỹ trong nhà ông, và một lá cờ Mỹ tươi đẹp trên vùng Berkshire và bao phủ ngọn tháp cao sừng sững nơi mà khi còn là một cậu bé và tìm thấy một tổ chim đại bàng trên một ngọn cây to, ông đã lấy tên “Tổ đại bàng” để đặt tên cho ngôi nhà của mình.

Nhớ đến câu chuyện ông trèo lên ngọn cây đó, mặc dù đó gần như là việc không thể, để bảo vệ tổ chim bằng sự kiên trì và táo bạo. Tôi hỏi ông liệu câu chuyện đó có thật không. Ông đáp: “Ồ, tôi cũng từng nghe nói như vậy, có người nói rằng đã nhìn thấy tôi hoặc đại loại thế. Nhưng bản thân tôi cũng không nhớ gì về chuyện đó cả”.

Bất kỳ người bạn nào của ông cũng chắc chắn sẽ nói về sự quyết tâm của ông đối với những điều ở phía trước, với những điều mà ông đã luôn dành cả trái tim mình vào đó. Một trong những điều rất quan trọng mà ông đã nhấn mạnh, bất chấp sự phản đối đặc biệt của các nhà thờ và giáo phái của mình (cách đây tương đối nhiều năm, khi vẫn còn tồn tại giới hạn trong các nhà thờ và giáo phái hơn hiện tại), đó là việc liên quan đến xóa bỏ hình thức nhóm đạo khép kín, thay vào đó là nhóm đạo cởi mở, cách sắp đặt như vậy một khi đã được quyết định thì sẽ là, “Những người bạn của tôi, tôi không có quyền mời bạn đến với chiếc bàn của Chúa. Mà chiếc bàn của Chúa luôn rộng mở. Nếu bạn cảm thấy rằng mình có thể đến gần với nó, nó luôn chào đón bạn”. Đó là cách mà ông vẫn thường thực hiện.

Ông không những không từ bỏ mà như những người bạn của ông nói, ông cũng không bao giờ quên bất cứ việc gì mà ông đã quyết định. Có thể, rất lâu sau khi họ cho rằng vấn đề đó đã hoàn toàn bị lãng quên, họ lại bất ngờ thấy Tiến sỹ Conwell đưa ra ý kiến để giải quyết vấn đề. Khi nhắc đến điều này, tôi lại nhớ đến hồ cá ở Berkshires!

Nếu như ông định làm bất cứ việc gì dù lớn hay nhỏ, dù nó có đi ngược lại với những lời chỉ trích của mọi người thì cũng không ảnh hưởng đến sự thanh thản của ông. Cách đây vài năm, ông đeo một viên kim cương to khiến nhiều người phê phán và nhận xét gay gắt, nhưng ông không bao giờ đưa ra bất cứ lời biện hộ nào, ông vẫn tiếp tục đeo viên kim cương đó. Một ngày sau đó vài

năm, ông tháo viên kim cương đó ra và mọi người nói rằng “cuối cùng thì ông ấy cũng biết đến những lời chỉ trích”, ông chỉ mỉm cười hồi tưởng lại và kể với tôi rằng, “Một người trợ tế kính mến đã tặng tôi viên kim cương đó và tôi không muốn làm tổn thương tình cảm của ông ta bằng việc từ chối nó. Tôi thấy băn khoăn khi đeo một thứ chói lóa như vậy, nhưng tôi không muốn làm tổn thương tình cảm của ông ấy, vì vậy tôi tiếp tục đeo cho đến khi ông ấy qua đời. Sau đó tôi không đeo nó nữa.”

Hoài bão của Russell Conwell là không ngừng làm việc và làm việc cho tới hơi thở cuối cùng. Trong công việc, ông quên đi mọi muộn phiền, cô đơn và cả tuổi tác. Và một ngày, ông nói với tôi rằng, “Tôi sẽ chết ngập trong đống công việc này thôi”.

Câu Chuyện “Những Cánh Đồng Kim Cương”

Xét trên mọi khía cạnh, điểm đáng chú ý nhất trong cuộc đời xuất chúng của Russell Conwell là bài giảng “Những cánh đồng kim cương”. Nội dung bài giảng, số lần Conwell thuyết giảng, nguồn cảm hứng dâng trào, số tiền ông đã và đang thu về từ bài giảng và quan trọng hơn là mục đích ông sử dụng số tiền đó. Những câu chuyện xoay quanh “Những cánh đồng kim cương”, thành công lớn lao, tầm tư duy thể hiện từ nội dung và qua lối dẫn dắt của Tiến sỹ Conwell – tất cả đã bộc lộ một nhân cách, mục tiêu sống và tài năng lỗi lạc của ông.

Bài giảng ngân vang lên nhiệt huyết, lan tỏa những tia hy vọng, chan chứa lòng nhiệt tình và tràn đầy sức sống mãnh liệt của ông. Nó thể hiện cho khả năng thành công trong mỗi con người. Dù “Những cánh đồng kim cương” đã được ông thuyết giảng tới hơn 5.000 lần, nhưng sự hào hứng của người nghe vẫn không hề giảm đi. Thành công vẫn nối tiếp thành công.

Cũng có thời điểm trai trẻ mà Conwell cảm thấy đau buồn mỗi khi nghĩ lại. Một tối nọ ông kể về kỷ niệm ấy, giọng ông cứ chìm dần, chìm dần theo ký ức xa xăm... Ông nói thời gian sống ở Yale là những ngày tháng đau khổ bởi ông không có tiền và phải làm việc cật lực để rồi hứng chịu càng nhiều cay đắng. Không phải ông mệt mỏi vì công việc vất vả, bởi Conwell không ngại ngần với những công việc như vậy, cũng không phải do khó khăn hay thiếu thốn, bởi ông luôn tâm niệm khó khăn là để vượt qua, còn thiếu thốn là để rèn luyện sức chịu đựng ngoan cường của con người. Mà đó là bởi sự hổ thẹn ông gặp phải – sự hổ thẹn cá nhân mà ông vẫn nhớ như in sau hàng nửa thế

kỷ. Nhưng rồi chính sự hổ thẹn ấy đã mang đến một thành quả tuyệt vời.

Ông nói, “Tôi quyết tâm làm bất kỳ điều gì có thể để con đường đến với giảng đường của những chàng trai khác dễ dàng hơn”.

Vì thế, từ nhiều năm trước, ông đã dành tất cả số tiền kiếm được từ bài giảng “Những cánh đồng kim cương” cho mục tiêu ấy. Ông có một danh sách chờ mà trong đó chỉ một số rất ít trường hợp là ông có thể tự tìm hiểu. Ông quá bận rộn nên không thể tiến hành điều tra tổng quát được. Phần lớn danh sách chờ được gửi đến từ hiệu trưởng các trường – những người biết rõ sinh viên nào của mình đang cần giúp đỡ.

Khi tôi hỏi về kế hoạch đó, ông nói, “mỗi đêm, khi bài giảng kết thúc, tôi có tiền trong tay, ngồi trong phòng khách sạn” – thật là một hình ảnh cô đơn – “lấy số tiền có được trừ đi những chi phí ăn ở đi lại, phần còn lại tôi gửi cho một số thanh niên trong danh sách. Tôi luôn gửi tiền kèm một lá thư với những lời khuyên nhủ, động viên, bày tỏ hy vọng rằng số tiền sẽ giúp ích được phần nào cho sinh viên đó và rằng họ không cần cảm thấy mắc nợ ai khác ngoài Chúa. Tôi rất hứng khởi và cố gắng khiến những người đó tin rằng họ không mắc nợ tôi điều gì. Tôi cũng nói với họ rằng tôi hy vọng những người thuộc thế hệ sau đây nhiệt huyết ấy sẽ còn nỗ lực hơn tôi. “Đừng nghĩ rằng tôi gửi kèm theo đó quá nhiều lời khuyên,” khẽ mỉm cười, ông nói thêm “bởi tôi chỉ cố gắng cho họ biết rằng có một người bạn đang nỗ lực giúp đỡ họ”.

Gương mặt ông bừng sáng khi thổ lộ, “Việc đó thực sự mê hoặc tôi! Nó giống như đánh bạc vậy! Ngay khi gửi thư đi và gạch tên một người khỏi danh sách chờ, tôi liền lập tức hướng tới người tiếp theo”.

Dừng lại một lát rồi ông tiếp lời, “Tôi không cố gắng gửi cho họ đủ tiền trang

trả mọi chi phí. Tôi chỉ muốn kéo họ ra khỏi cảm giác cay đắng và đồng tiền sẽ làm được điều đó.” Ông nhẹ nhàng kết luận, “Tôi không muốn họ ỷ lại vào tôi”.

Ông nói với tôi ông luôn nhấn mạnh trong đó rằng ông không mong nhận được báo đáp hay ghi chép gì về những việc ông đã làm, vì việc suy nghĩ, đọc và viết thư trả lời rất tốn thời gian. Ông nói tiếp, “Chủ yếu là tôi không muốn họ luôn có cảm giác mắc nợ”.

Khi tôi so sánh việc ông làm chẳng khác nào ném một mẩu bánh mỳ xuống nước, không thể nào lấy lại được, ông im lặng một chút rồi trầm ngâm nói, “Làm việc đó trong nhiều năm mang lại cho tôi cảm giác thư thái. Mẩu bánh mỳ sẽ quay trở lại khi nỗ lực của mình mang lại những kết quả ý nghĩa”.

Trong chuyến đi gần đây qua Minnesota, Conwell rất bối rối vì, trợ lý của ông, một thanh niên từng được ông giúp đỡ nhờ bài giảng “*Những cánh đồng kim cương*” đã nhận ra ông trên tàu, khi biết ông chính là Tiến sỹ Conwell, anh ta háo hức dẫn vợ đến gặp ông, tha thiết cảm ơn sự giúp đỡ của Tiến sỹ. Hai vợ chồng quá tình cảm khiến Conwell cảm thấy thực sự bối rối.

Bài giảng, như lời nói để đời của chính Conwell, được thực hiện để giúp đỡ “tất cả những ai, không phân biệt giới tính, ấp ủ quyết tâm theo đuổi sự nghiệp có ích và đáng trân trọng.” Với giọng nói, gương mặt và phong thái của Conwell, bài giảng càng trở nên mê hoặc lòng người, dù nó chỉ dung dị mà thôi!

Bài giảng tràn trề cảm hứng, gợi mở và biểu đạt. Conwell đã biến tấu “*Những cánh đồng kim cương*” cho phù hợp với hoàn cảnh thích hợp tại hàng nghìn nơi ông đến giảng. Tuy nhiên, cốt lõi và tinh thần của bài giảng vẫn được giữ nguyên. Thậm chí nhiều người còn đến nghe đi nghe lại bài

giảng đó. Ông rất vui khi biết rằng nhiều người đã nghe bài giảng đó tới 20 lần.

Bắt đầu bằng câu chuyện mà Conwell được kể bởi hướng dẫn viên du lịch già người Ba Tư khi hai người cùng đồng hành đến Nineveh. Khi nghe câu chuyện, bằng giọng kể chân thực của Tiến sỹ, bạn có thể cảm nhận thấy cát trên sa mạc và những rặng cọ rì rào. Chất giọng mượt mà nhẹ nhàng đi sâu vào tâm tưởng người nghe ấy dung dị như cuộc sống đời thường và từng cảnh tượng trong đó cũng tràn đầy nhựa sống. Ngay lập tức thính giả bị lôi cuốn bằng chính ngữ điệu của ông, họ hào hứng lắng nghe và sẵn sàng ghi nhớ những điều ông nói. Khả năng dẫn dắt, nội dung sống động đã đưa ông trở thành nhà hùng biện xứng danh.

Nhiều thính giả đã lắng nghe ông giảng hết lần này qua lần khác, và đó chính là món quà mà Conwell rất mực trân trọng. Gần đây, tôi nghe nói ông còn thuyết giảng tại chính nhà thờ của mình, nơi mà dường như đây chỉ là một câu chuyện cũ, và rằng có thể chỉ một vài tín đồ sùng đạo đến nghe; nhưng đã có một lượng lớn tín đồ đến lắng nghe ông thuyết giảng, và thật khó để tìm được một chiếc ghế trống nào trong khán phòng. Cũng phải nói thêm mặc dù đó là nhà thờ của ông nhưng bài giảng không miễn phí, như nhiều người mong đợi, mỗi người tùy tâm trả một chút cho chỗ ngồi – việc trả tiền vào cửa luôn thể hiện lòng trân trọng với tâm huyết muốn nghe. Mọi thính giả đều bị cuốn theo dòng câu chuyện, như thể người kể và câu chuyện là một cuốn tiểu thuyết đầy mê hoặc. Đọc câu chuyện đã rất hay nhưng chỉ khi nghe được sự sống động trong từng lời giảng của Conwell, người nghe mới thực sự cảm nhận được sức lôi cuốn của một bài giảng sống.

Một tối nọ, Conwell quyết định giảng *Những cánh đồng kim cương* nguyên bản như nhiều năm trước, không có sự biên soạn hay sửa đổi nào cho phù

hợp với địa điểm cả. Khi ông bắt đầu giảng, người nghe vẫn như thường lệ khi khẽ cười, lúc nghiêng ngả, cảm xúc của ông vẫn mới y như lần đầu tiên ông giảng bài bao năm trước, sống động mới mẻ như chính thần thái của ông. Ông hồi tưởng lại dòng cảm xúc đó và mỗi khoảnh khắc ông đều giảng với những minh họa rõ ràng gần gũi như thể một chiếc ô tô đang hiện hữu trước mặt chúng ta vậy.

Lần cuối cùng tôi nghe ông giảng là lần thứ 5.124. Thật là khó tin phải không? Và 5.214 lần đó tôi nhận thấy rằng ông đều giảng ở những nơi xa xôi, số lượng người nghe tưởng chừng sẽ ít ỏi và tôi tự hỏi không biết có bao nhiêu người sẽ đến nghe và họ ấn tượng với bài giảng đến mức nào? Vì thế tôi đã đến. Con đường tối đen và tôi tưởng tượng rằng chắc chỉ có một vài người đến nghe. Nhưng đến nơi, tôi sửng sốt khi thấy nhà thờ với 830 ghế và chính xác có đủ 830 người ngồi trên số ghế đó, ngoài ra còn nhiều người đứng đằng sau. Trong số đó, rất nhiều người lặn lội từ xa tới. Tuy bài giảng hầu như không hề được quảng bá nhưng mọi người rỉ tai nhau, “Anh sẽ đến nghe Tiến sỹ Conwell thuyết giảng chứ?” và câu hỏi cứ được truyền miệng như vậy.

Tôi vẫn còn nhớ thật thú vị làm sao khi quan sát những khán giả đó, bởi họ say mê hưởng ứng với lòng nhiệt huyết chân thành trong suốt bài giảng. Họ không những rất hài lòng, thích thú và hứng khởi – và để có được thành công đó tại một nhà thờ Thiên Chúa là một nỗ lực đáng tự hào – nhưng tôi biết mỗi người trong số họ đều được truyền cảm hứng và động lực để làm một điều gì đó cho chính họ và những người khác. Thậm chí một số người đã biến động lực đó thành hành động. Dần dần, mọi người nhận ra sức mạnh mà người đàn ông đó nắm giữ.

Thật là một người quảng đại! Ông không bao giờ áp thời gian cố định cho bài

giảng của mình. Ông không bao giờ chỉ giảng trong một tiếng hay gò bó trong một tiếng rưỡi. Ông cảm nhận được người nghe đang hòa mình đầy cảm hứng vào câu chuyện, vào bài giảng và bản thân ông cũng quên những nỗi đau ông đã từng trải qua, quên thời gian, quên mất rằng đêm đã khuya và ông còn phải vượt một chặng đường dài về nhà và cứ tiếp tục say mê thêm hai tiếng nữa. Vậy mà nhiều người thậm chí còn muốn được nghe ông giảng thêm bốn tiếng nữa.

Conwell luôn giảng bài với sự lắng dịu và say mê. Thính giả cảm nhận thấy sự ân cần, điềm đạm, hài hước, dung dị và ấm áp như không khí gia đình từ ông. Tuy nhiên, người nghe vẫn luôn tâm niệm từng khoảng khắc ông giảng đều hướng tới một mục tiêu cao cả và đáng quý. Họ vỡ òa trong những tràng cười hay tĩnh lặng trong sự tập trung. Chỉ cần một lời nói, một động thái của ông cũng có thể khuấy động cả thính phòng, khiến người nghe khi hào hứng, sửng sốt lúc ngạc nhiên, quyết tâm. Khi ông nghiêm nghị và từ tốn hay nhiệt thành, khán giả cảm thấy chính con người ông cũng sốt sắng như thế, khi ông kể chuyện cười, người ta thấy khóe miệng ông như đang nén lại một nụ cười – đó là sự trân trọng với câu chuyện hài hước; không phải ông cười vì sự hài hước của chính bản thân, mà ông cười như thế là ông và thính giả đều cùng nhau cười về một điều gì đó mà cả ông và họ đều biết rõ điều đó.

Vô số thành công trong cuộc đời nhiều người có được chính là từ cảm hứng của bài giảng. Có người nghe đi nghe lại nhiều lần nên như thế bài giảng đã thấm vào họ. Gần đây, Conwell đã kể cho tôi nghe về thành công của một người đàn ông mà trước đây chỉ là một anh nông dân đã đi bộ một chặng đường dài để tới nghe ông giảng. Trên đường về nhà, anh ta viết thư cho ông và nói rằng anh đã suy nghĩ trăm trở mãi không biết có thể làm gì để tiến bộ và vượt lên chính mình. Trước khi về đến nhà, anh nhận thấy rằng ở một trường học làng nào đó sẽ rất cần đến giáo viên. Anh biết mình chưa đủ kiến

thức để giảng dạy nhưng chắc chắn là anh sẵn sàng học hỏi, anh đã mạnh dạn hỏi Conwell về ngôi trường làng anh có thể đến dạy. Chính sự nỗ lực nghiêm túc của anh đã giúp anh tạo được ấn tượng tốt và được nhận vào dạy tạm thời. Sau đó, anh đã làm việc và học tập hăng say, cống hiến hết mình khi tham gia giảng dạy và anh đã có được hợp đồng dạy chính thức tại đó. Rồi Conwell nói, “Người đàn ông đó nay đã trở thành một trong những hiệu trưởng trường cao đẳng của chúng tôi”.

Cũng gần đây, một phụ nữ đã đến nghe Conwell giảng, bà là vợ của một người đàn ông xuất chúng và giàu có. Chồng bà khá thoáng về vấn đề tiền bạc. Bà nói vợ chồng bà trước đây đã mua một nông trang nhỏ chỉ với vài trăm đô-la. Sau khi nghe xong *Những Cánh Đồng Kim Cương*, bà bật cười và tự nhủ “Nơi đó chẳng có cánh đồng kim cương nào cả” nhưng bà liền kể tiếp rằng bà đã thấy một dòng suối nguồn mát lành nơi đó mà hiếm người biết đến. Cảm hứng mà Conwell mang lại đã thôi thúc bà mang nước đi phân tích, kết quả cho thấy đó là một nguồn nước suối thật sự trong và sạch. Bà cho đóng chai nước và mang bán với nhãn hiệu là suối nguồn đặc biệt. Bà đã kiếm được khá nhiều tiền. Bà còn bán đá sạch, và chỉ nghỉ vào mùa đông, tất cả là nhờ sự thôi thúc từ *Những cánh đồng kim cương*.

Russell Conwell đã kiếm được hàng triệu đô-la chỉ nhờ một bài giảng. Con số này khiến nhiều người sửng sốt, nhưng điều sửng sốt đáng trân trọng hơn cả là tất cả những gì Conwell đã làm cho thế giới này. Ông không kiếm tiền cho bản thân mà dành số tiền kiếm được cho những mảnh đời, những tâm hồn cần trợ giúp. Không ai có thể nghĩ hay viết được chính xác Conwell đã chấp cánh cho bài giảng của mình và trực tiếp dùng số tiền ông kiếm được từ đó trên cả tuyệt vời thế nào. Một con người với trái tim luôn tràn trề và thốn thức, luôn sống với tinh thần cầu tiến làm kim chỉ nam.

Năm 1914, ông và tác phẩm của ông được ghi nhận là ”độc nhất”. Bạn bè rất vui mừng vì số lần ông giảng câu chuyện tuyệt vời này đã lên tới con số gần 5.000, do đó tổ chức một lễ kỷ niệm cho bài giảng nổi tiếng nhất trên thế giới này. Tại buổi lễ đó, Conwell nhận lời giảng Những cánh đồng kim cương tại Viện Hàn lâm Âm Nhạc – Philadelphia. Tòa nhà nơi ông giảng và các con phố quanh đó chật cứng người. Bài giảng lần thứ 5.000 đó đã mang lại hơn 9.000 đô-la.

Sự tin tưởng và kính trọng đối với Conwell không chỉ thể hiện qua số lượng hàng nghìn người mong muốn được nghe ông thuyết giảng mà còn thể hiện qua việc nhiều nhà lãnh đạo địa phương tham gia buổi lễ kỷ niệm. Sự ái mộ mà người dân quê hương dành cho ông đã trở thành điểm tựa nâng đỡ ông. Thậm chí còn có một ủy ban cấp quốc gia, trong đó có 9 thống đốc bang nổi tiếng, rất trân trọng những gì Conwell đã và đang làm. Thống đốc bang Pennsylvania đã vinh danh Conwell là biểu tượng cho Tự do của bang.

Vâng, và biểu tượng Tự do của bang đã được trao cho người đàn ông hơn 70 tuổi đó. Với những nỗ lực ông đã và đang làm được cho tự do, tiến bộ, giải phóng cá nhân, với bài hùng biện về cấm nạng thành công và những trợ giúp của mình, ông hoàn toàn xứng đáng là biểu tượng Tự do của bang và biểu tượng Tự do của quốc gia.

50 Năm Trên Bục Giảng

(Russell H. Conwell)

Viết tự truyện ư? Đối với tôi đó là một đề nghị thật nực cười. Nếu như tất cả mọi điều đều suôn sẻ dễ dàng thì cuốn truyện cuộc đời tôi đã không thú vị đến thế. Chắc chắn không ai quan tâm quá nhiều khi đọc một cuốn truyện đơn giản và không có nhiều sự kiện, biến cố như vậy. Tôi cũng thấy rằng không có gì để khai thác trong đó, cũng như nó cũng không giúp ích được gì nhiều. Vì thế tôi không bao giờ lưu lại bất kỳ một bản thảo, ghi chép nào có liên quan đến công việc của tôi, một cuốn sách, bài thuyết giáo, bài giảng, một mẫu báo hay tạp chí hay tiểu sử mà bạn bè nhiều lần viết về tôi. Tôi cảm thấy các tác giả quan tâm đến cuộc đời tôi thật quá hào phóng và những việc mà tôi làm đều quá vội vàng, nhanh chóng. Vì vậy, tôi chẳng có gì làm nền tảng cho một cuốn tự truyện cả, ngoại trừ ký ức tràn đầy của tôi.

50 năm trên bục giảng đã mang lại cho tôi những ký ức đẹp đẽ và đáng quý. Tâm hồn tôi tràn đầy lòng biết ơn chân thành đối với sự ái mộ của mọi người. Thành công vượt mong đợi của tôi, sự tốt đẹp vượt xa tưởng tượng trong những giấc mơ cháy bỏng nhất của tôi và hiệu quả đã vượt trên cả dự tính và ước vọng của tôi, đến nỗi tôi cho rằng một cuốn tự truyện chân thực là sự đền đáp lớn nhất của tôi dành cho những người đã ủng hộ cổ vũ tôi.

Tôi sống để thấy những gì tôi làm được đã vượt lên cả hoài bão của chính mình, những tổ chức từ thiện tôi từng góp sức nhỏ nhoi vượt qua đầu tôi với hàng nghìn cánh tay vẫy gọi là động lực thúc đẩy tôi. Thực tế cứ như một giấc mơ. Chúa ban phước cho những trái tim yêu thương và những tâm hồn cao cả sẵn sàng hy sinh vì người khác, luôn trấn trở những gì họ có thể làm

mà không bao giờ nghĩ đến những gì họ có thể nhận. Rất nhiều người trong số họ đã đến Vùng đất ánh sáng. Và tôi, ở cái tuổi thất thập này, vẫn một mình lặng lẽ nhìn về vùng đất đó.

Chỉ có đi xuyên qua bóng tối

ta mới dần trưởng thành hơn

50 năm! Lần đầu tiên đứng trên bục giảng tôi vẫn còn rất trẻ. Cuộc nội chiến những năm 1861-1865 mang đến trong tôi cảm xúc mãnh liệt, cả lòng yêu nước lẫn nỗi sợ hãi khi tôi đang học luật tại trường Đại học Yale. Tôi vẫn còn nhớ xúc cảm thời thơ ấu ấy lúc tôi bị “gọi tham gia đoàn mục sư”. Trong khu vực cầu nguyện của gia đình tại một nhà tranh ở cao nguyên Hampshire, bố tôi đã thốt thức cầu mong Chúa dẫn đường cứu thế. Tôi đã quá sợ hãi, khiếp đảm, chỉ có suy nghĩ thôi tôi cũng đã đầu hàng khiếp đảm, cho đến khi tôi quyết định chiến đấu với nỗi sợ đó bằng tất cả sức mạnh của mình. Tôi cố gắng suy nghĩ về các nghề nghiệp khác và cuối cùng tôi đã quyết định trở thành một nhà thuyết giáo.

Tuy nhiên, khi đó tôi rất hồi hộp nhút nhát trước buổi diễn thuyết và sợ đối mặt với khán giả. Cái cảm giác sợ hãi lạ lùng mỗi khi diễn thuyết trước mọi người đeo đẳng tôi nhiều năm khiến tôi hết sức khốn khổ. Cuộc chiến và những lần tuyển lính đã dần định hình trong tôi ý thức trách nhiệm hơn. Bài giảng đầu tiên của tôi là về “Những bài học lịch sử” nhằm vận động chống quân đội Liên minh Miền Nam.

Năm 1862, John B. Gough – nhà hùng biện hàng đầu, cũng là một người bạn thân của tôi đã giới thiệu tôi với khán giả ở Westfield, Massachusetts. Bài phát biểu của một cậu chàng sinh viên non nớt thật là ngớ ngẩn! Nhưng những lời khen ngợi, bó hoa và sự cổ vũ của Gough đã khiến tôi cảm thấy

diễn thuyết trước đám đông cũng không quá khó khăn như tôi vẫn nghĩ.

Từ đó, tôi làm theo những lời khuyên của Gough và “thực hành” bằng cách không ngần ngại nhận mọi lời mời giảng với bất kỳ chủ đề nào. Tôi đã nếm qua nhiều thất bại và nước mắt nhưng đồng thời cũng xoa dịu những lo lắng của tôi đối với vấn đề đoàn mục sư và khiến bạn bè tôi hài lòng. Tôi tham gia những cuộc dã ngoại, Trường đạo ngày Chủ nhật, cuộc họp ái quốc, các lễ tang, lễ kỷ niệm, lễ phát bằng, thảo luận, các buổi từ thiện như một vòng xoáy mà không ưu tiên cái nào, cũng không có thù lao. Trong 5 năm đầu tiên, tất cả những gì tôi kiếm được chính là kinh nghiệm. Đôi khi, quà cáp khán giả chủ động tặng là con dao xẻp, chút giấm bông hay một cuốn sách và thù lao bằng tiền mặt lần đầu tôi nhận được là từ một câu lạc bộ của những người nông dân – 75 xu cho bài nói về “Thuê ngựa”. Điều đáng ngạc nhiên là sau đó một thành viên trong câu lạc bộ chuyển tới thành phố Salt Lake và trở thành thành viên Hội đồng của Dàn hợp xướng Mormon Tabernacle năm 1872. Sau này, khi tôi trở thành phóng viên, trong chuyến đi vòng quanh thế giới, Ủy ban này đã mời tôi giảng về “Những người đàn ông của núi” trong Thánh đường Tabernacle và trả cho tôi 500 đô-la.

Trong những năm đầu thực hành đó, thật may mắn là tôi vẫn có thể kiếm tiền bằng nghiệp lính, phóng viên, luật sư, người biên tập hay người thuyết giáo, giúp tôi trang trải cuộc sống. Trong suốt 50 năm đứng trên bục giảng, tôi hầu như không động đến một đồng tiền thù lao nào cho chi dùng cá nhân. Trong 36 năm sau đó, tôi đã đóng góp tất cả số tiền kiếm được từ bài giảng cho những tổ chức từ thiện. Nếu tôi đủ kinh nghiệm để viết tự truyện, có lẽ tôi cũng đủ già dặn để không phải nghe những lời chỉ trích rằng tôi quá tự cao tự đại khi nói rằng trong vài năm, tôi chỉ giảng đúng một bài “Những cánh đồng kim cương”, mỗi năm hơn 200 lần, thu nhập bình quân khoảng 150 đô-la cho mỗi lần giảng đó.

Một vận may lớn đến với tôi khi Jame Redpath thành lập Ủy Ban thuyết giảng đầu tiên thời đó. Ông chính là người viết tiểu sử về John Brown của thị trấn Harper's Ferry tiếng tăm. Ông Brown lại chính là bạn thân của bố tôi. Vì thế, tôi – một sinh viên đang lúc chờ việc – đã chớp lấy cơ hội nghề nghiệp bằng cách “bán cuộc đời John Brown”. Mỗi thâm tình của tôi với ông Redpath còn thân thiết cho đến cuối đời ông. Riêng với Charles H. Taylor, người mời tôi làm phóng viên cho tờ Boston Daily Traveler, tôi nợ ông một tình bạn tuyệt vời mà mỗi khi hồi tưởng lại, nó vẫn luôn khiến tâm hồn tôi lắng đọng. Ông đã rất tốt khi giới thiệu tôi với Redpath rằng tôi là người có thể “lấp chỗ trống ở những thị trấn nhỏ hơn” – nơi “những ánh đèn rực rỡ không phải lúc nào cũng an toàn”.

Danh sách những tên tuổi mà Redpath có sáng chói như một dải ngân hà lấp lánh, với Henry Ward Beecher, John B. Gough, Senator Charles Sumner, Theodore Tilton, Wendell Phillips, bà Mary A. Livermore, Bayard Taylor, Ralph Waldo Emerson, với nhiều nhà thuyết giáo, nhạc sĩ và nhà văn của một kỷ nguyên rực rỡ. Thậm chí Tiến sỹ Holmes, John Whittier, Henry W. Longfellow, John Lothrop Motley, George William Curtis, và Burnside cũng góp mặt không dưới một lần và họ thậm chí còn từ chối nhận thù lao. Tôi vĩnh viễn không quên được cái cảm giác hổ thẹn khi nghĩ chắc rằng tất cả sẽ nhạo báng sau lưng tôi. Tuy nhiên, Bayard Taylor – từ văn phòng của mình tại Tribune đã viết cho tôi và nói ông rất vui được gặp tôi “trên con đường đến với những trợ giúp vĩ đại”. Thống đốc bang Massachusetts – ông Claflin cũng dành thời gian gửi cho tôi một lá thư chúc mừng. Ông Benjamin F. Butler khuyên tôi hãy “theo đuổi đến cùng” và trở thành một luật sư giỏi.

Nghiệp giảng không chỉ là một công việc mà còn là trách nhiệm. Tôi chưa bao giờ từng nghĩ mình chỉ làm cho vui. Tôi chắc chắn mình sẽ thất bại thảm hại nếu không cảm nhận được chân lý trong những bài giảng của mình và ít

nhất, tôi cũng đã cố gắng bền bỉ theo “tiếng gọi của Chúa”. Năm 1879, khi tôi tham gia đoàn mục sư, những bực giảng ở Anh và Mỹ đã trở nên quá quen thuộc với tôi đến nỗi tôi cảm thấy từ chối làm trong lĩnh vực có ích như vậy thật là không thỏa đáng.

Có lẽ kinh nghiệm của những người thuyết giảng thành công đều tương tự như nhau. Đường đi không phải lúc nào cũng bằng phẳng. Nhưng những con đường gập ghềnh, những nhà nghỉ chật hẹp, những chuyến tàu muộn, thính phòng nhà thờ nóng bức, những hội đồng hiếu khách thái quá, những lúc bị đánh thức khi đang say ngủ... nhanh chóng chìm vào quên lãng. Thay vào đó là những gương mặt hiếu khách thông minh, những thông điệp cảm ơn, và cảm giác kiếm tiền hỗ trợ cuộc sống của sinh viên là niềm vui mỗi ngày của tôi.

Nhiều người hỏi tôi: trong 50 năm bôn ba trên đủ loại phương tiện vận chuyển đó, tôi có gặp tai nạn nào không. Thật may mắn là tôi không gặp những tình thế đó. Trong suốt hơn 27 năm, cứ ba ngày tôi giảng hai lần và tôi chưa bao giờ thất hẹn. Thi thoảng tôi phải thuê một chuyến xe lửa đặc biệt, nhưng tôi đã đến thị trấn mà tôi sẽ thuyết giảng đúng giờ, chỉ có một lần duy nhất tôi đến muộn nhưng cũng chỉ quá vài phút. Tai nạn cứ rình rập lớn vờn quanh tôi trên tàu thuyền, đôi khi tôi còn tận mắt chứng kiến các vụ tai nạn, nhưng may mắn thay tôi vẫn an toàn trong suốt những năm tháng đó. Trong cơn lũ vùng Johnstown, tôi thậm chí còn thấy một cây cầu sập ngay đằng sau tàu hỏa tôi đang ngồi. Tôi còn từng ngồi trên một con tàu chạy bằng hơi nước vô chủ lênh đênh trên Đại Tây Dương trong suốt 26 ngày. Lần khác, một người đàn ông đã bị giết ngay trên chiếc giường mà tôi đã nằm nửa giờ trước đó. Nhiều lần tôi cảm thấy tàu đi chệch đường ray, nhưng may mắn không ai tử nạn cả. Bọn trộm cướp cũng “hỏi thăm” tôi mấy lần nhưng tôi cũng không mất gì. Chúa và con người dường như đều kiên nhẫn và tử tế với tôi.

Nhưng sau tất cả, tất cả những giây phút đáng sợ đó chỉ là hạt bụi. Bởi vì Thánh Đường và nhà thờ ở Philadelphia với gần 3.000 thành viên, mỗi năm đã đóng góp hơn 60.000 đô-la cho từ thiện trong bao năm, với tôi là một điều ngoài mong đợi. Cùng với sự phát triển đáng kinh ngạc của Bệnh viện Samaritan, phòng khám bệnh và phát thuốc của Bệnh viện Garretson đã không ngừng chăm sóc người bệnh và người nghèo; phòng khám đã trợ giúp hàng chục nghìn người mỗi năm và điều đó khiến tôi rất hạnh phúc mỗi khi thuyết giảng với cảm giác mỗi giây phút họ đều làm việc thiện. Đại học Temple mới thành lập 20 năm trước đã giúp hàng trăm nghìn chàng trai cô gái từng có lẽ không thể xin vào một học viện nào để có thể kiếm thu nhập cao hơn và có cuộc sống tốt đẹp hơn. Giờ đây, nơi ấy đã có 253 giáo sư và đã làm những việc thực sự tuyệt vời. Tôi nhắc đến trường Đại học Temple để thấy rằng “50 năm trên bục giảng” của tôi cũng chỉ là một nhánh cây nhỏ trong khu rừng rộng lớn.

Bài giảng được biết đến nhiều nhất của tôi “Những cánh đồng kim cương” cũng chỉ ngẫu nhiên được chú ý. Lần đầu tôi giảng về chủ đề này là trước khi gặp lại các đồng chí cũ thuộc Trung Đoàn thứ 46 của Massachusetts mà tôi làm đại úy trong cuộc Nội chiến. Tôi chưa bao giờ nghĩ sẽ có cơ hội giảng nó thêm một lần nào nữa. Và thậm chí sau khi Ủy ban thuyết giảng quan tâm đến bài giảng đó, tôi vẫn chưa dám mơ tôi sẽ sống để giảng nó như bây giờ tôi đã và đang làm, gần 5.000 lần. “Đâu là bí quyết của thành công đó?” Tôi không thể tự lý giải cho bản thân và cho cả những người khác. Tôi chỉ biết rằng tôi luôn khích lệ bản thân rằng đó là một ý tưởng, một cơ hội đặc biệt để làm việc tốt, và tôi lấy cảm hứng ở mỗi nơi tôi đến, giữ nội dung cốt lõi của bài giảng với những minh họa khác nhau ở từng địa phương tôi giảng.

Bàn tay cầm bút này của tôi đến một ngày sẽ không còn thể hiện được những cử chỉ trên bục giảng nữa, song tôi thực lòng mong mỗi cuốn sách này sẽ trợ

giúp phần nào cho những người anh, người chị, người em trong mái ấm nhân loại.

RUSSELL H. CONWELL

Nam Worthington, Mass

Ngày 1 tháng 9 năm 1913

James Allen

CON NGƯỜI SUY TƯỞNG

Kim Diệu *dịch*

Lời Giới Thiệu

Trí óc, nguồn sức mạnh siêu phàm, nhào nặn và tạo tác chẳng ai khác, chính con người là trí óc khôn ngoan càng vận dụng những tư tưởng, tạo thành những gì anh ta muốn, sản sinh ra ngàn hoan lạc ngàn điều tội lỗi. Những gì ra lạng thăm suy tưởng, đều hiển hiện thành sự trên đời. Hoàn cảnh là gì đây, nếu chẳng phải chính thị kính của ta

Bài viết nhỏ bé này (kết tinh của những chiêm ngẫm và trải nghiệm), không có mục tiêu trở thành một chuyên luận toàn diện về SỨC MẠNH CỦA TƯ DUY – một chủ đề đã làm hao tổn biết bao giấy mực. Thay vì thế, nó mang tính khơi gợi nhiều hơn là biện giải với mục tiêu dẫn dắt tất cả mọi người, bất kể nam hay nữ, đến với khám phá và nhận thức một hiện thực, rằng:

“Mỗi cá nhân chính là kẻ kiến tạo bản thân”.

nhờ hiệu quả của những suy nghĩ mà họ lựa chọn và khuyến khích; rằng trí não chính là tay thợ dệt kỳ tài, tạo nên cả lớp vỏ bên trong – tính cách, lẫn lớp vỏ bên ngoài – hoàn cảnh, và rằng, nếu như, từ xưa đến nay, họ chỉ quần quanh trong vô tri và đau đớn, thì giờ đây, họ có thể đắm mình trong sáng tỏ và phước lành.

JAMES ALLEN

I. Tư Duy và Tính Cách

Câu cách ngôn, “Lòng dạ ra sao, bề ngoài nên vậy” không chỉ bao quát toàn bộ bản thể mỗi con người, mà còn toàn diện đến mức đề cập đến mọi điều kiện, hoàn cảnh trong cuộc sống của anh ta. Một cá nhân, theo đúng nghĩa đen, đích xác là những gì anh ta nghĩ, tính cách là phép cộng của toàn bộ những tư tưởng của anh ta.

Cũng giống như một cái cây chỉ có thể sinh trưởng (và không thể thiếu) từ một hạt mầm, mọi hành động của con người bắt nguồn từ những hạt giống tư tưởng ẩn sâu trong anh ta, và sẽ không thể được hiển lộ nếu thiếu đi những tư tưởng ấy. Quy tắc này được áp dụng tương tự với những hành động vốn được coi là “ngẫu hứng” và “bột phát”, cũng như những hành động được tính toán kỹ lưỡng.

Hành động là hoa đơm ra từ tư tưởng, những hoan lạc cùng khổ đau là trái kết từ đó; nhờ thế, một kẻ sẽ thu hái thứ quả ngọt và quả đắng sinh ra từ bàn tay chăm bón của chính mình.

Con người là sự sinh trưởng tuân theo quy luật, chứ không phải thành quả sáng tạo của tài khéo mà nên, mọi nguyên nhân – kết quả đều mang tính tuyệt đối và chặt chẽ, dù đó là trong địa hạt tư tưởng ẩn khuất hay thể hiện trong thế giới của những thứ vật chất và hữu hình. Một nhân cách cao đẹp tựa Thánh thần không phải đặc ân hay cơ hội, mà chính là kết quả tự nhiên của nỗ lực tư duy đúng đắn liên tục, là hệ quả của mối giao kết lâu dài bền vững với những tư tưởng Thánh thần. Một tính cách quỳ gối khom lưng hay cục súc man rợ, với quá trình tương tự, là kết quả của việc dung dưỡng liên tục những suy nghĩ ti tiện.

Một con người được tạo thành, hay hủy hoại, chính bởi bàn tay anh ta. Với kho tư tưởng của chính mình, anh ta trui rèn ra những vũ khí mà anh ta sử dụng để hủy hoại chính mình. Anh ta cũng có thể tạo nên những công cụ mà nhờ đó, anh ta xây nên cho mình những lâu đài tuyệt tác chứa đựng niềm vui, sức mạnh và sự an lành. Bằng việc lựa chọn chính xác và áp dụng đúng đắn các suy nghĩ, con người đạt tới mức toàn hảo thiêng liêng. Nhưng với lối áp dụng suy nghĩ bất lương và sai lầm, anh ta sa xuống dưới cả mức quái vật. Ở khoảng giữa hai thái cực này là tất cả các loại tính cách, mà con người chính là kẻ tạo ra và làm chủ chúng.

Trong số tất cả những sự thật đẹp đẽ liên quan tới tâm hồn đã được khôi phục và đưa ra ánh sáng thời nay, không có gì đáng vui mừng hay gắn liền với những hứa hẹn và lòng tin thiêng liêng cho bằng một điều – rằng con người chính là bậc thầy của tư tưởng, là kẻ đúc nên tính cách, người tạo ra và hình thành điều kiện, hoàn cảnh và số mệnh.

Là thực thể của sức mạnh, trí tuệ, tình yêu và vị chúa tể của những tư tưởng cá nhân, con người nắm giữ toàn bộ chìa khóa khai mở mọi tình huống, và dung chứa trong mình nguồn lực biến đổi và tái tạo mà nhờ đó, anh ta có thể biến đổi theo mong đợi cá nhân.

Con người luôn giữ vai trò chủ nhân của chính mình, dù trong trạng thái yếu ớt và bị ruồng bỏ tệ hại nhất. Nhưng khi rơi vào trạng thái yếu ớt và suy biến, anh ta chỉ còn là một tên chủ nhân xuân ốc, quản lý “nhà cửa” của mình một cách tồi tệ. Khi biết suy ngẫm về hoàn cảnh của mình và siêng năng tìm kiếm thứ quy tắc mà dựa vào đó, bản thể của mình hình thành nên, anh ta trở thành vị chủ nhân khôn ngoan, biết điều khiến nguồn năng lượng của bản thân một cách khôn ngoan và khiến những tư tưởng đơm hoa kết trái ngọt lành. Muốn trở thành vị chủ nhân tinh táo như vậy, con người chỉ có một

cách, đó là khám phá ngay bên trong bản thân những quy luật của tư tưởng. Hành trình khám phá này hoàn toàn gắn liền với việc ứng dụng, tự thân lý giải và tích lũy kinh nghiệm.

Càng tìm tòi và đào sâu bao nhiêu, càng có khả năng thu được nhiều bạc vàng châu báu bấy nhiêu. Con người có thể tìm thấy mọi sự thật kết nối chặt chẽ với bản thể của mình nếu anh ta chịu khám phá sâu tâm hồn mình. Rằng anh ta chính là kẻ tạo nên nhân cách, nhào nặn nên cuộc sống, người kiến thiết số mệnh của chính mình, và anh ta có thể chứng tỏ những điều ấy, không chút sai chệch, nếu chịu giám sát, kiểm soát và điều chỉnh suy nghĩ của mình, lần theo những tác động của chúng đối với bản thân, với những người khác, với cuộc sống và hoàn cảnh xung quanh, biết kết nối nhân-quả nhờ thực hành và khảo sát. Và việc vận dụng mọi kinh nghiệm, dù là từ những sự kiện nhỏ nhặt, thường ngày nhất – như một công cụ để nhận thức đầy đủ về bản thân anh ta, chính là thấu hiểu, trí tuệ và sức mạnh. Đây chính là phương hướng dẫn đến một quy luật tuyệt đối, rằng “Kẻ nào truy tầm sẽ tìm thấy; ai chịu gõ vào, cửa sẽ mở.” Bởi chỉ lòng sự kiên nhẫn, thực hành không mệt mỏi cùng thái độ khẩn nài không ngơi nghỉ, một người mới có thể bước vào ngưỡng cửa của ngôi đền tri thức.

II. Tác Động Của Tư Tưởng Lên Hoàn Cảnh

Trí não của con người có thể được liên tưởng đến một khu vườn – hoặc chăm bón chín chu, hoặc để mặc cho um tùm, bừa bãi; nhưng bất kể được vun vén hay bỏ hoang, thì khu vườn ấy vẫn cứ sinh sôi như thường. Nếu người ta không gieo trồng hạt giống hữu ích, thì hằng hà sa số những mầm cỏ dại sẽ bay đến, rồi tiếp tục sinh ra nòi nghiệt chủng.

Cũng như cách người làm vườn chăm chút mảnh đất của mình, giúp nó sạch bóng dáng cỏ dại, sinh sôi những hoa thơm, trái ngọt mà anh ta mong muốn – một con người cũng phải chăm chút tâm hồn mình như vậy: nhổ sạch những suy nghĩ sai lầm, vô dụng và ô trọc, chuyên tâm nuôi dưỡng, để thu về hoa trái từ những suy nghĩ đúng đắn, hữu dụng và thuần khiết. Kiên tâm đeo đuổi tiến trình này, sớm hay muộn, một người rồi cũng sẽ khám phá ra rằng anh ta chính là người-chủ-vườn của tâm hồn mình, là người điều hành cả cuộc đời anh ta. Anh ta cũng sẽ phát hiện ra, ngay trong bản thân mình, những tì vết của tư tưởng, và thấu hiểu hơn, với độ chính xác ngày càng tăng, cách thức những nguồn lực tư tưởng và các thành tố trí não đóng vai trò ra sao trong việc hình thành nên nhân cách, hoàn cảnh và số mệnh.

Tư tưởng và tính cách chỉ là một, và, cũng giống như việc tính cách chỉ có thể biểu lộ và khám phá bản thân thông qua môi trường và hoàn cảnh, thì, những điều kiện bên ngoài cuộc sống của một con người, hóa ra, lại liên đới đầy hài hòa với trạng thái nội tại của anh ta. Điều này không có nghĩa là, hoàn cảnh của một người, tại thời điểm bất kỳ nào đó, chính là dấu hiệu hình thành nên toàn bộ tính cách của người này, mà là, những hoàn cảnh ấy gắn bó

mật thiết với một thành tố tư tưởng căn bản nào đó bên trong anh ta, mà theo thời gian, nó gắn liền không thể tách rời khỏi sự phát triển của người đó.

Vị thế của mỗi người được quyết định bởi quy luật của chính bản thể anh ta; chính những tư tưởng anh ta xây đắp trong tính cách của mình đã đưa anh ta tới đó, và trong quá trình dàn xếp cuộc đời một người, không hề tồn tại yếu tố ngẫu nhiên, tất cả chỉ là kết quả của một quy luật không bao giờ sai chệch. Điều này chính xác, bất kể với kẻ luôn cảm thấy “lạc nhịp” với hết thầy xung quanh, hay với những kẻ tuyệt đối hài lòng với tất cả.

Là thực thể tiến bộ và tiến hóa, con người hiện diện ở nơi anh ta biết rằng mình sẽ trưởng thành; và khi anh ta học được một bài học tinh thần hàm chứa trong mỗi tình huống anh ta gặp phải, nó lại tan biến ngay và nhường chỗ cho những tình huống mới nảy sinh.

Con người bị vùi dập trong những hoàn cảnh liên tiếp lâu đến mức anh ta tin rằng mình là một sinh vật nằm ngoài hoàn cảnh, nhưng khi anh ta nhận ra mình chính là nguồn lực sáng tạo, và rằng anh ta có thể điều khiển được cả hạt giống lẫn đất trồng ẩn giấu bên trong bản thể của mình, mà chính từ đó, các tình huống nảy sinh; chính khi ấy, anh ta trở thành bậc thầy đích thực của bản thân.

Những hoàn cảnh ấy nảy sinh chính từ suy nghĩ mà bất kỳ con người nào cũng biết được, những người, dù thời gian ngắn dài ra sao, cũng biết thực hành sự tự chủ và tự thanh lọc bản thân, bởi anh ta sẽ để ý thấy một điều, rằng sự biến đổi trong các điều kiện hoàn cảnh diễn ra tỷ lệ thuận với sự biến đổi về tinh thần bên trong anh ta. Điều này là hoàn toàn chân thực, đến nỗi nếu một người nghiêm túc chuyên tâm cứu chữa những nhược điểm trong tính cách của mình, tạo nên những biến chuyển và tiến bộ đáng kể, thì anh ta sẽ nhanh chóng vượt qua được những thăng trầm cuộc sống.

Tâm hồn tự hút về mình tất cả những gì nó bí mật nuôi dưỡng, nó yêu thích và cả những gì nó sợ hãi; khi đạt tới đỉnh cao của những khát vọng được nâng niu, tâm hồn rơi xuống hố sâu của những đam mê hư hỏng, và nhờ hoàn cảnh bên ngoài, tâm hồn mới nhận thức được chính bản thân mình.

Tất cả những hạt mầm tư tưởng được gieo trồng, hoặc được cho phép rơi xuống mảnh đất tâm hồn, và đâm sâu cắm rễ ở đó, tự sinh sôi phát triển, và sớm muộn gì cũng nở bung thành hành động, và nảy ra những hoa trái cơ hội và hoàn cảnh. Những tư tưởng tốt lành sản sinh hoa thơm trái ngọt; tư tưởng hư hoại, hoa trái sẽ độc hại.

Thế giới hoàn cảnh ở bên ngoài cũng tự định hình bản thân phù hợp với thế giới tư tưởng nội tại, và tất cả những điều kiện, dù toại ý hay bất mãn bên ngoài đều là những nhân tố mang lại lợi ích tối thượng cho mỗi cá nhân. Là người thu hái chính mùa màng mình gieo trồng, con người hiểu được cả những khổ đau và khoái lạc.

Làm theo những ham muốn, khát khao và suy nghĩ tận đáy lòng, mà từ đó con người cho phép bản thân nằm dưới sự thống trị (theo đuổi bóng ma trôi của những tưởng tượng ô trọc hay bước đi vững vàng trên đại lộ của những nỗ lực mạnh mẽ và cao thượng), chung cục, con người sẽ đến được với những hoa trái đơm kết và sự tự thành, thể hiện bằng những điều kiện bên ngoài trong cuộc sống của anh ta. Những quy luật về tăng trưởng và điều chỉnh nơi đâu cũng đều được thể hiện.

Một con người không bước vào trại tế bần hay trại giam, nhà ngục do sự cưỡng chế của số mệnh hay hoàn cảnh bên ngoài, mà chính do con đường anh ta chọn – thứ được tạo nên bởi những tư tưởng khom lưng uốn gối và ham muốn hạ đẳng. Cũng như vậy, không có con người đầu óc trong sạch nào lại đột nhiên tác tội do cơn cùng quẫn hay một nguồn lực bên ngoài thuần

túy nào cả; mà đó là do tư tưởng phạm tội đã từ lâu ngấm ngấm ấp ủ trong lòng, và đến phút giây thích hợp, thứ đã tích tụ bấy lâu ấy mới bộc phát. Hoàn cảnh không tạo nên con người; nó chỉ hé lộ cho anh ta thấy bản chất của mình. Không có điều kiện nào tồn tại mà ở đó khi bị rơi vào cảnh đời bại cùng những thương tổn kèm theo mà con người lại xa rời khỏi xu hướng sa đọa, hay không có chuyện vươn tới được phẩm giá và hạnh phúc thuần khiết mà lại thiếu đi sự trau dồi liên tục những khao khát tiết hạnh; và như thế, con người, là chúa tể và bậc thầy của tư tưởng, chính là người kiến tạo bản thân và người xác lập, tác giả của môi trường quanh anh ta. Ngay từ khoảnh khắc chào đời, tâm hồn đã xuất hiện với những gì vốn có, thông qua mỗi bước đi trong chuyến lữ hành trên trần thế của mình, nó lại thu hút những phương cách kết hợp điều kiện khác nhau và nhờ đó, hé lộ chính bản thân mình, đó chính là hình ảnh phản chiếu của những nét thuần khiết và ô trọc, cả sức mạnh và nhược điểm của chính nó.

Con người không hút về mình những gì anh ta mong muốn, mà chỉ những gì thuộc về chính bản chất của mình. Những ý chợt nảy ra, những ham muốn nhất thời và những khát khao dục vọng đều bị ngáng trở ở mỗi bước đi, nhưng những suy nghĩ và ham muốn thăm sâu cực cùng được dung dưỡng bởi những nguyên liệu riêng, từ đó mà trở nên ô uế hay thanh tịnh. Con người bị xiềng xích chỉ bởi chính bản thân anh ta; suy nghĩ và hành động chính là những kẻ canh giữ Số mệnh – chúng cầm tù, con người ta trở nên hèn hạ; và chính chúng cũng lại là những bậc thiên sứ của Tự do – chúng khoáng hoạt, con người trở thành cao thượng. Không phải cứ ước ao, nguyện cầu điều gì thì con người sẽ có được ngay những thứ ấy, mà đó chẳng qua là những gì anh ta giành được một cách chính đáng. Ước ao nguyện cầu chỉ được thỏa mãn và hồi đáp khi chúng hòa hợp hoàn toàn với suy nghĩ và hành động của anh ta.

Vậy thì, dưới luồng sáng rọi của chân lý, ý nghĩa thực sự của việc “đấu tranh chống lại hoàn cảnh” là gì đây? Nó có nghĩa là con người không ngừng tranh đấu chống lại một tác động nào đó, trong khi đó, anh ta lại luôn luôn ấp ủ và gìn giữ thứ nguyên nhân căn cội trong lòng mình. Nguyên nhân căn cội ấy có thể ẩn dưới dạng hình của một thói tật hữu ý hay chỉ là một khuyết thiếu vô tình; nhưng bất kể ra sao, nó vẫn cứ ngoan cố kéo chậm những nỗ lực của chủ nhân mình, và từ đó, lớn tiếng kêu tìm phương cứu chữa.

Con người luôn nôn nóng cải thiện những cảnh huống của mình, nhưng lại chẳng cam tâm tình nguyện cải tạo chính bản thân; chính vì thế, họ cứ mãi dùng dằng một chỗ. Con người không chùn chân bó gối trước cảnh tự-đóng-đình-chính-mình sẽ không bao giờ thất bại khi nỗ lực hoàn thành những mục tiêu mà lòng anh ta đã định. Điều này là thập phần chân xác, dù với những điều trần tục hay những thứ thần tiên. Kể cả với con người mà mục tiêu duy nhất là có được sức khỏe cũng phải chuẩn bị sẵn sàng chấp nhận những hy sinh cá nhân trước khi có thể hoàn thành mục tiêu này; thế thì, còn phải trả giá bao nhiêu hơn thế, nếu anh ta muốn có được một cuộc sống mạnh mẽ và đàng hoàng tự chủ?

Sẽ là chiều theo thói kiêu căng tự phụ khi tin rằng ai đó sẽ chị phải chịu tổn thương bởi chính đức hạnh của mình, nhưng phải đến khi nào một con người chịu nhổ tận gốc mọi tư tưởng bệnh hoạn, cay nghiệt và ô trọc khỏi tâm hồn, anh ta mới có thể đặt mình vào vị thế thấu tỏ và tuyên bố rằng những tổn thương của anh ta là kết quả của những phẩm chất cao đẹp chứ không phải xấu xa. Và trên con đường đó, phải mất rất nhiều thời gian trước khi anh ta có thể đạt tới tầm hoàn mỹ siêu phàm ấy, anh ta sẽ nhận ra, rằng trong tâm trí và cuộc đời mình, một quy luật vĩ đại, một quy luật muôn phần công chính, đang vận hành và bởi thế, nó sẽ không đổi phải thành trái, đổi trái thành ngay. Năm bắt được tri thức này, anh ta rồi sẽ biết, khi nhìn lại những xuân ngốc

cùng đui mù quá vãng, rằng cuộc đời anh ta là một trật tự chính đáng hoàn toàn, luôn luôn và mãi là như thế, và rằng mọi kinh nghiệm đã qua, dù tốt xấu ra sao, cũng chỉ là biểu hiện công bằng, của bản thể đang trong kỳ tiến hóa, nhưng vẫn chưa tiến hóa triệt để.

Những tư tưởng và hành động tốt lành không bao giờ sản sinh ra những kết quả xấu xa; những tư tưởng và hành động xấu xa không đời nào cho ra những kết quả đẹp đẽ. Như thế này chẳng khác nào nói rằng “Trứng rồng thì nở ra rồng, liu điu lại nở ra dòng liu điu”. Con người thấu hiểu quy luật này trong thế giới tự nhiên, và chung sống hài hòa với nó; nhưng chẳng mấy người hiểu được nó trong thế giới tinh thần và đạo đức (mặc dù sự vận hành của nó ở nơi đó, cũng giản đơn và chẳng sai chệch bao giờ), và bởi thế nên họ chẳng chịu bắt tay hợp tác cùng nó.

Tổn thương luôn là kết quả của tư duy sai chệch theo một hướng nào đó. Nó là dấu hiệu chỉ báo rằng một cá thể đang đánh mất sự hài hòa với chính mình, với quy luật tồn tại của bản thể mình. Tác dụng duy nhất và tối thượng của thương tổn chính là gột sạch, xóa tan tất cả những gì vô dụng và ô trọc. Tổn thương ngời ngốt với những kẻ đã thanh sạch. Không có vật thể lạ nào trong vàng ròng sau khi mọi cặn xỉ đã được loại bỏ, cũng như thế, một bản thể đã thanh sạch và được khai sáng không phải chịu bất kỳ thương tổn nào.

Những hoàn cảnh mà trong đó một cá thể phải chạm trán với thương tổn thì đó chính là kết quả của tình trạng bất hài hòa nội tại. Những tình thế trong đó một cá thể gặp được phước lành, thì đó là do sự hài hòa trong nội tâm anh ta. Phước lành, không phải là sự sở hữu vật chất, chính là thước đo của tư tưởng đúng đắn; và cùng khổ, không có nghĩa là tình trạng thiếu thốn của cái vật chất, chính là thước đo của tư tưởng sai lầm. Một kẻ nào đó có thể đáng nguyên rủa nhưng lại vẫn tha hồ giàu có; một người nào đó có thể có hồng

phước nhưng lại nghèo khổ. Phước lành và giàu có chỉ hòa vào với nhau khi sự giàu có ấy được sử dụng một cách chính đáng và khôn ngoan. Và một người nghèo khổ chỉ sa vào cùng quẫn khi anh ta coi số mệnh của mình như một gánh nặng buộc phải chịu đựng đầy bất công.

Bần cùng và phóng túng chỉ là hai thái cực của khốn khổ. Chúng bất tự nhiên như nhau và đều là kết quả của chứng rối loạn tâm thần. Một người vẫn chưa thể được coi là dung hòa đúng đắn, cho đến khi anh ta là một bản thể hạnh phúc, mạnh khỏe và giàu có; và sự hạnh phúc, mạnh khỏe và giàu có ấy chính là kết quả của quá trình dàn xếp hài hòa giữa nội tâm và ngoại diện của con người đó với điều kiện xung quanh.

Một người chỉ thực sự khởi thủy trở thành một con người khi anh ta bớt chửi rủa và sỉ vả mà bắt đầu kiếm tìm mỗi cân bằng ẩn giấu đang đóng vai trò điều tiết cuộc sống của anh ta. Và anh ta sắp xếp tâm trí sao cho tương hợp với nhân tố điều tiết ấy, anh ta ngừng kết tội kẻ khác là nhân tố gây ra hoàn cảnh của mình, và xây đắp bản thân trong những tư tưởng mạnh mẽ và cao thượng; ngừng kháng cự lại các tình cảnh, thay vào đó là sử dụng chúng như những công cụ trợ giúp cho quá trình tiến bộ nhanh chóng hơn và như một phương tiện để khám phá những nguồn sức mạnh và khả năng còn ẩn giấu bên trong.

Quy luật, không nhập nhằng hỗn độn, chính là nguyên tắc thống lĩnh vạn vật; sự công bằng, không thiên lệch, chính là tâm hồn và bản chất của sự sống. Sự ngay thẳng, không thiên lệch, chính là nguồn lực hình thành và vận động trong sự thống lĩnh thế giới về mặt tinh thần. Điều này có nghĩa là, con người phải uốn nắn bản thân để nhận thức được rằng trật tự vũ trụ vốn đã thập phần chuẩn xác. Và trong quá trình chinh đốn bản thân cho đúng đắn, anh ta sẽ nhận thức được rằng khi anh ta điều chỉnh những tư tưởng của mình hướng về mọi sự vật và con người xung quanh, thế giới xung quanh sẽ điều chỉnh

hướng về phía anh ta.

Minh chứng cho chân lý này nằm ngay trong mỗi con người, và từ đó, nó thừa nhận việc điều tra thông qua sự tự xem xét nội tâm và đánh giá tự thân một cách có hệ thống. Hãy để một người điều chỉnh triết để những tư tưởng của mình, và anh ta sẽ phải ngỡ ngàng trước sự biến đổi nhanh chóng mà nó tác động lên điều kiện vật chất trong đời sống của anh ta. Con người vẫn tưởng rằng có thể giấu kín được suy nghĩ, nhưng không có cách nào để làm được điều đó. Nó nhanh chóng kết tinh thành thói quen, và thói quen được củng cố thành hoàn cảnh. Những suy nghĩ cục súc, dâm ô kết tinh thành thói quen bê bối rượu chè và nhục dục đồi bại, rồi kết thành hoàn cảnh túng quẫn khốn cùng và tật bệnh như nhuốc. Những suy nghĩ ô trọc đủ loại kết tinh thành những thói quen bừa bãi và làm yếu nhược, sẽ kết thành những hoàn cảnh kém linh động và gây bất lợi. Những tư tưởng sợ sệt, nghi ngờ và thiếu quả quyết kết tinh thành những thói quen bạc nhược, yếu hèn và thiếu quyết đoán, sẽ củng cố thành những hoàn cảnh thất bại, khốn cùng hoặc lệ thuộc mù quáng. Những tư tưởng biếng lười kết tinh thành những thói quen nhuốc nhơ và dối trá, sẽ kết cố thành những tình cảnh dơ bẩn hôi hám và xin ăn hèn hạ. Những tư tưởng hận thù và buộc tội kết tinh thành những thói quen kết tội và bạo lực, sẽ củng cố thành những tình cảnh tổn thương và bức hại. Những tư tưởng vị kỷ, dù ở dạng nào, cũng kết tinh thành thói quen tự tư tự lợi, sẽ củng cố thành những tình cảnh gieo neo khốn khổ.

Ngược lại, những tư tưởng đẹp đẽ dù dưới dạng hình nào cũng kết tinh thành những nét tính cách bật thiệp và nhân đức, sẽ củng cố thành những hoàn cảnh thân ái và chan hòa ấm áp. Những tư tưởng thuần khiết sẽ kết tinh thành thói quen chừa mực và kiềm chế, sẽ củng cố thành những cảnh huống ung dung đĩnh đạc và bình yên tĩnh tại. Những tư tưởng dũng cảm, tự lực và quả quyết kết tinh thành những nét tính cách kiên cường, sẽ củng cố thành những cảnh

huống thành công, dư dả và tự do. Những tư tưởng tràn trề nghị lực kết tinh thành những thói quen thanh sạch và cần cù, sẽ củng cố thành những cảnh huống hài lòng dễ chịu. Những tư tưởng ôn nhu và khoan thứ kết tinh thành những thói quen dịu dàng, củng cố thành những cảnh huống bao dung và gìn giữ. Những tư tưởng từ ái và vị tha sẽ củng cố thành những cảnh huống của sự phát đạt bền vững và thịnh vượng thực sự.

Một chuỗi tư tưởng đặc biệt nhất quán không đổi, dù là tốt hay xấu ra sao, đều chắc chắn sẽ sản sinh ra những kết quả, thể hiện trên tính cách và hoàn cảnh. Một người nào đó không thể trực tiếp lựa chọn những cảnh huống của mình, tuy thế, anh ta có thể lựa chọn suy nghĩ, và từ đó, sẽ gián tiếp, nhưng hoàn toàn chắc chắn, định hình nên những cảnh huống của mình. Vạn vật tự nhiên giúp mỗi con người được nương theo những tư tưởng mà anh ta khuyến khích nhất, và những cơ may bày ra trước mắt sẽ nhanh chóng làm hiện lên bề mặt tất cả những tư tưởng, cả tốt lành và xấu xa.

Hãy để một con người ngợi bới những tư tưởng tội lỗi, và cả thế gian sẽ dịu lòng hơn với anh ta, và sẵn sàng chìa ra trợ giúp anh ta. Hãy để anh ta từ bỏ hết những tư tưởng yếu đuối và bệnh hoạn, và hết thấy những cơ may sẽ bùng ra trên mọi bàn tay để củng cố thêm những quyết tâm mạnh mẽ của anh ta. Hãy để anh ta khích lệ những tư tưởng tốt đẹp, và không có số mệnh nghiệt ngã nào có thể quật anh ta xuống với cùng khổ và hổ thẹn. Thế giới chính là chiếc kính vạn hoa, và hằng hà sa số những kết hợp sắc màu nó trưng ra trước mắt bạn, mỗi giây mỗi phút không ngừng nghỉ, chính là những hình ảnh điều chỉnh sắc nét phản ánh những tư tưởng biến động không ngừng bên trong bạn.

III. Tác Động Của Tư Tưởng Lên Sức Khỏe và Thân Thể

Thân thể chính là bầy tôi trung thành của trí não. Nó tuân theo mọi hoạt động của trí não, bất kể nó được chủ động lựa chọn hay thể hiện tự nhiên. Nghe theo mệnh lệnh của những tư tưởng bất chính, thân thể nhanh chóng ngập chìm trong tật bệnh và suy tàn; tuân theo sự dẫn dắt của những tư tưởng vui tươi và tốt lành, nó sẽ được song hành khăng khít cùng tuổi thanh xuân và vẻ đẹp thực sự.

Tật bệnh và sức khỏe, cũng giống như tình cảnh, bắt rễ chính từ tư tưởng. Những tư tưởng quặt quẹo sẽ thể hiện bản thân thông qua một thân thể quặt quẹo. Những suy nghĩ sợ sệt đã được chứng minh có khả năng giết chết con người nhanh như đạn xẹt và nó vẫn đang tiếp tục giết chết hàng nghìn người khác, một cách chắc chắn, dù chậm chạp hơn. Những người sống trong nỗi sợ hãi bệnh tật lại chính là những kẻ tự chuốc bệnh vào thân. Âu lo nhanh chóng phá hoại toàn bộ cơ thể, và mở ngõ nó ra cho bệnh tật tràn vào; trong khi những suy nghĩ ô trọc, dù không ấp ủ trong da thịt bình thường, nhưng sớm muộn gì cũng tàn hại hệ thần kinh.

Những tư tưởng mạnh mẽ, thuần khiết và hạnh phúc giúp cơ thể thêm cường tráng và uyển chuyển. Cơ thể là một khí cụ bằng chất dẻo đầy tinh vi, phản ứng thường trực trước những suy nghĩ khiến nó bị ấn tượng, và những thói quen suy nghĩ sẽ sản sinh ra những ảnh hưởng riêng, tốt hoặc xấu, là tùy vào suy nghĩ ấy.

Con người sẽ vẫn tiếp tục chứa trong mình dòng máu huyết vẫn đục và vấy

độc, chừng nào họ còn tự sinh ra những suy nghĩ kém thanh sạch. Bắt nguồn từ một trái tim thanh sạch, một cuộc đời thanh sạch sẽ nở hoa. Từ một tâm trí như bản, sẽ chỉ sản sinh ra một cuộc sống như bản và một thân thể héo tàn. Tư tưởng chính là nước nguồn cho hành động, cuộc sống và những hiển hiện bên ngoài; hãy làm sạch nước nguồn và tất cả cây cũng sẽ trong sạch theo.

Thay đổi chế độ ăn uống cũng không thể giúp gì được cho một người không chịu thay đổi suy nghĩ của mình. Khi một người chịu thanh lọc tư tưởng, anh ta sẽ không còn ham hố những thứ ô trọc nữa.

Những tư tưởng thanh sạch tạo ra những thói quen thanh sạch. Một kẻ tự xưng thánh thần mà không chịu tẩy rửa thân thể thì không phải thần thánh. Một người chịu củng cố và gột sạch những tư tưởng của mình không cần phải bận lòng những thứ tà tâm ác ý.

Nếu bạn muốn hoàn thiện thân thể, hãy biết canh giữ cho tâm hồn mình. Nếu bạn muốn đổi mới cho thân thể, hãy tô điểm cho tâm hồn mình. Những tư tưởng ác hiểm, đố kỵ, thất vọng và nản lòng sẽ đánh cắp cả sự lành mạnh và duyên dáng của cơ thể. Một gương mặt cay nghiệt không xuất hiện tình cờ; nó được tạo thành từ những suy nghĩ. Những nếp nhăn hằn dấu được vẽ lên bởi những hành động điên rồ, bởi dục vọng và những sự cao ngạo.

Tôi từng biết một quý bà chín mươi sáu tuổi sở hữu gương mặt tươi sáng và ngây thơ của một cô gái. Tôi từng biết một người đàn ông chưa tới trung niên mà gương mặt đã hằn lên những nét vẽ bất hòa hợp. Một người là hiện thân cho kết quả của tâm tính dịu dàng và vui tươi; còn người kia lại là kết quả của dục vọng và bất mãn.

Cũng như việc bạn không thể nào có được một cuộc lưu trú ngọt ngào và trọn vẹn trừ phi bạn mở ngõ cho bầu không khí và ánh mặt trời ùa vào ngập tràn

khắp căn phòng của mình, một cơ thể khỏe khoắn cùng sắc mặt tươi tắn, hạnh phúc hay trong sáng chỉ có thể là kết quả của sự dẫn nạp phóng khoáng vào tâm trí những tư tưởng vui vẻ, thiện chí và thanh sạch.

Trên những gương mặt hằn dấu tuổi tác, có những nếp nhăn tạo thành từ lòng cảm thông, xuất phát từ những tư tưởng mạnh mẽ và thuần khiết, với người khác, còn ở những kẻ khác, lại chỉ tạc nên từ đục vọng tầm thường; ai lại không thể phân biệt được chúng chứ? Với những người sống một đời chính trực, tuổi già đến gần cũng bình lặng, thanh thản và ngọt dịu êm ả như mặt trời dần tạ xuống phía trời tây. Gần đây, tôi có chứng kiến một nhà hiền triết vào giờ khắc lâm chung. Ông chẳng hề già đi, nếu không tính đến tuổi tác. Ông già từ cõi tục, êm ái và nhẹ nhàng dường đó, hết như cách ông đã sống trong suốt cuộc đời.

Không có phương kế chữa trị nào sánh cho bằng tư tưởng tươi vui trong việc xua tan tật bệnh; cũng không có người ủi an nào sánh cho bằng thiện ý trong việc xóa tan bóng tối của u sầu và phiền muộn. Cứ sống mỗi mòn trong những tư tưởng tà tâm, cay độc, hoài nghi và đố kỵ chính là tự giam mình dưới tầng sâu lao khổ tự đày. Nhưng nếu suy nghĩ tốt về tất cả, vui tươi với tất cả, và kiên trì để nhận ra những gì tốt đẹp ở vạn vật xung quanh – những tư tưởng bất vị kỷ như thế chính là những cánh cổng mở lối thiên đàng; và đắm chìm ngày này qua ngày khác, trong những tư tưởng ôn hòa hướng tới vạn vật, sẽ mang lại niềm thanh thản dồi dào cho chủ nhân.

IV. Tư Tưởng và Mục Đích

Con người sẽ không bao giờ có được sự thông minh hoàn thiện, cho tới chừng nào tư tưởng được kết nối chặt chẽ với mục đích. Với đa số con người, con thuyền tư tưởng được cho phép “nổi trôi” mặc sức giữa đại dương cuộc đời. Vô phương vô hướng chính là một thói đời bại vậy thay, và tình trạng nổi trôi vô định như vậy không thể tiếp diễn với những ai muốn dẹp tan hết thảy những thảm họa cùng tàn phá.

Những kẻ không có được một mục đích trọng tâm trong cuộc đời sẽ dễ dàng trở thành con mồi của nỗi âu lo, sợ hãi, phiền muộn và tiếc nuối vặt vãnh, tất cả đều chỉ là dấu hiệu của yếu nhược, một thứ, chắc chắn sẽ dẫn tới thất bại, bất hạnh và mất mát, hết như những tội lỗi được rấp ranh chủ ý (dù xét ra, là những con đường khác nhau). Bởi yếu nhược không thể nào tồn tại giữa vạn vật sinh sôi dồi dào không ngưng nghỉ.

Một con người phải nhận thức được mục đích chính đáng trong nội tâm mình, và bắt tay thực thi nó. Anh ta phải biến mục đích này thành trọng tâm của tư tưởng. Nó có thể thể hiện dưới dạng hình của một lý tưởng tâm linh, hay một mục tiêu ưu thời mãn thế, tùy vào bản chất tự nhiên của anh ta giữa thời đại mình. Bất kể nó là cái gì, anh ta cũng phải tập trung ổn định những nguồn lực tư tưởng hướng vào mục tiêu anh ta đã định ra cho bản thân. Anh ta phải biến mục đích này thành nhiệm vụ tối thượng và phải cống hiến trọn vẹn bản thân cho việc thực hiện nó, không cho phép những tư tưởng của mình được bông băng sa đà vào những ý thích nhất thời, những khát thèm và huyễn tưởng sớm nở tối tàn. Đây chính là con đường huy hoàng bậc nhất dẫn tới sự tự kiểm chế và tập trung tư tưởng thực sự. Cho dù anh ta vấp ngã hết lần này tới lần khác trên chặng đường hoàn thành mục tiêu – như anh ta phải thế cho đến khi sự

yếu nhược được chinh phục – sức mạnh của nhân cách con người trui rèn dần trong quá trình ấy chính là thước đo cho thành công đích thực của anh ta, và chính điều này lại hình thành nên một xuất phát điểm mới cho quyền năng và vinh quang trong tương lai.

Những con người vẫn chưa được chuẩn bị để lĩnh hội một mục đích lớn lao, sẽ phải chinh đốn tư tưởng của mình, hướng về việc thực hiện hoàn hảo chức phận của mình, bất kể những chức phận ấy có nhỏ nhất tầm thường đến đâu. Chỉ có bằng cách này, những tư tưởng tản mát mới có thể được tụ lại và tập trung, quyết tâm và năng lượng sẽ được phát triển. Khi điều này đã được thực hiện, thì không có gì là không thể hoàn thành. Một tâm hồn bạc nhược nhất, tự nhận thức được sự bạc nhược của mình, và tin tưởng ở chân lý này – rằng sức mạnh chỉ có thể được phát triển từ sự nỗ lực và thực hành – thì từ đó, từ việc tin tưởng này, nó sẽ tự kiểm soát được bản thân. Và, nỗ lực hợp kết hợp với nỗ lực, kiên nhẫn bổ sung thêm kiên nhẫn, sức mạnh góp vào với sức mạnh, sẽ không bao giờ ngưng phát triển, rồi cuối cùng, sẽ trở nên khỏe khoắn hết mực. Cũng như một con người yếu đuối về thể chất có thể nâng cao sức khỏe của bản thân nhờ luyện tập cẩn thận và kiên trì, một con người yếu đuối về tư tưởng có thể gây dựng trí tuệ mạnh mẽ bằng việc rèn luyện mình trong tư duy đúng đắn.

Rũ bỏ sự yếu nhược cùng tình trạng “vô phương hướng” và bắt đầu tư duy có mục đích chính là bước vào hàng ngũ những con người mạnh mẽ, những kẻ nhận thức về thất bại như một trong những con đường dẫn tới tự thành. Những người biến điều kiện xung quanh trở thành công cụ phục vụ mình, những người tư duy mạnh mẽ, sẽ tiến bước không e dè sợ sệt và hoàn thành mọi mục đích một cách xuất sắc tuyệt vời.

Đã nhận biết được mục đích của mình, một con người phải vạch ra ngay

trong trí óc con đường dẫn thẳng tới thành công, không nhìn ngang ngó dọc. Hoài nghi và sợ hãi phải được loại bỏ quyết liệt. Chúng là những nhân tố gây phân rã và sẽ chỉ bẻ gãy mạch nỗ lực thẳng băng, biến nó thành quanh co khúc khuỷu, thiếu hiệu quả và hoàn toàn vô tích sự. Những tư tưởng hoài nghi và sợ hãi không bao giờ có thể thực hiện được điều gì. Chúng chỉ luôn dẫn tới thất bại. Mục đích, năng lượng, sức mạnh tiến hành và tất cả những tư tưởng khỏe khoắn sẽ ngưng trệ, một khi hoài nghi và khiếp sợ tràn vào.

Ý chí thực thi bung ra từ nhận thức, rằng chúng ta có thể làm được. Hoài nghi và sợ hãi chính là những kẻ thù ghê gớm của nhận thức, và kẻ nào khuyến khích chúng, chính là kẻ không chịu thuận phục chúng – sẽ tự cản trở bản thân trên mỗi bước đường.

Kẻ nào chinh phục nỗi hoài nghi, sợ hãi, sẽ khuất phục được thất bại. Mọi tư tưởng của anh ta kết đồng minh với sức mạnh, mọi khó khăn được đối đầu dũng cảm và vượt qua. Những mục đích của anh ta được gieo trồng thuận thời hợp vụ, chúng đua nở và đơm ra những trái ngọt, và sẽ không rơi rụng phí hoài xuống đất khi vẫn còn non nớt.

Tư tưởng kết đồng minh quả cảm với mục đích sẽ trở thành nguồn lực sáng tạo. Kẻ nào nhận thức được điều này đã sẵn sàng để trở thành một thứ gì đó, cao cả hơn và mạnh mẽ hơn là một nắm những suy tư dao động và cảm xúc thất thường. Kẻ nào làm được điều này nghĩa là đã trở thành người khai triển có chủ đích và rất khôn ngoan những nguồn lực nội tâm của chính mình.

V. Khía Cạnh Tư Tưởng Trong Thành Công

Tất cả những gì một con người đạt được và cả những gì anh ta không thể đạt được đều là kết quả trực tiếp sinh ra từ tư tưởng của chính anh ta. Trong một vũ trụ có trật tự chính đáng, nơi sự mất cân bằng đồng nghĩa với hủy diệt hoàn toàn, thì trách nhiệm của mỗi cá nhân phải là tuyệt đối. Điểm yếu và thế mạnh, sự thanh cao và ô trọc của mỗi con người chỉ thuộc về một mình anh ta chứ không phải của bất kỳ ai khác. Chúng được sản sinh ra từ chính bản thân anh ta chứ không phải của người nào khác. Hoàn cảnh của anh ta cũng là của riêng mình anh ta, chứ không phải của ai. Tư duy ra sao, anh ta sẽ là như vậy; và bởi tư duy không ngưng nghỉ, anh ta sẽ tiếp tục tồn tại.

Một người mạnh mẽ không thể nào giúp đỡ một kẻ bạc nhược, trừ phi kẻ bạc nhược đó tự nguyện để người ta nâng đỡ mình lên. Nhưng sau đó, chính kẻ bạc nhược kia buộc phải tự mình trở nên mạnh mẽ. Bằng những nỗ lực của chính mình, kẻ bạc nhược buộc phải tự phát triển thứ sức mạnh mà anh ta ngưỡng vọng ở kẻ khác. Không ai ngoài bản thân anh ta có thể biến đổi hoàn cảnh của chính mình.

Đã là chuyện quá ư bình thường khi người ta nghĩ và nói rằng, “Rất nhiều người phải chịu phận nô lệ bởi có người sắm vai kẻ áp bức; chúng ta phải căm ghét kẻ áp bức!” Nhưng có một thiểu số ngày càng gia tăng, lại có khuynh hướng đảo ngược lời phán xét này và nói rằng, “Có một kẻ sắm vai áp bức là bởi đa số gánh phận nô lệ; chúng ta phải khinh bỉ đám nô lệ.”

Sự thật là cả kẻ áp bức lẫn kẻ nô lệ đều chỉ là những kẻ hợp tác với nhau mà

không hề hay biết, và, trong khi có vẻ như cả hai hành hạ lẫn nhau, thì thực chất, hai đối tượng này đang hành hạ chính mình. Một nhận thức tuyệt đối nắm được sự thể hiện của quy luật vạn vật ở đây, chính là sự yếu nhược của kẻ bị áp bức và quyền lực bị sử dụng sai trái trong tay kẻ áp bức. Lòng từ ái tuyệt đối, nhìn nhận nỗi đau mà cả hai đối tượng này phải gánh chịu, sẽ không phán xét cả hai; lòng trắc ẩn tuyệt đối nâng đỡ cả kẻ áp bức và kẻ bị áp bức. Người nào chinh phục được sự yếu nhược và rũ bỏ những tư tưởng vị kỷ sẽ không đứng vào hàng bóc lột hay bị bóc lột. Anh ta hoàn toàn tự do.

Một con người chỉ có thể vươn lên, chinh phục và có được thành tựu bằng cách nâng tầm tư tưởng của mình. Anh ta chỉ có thể duy trì tình trạng yếu đuối, thấp hèn và khốn khổ thông qua con đường cự tuyệt việc nâng tầm tư tưởng của mình.

Trước khi một người có thể đạt được thành tựu nào đó, kể cả với những điều cực kỳ hợp thời hợp thế, anh ta buộc phải nâng tầm suy nghĩ của mình lên trên những ham muốn nhục dục mù quáng. Để thành công, có thể anh ta không nhất thiết phải từ bỏ hết thủy thú tính và sự vị kỷ, nhưng chí ít, một phần trong đó buộc phải “hy sinh”. Một con người mà tư tưởng trước nhất là ham muốn đê hèn thì không thể suy nghĩ rõ ràng hay trù tính mạch lạc được. Anh ta không thể tìm ra và phát triển những nguồn lực ẩn giấu bên trong mình, và sẽ thất bại trong bất cứ công việc nào. Chừng nào còn chưa cương quyết kiểm soát tư tưởng của bản thân, chừng đó anh ta còn chưa thể đứng vào vị thế kiểm soát mọi sự việc và lãnh phần trách nhiệm nghiêm túc. Anh ta không đủ tiêu chuẩn để hành động độc lập cũng như tự đứng vững trên đôi chân của mình. Và anh ta bị hạn chế bởi chính những suy nghĩ mà anh ta lựa chọn.

Không thể có bất cứ tiến bộ hay thành công nào nếu ở đó thiếu vắng sự hy

sinh, và thành công đáng giá của một con người sẽ được đánh giá bằng chính thước đo rằng anh ta biết hy sinh những tư tưởng súc sinh và tu chính trí óc hướng vào phát triển những kế hoạch đã đề ra, và sự củng cố của quyết tâm cũng như khả năng độc lập của bản thân. Càng nâng tầm tư tưởng của mình lên cao, thành công của anh ta càng lớn, và những thành tựu ấy sẽ mang nhiều phước lành và hứa hẹn trường cửu.

Vạn vật không ưu ái cho những thứ tham tàn, dối trá hay xấu xa... mặc dù nhìn trên bề mặt đơn thuần, thảng hoặc cũng có lúc như vậy. Vạn vật trợ sức cho những gì chân thực, cao thượng và đôn chính. Các bậc đại sư khắp mọi thời đều tuyên bố điều này bằng những cách thức khác nhau, để minh chứng điều đó và nhận thức điều đó, con người không có cách nào khác, ngoài kiên trì trở nên đức hạnh mỗi ngày bằng cách nâng cao tư tưởng của bản thân.

Những thành tựu học hành là kết quả của tư tưởng hiến dâng cho công cuộc kiếm tìm tri thức hay những gì đẹp đẽ và chân thực trong tự nhiên. Những thành tựu như vậy đôi khi cũng liên đới ít nhiều với phù hoa và tham vọng, nhưng chúng không phải là kết quả sinh ra từ những nét tính cách ấy. Chúng là kết quả tự nhiên của nỗ lực dài lâu và gian khổ, sinh ra từ những tư tưởng thuần khiết và vị tha.

Những thành tựu tâm linh lại là tuyệt đích của những nguyện vọng thánh thần. Con người luôn sống trong nhận thức của những tư tưởng cao thượng và kiêu hãnh, luôn đắm chìm trong những gì thuần khiết và vị tha, thì chắc chắn, như vàng dương vươn tới ngọn cao, như vàng trắng thập phần viên mãn, anh ta sẽ trở nên thông thái, cao thượng và sẽ vươn tới vị thế gây ảnh hưởng và có phước lành.

Thành tựu dưới bất cứ hình thức nào cũng là vương miện của nỗ lực, là vòng nguyệt quế của tư tưởng. Nhờ sự giúp sức của sự tự kiểm chế, của quyết tâm,

sự thanh sạch, thẳng thắn và tư tưởng định hướng đúng đắn, một người sẽ cứ thế tấn tới. Nhưng có sự trợ lực của thú tính, biếng lười, ô trọc, gian dối và tư duy hỗn độn, một người cứ thế sa sút.

Một người có thể vươn tới thành công tuyệt đỉnh, thậm chí là những vị thế cao quý trong địa hạt tâm linh, nhưng rồi vẫn sa vào vòng yếu nhược và khốn cùng, là bởi anh ta đã cho phép những tư tưởng ngạo mạn, vị kỷ và gian dối dẫn dắt chính mình.

Những thắng lợi giành được nhờ tư duy đúng đắn chỉ có thể được duy trì nhờ thái độ cảnh giác. Rất nhiều người buông lơ chính mình khi thành công đã được đảm bảo, và nhanh chóng rơi vào vòng thất bại.

Tất cả mọi thành tựu, dù là trong doanh thương, học tập hay thế giới tâm linh, cũng đều là kết quả của tư tưởng định hướng rõ ràng, đều được chi phối bởi cùng một quy luật, và thông qua cùng một phương cách. Khác biệt có chăng chỉ là ở mục tiêu hướng tới mà thôi.

Kẻ cần chút ít thành tựu sẽ chỉ hy sinh chút ít; kẻ muốn nhiều sẽ phải hy sinh nhiều. Còn ai muốn thành tựu tuyệt đỉnh sẽ phải chấp nhận hy sinh rất nhiều.

VI. Tâm Nhìn và Lý Tưởng

Những người biết mơ ước chính là người cứu rỗi thế gian. Vì thế giới hữu hình được duy trì chính bởi những nhân tố vô hình, vậy nên con người, trải qua những thử nghiệm, những lỗi lầm và cả những thiên hướng hèn hạ, được nuôi dưỡng chính nhờ tâm nhìn đẹp đẽ của những kẻ biết mơ ước cô độc. Nhân loại không thể lãng quên những người biết mơ ước; nhân loại không thể cho phép lý tưởng của những con người ấy phai mờ và tàn lụi; nhân loại sống trong những con người như thế; nhân loại coi những kẻ đó là thực tiễn cuộc sống mà một ngày nào đó nó sẽ nhìn thấy và biết được.

Các nhà sáng tác, điêu khắc gia, họa sĩ, thi nhân, nhà tiên tri và hiền triết – họ chính là những người kiến tạo nên thế giới tương lai, là những kiến trúc sư của thiên đường. Thế giới đẹp đẽ vì những người này sống ở trên đời. Thiếu vắng họ, nhân loại tiến bộ sẽ hoàn toàn không tồn tại.

Người ấp ủ một tâm nhìn đẹp đẽ, một lý tưởng cao quý, một ngày nào đó sẽ thực hiện được nó. Columbus ấp ủ viễn cảnh về một thế giới mới mẻ và ông đã khám phá ra nó. Copernicus nuôi nấng viễn cảnh về vô số thế giới mới và một vũ trụ rộng lớn hơn, và ông đã hé mở được nó. Đức Phật nâng niu viễn cảnh về một thế giới tâm linh của vẻ đẹp vô hà và tĩnh tại tuyệt đối, và ngài đã đặt chân được vào chốn ấy.

Hãy ấp ủ tâm nhìn của riêng bạn; ấp ủ những lý tưởng của riêng mình. Hãy nâng niu nhạc khúc đang lay động trong tim, vẻ đẹp thành hình trong tâm trí, vẻ đáng yêu trang hoàng cho những tư tưởng thuần khiết nhất của bạn. Bởi từ đó, những thứ tuyệt vời ấy sẽ sản sinh ra mọi điều kiện tuyệt vời, mọi sinh cảnh tuyệt trần; nếu bạn luôn duy trì nó, thì thế giới của bạn sẽ được tạo

dựng.

Khao khát chính là đạt tới; mong muốn sẽ có thành tựu. Liệu có chuyện những dục vọng đê hèn nhất của một con người lại nhận được sự ban thưởng trọn vẹn, còn những khao khát thanh khiết lại bị đói khát bởi thiếu dưỡng chất? Quy luật chung không phải là như thế. Sẽ không bao giờ xuất hiện một điều kiện như vậy: “Đòi hỏi và được đáp ứng”.

Hãy biết mơ những giấc mơ cao thượng, và giống như những gì bạn mơ ước, bạn sẽ trở nên đúng như vậy. Tầm nhìn của bạn chính là hứa hẹn những gì bạn sẽ trở thành, một ngày nào đó; còn lý tưởng của bạn chính là lời tiên tri những gì cuối cùng bạn sẽ hé lộ trong đời.

Những thành tựu vĩ đại nhất, thuở ban đầu và trong suốt một khoảng thời gian, chỉ là ước mơ. Cây sồi ngủ yên trong hạt cứng; chim non còn đợi chờ trong trứng. Và viễn cảnh cao nhất của một tâm hồn là khi một thiên thần tỉnh giấc khê khàng động cựa. Mơ ước chính là cây non của hiện thực cuộc đời.

Những hoàn cảnh của bạn có thể chẳng lấy gì thích thú, nhưng chúng sẽ không duy trì mãi như thế, nếu bạn có một lý tưởng và vươn lên để chạm tới nó. Bạn không thể bay bổng bên trong khi mà bên ngoài, mọi thứ chôn chân tại chỗ. Dưới đây là ví dụ về một chàng trẻ tuổi bị thúc bách bởi đói nghèo và vất vả. Bó buộc suốt nhiều giờ trong một xưởng nghề tồi tàn; không được học hành và thiếu thốn đủ mọi điều tốt đẹp. Nhưng cậu mơ ước về những thứ tốt đẹp hơn. Cậu nghĩ về sự thông minh, những khả năng tinh vi khéo léo, về sự duyên dáng và cái đẹp. Cậu nhận thức, và dần hình thành trong suy nghĩ một điều kiện sống lý tưởng. Quyền tự do rộng lớn hơn và lối thoát lớn lao hơn dần xâm chiếm cậu; nổi bần chồn thôi thúc cậu hành động, và cậu sử dụng mọi khoảng thời gian cùng mọi phương kế để phát triển mọi sức mạnh cùng năng lực tiềm ẩn bên trong. Chẳng bao lâu, cùng với một trí óc đã biến đổi,

xưởng nghề hạn hẹp không còn giữ chân được cậu nữa. Nó đã trở nên lạc nhịp với não trạng của cậu, đến nỗi nó tuột ra khỏi đời cậu như một chiếc áo ngoài đã bị vứt một bên. Và với những cơ may ngày càng lớn, vừa vận với những nguồn sức mạnh đang dần mở rộng trong mình, cậu đã vượt ra khỏi nơi đó. Nhiều năm sau đó, chúng ta thấy chàng trẻ tuổi này đã là một người đàn ông trưởng thành. Chúng ta thấy chàng là một bậc thầy thao túng những nguồn lực trí não nhất định với ảnh hưởng trên khắp thế giới và quyền lực gần như không gì sánh bằng. Trong tay mình, chàng nắm giữ nhiều trọng trách lớn lao; chàng lên tiếng và biết bao cuộc đời đã được biến đổi; cả đàn ông và đàn bà đều nương theo lời chàng và tự chỉnh đốn nhân cách mình. Như một vầng dương, chàng trở thành trọng tâm bất biến và tỏa sáng, và xung quanh đó là vô số vận mệnh xoay chuyển. Chàng đã trở thành chính viễn cảnh của chàng thời trẻ. Chàng trở thành chính con người lý tưởng mà chàng hằng ấp ủ.

Và bạn cũng vậy, hồi độc giả trẻ tuổi, bạn sẽ nhận thức được tầm nhìn trong trái tim mình (chứ không phải chỉ là một ước nguyện viễn vông lười biếng), là hèn hạ hay cao đẹp, hay là hỗn hợp của cả hai. Bởi bạn sẽ luôn bị hút về phía những gì mà bạn yêu quý nhất, một cách bí hiểm. Bạn sẽ được đặt vào tay những kết quả chính xác mà tư tưởng bạn sinh ra. Bạn sẽ nhận được những gì bạn gắng gỏi kiếm ra, không hơn, không kém. Bất kể môi trường hiện tại của bạn ra sao, bạn sẽ rút xuống, đứng yên hoặc vươn cao với những tư tưởng – với tầm nhìn và lý tưởng của mình. Bạn sẽ co lại thành bé mọn như ham muốn khổng chế bạn; hay sẽ lớn lao như khao khát thống soái trong mình.

Những kẻ vô tri, ngu xuẩn hay khốn cùng, chỉ trông thấy những hiệu ứng bề ngoài của mọi thứ chứ không phải bản thân sự vật ấy, họ chỉ nói về số đỏ, vận may và cơ hội. Thấy ai đó giàu lên, họ nói, “Anh ta thế mà số đỏ!” Thấy

ai đó giỏi giang tài cán, họ trầm trồ, “Anh ta đúng là được trời ưu ái!” Và nhận thấy nhân cách và tầm ảnh hưởng rộng khắp của ai đó, họ bình phẩm, “Lúc nào anh ta cũng có quý nhân phù trợ!” Họ không nhìn thấy những thử nghiệm, thất bại và đấu tranh mà những con người đó phải trải qua để có được ngày hôm nay. Họ không hề hay biết đến những hy sinh mà những con người này phải gánh chịu, về những nỗ lực ngoan cường mà họ đã thực hiện, về niềm tin mà họ trui rèn, nhờ vậy họ có thể vượt qua những gì tưởng chừng như không thể và nhận biết được tầm nhìn trong trái tim mình. Những kẻ thiên cận cũng không hay biết gì về những đận đen tối và những bận đau thương; họ chỉ thấy ánh sáng và niềm vui, và gọi nó bằng cái tên “may mắn”. Họ cũng chẳng hề thấy cả một hành trình đằng đẵng và gian nan, mà chỉ khẳng khẳng nắm lấy mục tiêu viên mãn và gọi nó là “vận may”. Không hề thấu hiểu cả quá trình mà chỉ thấy được mỗi kết quả, họ gán cho nó tên gọi “cơ hội”.

Trong tất cả mọi việc làm của con người đều có nỗ lực, và kết quả. Sức mạnh của nỗ lực đó chính là thước đo cho kết quả. Thay đổi thì không. Tài năng, sức mạnh, tiền tài vật chất, những thành tựu học tập và tâm linh đều là kết quả của những nỗ lực. Chúng chính là những tư tưởng được hoàn thiện, mục tiêu được đạt tới và tầm nhìn được nhận biết.

Viễn cảnh bạn tuyên dương trong trí não mình, lý tưởng bạn phong ngôi chí tôn trong trái tim mình – là những gì bạn xây đắp nên cuộc đời mình; là những gì bạn sẽ trở thành.

VII. Sự Thanh Thản

Sự tĩnh lặng của tâm trí là một trong những món châu báu đẹp đẽ của trí tuệ. Đó là kết quả của nỗ lực dài lâu và kiên trì luyện rèn khả năng tự kiểm soát. Sự hiện diện của nó chính là dấu hiệu chỉ báo cho thấy kinh nghiệm đã chín muồi, sự hiểu biết vượt trên thói tục những quy luật và sự vận hành trong tư tưởng.

Con người sẽ trở nên điềm tĩnh khi anh ta hiểu thấu được rằng mình chính là một bản thể tiến hóa về tư tưởng. Bởi một nhận thức như thế đòi hỏi sự thấu hiểu cả những người khác – như một kết quả của tư tưởng, và trong khi phát triển sự thấu hiểu đúng đắn, và nhìn nhận ngày càng sáng rõ những mối liên đới nội tại giữa các yếu tố dưới tác động của quy luật nhân – quả, anh ta không còn rối rít nặng nề, không còn cấu kình khùng điên, không âu lo và sầu muộn. Anh ta luôn duy trì vẻ đàng hoàng đĩnh đạc, kiên định chắc chắn và bình tâm thanh thản.

Một con người bình tâm, đã học được cách kiểm soát bản thân, biết phải làm thế nào để thích nghi với những người khác. Và ngược trở lại, những người khác lại trọng vọng sức mạnh tinh thần của anh ta. Họ cảm thấy rằng họ có thể học được từ anh ta và nương tựa vào anh ta. Một con người càng trở nên điềm tĩnh bao nhiêu, thì thành công, tầm ảnh hưởng và quyền năng của anh ta càng lớn và trường cửu bấy nhiêu. Kể cả một thương lái bình thường cũng sẽ nhận ra rằng tài lộc kinh doanh của anh ta gia tăng khi anh ta trau dồi khả năng tự kiểm soát và sự điềm tĩnh lớn hơn, bởi thiên hạ sẽ luôn ưu ái làm ăn với một người có lối cư xử chừng mực.

Một con người mạnh mẽ và điềm tĩnh luôn được quý mến và hướng về. Anh

ta tựa một tán cây cho bóng mát giữa một nơi khô cằn khát cháy, hay như một vách hang chõ che giữa cơn giông tố. Ai lại không mến thương một trái tim bình tâm, một tính cách dịu dàng và một đời sống cân bằng? Bất kể rằng trời mưa hay nắng, hay những đổi thay gì có thể xảy ra với những người sở hữu những phước lành như thế, họ sẽ vẫn luôn điềm tĩnh. Nét tính cách tuyệt vời mà chúng ta gọi tên là sự điềm tĩnh ấy chính là bài học sau chót của sự giáo hóa. Đó là hoa nở từ cuộc sống, là quả ngọt của tâm hồn. Nó quý giá sánh ngang với trí tuệ – và đáng khát thèm hơn cả vàng ròng. Những kiểu truy cầu tiền tài đơn thuần, khi sánh với một cuộc sống thanh thản, bỗng trở nên tầm thường đến thế. Đó là một cuộc sống hạnh phúc giữa một đại dương chân lý, ngập lặn dưới những làn sóng dữ dội, vượt xa khỏi mọi bão bùng giông tố, trong một bầu tĩnh lặng vĩnh hằng!

Có biết bao người chúng ta quen biết chỉ biết chuốc cay đổ đắng vào cuộc đời mình, những người phá hỏng tất cả những gì ngọt ngào và đẹp đẽ bởi thứ tính nết sục sôi nông nổi, những kẻ làm hư hoại thế cân bằng nhân cách và tạo ra thứ tính khí tàn tệ! Và người ta đặt ra câu hỏi liệu có phải là đa phần con người phá hoại cuộc sống và làm hỏng hạnh phúc của chính mình bởi họ thiếu khả năng tự kiểm soát. Thật hiếm có những người mà ta gặp trong đời có khả năng cân bằng, những người sở hữu nét tính cách tuyệt vời là đặc điểm sau chót của một nhân cách hoàn thiện.

Quả đúng như thế, nhân loại trôi dạt với khát khao không gì kiềm thúc, đang xô xao hỗn độn bởi nỗi đờn đau không thể kiểm soát, đang bị cuốn đi bởi âu lo và nghi ngại. Chỉ những người thông thái, những người sở hữu tư tưởng có kiểm soát và gạn cho thanh sạch, mới bắt được những gió rít cùng giông tố trong tâm hồn phải phục tùng mình.

Hỡi những tâm hồn điên cuồng hỗn loạn, dù đang ở bất cứ nơi nào, dưới bất

cứ hoàn cảnh nào, bạn cũng phải biết điều này: Trong bể khơi cuộc sống, những đảo nhỏ phước lành đang mỉm cười vẫy gọi và bờ bến tràn nắng của lý tưởng đang đợi chờ bạn tìm đến. Hãy giữ vững bánh lái tư duy. Nơi căn cội trong tâm hồn bạn luôn có sự ngự trị của Bậc thầy chỉ huy; nếu Người đang say ngủ; hãy đánh thức Người. Tự kiểm soát chính là sức mạnh. Tư tưởng đúng đắn chính là bậc chí tôn. Bình thản là quyền năng. Hãy nói với trái tim mình, rằng “Bình yên. Tĩnh lặng lại nào.”

Benjamin Franklin

ĐƯỜNG TỚI GIÀU SANG (1757)

Hoàng Ngọc Bích dịch

Lần đầu tiên tôi xuất bản cuốn Niên giám của mình là vào năm 1732 dưới tên *Richard Saunders*; rồi viết tiếp trong khoảng 25 năm sau đó, và cuốn sách thường được gọi là *Niên giám của Richard Nghèo khổ*. Tôi đã rất nỗ lực viết nên một cuốn sách vừa thú vị vừa hữu ích, nhờ vậy nó đã rất được yêu mến và mang lại cho tôi lợi nhuận khổng lồ khi hàng năm có gần 10 nghìn cuốn được bán ra. Nhận thấy rằng nó được đón nhận rất rộng rãi, (hầu như không có người dân ở bất kỳ vùng lân cận nào trong tỉnh không đọc cuốn sách này,) tôi cho rằng nó là một phương tiện thích hợp để truyền đạt tới dân chúng – những người gần như không mua bất kỳ cuốn sách nào khác. Vì vậy, tôi phủ kín tất cả các khoảng trống giữa những ngày quan trọng trong năm trên lịch bằng những câu cách ngôn, chủ yếu khuyên con người nên cần cù và tiết kiệm để làm giàu, từ đó mới giữ được phẩm hạnh; bởi khi túng thiếu thì khó mà luôn luôn làm người lương thiện được, đúng như câu tục ngữ “Có thực mới vực được đạo.”

Độc giả kính mến,

Tôi nghe nói không có điều gì mang lại niềm vui lớn lao hơn cho tác giả khi những tác phẩm của họ được người đọc trích dẫn một cách đầy tôn trọng. Vậy, hãy xét xem tôi đã sung sướng đến nhường nào trước một sự việc mà tôi sắp sửa kể lại với các bạn sau đây. Một lần, tôi dừng ngựa và hòa vào một đám đông đang tụ tập đấu giá hàng hóa của người thương nhân. Trong khi

chờ đến giờ đấu giá, họ trò chuyện với nhau về thời buổi khó khăn hiện tại; một người quay sang hỏi một ông cụ tóc bạc phơ ăn mặc giản dị và sạch sẽ: “Thưa Cha Abraham, cha nghĩ thế nào về thời cuộc? Liệu những khoản thuế nặng nề như hiện nay có đẩy đất nước đến chỗ diệt vong? Làm sao chúng ta trả nổi? Cha có lời khuyên nào cho chúng con không?” Cha Abraham đứng dậy và trả lời: “Tôi sẽ chỉ đưa ra một lời khuyên ngắn gọn thôi; bởi như Richard Nghèo khổ từng nói, ‘Người khôn nói ít hiểu nhiều.’” Đám đông tụ họp lại mong được lắng nghe lời chỉ dạy của ông.

“Các bạn,” ông nói, “đúng là thuế má rất nặng nề, và nếu chỉ có thuế của chính phủ thôi thì chúng ta đã có thể trả được dễ dàng; nhưng một số trong chúng ta còn phải chịu rất nhiều loại thuế khác kinh khủng hơn. Ta còn bị đánh thuế nặng hơn gấp hai lần vì sự chây lười, gấp ba lần bởi tính tự phụ, và gấp bốn lần cho sự ngông cuồng của chính mình; những thứ thuế này thì đến chính phủ cũng không thể nói lỏng hay bãi miễn được. Tuy nhiên, hãy biết lắng nghe những lời khuyên có lý, may ra mọi chuyện sẽ trở lại tốt đẹp; như Richard Nghèo khổ từng nói, ‘Tự mình phải giúp mình đã, rồi trời mới giúp mình được.’”

I

“Chính phủ của chúng ta bị coi là quá hà khắc khi đánh thuế dân chúng bằng cách yêu cầu họ sử dụng một phần mười thời gian để phục vụ cho hệ thống của mình; nhưng thói chây lười còn đánh thuế chúng ta nặng nề hơn nhiều; sự biếng nhác chỉ dẫn tới bệnh tật, mà bệnh tật thì rõ ràng sẽ rút ngắn cuộc đời của chúng ta.”

“‘Sự lười biếng, giống như rỉ sét, bào mòn con người nhanh hơn lao động; chiếc chìa khóa phải thường xuyên được sử dụng mới thành ra sáng bóng được,’ Richard Nghèo khổ đã nói như vậy. ‘Nhưng bạn có yêu cuộc sống

không, nếu có thì hãy đừng phung phí thời gian, bởi thời gian chính là chất liệu tạo nên cuộc sống,’ như Richard Nghèo khổ nói. Chúng ta tiêu tốn quá nhiều thời gian vào việc ngủ, mà quên mất rằng ‘cáo ngủ chẳng bắt nổi gà, đợi đến lúc xuống mồ rồi tha hồ mà ngủ,’ Richard Nghèo khổ đã nói vậy đấy.”

“Nếu thời gian là thứ quý giá hơn cả thì theo Richard Nghèo khổ, ‘phung phí thời gian chính là thói ngông cuồng nhất trên đời!’, bởi như một lần khác ông cũng nói, ‘Thời gian đã qua thì không thể lấy lại; và những khi ta nghĩ rằng mình có đủ thời gian, thì thực ra lại chẳng thấm vào đâu.’ Vì vậy, hãy nhắc tay nhắc chân lên mà làm, và làm có mục đích; nếu cần cù, ta sẽ làm được nhiều hơn và thuận thực hơn. ‘Thói lười biếng khiến mọi thứ đều trở nên khó khăn, nhưng nếu chăm chỉ thì việc gì cũng dễ dàng; kẻ dậy muộn làm việc quần quật cả ngày cũng không xong, có khi đến đêm vẫn phải nai lưng ra làm. Cứ lè mề, lười biếng rồi chẳng mấy mà thành ra nghèo khổ. Phải biết kiểm soát công việc, đừng để chúng kiểm soát mình; ngủ sớm, dậy sớm giúp con người khỏe mạnh, giàu có và khôn ngoan,’ Richard Nghèo khổ bảo vậy.

“Vậy điều gì thể hiện mong muốn và hy vọng vào một thời cuộc tốt đẹp hơn? Chúng ta có thể cải thiện thời cuộc nếu chúng ta tự mình làm mọi việc. ‘Những ai chăm chỉ sẽ chẳng cần phải chờ mong vào điều gì, còn kẻ nào suốt ngày chỉ biết ước ao thì chẳng mấy rồi cũng chết gục. Có khó nhọc rồi mới thành công; và cũng cần sự giúp đỡ nữa, vì tôi chẳng hề có đất đai’ mà nếu có thì cũng bị đánh thuế rất nặng. ‘Kẻ có nghề sẽ có đất đai; kẻ có nghiệp sẽ được giàu có và vinh danh,’ như Richard Nghèo khổ đã nói; nhưng phải làm việc thì đất đai và công việc mới giúp ta trả tiền thuế được. Siêng năng thì chẳng bao giờ chết đói; bởi ‘đến nhà của người lao động, cái đói chỉ dòm ngó chứ không dám bước chân vào.’ Ngay cả những chấp hành viên tòa án hay cảnh sát cũng không gây khó dễ, bởi ‘cần cù sẽ hết nợ, còn tuyệt vọng sẽ chỉ

thêm chồng chất nợ nần mà thôi.’ Anh không thể tìm được vàng bạc châu báu, và cũng chẳng có người bà con giàu có nào để lại gia tài cho anh đâu; ‘Hãy cứ chịu khó rồi sẽ gặp vận, siêng năng rồi sẽ có tất cả. Hãy cày bừa chăm chỉ, mặc kệ những kẻ lười biếng ngủ vùi, rồi anh sẽ có lúa ngô đầy nhà.’ Việc của hôm nay thì hãy hoàn thành trong hôm nay, bởi biết đâu ngày mai sẽ có chuyện cản trở công việc. Richard Nghèo khổ đã nói, ‘Một ngày hôm nay đáng giá bằng hai ngày mai’; thêm nữa, ‘Việc hôm nay chớ để ngày mai.’ Thử đặt địa vị mình là một người hầu, anh có thấy xấu hổ không khi để người chủ tốt bắt gặp mình đang ngồi không rồi việc? Khi đó, chẳng phải anh chính là chủ nhân của chính mình hay sao? Hãy biết xấu hổ khi nhận ra chính mình đang ăn không ngồi rồi, trong khi có bao việc cần làm cho bản thân, cho gia đình, cho đất nước, và cho đức vua của mình. Nhớ rằng phải biết chịu khó, chịu khổ; bởi ‘muốn ăn sim chín phải vào rừng xanh,’ như Richard Nghèo khổ đã nói. Đúng, có rất nhiều việc phải làm, mà sức lực thì có hạn; nhưng cứ làm đều đặn rồi sẽ thành công; bởi ‘Nước chảy đá mòn; kiến tha lâu cũng đầy tổ; và có công mài sắt, có ngày nên kim.’”

“Tôi có nghe vài người nói, ‘VẬY con người ta không được nghỉ ngơi lúc nào sao?’ Bạn của tôi, để tôi nói cho anh điều Richard Nghèo khổ đã dạy, ‘Nếu muốn được nghỉ ngơi thì hãy sử dụng thời gian cho hiệu quả; không sử dụng tốt được một phút thì một giờ đồng hồ cũng sẽ là lãng phí.’ Thời gian rảnh rỗi là để làm việc có ích; thứ rảnh rỗi này chỉ người siêng năng mới có được, còn kẻ lười nhác thì không; bởi ‘Cuộc đời thành thơi và cuộc đời lười biếng là hoàn toàn khác nhau. Nhiều kẻ không lao động mà chỉ sống nhờ mưu mẹo; nhưng rồi cũng sẽ khốn đốn thôi’; còn tính cần cù sẽ mang lại sự an nhàn, sung túc và tôn trọng. ‘Tránh xa lạc thú thì chúng sẽ chạy theo mình. Cứ chăm chỉ rồi sẽ thành công; khi đã có của ăn của để thì ngày mai sẽ được đảm bảo.’

II

“Nhưng chăm chỉ cũng chưa đủ, ta phải vững vàng, chín chắn, cẩn trọng, tự xem xét vấn đề của mình và đừng quá tin tưởng kẻ khác; bởi như Richard Nghèo khổ đã nói:

Tôi chưa từng thấy cây bật rễ

Hay người sống nay đó mai đây

Mà lại có một gia đình ổn định.

Cũng như, ‘Ba lần chuyển nhà như một lần cháy nhà’; ‘Chăm lo cho cửa hàng, rồi cửa hàng sẽ nuôi lại mình’; ‘Muốn xong việc thì hãy tự mình làm, còn không hãy cứ sai kẻ khác làm thay.’ Và,

Phàm đã làm nghề nông

Thì phải tự chăn trâu cấy cày.

‘Ở người chủ thì một con mắt bằng hai bàn tay’, ‘Thiếu thận trọng nguy hại hơn là thiếu kiến thức’.”

“Quá tin tưởng người khác là nguy hại đủ đường; bởi ‘Trên đời này, con người được cứu rỗi không phải nhờ niềm tin, mà nhờ mong muốn có được niềm tin. Tự mình lo việc của mình là tốt nhất; bởi nếu muốn có một kẻ đầy tớ trung thành thì hãy tự mình làm đầy tớ cho mình. Chỉ cần chút lơ là thôi cũng đủ dẫn đến mối nguy khôn lường; thiếu cái đỉnh thì không còn là móng ngựa; thiếu móng ngựa thì không còn là con ngựa, và thiếu con ngựa thì không còn là người đưa ngựa’; để rồi bị đối thủ vượt qua và đè bẹp chỉ vì thiếu một chiếc đỉnh móng ngựa.

III

“Nãy giờ chúng ta đã bàn quá nhiều về tính cần cù và lo toan công việc của bản thân; nhưng muốn chắc chắn thành công thì cần thêm một đức tính nữa, đó là tiết kiệm. Nếu không biết vừa làm lụng vừa tích cóp, con người ta sẽ phải ‘cả đời làm việc không ngừng đầu lên được, để rồi cuối đời chả còn lấy một xu’; và

Bao cơ nghiệp đã bị tiêu hoang,

Đàn bà mãi uống trà mà quên dệt vải,

Đàn ông mãi rượu chè mà quên đốn củi.

‘Nếu muốn giàu sang, hãy biết đường vừa tiêu xài vừa tích cóp. Vùng Indies chẳng giúp Tây Ban Nha giàu lên nổi, bởi nơi đây chi nhiều hơn thu.’

“Vì vậy, hãy tránh xa những thói xa xỉ để không phải kêu ca khi gặp thời buổi khó khăn, thuế khóa nặng nề và gánh nặng gia đình; bởi:

Rượu chè và phụ nữ, mảnh lời và chơi bời

Rồi cũng thành khuynh gia bại sản.

Thêm vào đó, ‘Tiền tiêu cho một thói xấu là thừa đủ để nuôi hai đứa con.’ Anh có thể cho rằng thêm chút trà, chút rượu, ăn uống thêm chút thịnh soạn, mặc đồ thêm chút xa hoa, và thỉnh thoảng thêm chút giải trí cũng chẳng thành vấn đề; nhưng hãy nhớ rằng, ‘Tích tiểu thành đại.’ Hãy cẩn thận với những khoản chi nho nhỏ; bởi như Richard Nghèo khổ đã nhắc đi nhắc lại, ‘Lỗ nhỏ đả thuyền’, ‘Miệng ăn núi lở’. Tất cả các bạn đến đây để mua những thứ đồ từ lặt vặt đến xa hoa. Các bạn gọi chúng là hàng hóa; nhưng nếu không cần

thận, chúng sẽ thành ra tai hại. Các bạn trông mong rằng chúng sẽ được bán với giá bèo bọt, rẻ hơn cả giá trị thực của chúng; nhưng chúng sẽ thành ra đắt đỏ nếu bạn mua về mà chẳng bao giờ dùng đến. Hãy nhớ lời Richard Nghèo khổ đã dạy, ‘Cứ mua những thứ không để làm gì, rồi chẳng mấy mà sẽ phải bán hết đồ đạc thiết yếu trong nhà.’ Và nữa, ‘Khi gặp món hời, hãy suy nghĩ kỹ’; ý ông là, có thể cái giá rẻ mạt đó chỉ là bề ngoài chứ không phải thực chất; những món hời kia có thể sẽ khiến người ta điêu đứng, lợi nhiều hơn hại. Ông cũng từng nói, ‘Không ít kẻ đã khuynh gia bại sản vì mờ mắt trước những món hời.’ ‘Trả tiền để mua về sự hối hận thì thật không gì ngu ngốc bằng’; vậy mà sự điên rồ ấy vẫn diễn ra hàng ngày tại các phiên đấu giá, bởi những kẻ đó đã không chịu nhập tâm cuốn *Niên giám*. Nhiều kẻ chỉ vì chưng diện mà phải chịu cái bụng lép kẹp và khiến cả gia đình chết đói. ‘Nhưng lựa gấm vóc rồi cũng chỉ làm mồi cho lửa,’ Richard Nghèo khổ đã nói vậy. Đó không phải là những thứ tối cần thiết trong cuộc sống; và cũng chẳng thể được gọi là tiện nghi; vậy mà biết bao kẻ chạy theo cái vẻ ngoài hào nhoáng, đẹp đẽ của chúng! Chính vì những thói tiêu pha hoang phí này mà bao kẻ thượng lưu đã khánh kiệt, buộc phải vay mượn của những người mà mình ghét cay đắng; những người này nhờ cần cù và tiết kiệm nên đã giữ vững được vị thế của mình. Thật rõ ràng như Richard Nghèo khổ đã nói, ‘Nông dân đứng thẳng còn hơn quý tộc cúi đầu.’ Có thể họ còn chút tài sản sót lại, nhưng cũng không biết cách khai thác; họ cho rằng ‘Ba mươi chưa phải là Tết;’ rằng tiêu pha chút ít như vậy thì chẳng đáng gì; nhưng như Richard Nghèo khổ đã nói ‘cứ lấy gạo ra hàng ngày mà chẳng bao giờ đổ vào thềm thì chẳng mấy mà chạm đáy thùng;’ và ‘được mùa chó phụ ngô khoai, đến khi thất bát lấy ai bạn cùng.’ Nhưng nếu chịu nghe lời chỉ dạy của ông thì họ đã chẳng đến nông nỗi này. ‘Nếu muốn biết giá trị của đồng tiền thì hãy thử đi vay; bởi vay nghĩa là mua bất hạnh cho bản thân,’ như Richard Nghèo khổ đã nói. Đúng như vậy, có vay thì phải có trả. Richard Nghèo khổ nói thêm:

Thói xa hoa quả là đại họa;

Ngó hầu bao kéo thành sa đọa.

Tính tự phụ cũng giống kẻ ăn mày, nhưng còn xấu xa hơn nhiều. Mua một rồi phải mua mười để bề ngoài được đồng bộ; nhưng Dick Nghèo khổ đã nói, ‘Kiềm chế ham muốn đầu tiên dễ hơn nhiều so với việc thỏa mãn tất cả những gì phát sinh sau nó. Đã nghèo mà còn học làm sang, thật chẳng khác gì con ếch cố trương to để được như con bò.’

Có tàu lớn hăng ra khơi

Tàu nhỏ cứ đậu ở nơi gần bờ.

“Tuy nhiên, sự ngông cuồng ấy sẽ nhanh chóng bị trừng phạt; bởi như Richard Nghèo khổ đã dạy, ‘Thói kiêu căng bắt đầu từ xa hoa, rồi kết thúc bằng khinh miệt.’ Nói cách khác, ‘Tính tự phụ sẽ bắt đầu bữa sáng bằng sung túc, bữa trưa với nghèo khổ và bữa tối đầy nhục nhã.’ Xét cho cùng, cái sự khoe khoang kiểu cách này là để làm gì, để rồi phải chịu đựng rủi ro nhiều đến vậy? Nó không tăng cường sức khỏe, cũng chẳng giảm bớt ốm đau; nó không làm nên phẩm chất con người, mà chỉ gây thêm đổ kỵ và rủi ro.”

“Nhưng phải mất trí đến mức độ nào mà lại chịu nặn chồng chất để có được những thứ vô dụng này? Tại phiên đấu giá này, họ đưa ra thời hạn nợ là sáu tháng; có lẽ chính điều đó đã thúc đẩy chúng ta đến tham dự, bởi chúng ta không sao có thể để dành số tiền sẵn có trong tay, và cho rằng mình vẫn sống được mà không có nó. Chà, nhưng hãy nghĩ xem anh đã làm gì khi mắc nợ: anh trao quyền tự do của mình cho kẻ khác! Nếu anh không trả nợ được ngay, anh sẽ lấy làm xấu hổ khi gặp chủ nợ; anh sợ hãi khi nói chuyện với họ; anh phải đưa ra những cái cớ khó nghe, đáng thương hại, rồi dần đánh

mất bản tính trung thực của mình và bắt đầu nói dối trắng trợn; bởi như Richard Nghèo khổ đã nói, ‘Xấu nhất là mắc nợ, xấu nhì là dối trá,’ và ‘Nợ nần tất sinh ra gian dối’, còn một người tự do thì chẳng việc gì phải hổ thẹn hay sợ hãi khi gặp và nói chuyện với bất kỳ người nào khác. Nhưng cái nghèo thường tước khỏi con người ta mọi phẩm hạnh và đạo đức. ‘Có thực mới vực được đạo.’ Các bạn sẽ nghĩ sao về một đức vua hay một chính phủ ban hành chỉ dụ cấm người dân không được ăn vận sang trọng, nếu không sẽ phải ngồi tù hoặc lao động khổ sai? Hẳn các bạn sẽ nói rằng các bạn là người tự do, có quyền mặc những gì mình muốn, rằng đạo luật ấy sẽ làm tổn hại đến quyền lợi của các bạn, rằng chính quyền ấy thật chuyên chế, bạo ngược. Ấy vậy mà các bạn đang sắp sửa đẩy chính mình vào ách chuyên chế ấy bằng việc mang công mắc nợ chỉ vì thứ quần áo như vậy! Nếu muốn, chủ nợ có quyền lấy đi sự tự do của các bạn bằng cách đẩy các bạn vào án tù chung thân hoặc bán các bạn như một đám nô lệ nếu các bạn không trả hết nợ. Khi đã có được món hời, có lẽ các bạn chẳng nghĩ nhiều đến khoản tiền phải trả; nhưng như Richard Nghèo khổ đã nói, ‘Chủ nợ nhớ dai hơn con nợ; họ chỉ chăm chăm theo dõi thời hạn đã định.’ Ngày đó đến mà bạn chẳng nhận ra, rồi bạn bị thúc nợ mà chưa sẵn sàng trả. Còn nếu bạn luôn canh cánh món nợ trong đầu thì thời hạn dài đằng đằng ban đầu sẽ chẳng mấy mà thành ra cực kỳ ngắn ngủi. Thời gian như mọc cánh. ‘Kẻ nào phải trả nợ Tết thì tháng Chạp sẽ rất ngắn ngủi.’ Ngay bây giờ, các bạn có thể cho rằng mình đang phát tài, rằng mình có thể rộng rãi tiêu pha mà chẳng cần lo lắng; nhưng,

Hãy dành dụm cho tuổi già thiếu thốn;

Chẳng mặt trời nào sáng thâu đêm,

“Lợi nhuận chỉ là tạm thời và không đảm bảo; nhưng chi tiêu thì thường xuyên và chắc chắn; ‘Xây hai lò sưởi dễ hơn kiếm đầy củi cho một lò sưởi,’

vì vậy, ‘Thà nhin đói đi ngủ còn hơn thức dậy trong nợ nần chồng chất,’ như Richard Nghèo khổ đã dạy.

Làm tất cả những gì có thể;

Và đá rồi sẽ hóa vàng.

Khi đã có được viên đá phù thủy ấy, chắc chắn bạn sẽ không phải khốn đốn khi thất thế, hay lo lắng thuế khóa nặng nề.

IV

“Hỡi các bạn, bài học này rất lý trí và khôn ngoan; nhưng xét cho cùng cũng đừng cậy quá vào sự siêng năng, cần kiệm và thận trọng của bản thân, dù đó là những đức tính rất đáng trọng; bởi nếu không được trời ban phước thì chúng cũng đến thui chột mà thôi. Bởi vậy hãy khiêm nhường xin trời ban phước, và đừng ngoảnh mặt làm ngơ những người khốn khó, mà hãy an ủi và nhắc nhở họ rằng phải khổ sở rồi mới được sung túc.

“Nói tóm lại, ‘Trải nghiệm là một trường học đáng giá, nhưng những kẻ ngu ngốc thì sẽ chẳng bao giờ học hỏi,’ Richard Nghèo khổ đã dạy như thế, rằng ‘Chỉ có thể cho lời khuyên chứ không làm hộ được.’ Tuy nhiên, cũng phải nhớ lấy: ‘Kẻ không chịu học thì chẳng thể cứu vãn nổi,’ và rằng ‘Nếu không chịu lắng nghe lý trí thì sẽ bị chính nó trừng phạt.’”

Đến đây, cụ già kết thúc bài diễn thuyết của mình. Những người xung quanh đã lắng nghe, gật đầu trước lời dạy bảo, rồi ngay lập tức làm ngược lại hoàn toàn, như thể họ vừa nghe một bài thuyết giáo dài dòng vậy. Ngay khi buổi đầu giá bắt đầu, họ mua gom vô độ, mặc kệ những lời cảnh báo của cụ già và nỗi lo thuế khóa của bản thân. Tôi hiểu rằng cụ già ấy đã nghiên cứu kỹ lưỡng cuốn Niên giám của tôi, và tiếp thu trọn vẹn những gì tôi đã ghi lại về

những chủ đề này trong suốt quãng thời gian 25 năm. Những câu trích dẫn thường xuyên ấy hẳn đã làm mọi người phát ốm, nhưng niềm hãnh diện của tôi thì lại lớn lao thêm rất nhiều, dù tôi nhận thức được rằng chưa đến một phần mười những lời vàng ngọc ấy là của tôi như ông cụ đã gán cho, mà thực ra là thứ kiến thức tôi lượm lặt được từ tinh hoa nhân loại. Tuy nhiên, tôi quyết định thu thập lại để tạo tiếng vang cho cuốn sách; và dù ban đầu tôi đã định sẽ thay cho nó một cái tên mới, nhưng rồi tôi bỏ đi, quyết rằng mình sẽ giữ cái tên ấy thêm thời gian nữa. Hỡi bạn đọc, nếu bạn cũng làm điều tương tự thì sẽ thu được cái lợi lớn như của tôi vậy.

Richard Nghèo khổ.

Ngày 7 tháng 7 năm 1757

Dự án 1.000.000 ebook cho thiết bị di động

Phát hành ebook: <http://www.taisachhay.com>

Tạo ebook: Tô Hải Triều

Ebook thực hiện dành cho những bạn chưa có điều kiện mua sách.

Nếu bạn có khả năng hãy mua sách gốc để ủng hộ tác giả, người dịch và Nhà Xuất Bản